N. 146 Janvier 1930

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

GƯƠNG NƯỚC NHẬT (1)

Một nhà trước-thuật có tài, thường viết những bài báo ký hiệu là JACQUES DANLOR, bài nào cũng có tư-tưởng rộng-rãi và có cảm-tình thâm-trầm với người An-Nam, chính là tay trạng-sư có tiếng ở Sài-gòn, bây giờ về nghỉ bên Pháp, tên là GEORGES GARROS, và là thân-sinh của tướng tàu bay ROLAND GARROS đã bị chết trận một cách oanh-liệt năm xưa ; trong một bài báo nọ, ông có khuyên kẻ thượng-lưu tri-thức nước Nam một câu như sau này, lời-lẽ cao thượng mà ý-tứ thiết-tha biết chừng nào :

« Hỡi các bạn Việt-Nam, hiện nay đương khao-khát muốn được cái vinh-diệu có ngày làm dân một nước tự-trị, các bạn nên lấy hai quyển sách sau này làm kinh nhật-khóa, hằng ngày tụng-niệm để học khôn ở đời : một là sách luân-lý của ông thánh Khổng, để học lấy cái đạo làm người ; hai là sử duy-tân của nước Nhật-bản, để học lấy cái đạo trị nước. Các bạn nên đem tâm-hồn mà tiêm-nhiễm lấy cái đạo-đức của ông hiền-triết thiên-cổ kia, mà soi chiếu vào cái gương sáng của cái dân-tộc vẻ-vang này, người kia nước này đối với các bạn vốn có cái quan-hệ đồng-chủng đồng-văn vậy. Các bạn cứ làm như thế, rồi tức-khắc cái tiền-đồ còn mờ-ám sẽ thấy sáng sủa ra ngay, thẳng đưa đến cõi hi-vọng. »

Đạo-đức ông Khổng, nếu biết phục-hồi lại cái cổ-nghĩa, san bỏ cả những lời biện-nạn phiền-toái của các hậu-nho làm cho sai mất bản-ý đi nhiều, thời ngày nay còn có thể đem ra ứng-dụng được, còn có thể dạy khôn cho người đời trong đạo xử-thế được ; vấn-đề đó tôi đã từng có dịp bàn xét rồi (2).

Nay muốn bình luận về câu của ông JACQUES DANLOR vừa dịch trên kia, mà xét xem trong cuộc tiến-hóa của dân-tộc ta hiện nay đương nhờ nước Pháp chủ-trương phù-trợ, có thể theo gương nước Nhật mà bắt-chước được điều gì, không phải chỉ về một phương-diện vật-chất kinh-tế, mà thứ nhất là phương-diện tri-thức tinh-thần, nước ấy trong khoảng năm mươi năm, đã điều-hòa dung-hóa được cả các lý-tưởng Đông Tây, thật khiến cho ta nên trông đó mà noi theo vậy.

Nước Nhật cũng như nước Nam, là một cổ-quốc Á-châu, cần phải đổi mới cho hợp với cách sinh-hoạt đời nay. Sự cải-cách duy-tân đó, nước ấy đã làm được trọn-vẹn, thật là thập-phần hoàn-hảo ; trong một thời-kỳ rất ngắn, làm nên một cuộc biến-cách rất sâu-xa, xét lịch-sử cổ-kim, thật chưa từng thấy thế bao giờ ; không những cải-

1) Xem bài Pháp-văn ở phần Phụ-trương dưới.

(2) Xem sách « Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng » *Nam-Phong Tùng-Thư*).

cách mau mà trong khi cải-cách, thủy chung biết khéo lợi-dụng các phương-tiện, khéo trông rõ nơi mục-đích.

Nước Nhật sở-dĩ làm được thành-công, gây nên sự-nghiệp duy-tân như thế, lớn-lao vô-cùng, rực rỡ vô-cùng, thật trong lịch-sử loài người mới có là một, là vừa bởi nguyên-nhân ở ngoài, vừa bởi nguyên-nhân ở trong : nguyên-nhân ở ngoài là thuộc cái địa-thế đặc-biệt của nước ấy, nguyên-nhân ở trong là vừa thuộc tâm lý dân ấy, gồm những đức-tính hay cùng tư-cách tốt của chủng-tộc, vừa thuộc lịch-sử dân ấy, trong hơn hai-mươi thế-kỷ cứ tuần-tự phát-đạt, bằng-phẳng điều-hòa, không từng gặp lắm phen đảo-điên dao-động.

Nước Nhật nhờ được cái địa-thế là một đảo-quốc, ở về cuối cõi Á-châu, nên không bị các ngoại-tộc trong đại-lục xâm-lấn. Lại cũng nhờ đó mà thành như một chốn sưu-tập, một nơi tụ-hội, một kho bảo-tàng, để đón lấy, chứa lấy tất cả các phong-trào tư-tưởng đã tràn qua lục-địa mà truyền sang, đến đấy thời như đến cõi Bồng-lai, gặp được cái hoàn-cảnh, cái không-khí rất tiện-lợi cho dung-hòa kết-tinh lại vậy. Nào là đạo Khổng, đạo Phật, đạo Lão, đạo Chu, Trình, Vương, Lục, hình như hẹn nhau mà đến họp cả ở nơi Bồng-đảo đó, cùng nhau họa một bài nhạc êm-đềm, mà chủ-trương cuộc hòa-nhạc đó chính là nữ-thần Thái-dương nước Nhật kia, đứng trên núi Phú-sĩ cao-xa mà cầm dịp gõ phách theo cái cổ-điệu « thần-đạo » (*shinto*) vậy.

Trong khi nước Nam ta liên-tiếp với nước Tàu, mấy mươi phen bị người Tàu xâm-lấn, nội-thuộc Tàu hơn mười thế kỷ, không bao giờ thoát được hẳn cái ách của kẻ cường-lân, thời nước Nhật chỉ tiếp-thụ của Tàu vừa đủ cái nguyên-liệu cần-dùng để tự mình gây-dựng lấy, tự mình phát-siển lấy các năng-lực cố-hữu của mình vậy. Chỉ thâu-thái lấy cái gì thích-hợp với mình mà thôi, còn cái gì trái với tinh-thần của mình thời bài-bỏ đi hết. Cứ xem cái cách người Nhật dung-hòa được cái tinh-túy trong các học-thuyết tôn-giáo cổ của Á-châu thì đủ biết vậy.

Như trong đạo Khổng thì nước Nhật chỉ lấy cái phần đạo-đức thuần-túy, còn phần chính-trị cùng những chế-độ do đó mà ra, thì nhất-thiết bỏ hết, nhất là cái chế-độ khoa-cử đã di-hại cho nước Tàu, nước Nam, cho chi nước Cao-ly biết bao nhiêu mà kể. Chế-độ khoa-cử là một cái chế-độ lung-lạc tinh-thần người ta bằng một cái học phiền-toái, bằng một cách giáo-dục thuần dùng trí nhớ, chỉ chủ có một cái mục-đích, là dạy cho thuộc nhiều chữ sách để đi thi mà thôi. Chế-độ đó ở nước Nam này khuếch-trương ra thành một cái đại-điển của quốc-gia, rất thịnh-hành, rất long-trọng, khiến cho bao nhiêu kẻ thượng-lưu tri-thức trong nước chỉ khuynh-hướng cả về một đường đi thi để làm quan, cho là ngoại-giả không còn nghề gì xứng-đáng nữa, và phàm học-vấn chỉ quanh-quẩn trong mấy pho kinh-truyện, đời ấy sang đời khác bàn đi giải lại, biện-nạn chú-thích hoài, cho là ngoại-giả không còn cái gì đáng nghiên-cứu nữa. Chế-độ ấy vào trong tay người cầm quyền, hoặc là vua-chúa, hoặc là kẻ tiếm-nghịch, kẻ quyền-thần, thành một cái lợi-khí chính-trị rất mạnh để đàn-áp kẻ thức-giả

Ngoài con đường khoa-cử không còn có lối nào mà xuất-thân nữa, mà khoa-cử thì do quyền chính-trị qui-định rất nghiêm, thành ra không có cái học tự-do, cái học ngoài mục-đích thi-cử nữa, mà cả nước ví như một trường thi lớn, bao nhiêu nhân-tài đổ xô cả vào đây, để tranh-khôi đoạt-giáp, cầu lấy chút ơn vua lộc nước làm danh-dự, mà nào

có mấy khi được, vì người thì vô-hạn và kẻ đậu có chừng vậy.

Còn những trước-tác của các học-phái ngoài phái nhà nho, thời tuyệt-nhiên không ai biết đến. Ngay trong Nho-giáo, hoặc có thuyết nào hơi sai-biệt với thuyết « chính-truyền » của Quốc-gia đã công-nhận (tức là cái học Chu-Trình), học-giả cũng không hề để ý đến ; như phái Vương Dương-Minh, là một nhà triết-học đời Minh, về thế-kỷ thứ 15, người Nhật gọi là OYOMEI, xướng lên cái thuyết « tri - hành hợp-nhất » (biết với làm là một, biết đến nơi tất làm được, làm được tất phải biết), thuyết này ảnh-hưởng ở Nhật sâu-xa lắm, mà ở nước Nam mãi đến gần đây tịnh không ai biết.

Nói tóm lại thời cái lối khoa-cử của phái nhà Nho thật là tệ-lại vô-cùng, đem một cái đạo rất cao-thượng mà lạm-dụng về chính-trị, về giáo-dục sai-lầm. Nay cái tệ-đoan đó, nước Nhật tuyệt-nhiên không mắc, chỉ biết hưởng-thụ những cái hay của đạo Khổng, mà không phải chịu-đựng những cái dở của đạo Khổng.

Đối với đạo Lão cũng vậy : phàm những mậu-thuyết đã làm cho đạo này biến thành một đạo thần-tiên mê-tín, nhất-thiết bỏ cả, mà chỉ giữ lấy cái chủ-nghĩa khao-khát lý-tưởng, ham muốn tuyệt-đích, yêu-chuộng thiên-nhiên, trọng sự thuần-túy tự-nhiên đối với những lễ-văn kiểu-sức, mến tự-do mà ưa thần-bí, đó là mấy cái đặc-sắc của tư-tưởng họ Lão họ Trang, và tức là một cái nguồn sâu của mĩ-thuật Đông-Á vậy.

Sau đến đạo Phật, thời người Nhật cũng thâu được cái tinh-túy, nhiễm được những lý-tưởng tu-luyện từ-bi, trầm-tư mặc-tưởng, nhập-định tinh-tiến, mà phát-đạt nhất là về phái Thiền-tôn (tiếng Nhật là *Zen*), phái này có ảnh-hưởng rất sâu-xa ở nước Nhật, không những về đường mĩ-thuật mà cả về cách sinh-hoạt trong dân-gian nữa.

Ngoài cái gốc tinh-thần đằm-thắm tự nơi nguồn sâu của tư-tưởng Á-châu đó, người Nhật lại phụ đắp thêm bằng cái quốc-túy riêng của mình nữa : quốc-túy ấy là đạo « thần-đạo » (*shinto*) thờ các quốc-thần quốc-tổ ; đạo « võ-sĩ » (*bushido*) là đạo danh-dự nghĩa-hiệp ; lòng ái-quốc trung-quân, lấy Thiên-hoàng làm biểu-hiệu cho quốc-gia, nối-dõi quốc-thống tự hai-mươi-lăm thế-kỷ đến giờ truyền mãi không dứt ; lòng yêu-mến quê-hương đất - nước, coi như một cõi thần-châu linh tú, không bao giờ bị kẻ dị-tộc dày-sẻo, tựa như trời dành làm nơi sinh-trưởng cho một giống người tuấn-kiệt vậy.

Cái đất đã vun-xới kỹ-càng như thế, phần thì bón bằng chất tốt của cả một đại-châu, phần thì do công-phu tài-bồi của cả một dân-tộc mạnh-bạo gan-góc, hăng-hái cần-cù, đến mấy năm đầu hậu-bán thế-kỷ thứ 19 thời bạt giống văn-minh Thái-Tây mới đem truyền sang ; không đầy năm-mươi năm, tươi-tốt mọc mầm, sinh hoa kết quả, sầm-uất rực-rỡ cho đến nỗi cả thế-giới phải kinh-phục.

Ngay từ khi mới mở cửa bể cho người ngoại-quốc thông-thương, nước Nhật đã biết ngay chỗ khuyết-điểm của mình, biết rằng mình kém người là nguy hiểm cho mình, nên nhờ được một bọn thượng-lưu sáng-suốt xướng-suất chủ-trương, bèn thu-thập cả tinh-lực lại, quyết chí ra tay thu-hoạch cho được cái khoa-học của Thái-Tây kia, là nguồn mọi sự phú-cường ở đời này. Chế máy-móc, chế binh-khí, sắp-đặt các dụng-cụ trong nước theo những sự phát-minh canh-cải tối-tân của khoa-học, của kỹ-nghệ. Nhất-đán trở nên cường-thịnh, cũng mạnh bằng và có lẽ lại mạnh hơn cả các thầy ngoại-quốc đã dạy cho mình các phương-thuật đó.

Trong cái sự-nghiệp tái-tạo lớn-lao đó, nếu nước Nhật không đã có sẵn một cái kho báu tinh-thần tích-lũy tự mấy mươi đời rồi, thì sao mà làm được thành-công như thế ?

Ta xem gương nước Nhật ta nghiệm được điều đó, đủ làm bài học cho ta : cuộc cải-cách duy-tân nước Nhật năm 1853-1868, thật không phải là một cuộc cách-mệnh, chính là một cuộc phục-hưng vậy.

Vậy thời chúng ta đây, noi theo gương đó, nhờ được cái tinh-thần sáng-sủa của nước Pháp làm hướng-đạo cho ta, nếu ta biết tỏ rõ tương-lai mà điều-hòa cả ký-vãng cùng hiện-tại, thời ta cũng có thể ra công phục-hưng cho nước nhà được.

THƯỢNG-CHI

BÔNG HOA ĐUA NỞ

(Tập học làm văn)

Hai năm về trước, tôi có làm bài tựa cho một tập học làm văn của người học-trò gái nhan là « Bông hoa đầu mùa » (Nam-Phong số 118, 125). Khi ấy rồi, cũng nghĩ « Bông hoa đầu mùa » đã ra thì hẳn đến đương mùa chắc sẽ được sinh nhiều nở thinh. Không ngờ tác-giả tập văn kia lại phải xa cách đất Phương-thành, xa cách học-xá Tri-đức. Rồi thì từ đấy trong cái vườn hoa văn-chương của học-xá đã vắng thưa vẻ thanh-tân kiều-diễm mà cũng chưa có cái bông hoa nào tiếp-tục cho cái « bông hoa đầu mùa » nọ. Câu thơ : « Thành Trúc từ đây đã vắng Mai » là tôi có ngụ cái ý tiếc đợi đó.

Chợt hôm nay lại được đọc tập văn này thì cái lòng mong-mỏi của người trồng hoa lâu nay đã được thỏa một đôi phần rồi.

Tác-giả là Mộng-Tuyết, tập văn lại tự-nhan là « Bông hoa học nở » thủ-nghĩa rằng : nhân có cái « bông hoa đầu mùa » mà nay mới có cái bông hoa này thì cái bông hoa mùa sau, sao dám sánh được bông hoa mùa trước ; ý khiêm-cung mà nhã-thú là chừng nào !

Nhưng khi đưa tôi xem mà xin làm cho bài tựa thì tôi lại không đành để chữ « học nở » mà đổi làm « đua nở » là phải hơn, vì nghĩ rằng : Chim cùng đàn, đua nhau cùng hót, tiếng hót mới hay ; hoa cùng vườn, đua nhau cùng cười, vẻ cười sẽ đẹp. Chữ « đua » kia há phải ý so-sánh cạnh-tranh đâu !

Vườn Tri-đức « bông hoa đua nở »,
Sắc hương cùng một lứa thanh-tân.
Trước sau dầu có hai lần,
Mà trong khí-vị tinh-thần khác chi !

Còn về phần văn-thể văn-ý trong tập này, muốn đem so với tập văn trước thì đã đành là còn kém về vẻ tươi-đẹp dịu-dàng, nhưng thực còn hơn về phần chín-chắn hồn hậu. Kẻ học-trò nên biết rằng văn sở-dĩ qui là qui về đường ấy. Văn mà có tiến-đức như thế há chẳng phải là cái ưu-điểm trong lịch-sử văn-học của học-xá và là cái cát-triệu cho tương-lai văn-chương của học-sinh đó dư ?

Tác-giả giao cho tôi nhuận-sắc vừa bài ngắn vừa bài dài có hơn năm-mươi bài ; ở đây, chỉ tuyển chọn lấy một nửa là những bài vừa với cái khuôn-khổ bài luận ở nhà trường mà thôi, còn những bài dài quá đã có cái thể-cách bài khảo-cứu luận-thuyết thì bớt ra để hoặc là sẽ cho vào một tập văn khác.

Đó là cái cảm-tình của tôi trong khi xem tập văn và câu chuyện của tôi nói với tác-giả trong khi đến nhờ nhuận-sắc, nhân nay chép lại làm bài tựa.

Gác Nam-phong, ngày đông-chí, năm kỷ-tị (22-12-1929).

THÁC-CHI

***

1.— Người bạn học

Chị Tuyết-Mai là bạn thân tôi. Chị đối với tôi là người bạn đồng-học mà cũng là người bạn đồng-tâm. Chị năm nay mười bốn tuổi, cùng một tuổi với tôi. Chị người không cao mà gầy, khổ mặt xương-xương mà nước da trắng mịn. Có lẽ là vì hai cái vẻ ấy mà chị lấy tên là Tuyết-mai chắc. Miệng không rộng, viền đôi làn môi thăm-thẳm, mỗi khi nói chuyện, chị thách mép cười trông như cái hoa sắp nở đượm có cái màu sương sáng sớm, bày đôi làn răng nhỏ mà trắng tựa như những hạt minh-châu. Tóc chị chưa vấn, còn cài, để buông rủ xuống hai vai, mỗi lần gió thổi nhẹ, mấy sợi tóc mây đen lánh phất-phơ trên cái nét mặt bày ra hai cái vẻ tương-phản thì cái đẹp lại càng tôn. Mỗi vẻ đẹp ấy, cũng đã có chừng; duy có đôi con mắt, đôi con mắt đẹp tuyệt-trần! Con mắt sáng mà sâu, thường gửi xa ở chỗ gió mây cao rộng, hay buông chìm trong cõi mộng vô-cùng...

Tính người điềm-đạm, ít hay nói cười, vì cái tính đó mà trong khi giao-thiệp mới bắt đầu có người cho chị là người lãnh-đạm. Có thân lâu rồi, mới biết là không phải, đó cũng là cái bản-tính thường của kẻ khác người. Trái lại, chẳng những chị không muốn để cho ai cực lòng mà thỉnh-thoảng trong chị em có điều gì bất-bình nhau thì chị thường hay khuyên giải.

Ai học giỏi hơn, chị không ganh-ghét ; ai học kém hơn, chị không khinh-khi. Trong chị em, ai có điều gì không biết, đến hỏi-han, thì chị vẫn vui lòng chỉ bảo cho luôn.

Chị Tuyết-Mai sẵn có tư-chất thông-minh lại chăm-học, mà về môn văn-chương thì chị chuyên hơn, nên những bài luận, dẫu Quốc-văn hay Pháp-văn cũng thường được nhiều phen đắc-thắng.

Chị Tuyết-Mai thật là người vừa có tài, vừa có nết, nên thầy và bạn ai cũng có lòng yêu mến chị.

2.— Nhớ chuyện chơi cảnh bãi biển.

Sớm mai về mùa hè, chiều trời ấm-áp, tôi cùng chị Tuyết-mai rủ nhau đi chơi cảnh bãi biển về phía tây đồi Kim-dữ.

Bấy giờ mặt trời đã lên khỏi núi. Chúng tôi đứng trên gành đá trông ra mặt biển, bãi cát mênh-mông bát-ngát chạy dài có hàng ngàn thước. Đàng xa-xa có mấy ngọn núi và mấy chòm cù-lao chìu-chít ở tận bên kia chân trời. Bốn bề êm lặng, chỉ nghe tiếng sóng biển dào-dạt trên mặt bãi và tiếng gió thổi đồ lướt vào cành lá. Tuy có những người con gái đi bắt ốc, nhưng ai nấy đều lẳng-lặng cặm-cụi mà làm việc, ít khi có nói chuyện gì với nhau. Chúng tôi khi ấy cũng thích quá, lại chạy xuống tận bãi biển với

những người ấy, xem họ bắt ốc và có khi hỏi những câu chuyện ngẩn-ngơ.

Chúng tôi đi nhặt những hòn đá nhỏ đã nhẵn-nhụi vì sóng gió mà ném ra ngoài xa, nước bắn lên trắng xóa, xem làm vui thích. Lại cùng nhau đến mấy chỗ thấp, nước biển xuống còn đọng lại mà cùng nhau nô-đùa ướt hết cả xiêm áo. Chúng tôi đi chơi dưới bãi đã mỏi, lại cùng nhau lên ngồi trên một tảng đá phẳng bên gành, trên có một chòm cây cổ-thụ, cành lá um-tùm che phủ. Ngồi, chúng tôi cùng kể chuyện đong-dài, trong khi bàn luận cũng lĩnh được nhiều điều có ích cho việc học-hành. Đem câu văn-chương, lời tri-kỷ mà giãi bày ở chỗ biển rộng trời cao, thì còn gì vui sướng cho bằng, vì tâm-hồn người ta như nhịp theo một điệu với cảnh-vật thiên-nhiên.

Chúng tôi con vơ-vẩn đó thì nước triều dần lên mà trời lại sắp đổ cơn mưa, nên chúng tôi dảo bước ra về. Nửa đường thì chị Tuyết-Mai và tôi cùng chia tay về nhà.

Hôm sau gặp nhau ở trường học, chúng tôi nhắc lại cuộc chơi bữa trước còn lấy làm vui-vẻ. Bây giờ chị Tuyết-Mai đã vắng, ngồi hồi-tưởng đến cuộc chơi vừa qua mà phải bồi-hồi. Tôi cùng cảnh ấy còn được nhiều phen tái-hợp, chớ tôi cùng chị biết có được gặp nhau để cùng đi viếng qua cái cảnh cũ êm-đềm mà vui-thú kia nữa hay không? Như thế mà mỗi lần trông cảnh nhớ người, thì không cầm sao được lòng cảm nhớ...

3. — Cánh đồng lúa và hi-vọng của người nông-phu

Đường đi Lộc-trĩ, hai bên đồng lúa, xa trông có từng đám, chỗ xanh chỗ vàng bát-ngát. Một cánh đồng lúa mùa mới trổ bông ngậm sữa, lá xanh mơn-mởn; trông cái màu lúa mà biết là năm nay lúa sẽ được mùa. Gần cánh đồng lúa mùa ấy lại có mấy đám lúa chín về đạo lúa sớm. Hạt lúa chín màu vàng tươi, gié lúa nặng chĩu, lả rạp xuống tận mặt đất.

Thỉnh-thoảng một luồng gió thổi qua những bông lúa phấp-phới lướt theo như những làn sóng rợn trên mặt biển. Chốc-chốc lại có vài con chim bay đến đậu trên cành cây, mổ lúa ăn, trông cũng nhẹ-nhàng xinh-sắn.

Trông thấy cánh đồng lúa chín, tốt-tươi như thế, thì trong bụng không sao không sinh ra mối cảm-giác vui mừng mà nhớ đến công-phu người làm ruộng được.

Cánh đồng lúa mênh-mông kia, chan-chứa biết bao là cái hi-vọng nồng-nàn của kẻ nông-phu. Quanh năm đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn, cày sâu cuốc bẫm, khó-nhọc vất-vả, là chỉ mong đến ngày thấy được cái kết-quả tốt-tươi. Làm việc đã cực nhọc thế lại trong bụng những phải lo sợ luôn. Lo trời làm hạn-hán thì nước cạn mạ khô; lo trời làm ngập lụt thì lúa chìm ruộng vỡ. Gia-dĩ còn bị các loài sâu bọ phá nhiễu, đêm ngày lại phải chăm nom gìn-giữ. Trong bụng không một lúc nào mà không tưởng nghĩ đến cái cánh đồng lúa nọ. Hi-vọng thành hay không thành là ở cây lúa tốt hay xấu. Phải như những người đi cày đi cấy lấy công thì còn nói gì, nhưng đây «đi cấy còn trông nhiều bề»:

Trông trời trông đất trông mây,
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng!

Nhưng khó nhọc vất-vả thế mà cũng chẳng ngại gì, vì thường nghĩ rằng: «bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu» và «bây giờ khó-nhọc có ngày phong-lưu». Âu cũng bỏ công đem hạt mồ-hôi đổi lấy hạt lúa thì cũng vui lòng. Hi-vọng là thế mà biết có thành chăng? Đến ngày nay lúa chín tốt, gặt hái cũng

gần xong, hạt lúa đã cầm trong tay « ba bó một giạ » rồi, thế là hi-vọng đã được thập-phần thỏa-mãn vậy.

4.— Thơ gởi cho bạn nhắc lại cuộc đi hái hoa trên Bình-san.

Chị Tuyết-Mai,

Từ khi chị xa đất Phương-thành đến nay, em chưa có thơ nào gởi thăm chị, xin chị thứ cho. Hôm nay chị ở chốn quê nhà gần dưới bóng từ-phần đầm-ấm chắc được mọi bề vui-vẻ, chị có nghĩ đến chúng em ở đây đang phải buồn-rầu vì đã vắng một người bạn rất thân yêu không?

Chị Tuyết-Mai, chị hẳn còn nhớ mới ngày nào đây em cùng chị rủ nhau đi chơi trên núi Bình-san. Chúng ta hôm ấy đi là định tìm hái hoa mai, nhưng tìm mãi chẳng gặp hoa mai, lại gặp một thứ hoa dẫu là cỏ nội hoa hèn, nhưng mà tươi đẹp là thường! Giống hoa trông cũng tương-tự như hoa mai, nhị vàng cánh trắng, có chiều thanh-tân dịu-dàng mà khả-ái, nhưng tiếc là thiếu chút tinh-thần, là không được cái u-hương thanh-vị bằng hoa mai. Nhưng mà được cái tính-cách cao-khiết ẩn-dật, vì hoa mọc ở chỗ sầm-uất tịch-mịch, vô-ý thì hồ-dễ đã tìm thấy được. Chúng ta hôm ấy gặp được đó âu cũng là một cái duyên kỳ-ngộ với hoa; bèn mỗi người hái lấy một cành cầm về. Khi ra về đến chân núi lại gồi dưới bóng cây bên khe mà cùng nhau khỏa nước rửa mặt. Chị hẳn còn nhớ, khi ấy em toan dúng chân xuống rửa thì chị lại đọc bỡn câu ca-dao:

Thân em như giếng giữa đàng,
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân!

Rồi chúng ta cùng trông nhau mà cả cười, tưởng trong đời các cuộc vui thích của người ta cũng chỉ có đến chừng ấy mà thôi.

Lại đem mấy cành hoa vừa hái dúng xuống nước để giữ cho hoa được còn tươi. Vì quá thích cái cảnh nước trong gió mát mà quanh-quẩn mãi đó đến chiều xế mới dứt ra về...

Hôm nay em mới đi thăm qua cảnh cũ. Cảnh hôm ấy và cảnh hôm nay đã có thay đổi gì đâu, hoa vẫn còn tốt, nước vẫn còn trong, nhưng cái người cùng em chơi cảnh thì hôm nay đã vắng. Cảnh kia dẫu đẹp, thú kia dẫu vui, nhưng đã biết cùng ai chia xẻ, riêng mình thưởng-thức còn biết vui đẹp là gì; gia-dĩ trông cảnh cũ chợt nhớ người xưa mà chạnh lòng bồi-hồi cảm-khái.

Dẫu đã biết:

Cuộc trần-thế nước bèo tan hợp,
Hợp rồi tan, tan hợp lẽ là thường;

nhưng cái hồn văn-chương thì thiệt không sao nguôi được mà mỗi lần trông cảnh nhớ người, «mối hoài-cảm» bỗng «ngổn-ngang chiều bút-mặc»

Cảnh-tình đã thế, còn biết nói sao, chỉ thầm ước «còn non còn nước còn xin để chữ tương-phùng» mà chị em ta sẽ được còn ngày dắt tay nhau lên Bình-san hái hoa mai bận nữa.

Vài lời thành-thật, chúc chị được bình-an.

Em chị: M.-T.

5.— Cảnh con đường từ nhà tôi lên trường học.

Con đường từ nhà tôi lên trường học xa; hai bên đường có nhiều cảnh đẹp. Mới ra đường, thoạt-tiên bên hữu có nhiều cây cổ-thụ cành lá um-tùm, tàu cây mát-mẻ. Bên tả có một cái hồ dài rộng; trên mặt hồ sen và bèo mọc chen nhau cành lá che phủ cả mặt nước, thỉnh-thoảng có điểm một vài cái bông hoa trắng-trắng hồng hồng với mấy đám rau muống xanh-xanh.

Hai bên đường lác-đác có mấy túp nhà tranh nhà lá, trước sân nhà nào nhà

ấy đều có mấy cụm nhân-hoa giã-thảo, trông có cái vẻ tốt-tươi xinh-sắn.

Mặt đường trải đá, cao-ráo sạch-sẽ, dẫu trời mưa dầm cũng không phải bùn lầy. Đi hết quãng đường ấy thì quanh qua con đường khác. Đường rộng phẳng-phiu, hai bên trồng toàn một thứ dương, cành lá thướt-tha che rợp cả bóng nắng. Ngoài đường lúc nào cũng có người quét đường nhổ cỏ nhặt rác, nên đường vẫn sạch-sẽ luôn.

Hằng ngày trong những lúc tôi cắp sách lững-thững đến trường, không khỏi có một cái cảm-tưởng riêng. Là con đường tôi đi đây cũng như mọi con đường khác, nhưng con đường này ở mắt tôi xem vẫn có một cái tâm-hồn ngụ ở trong. Vì đó chính là nơi mà tôi cùng các chị em mỗi ngày hai buổi đi về; trên cảnh đường ấy đã ghi nhiều kỷ-niệm vui-thú trong cuộc đời tôi và các bạn học mà tôi không bao giờ quên được; lại con đường ấy chính là con đường dẫn tôi đến chỗ mở-mang trí-đức là nơi tôi được sinh-hoạt trong một cái hoàn-cảnh cao-thượng.

6.— Cảnh phòng văn trong tưởng-tượng.

Mong điều sung-sướng, ước chuyện vui cười, đó là cái bản-tính chung của mọi người. Người đời, nghề này nghiệp khác, phần nhiều ai cũng mong cầu ao-ước những sự vinh-hoa phú-quí. Kẻ học trò chúng tôi, há khỏi có cái bụng ấy đâu. Chúng tôi cũng có mong cầu ao-ước, nhưng chẳng phải là ao-ước mong cầu những cảnh lục-địa thần-tiên, mà chỉ mong cầu được một chỗ phòng văn theo sở-thích làm chỗ học-hành theo cái cách sinh-hoạt giản-dị, cái chí-thú thanh-nhã của kẻ học-trò.

Cảnh phòng văn, tôi thích dọn cho đơn-giản trật-tự hơn là trang-hoàng rực-rỡ. Phòng phải có nhiều cửa sổ cho được sáng-sủa, quảng-khoát. Giữa phòng đặt một cái bàn lớn làm bàn viết, trên bày bút nghiên giấy tập, đủ cả mọi món cần dùng về việc học. Quanh tường thì treo vài bốn bức tranh cảnh mùi dịu, và tranh các danh-nhân trong lịch-sử, dưới thì treo những ảnh của các chị em lưu-tặng. Hơi xa bàn viết để một cái tủ kính, trong có đủ các thứ sách Tây Nam. Bên cạnh tủ thì có một cái bàn nhỏ để đọc sách. Bàn đặt trước cửa sổ ngó mặt ra vườn, trên bàn có cái bình hoa nhỏ cắm mấy cành hoa xinh-xinh và để vài thứ sách thường dùng. Đối với bàn đọc sách bên kia, có một cái ghế dựa để khi nào đọc sách mỏi thì nằm nghỉ, gặp đêm trăng tỏ trời thanh thì mở cửa sổ mà đón lấy cái vẻ quang-nhuận của bóng trăng và cái vị thanh-khiết của bông hoa.

Hai bên bàn đọc sách thì dán những câu cách-ngôn của thánh-hiền nói về cái cách tu-thân xử-thế của con nhà học-trò; những câu đối tả-cảnh sông cảnh núi chung quanh, và cái lạc-thú của kẻ đọc sách.

Chung-quanh phòng văn có vườn trồng cây cảnh bông hoa để những khi trí-não đã mỏi trên quyển sách rồi bước ra dạo xem cho giải-trí.

Ấy cái cảnh « ý-trung văn-phòng » của tôi là thế, tuy là cảnh tưởng-tượng, nhưng biết đâu cảnh mộng mà không có ngày thành được cảnh thực.

7. — Thơ mời bạn về chơi quê nhà

Chị Lan,

Đã lâu, em không được năng viết thơ thăm chị, vì em đương lo học ôn các bài vở để thi kỳ tới đây.

Ngày nghỉ hè gần đến, vậy em xin mời chị về làng em chơi, nhân dịp chị em ta được gặp nhau cho bõ những ngày xa cách đã phải nhiều trông nhớ. Lâu nay em thiệt có bụng nhớ chị nhiều lắm. Chị bằng lòng về làng em chơi; em sẽ dắt chị đi xem phong-cảnh cho mĩ-mãn. Làng em ở có bãi dài

biển rộng, hồ trong núi biếc. Một trông ra là màu hồ sắc núi tương-tiếp nhau, khi như rực-rỡ dưới vẻ trời thanh-tĩnh, khi như thấp-thoáng dưới bóng mây ẩn-ước. Cảnh đẹp vô-cùng, nhưng em còn đang bận nhiều, nên không thể kể rõ cả được. Mà dù em có kể nữa cũng không sao tả được rõ-ràng, chỉ có chị đến đây thì mới thưởng-thức hết cái vẻ đẹp của phong-cảnh mà thôi. Em rất mong được chị sẽ vui lòng nhận lời mà rồi đây chị em ta sẽ được cùng nhau dắt tay đi chơi cảnh, thì còn gì vui-vẻ cho bằng.

Ngày thi gần đến, em kính chúc chị đậu cao để làm được vẻ-vang cho thân-gia, cho thầy bạn.

Em chị : M.-T.

8. – Cảnh chiều-dương trên Đông-hồ

Hơi may man mác, bóng trời tờ-mờ, trên mặt Đông-hồ một vùng nước phẳng-lặng không gợn một tí sóng nào. Thế-giới bốn bề hãy còn êm-lặng cả như một khối vô-tri nằm yên trong cõi âm-thầm. Bóng trời sẽ hắng-hẳng sáng. Bên góc trời đông, trên mặt hồ thấy lồ-lộ lên một nửa vầng mặt nhật. Nửa cái vầng son đỏ ối ấy dần-dần xé mặt nước mà kéo lên. Bấy giờ rõ-ràng một vầng đầy-đặn, in tròn bên chân mây đỏ tươi màu huyết. Những tia sáng tỏa buông ra một phương vũ-trụ, lóng lánh đến những hạt sương bám trên lá cây ngọn cỏ. Màu thiên-nhiên mà cảnh rực-rỡ biết đường nào!

Bấy giờ cái thế-giới đang âm-thầm tối-tăm đã biến-thành cái thế-giới bình-minh quang-đãng. . .

9. — Cảnh trăng trên sông

Đêm mùa thu, trời quang tạnh, trên con sông một chiếc thuyền con đủng-đỉnh cùng vài chị em thả từ-từ theo dòng nước. Trời đất bình-tĩnh, bóng trăng vằng-vặc. Ánh trăng trong sáng chiếu xuống mặt nước lóng-la lóng-lánh. Trong khi đêm khuya cảnh vắng như thế thì chỉ nghe tiếng cây reo trên bờ và tiếng sóng vỗ vào thuyền. Thỉnh-thoảng điểm có tiếng hát của bác ngư-phủ cất lên đưa theo cùng một điệu với tiếng dịp chèo trong khoảng không tịch-mịch, véo-von êm-ái. Đêm dần khuya, dòng sông phẳng-lặng; gió hiu-hiu thổi gợn, làn sóng lăn-tăn trên mặt nước. Lặng ngồi mà ngắm quang-cảnh ấy, thì thấy trong lòng bất-giác sinh ra một thứ cảm-tình bát-ngát như nghe tiếng đờn tiếng hát có nhịp-nhàng điều-độ với nhau, khiến cho trong lòng lặng-lẽ trong-sạch như trời đất vô-cùng mà không còn vướng-vít đến những cái thảm-cảnh lôi-thôi, những mối lợi danh co-hẹp ở đời trần-lụy nữa. . .

10. — Mừng tuổi thầy học

Kính thưa thầy,

Hôm nay đã đến buổi bãi-trường để nghỉ tết Nguyên-đán năm mậu-thìn, là buổi học cuối cùng trong một năm dài đằng-đẵng vừa qua mà thầy đã lao tâm khổ-trí lo-lắng dạy bảo cho chị em học-sinh chúng tôi.

Nhân thấy Tết đến, chúng tôi mừng Tết mà lại là lo vì Tết; trông xuân sang, chúng tôi vui xuân mà lại ngán cho lần xuân. Vì mỗi lần xuân sang, mỗi Tết đến, ngoảnh đầu trông lại xuân cũ vừa qua thấy chưa làm nên được một việc gì trong một khoảng thời-gian bát-ngát, hình như không có một chút dấu vệt gì ghi nhớ, lại phải ngày xuân càng qua, tuổi xuân càng luống, mà bóng thiều-quang thấp-thoáng chẳng dừng!

Mỗi lần trông thấy cây nêu, nghe thấy tiếng pháo là hai cái biểu-hiệu báo Tết mà đó chính là cái biểu-hiệu để nhắc tấm lòng nhớ chuyện cũ mà nghĩ chuyện mới. Tiếng pháo ấy có

khác nào tiếng còi, tiếng trống thúc-giục bên mình, trong khi sắp bước lên một đó đường mới, hãy cố-gắng ân-cần mà tran-dồi học tập, để khỏi phụ công cha mẹ dưỡng-nuôi và công thầy dạy-dỗ.

Mỗi người, ai cũng đều có phận-sự, đều có trách-nhiệm, thì chắc ai cũng phải có cái lo Tết cảm xuân như thế cả, là lo sao cho rồi phận-sự, cho xong trách-nhiệm đối với thân-gia làng-xóm. Duy có thầy thì cái lo ấy lại gấp ba bốn mươi lần người ta, là thầy phải lo cho thân-thế tương-lai của những ba bốn mươi học-sinh đây.

Một bụng lo cho một thân mình mà còn nhiều nhọc lòng khổ trí thay, huống là một bụng mà phải lo cho những ba bốn mươi người, ba bốn mươi thân-thế, thì còn nhọc lòng khổ trí biết đến ngần nào. Có so-sánh như thế thì sẽ biết rằng cái công ơn thầy đã nặng nhiều biết bao nhiêu mà chúng tôi thiệt chưa có chút mảy-may đền đáp vậy.

Nhân dịp tết đến đây, thầy trò lại tạm biệt nhau một lúc, chị em chúng tôi xin trân-trọng mừng tuổi thầy và chúc cho thầy bình-an vạn-phúc.

Sau đây, chị em chúng tôi có nhờ người làm một bài thơ mừng xuân và chúc mừng thầy để ngâm thêm cho vui :

Này mấy khóm hoa xuân tươi tốt,
Mùi thanh-hương sực-nức trong ngoài ;
Đã đành hương sắc tự trời,
Mà công vun tưới tự người điểm-trang.
Vườn xuân là cảnh học-đường,
Hoa là đạo-đức văn-chương khác nào.
Mưa xuân tưới khắp dồi-dào,
Là ân giáo-hóa thấm vào đã sâu.
Vườn hoa thủa xuân đầu năm mới,
Hội nữ-lưu đến buổi mở-mang ;
Còn nhiều hi-vọng chan-chan,
Còn nhiều rực-rỡ vẻ-vang sau này.
Mừng xuân gặp bữa hôm nay,
Hái hoa xuân chúc tuổi thầy dài lâu.

11. — Viếng đền thờ họ Mạc.

Một buổi chiều về mùa xuân thanh-khiết, tôi cùng người bạn gái rủ nhau lên viếng cảnh đền thờ họ Mạc. Xa-xa đã trông thấy một tòa nhà gạch thâm-nghiêm ở giữa chân núi. Trước đền thờ có một cái hồ bán-nguyệt rộng, trên mặt hồ có thả sen ; lá sen che phủ cả mặt nước, điểm-nhiễm có mấy cành hoa nở sớm xinh-sắn nhẹ-nhàng theo chiều gió nhẹ. Thỉnh-thoảng lại có vài con cá đớp bọt nước tung-tăng, mặt hồ động-đậy.

Trước cửa ngõ ngoài đều có một cái hoành-phi đề ba chữ Hán là «Trung-nghĩa từ», vào khỏi cửa ngõ có sân rộng. Trước sân và hai bên có các thứ hoa-thảo và các thứ cây cổ-thụ, trông có từng hàng, từng lớp. Giữa sân là nhà khách. Nhà khách bước thẳng vào là cửa chính-môn. Hai bên là hai dẫy hành-lang để thờ các tiên-hiền. Ở trong là chính-điện ; vào đến nơi chúng tôi thắp hương vái lạy. Cảnh trong chính-điện thật là êm-đềm tĩnh-mịch, có cái khí-vị tôn-nghiêm kính-cẩn, tưởng như cái hồn của cổ-nhân hãy còn phảng-phất đâu đây.

Khi chúng tôi lễ xong ra về, trong lòng nghĩ rằng : ở đời là một kiếp phù-sinh mà cuộc đời là một cuộc tang-thương biến đổi, duy có cái phương-danh, cái linh-khí của vĩ-nhân là còn thọ mãi với non sông . . .

12. — Cách ăn-mặc

Người ta cần phải ăn-mặc để che thân và cho có lễ-độ. Thường-tình ăn-mặc chỉ ham thanh chuộng lạ, lụa là gấm vóc, màu sắc rực-rỡ, cho thế làm tốt đẹp. Không biết người ta ăn-mặc không phải đẹp ở cái sặc-sỡ mà chính là đẹp ở cái ăn-mặc thế nào cho nhũn-

nhận diêm-dúa, dầu vải bố mà trông cũng ra người nghiêm trang đẹp-đẽ. Nhưng lại phải biết rằng: nhũn-nhặn diêm-dúa chớ không phải xốc-xếch lôi-thôi. Ăn-mặc lôi-thôi xốc-xếch, chẳng những là vô-lễ với người thiên-hạ, mà lại vô-lễ với cả bản-thân mình nữa, vì mình tự không biết trọng mình. Mình mà không biết trọng mình thì người ta trông vào còn ra vẻ gì!

Ăn-mặc lại là một cái biểu-hiệu cho lễ nữa; nên trong khi giữa đám lễ đám tiệc, mà người nào người ấy y-phục cho đoan-trang nghiêm-chỉnh thì cuộc lễ mới ra vẻ long-trọng đường-hoàng.

Có người không hiểu cái ý-nghĩa của sự ăn-mặc, trong khi chơi-bời thì rất sửa-sang quần áo cho bảnh-bao, mà đến khi giỗ-tết tế-lễ, đình-đám hội-hè, thì lại không từng chăm-nom đến y-phục, hình như ở những chỗ ấy không có ai ngắm-nghía đến mình mà phải chải-chuốt vuốt-ve, như thế là tưởng rằng ăn-mặc là để làm cái vẻ cho người ta xem vui mắt mà thôi.

Con gái đàn bà không phải là không được dùng y-phục màu sắc, nhưng chỉ lựa những màu nhã-đạm dịu-dàng thì trông mới ra vẻ đoan-chính nền-nếp. Vậy kẻ học trò gái chúng ta nên nghĩ đến cách ăn-mặc và chọn lựa màu sắc, thế nào cho ra vẻ đoan-trang thanh-nhã, trông vào như nghe một khúc nhạc nhịp-nhàng điều-độ không sai cung lỗi nhịp để ngang tai trái mắt người ta.

13. — Đọc sách

Đọc sách làm cho người ta được mở-mang trí-hóa, được hiểu biết việc cổ-kim, thấy những điều hay mà học, những việc dở mà răn. Đọc sách, có thể làm cho người ngu-đại hóa được người khôn-ngoan. Cái khôn-ngoan đó là cái khôn-ngoan đạo-đức, cái khôn-ngoan thành-thực, vẫn khác với cái khôn-ngoan láu-lỉnh, cái khôn-ngoan giả-dối của người vô-học.

Đọc sách, không phải đọc trang này hết trang khác, quyển này sang quyển nọ, như thế mà gọi là đọc được lắm, biết được nhiều. Đọc như quốc gọi hè, kêu gào suốt sáng thâu canh mà sách vẫn là sách, mình vẫn là mình, không lĩnh-hội được một chút nghĩa-lý gì thì chỉ thất-công vô-ích mà thôi.

Đọc sách mà muốn cho có nhiều bổ-ích thì phải miệng đọc mà lòng suy để cầu thâu-nhập nghĩa-lý vào cõi tâm-não. Đọc sách lại phải biết phán-đoán, sách hay đã nhiều mà sách dở cũng không ít, chỗ hay thì cố mà bắt-chước đã đành, còn chỗ dở cũng phải biết mà chê bỏ, chứ có phải sách là hay cả, phải cả đâu.

Đọc sách mà manh-tùng (1), đó là làm nô-lệ cho sách mà thôi, cái vẻ sáng trong tâm-trí người ta vẫn không phát-siển ra được. Vậy đọc sách phải nên có bụng suy-nghĩ, có trí phán-đoán, lời chữ ở giấy, mà ý-tứ ở trong, tâm-trí ở ngoài càn-khôn vạn-vật. Đọc sách như thế thì mới mong được có sở-đắc mà sự đọc sách mới là sự bổ-ích nhiều cho người học-trò.

14 — Thơ cho người bạn, cho hay mình đã thi đậu

Phương-thành, ngày đoan-ngọ, năm mậu-thìn.

Chị Tuyết-Mai,

Em viết thơ này báo tin cho chị hay rằng hôm ngày 11 vừa rồi đây là ngày

(1) *Manh-tùng* = Theo liều, ví như người mù, ai dắt đâu là theo đó, không phân-biệt được gì.

em đã được chấm đậu kỳ thi Sơ-học, để chị cùng em chia vui.

Em cũng mong cho ít ngày nữa đây, em chắc sẽ được tin mừng chị trúng-tuyển vào trường trung-học. Em những bận về việc báo tin mừng mà quên hỏi thăm chị độ rầy có được mạnh giỏi không? Tuyết trắng, mai gầy, đôi vẻ ngày xưa, đã có gì thay đổi?

Bây giờ em lại xin kể về việc thi của em chị nghe; chị chắc chán những chuyện dong-dài lắm nhỉ! Nhưng em cũng cứ nói; chị có cười thì đó là cái lòng thật-thà của em đối với chị vậy. Khi chưa thi, em lấy làm lo sợ lắm, lo sợ vì không biết bài thi khó dễ thế nào, lại khi mới vào phòng thi em trông thấy các quan giám-khảo đều là lạ cả, lúc bấy giờ em lại càng bối-rối lắm. Nhưng sau em nghĩ nếu cứ lo sợ như thế mãi thì có lẽ là không định-tâm mà làm bài-vở gì được, bởi vậy em cố giữ cho không sợ. Mà lạ, em không muốn sợ mà sao lòng em vẫn cứ lo sợ mãi. Khi ngồi ở phòng thi đợi quan giám-khảo cho bài thi cái lòng cứng cỏi của em và cái lo sợ nó vẫn xung-đột nhau luôn mà bao giờ cái lòng em cũng thua. Có chống lại được cũng chỉ trong một lúc mà thôi. Không biết năm ngoái chị vô phòng thi có như thế hay không. Còn em, chỉ trong một lúc mà trong trí chuyền không biết là bao nhiêu chuyện: nào là bài thi khó, nào buồn phải hỏng thi, nào mừng là sẽ may mà gặp bài mình đã học rồi, nào vui là có cái hi-vọng mình sẽ được chấm đậu... Mãi cho đến khi quan giám-khảo nói âm-tả, thì lúc bấy giờ những cái lo sợ vui mừng ấy nó mới tắt đi mà trong trí mới cố chăm làm bài vở như thường được. Hôm sau vào kỳ vấn-đáp nữa, em được chấm đậu vào hạng năm, chứ có đâu được giỏi mà gật cái thủ-khoa như chị năm rồi! Nhắc tới chuyện cũ chắc chị hãy còn thú lắm nhỉ? Dẫu là đậu vào hạng ấy mặc dầu, em cũng xin thú thực là em rất vui mừng, em không phải như ai, khi thi đậu trong lòng như hoa nở mà ngoài mặt gượng làm ra vẻ bất-mãn. Em mừng cũng không phải mừng vì được lấy cái bằng kia đâu, em vẫn biết hãy còn ít lắm; nhưng sở-dĩ mừng là mừng vì thà không thi thì thôi, chứ đã thi thì phải đậu, nếu không đậu thì thất-vọng biết bao.

Em đậu rồi, bây giờ em cũng chưa định làm gì, mẹ em thường nói với em rằng: một người con gái mà không giỏi việc bếp nước, khéo việc vá may, thì sau này chưa hẳn là một người đàn-bà lo xong phận-sự trong gia-đình; bởi vậy em định sau này khi em thôi học rồi thì em ở nhà mà học những việc trong nhà theo cái lề-lối xưa nay của một người con gái Việt-Nam. Chỉ em thì định như thế, còn chị sau này định-ý thế nào, chị cũng vui lòng cho em được biết. Hỏi thì hỏi thế, chớ em xem chị tương-lai còn nhiều, sau này có thể theo đuổi học-nghiệp cho đến cõi tốt-đẹp được, em kỳ-vọng cho chị lắm.

Vài lời thành-thực, chúc chị được bình-an.

15 — Vui cảnh thiên-nhiên.

Chơi cảnh thiên-nhiên: vui với cảnh non cao nước chảy, có thể nuôi cho tâm-hồn người ta được cao-siêu thanh-tĩnh. Chơi cảnh thiên-nhiên: vui với cảnh hoa thơm cỏ đẹp, có thể khiến cho tinh-thần người ta được trong-trẻo nhẹ-nhàng. Hồn-tính có lặng-lẽ, tâm-trí có tỉnh-tao rồi, nhiên-hậu mới ngẫm-nghĩ lĩnh-hội được những nghĩa hay lẽ phải ở đời theo một cái mục-đích cao-xa. Không phải như những cái vui ở vật-chất: áo quần nô-nức, xe ngựa rộn-ràng chỉ làm cho tối-tăm mệt-mỏi tâm-trí

người học trò, khiến cho lòng người càng nhiều cái nhỏ-nhen đê-tiện.

Lại người ta ở đời vì sầu-khổ quá mà ai cũng muốn tìm phương tiêu sầu thoát khổ, thì duy có lấy cái cảnh lục-thủy thanh-san, thanh phong minh-nguyệt làm cái thú để khuây-khỏa những nỗi đắng-cay sầu-thảm ; như đứng giữa một chỗ trời cao biển rộng, ngắm một bức tranh cảnh đẹp, trận mây vẻ gió tơi-bời, thì bao nhiêu cái lòng danh-lợi tầm-thường, thảm-trạng lôi-thôi hình như chìm-đắm đi mất cả mà cũng êm-đềm man-mác theo cảnh thiên-nhiên của trời đất. Thanh-cao nhẹ-nhàng được là ở đó, tiêu sầu thoát khổ được là ở đó vậy.

16 — Học trò lấy gì làm vui

Tạo-hóa sinh ra vạn-vật chỉ có loài người là quí ; ta được làm người là một việc đáng vui. Ở đời, sĩ, nông, công, cổ, ai cũng phải tìm lấy một nghề làm, Như nhà nông quanh năm vất-vả, nhà công suốt ngày cực-nhọc, mà ta lại được ung-dung làm một kẻ học trò thì chẳng phải lại là một việc đáng vui dư?

Thế thì cái thú vui của học-trò là những gì ? Tất không phải xem hát xem hội, lên xe xuống ngựa, mặc gấm vóc, ăn cao-lương là vui đâu ; cái vui ấy là cái vui tầm-thường ở vật-chất, chỉ trong chốc lát rồi tan ngay, có khi làm cho người ta bại trí mê hồn nữa. Sao bằng cái vui ở tinh-thần, là bao giờ mình cũng giữ làm xong phận-sự, ăn ở theo lẽ phải, tìm học những điều cao nghĩa chánh, không có gì phải hối-hận mà cũng không có gì phải băn-khoăn về những chuyện thấp-hẹp tầm-thường. Giữ tư-cách một kẻ học-trò thì bao giờ trong lòng mình cũng phải nhẹ-nhàng yên-lặng mà học theo đạo thánh-hiền để sửa tâm rèn tính cho đến được cõi lương-năng thì còn gì vui sướng cho bằng. Tưởng nhân-sinh cực-lạc là tại mình biết tìm cái vui theo lẽ phải trong cảnh đời xuân vô-tận mà thôi.

17. — Nhà tôi

Nhà tôi không có gì là đẹp-đẽ, nhưng có vẻ nghiêm-trang tĩnh-mịch khiến cho lòng tôi luyến-ái.

Nhà cất trên một khu vườn rộng theo lối nhà ở dẫy, ba gian hai chái. Gian giữa là bàn thờ tổ-tiên, gian bên tả là phòng khách có đặt bộ ghế trà, gian bên hữu đặt một cái tủ kính và một bộ ván gỗ thường. Phía trong là phòng ngủ và phòng ăn. Hai chái bên, một bên là chỗ nghỉ mát, một bên là chỗ đọc sách.

Nhất-thiết những đồ-đạc xa-hoa đều không có cả. Bông hoa tranh cảnh thì duy ở phòng khách là có mà thôi : trên bàn để cái lọ nhỏ, lọ theo lối mĩ-thuật, khi nào có bông hoa thật tươi-tốt thì mới cắm vài bốn cái trong khi tiếp khách ; trên vách thì treo mấy bức tranh thủy-mặc màu đạm.

Chỗ nào chỗ ấy, chưng dọn thật đơn-sơ giản-tiện, nhưng được cái trật-tự ngăn-nắp và chừa nhiều song cửa, nên lúc nào cũng thoáng khí, khiến cho người ở lấy làm thư-thái dễ chịu.

Trước nhà có sân rộng, phẳng-phiu, trồng đủ các thứ hoa-thảo ; ngoài vườn có các thứ cây ăn quả, cành lá um-tùm, che rợp bóng nắng ; nên lúc nào ra vườn chơi cũng thấy mát mẻ.

Bên vườn có cái hồ dài, trên mặt hồ có thả sen và bèo lá chen nhau che kín cả mặt nước, thỉnh-thoảng điểm một vài cái bông hoa sen hoa súng, trắng trắng hồng-hồng, với mấy đám rau muống xanh-xanh. Quanh vườn, trồng trúc làm rào khắp cả, chỉ chừa lại một chỗ làm cửa ngõ.

Tôi vẫn yêu mến nhà tôi lắm, chẳng những vì nơi đó là nơi mát-mẻ tĩnh-

mịch, mà lại là nơi có cái khí-vị đầm-ấm tôn-nghiêm đã chôn sâu cái hồn của mấy đời tổ-tiên tôi trước ; và hiện nay, trong cái khí-vị ấy thì có cha mẹ, anh em, chị em tôi cùng nhau sinh-hoạt vui hòa, tội và cảnh như đã có cái giây vô-hình buộc nhau tưởng không bao giờ rời bỏ nhau được.

18. — Trường học cũ

Khi tôi mới bắt đầu cắp sách đi học thì trường học còn là đơn-sơ lắm. Một túp nhà tranh hai gian, có bao nhiêu gian là có bao nhiêu lớp ! Cái nhà ấy đã lâu lắm rồi, không biết cất từ bao giờ. Thuở ấy, làng tôi chưa có trường nữ-học, nên nam nữ học-sinh đều cùng học chung nhau ở trong nhà trường cũ-kỹ ấy. Số bàn ghế không đủ dung số học-trò, nên phải ngồi chen-chút nhau. Mái đã dột, cột đã xiêu, nên những khi có mưa to gió lớn, khi ấy thầy giáo chắc là lo sợ lắm mà lũ chúng tôi thì lao-nhao tránh mưa, thừa dịp đó mà đùa bỡn lấy làm vui thích. Những cầu cho có giông mưa như thế mãi ! Sân trường học không được cao-ráo, nên gặp khi mưa dầm như vậy lại phải ướt-át bùn lầy...

Về sau này, mới có cất thêm trường nữ-học, thì tôi theo học sang nơi khác. Ngày nay thì học-trò chúng tôi không phải vất-vả như trước nữa. Nhà gạch mái ngói, nền cao cửa kín, đã khỏi lo sợ gió mưa chi cả. Nhưng cái vất-vả cực-nhọc ấy chính là cái bước đường đầu dẫn tôi lại chỗ mở-mang trí-đức. Chỗ đó là nơi tôi hằng ngày đi lại đã có trải qua nhiều việc vui buồn đáng kỷ-niệm về buổi sau này. Bây giờ mỗi lần trông thấy cái nền nhà tràng cũ, bất-giác nhớ đến truyện trước : chỗ nầy cùng bạn chuyện - vãn, chỗ kia cùng bạn nô-đùa, sung-sướng vui-vẻ biết là ngần nào, mà nay chỉ thấy rêu trùm cỏ mọc, túp nhà tranh kia không còn nữa thì đã đành, đến cả chị em đồng-học thuở ngày thơ cũng đã kẻ đi người ở, khiến cho mỗi lần trông cảnh nhớ người mà không sao cầm được lòng cảm-động.

19. — Quang-cảnh đêm tết Trung-thu

Sen tàn cúc nở, bóng thỏ trong ngần, gió vàng hiu hắt, rõ ra cái quang-cảnh đêm tết Trung-thu.

Hai bên hàng phố, đèn điện nhấp-nhoáng như muốn tranh sáng với bóng trăng ; nhà nào nhà ấy đua nhau bày đặt cỗ bàn : nào quả hoa, nào bánh nước, sắp ra la-liệt, không thiếu một thức gì.

Cỗ nhà mình đã chán, lại giong đi xem ngắm cỗ nhà người, nhà nào đâu có khác nhà nào, nhà nào cũng trong ngần ấy thứ.

Những con trẻ đàn năm đàn bảy, cùng nhau kéo đi đường này đường nọ, xóm nào xóm khác lũ-lượt. Đến đâu cũng chỉ « nhà ta nhiều bánh, nhà nó ít xôi », mà làm cho náo-động cả đường.

Tài-tử giai-nhân thì giang tay nhau đi chơi cảnh để góp màu tình-tự với vẻ trăng trong gió mát. Thi-nhân dật-sĩ thì bầu rượu túi thơ cảm vì thú giang-thượng thanh-phong, sơn-gian minh-nguyệt mà tức-cảnh ngâm-đề. Các cụ già đầu tóc bạc phơ cũng chống gậy lững-thững ra bên khóm cúc cùng nhau uống chén rượu hoàng-hoa, ngắm cảnh trăng cảnh trời, khi ngà-ngà say, chắc là cảm nhiều đến chuyện nghìn xưa mà chắc là tạm quên được những nỗi đắng-cay sầu-thảm trong cuộc đời về vãn-cảnh.

20. — Chơi cảnh giả-sơn

Người mình thường hay ưa thích những thú non xanh nước biếc, cảnh-vật u-nhàn, mà không mấy người ưa

những nơi phồn-hoa đô-hội, xe ngựa bụi lầm, nên có nhiều người đem thân ẩn-dật ở chốn tịch-mịch thanh-tĩnh mà vui với cảnh nước non hoa cỏ. Bởi thế nên có nhiều người cũng vì cái tính-tình ấy mà bày ra cảnh giả-sơn, chất đá làm núi, chứa nước làm hồ, cũng có cây có cỏ, cũng có lá có hoa, nuôi chim nuôi cá, nghiễm-nhiên là một cõi tiểu-sơn-lâm. Những người chơi cảnh non bộ như thế là những người biết tìm phương mà trừ bỏ những bụi-bặm đã bám-bíu vào mình. Núi hồ xây dựng tuy không phải là một cảnh non cao rừng rậm, nhưng cũng hoa thơm cảnh lục, cũng gió thoảng trăng soi, thì cũng có thể nuôi cho tâm-hồn tinh-tính người ta được thanh-cao êm-ái. Như thế chẳng là còn hơn những kẻ lăn-lóc ở chỗ tầm-thường thấp-hẹp mãi không biết tìm những cảnh hay để di-dưỡng tinh-thần ru?

Nhưng theo ý riêng tôi thì tuy chơi cảnh giả-sơn cũng kể là một thú nhân-nhã, nhưng tôi không thích lắm, vì tôi cho những cảnh con con ấy nó làm cho hẹp bớt cái tầm con mắt xem ngắm và thu bớt cái hứng-thú mĩ-tình của mình, sao bằng để cho tấm thần-hồn bay bổng trên ngọn non xanh, mối tình-cảm gởi xa theo dòng nước biếc, ở chỗ trời cao biển rộng vô-cùng...

21 -- Văn thế nào là hay

Văn hay không phải là hay ở mài từng chữ, gọt từng câu, mà hay là ở ý-tứ thâm-trầm thành-thực, khiến cho người đọc câu văn như mắt trông thấy cảnh, tai nghe thấy chuyện mà sinh ra tấm lòng vừa bàng-hoàng vừa cảm-động.

Văn có văn hay về ý-tứ sâu-xa; văn có văn hay về lời-lẽ bóng-bẩy. Văn có ý mà không có lời thì tuy lời bàn câu nói thấu lý đạt tình, nhưng không có vẻ tươi-cười đẹp-đẽ, nồng-nàn như bông hoa đem ướp, có ý-vị thơm-tho mà vẫn không có màu xinh-sắn; văn có lời mà không có ý thì dẫu câu biền câu ngẫu, trổ phượng chạm rồng, nhưng không có vẻ chân-thật trang-nghiêm, bóng-bẩy như cành hoa trong gương, có màu sắc rực-rỡ mà vẫn không có vị thơm-tho.

Nói ngay cũng phải dịu lời; vậy thì văn phải cho có ý sâu-xa thiết-thực là điều cần; còn cũng phải có lời-lẽ êm-ái dịu-dàng để trang-điểm cho bài văn được nhẹ-nhàng thanh-nhã, thì ý-tứ mạch-lạc trong bài lại nhân câu văn mà càng sáng càng tươi. Văn hay là kiêm được cả hai tính-cách; vừa hồn-hậu cổ-kính, lại vừa thanh-tân tao-nhã, vừa có cái hay quí-báu như nhả ngọc phun châu, lại vừa có cái đẹp rực-rỡ như thêu hoa dệt gấm.

Văn được như thế mới thực là văn có giá-trị, muôn đời bất-hủ vậy.

22 -- «Ăn vóc, học hay».

Ăn vóc, là người có ăn thì ngày một lớn, nên vai nên vóc; học hay, là người có học thì ngày một biết, càng khôn càng hay.

Ăn và học là hai món cần cho người ta cả. Có học được thì trí-đức mới khai-thông, tâm-tính mới thuần-hậu; ngu đó mà hóa ra khôn, dốt đó mà hóa ra giỏi, vụng đó mà hóa ra khéo, dữ đó mà hóa ra lành. Người có học thì mới hiểu thuộc việc đời xưa đời nay, tỏ biết những lẽ cao nghĩa cả, để làm người hoàn-toàn có tư-cách ở đời.

Muốn học được như thế là nhờ ở đâu?

— Là nhờ ở tinh-thần tỉnh-tao, trí-tuệ sáng-sủa vậy.

Muốn cho tinh-thần tỉnh-tao, trí-tuệ sáng-sủa lại phải nhờ ở đâu?

— Lại phải nhờ ở sức-vóc mạnh-khỏe, thân-thể nở-nang vậy.

Như thế thì ăn lại cũng là một món cần cho người ta nữa. Có ăn được, thì người mới tráng-kiện, thân mới thư-thái khỏe mạnh. Thân-thể đã mạnh-khỏe rồi thì tinh-thần trí-tuệ mới nhân đó được tinh-tao sáng-sủa mà vui làm công kia việc nọ.

Nhưng ăn đó là để cho sống mà làm việc, chứ nếu chỉ có biết ăn mà thôi, hình như sinh ra suốt đời là để mưu tính miếng ăn miếng uống sao cho ngon miệng no lòng, ngoài ra không còn biết có gì ; ấy là người ăn hại xã-hội, không đáng là người nữa.

Cho nên, việc ăn nọ dẫu là cần mà đó mới là cái phụ-thuộc thôi ; chứ sự học kia mới thực là cái tối-yếu tối-cần, đó mới là cái chính-cốt vậy.

23 — Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Câu ca-dao nói thế là ý nói mình có điều gì tốt, vật gì hay thì phải nên trân-trọng mà giữ-gìn, dẫu thế nào cũng vẫn là của mình, vì điều ấy với mình đã hợp, vật ấy với mình đã quen, đôi bên như đã có cái cảm-tình ngụ với nhau ở trong, không thể xa bỏ nhau được vậy. Nhưng nay có nhiều người hiểu lầm nghĩa mà đã vội cho phong-tục lề-thói nước nhà là tốt đẹp cả mà mỗi mỗi đều giữ lấy giữ để, thì thật không gì sai bằng.

Câu ca-dao kia thực không phải là chỉ nói một ý thủ-cựu vô-nghĩa như thế, vì điều hay thì nên trân-trọng giữ-gìn đã đành, còn điều dở cũng phải trừ bỏ đi mới được. Chớ nếu chỉ độc có một nghĩa là thủ-cựu thì dẫu hay dẫu dở thế nào cũng cứ khư-khư ôm giữ thì văn-hóa phong-tục nước nhà làm sao mà ngày một tốt đẹp, ngày một mở-mang hơn lên được. Phong-tục cổ của nước nhà cũng có chỗ hủ-bại hèn xấu quá thì những điều tệ điều dở phải sửa đổi lại cho ra điều tốt điều hay mới là phải. Miễn là trong khi sửa đổi ấy, bao giờ cũng phải cho hợp với tính-tình phong-hóa của mình mà cái khí-vị « nước ao nhà » thì không bao giờ quên bẵng được.

24. — Thương nhau nước đục cũng trong;
Ghét nhau nước chảy giữa dòng cũng dơ.

Thương nhau nước đục cũng trong,
Ghét nhau nước chảy giữa dòng cũng dơ.

Than ôi ! nước đục làm sao mà lại là trong chỉ vì thương nhau đó thôi, nước giữa dòng làm sao mà lại là dơ, chỉ vì ghét nhau đó thôi ! Câu ca-dao kia ý nói khi yêu thì dẫu xấu cũng cho là tốt ; còn khi ghét thì dẫu tốt cũng coi ra xấu. Cái lẽ « yêu nên tốt, ghét nên xấu » đó cũng là cái lẽ thông-thường xưa nay vậy.

Cổ-văn có chuyện : « Vua nước Vệ rất yêu kẻ bầy-tôi là Di Tử-Hà. Phép nước Vệ, ai đi trộm xe vua thì phải tội chặt chân. Một hôm mẹ Di Tử-Hà ốm nặng, đang đêm Hà vội-vàng lấy xe vua ra đi thăm mẹ. Vua hay chuyện khen rằng : « Ngươi Hà là người rất hiếu, vì đã hết lòng với mẹ », mà vua không nói gì đến tội chặt chân. Lại một hôm Di Tử-Hà theo vua chơi ở ngoài vườn, đang ăn quả đào thấy có vị ngon ngọt khác thường, còn một nửa dâng lên vua ăn. Vua khen rằng : « Ngươi Hà yêu ta thật, miếng ăn đang ngon miệng mà biết nhịn để nhường lại cho ta . »

« Về sau, vua đổi tính, không yêu Di Tử-Hà nữa. Một hôm có lỗi, vua giận nói rằng : « Ngươi Hà trước không giữ phép nước dám thiện-tiện lấy xe ta đi ; lại một bận vô-lễ dám cho ta ăn

Phong-cảnh Thượng-du Bắc-kỳ

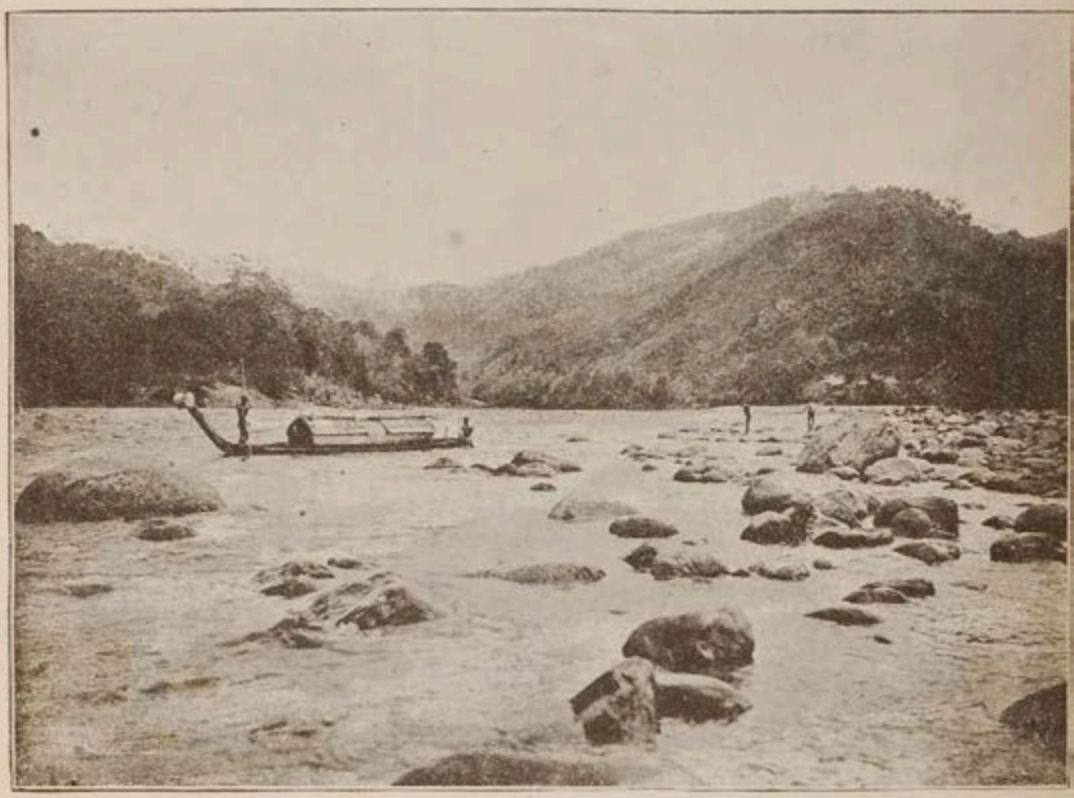

Thác Pia ở Sông-bờ (về mạn Sơn-la)

(Kinh ảnh Nguyễn Văn-Bao)

Phong-cảnh Thượng-du Bắc-kỳ

Thác Soong Muông (Sông Bờ)

(Kinh ảnh Nguyễn Văn-Bao)

quả đào thừa ; ngươi Hà thực đã có tội lớn với ta lâu rồi vậy ». Nói xong cho đem ra trị tội ».

Di Tử-Hà đối với vua trước sau cũng vẫn là một, thế mà trước vua khen, sau vua bắt tội, là chỉ vì khi yêu khi ghét khác nhau mà thôi. Bởi vậy « nên khen chanh thì chanh ngọt, chê hồng thì hồng chua ». Trong lòng nếu đã chứa sự thương, hay đã chứa sự ghét, thì cách cư-xử ở ngoài cũng hình-dung ra thế. Lúc yêu thì dẫu sơ mà cũng hậu; lúc ghét thì dẫu thân mà cũng bạc. Sự yêu ghét của người ta vẫn không nhất-định được vậy.

Than ôi ! miệng thế đảo-điên, lòng người khinh-bạc, kẻ nhập-thế mà xử-sự há chẳng nên dè-dặt lắm ru ?

Ngày mùa xuân, năm kỷ-tị (1929)

Thái-nữ MỘNG-TUYẾT

NƯỚC THỔ-NHĨ-KỲ NGÀY NAY

Nước Thổ-nhĩ-Kỳ (*Turquie*) ngày nay là do Đế-quốc Thổ (*Empire Ottoman*) trước mấy lần phân-liệt mà thành ra. Nước Thổ hiện nay là một nước Á-châu còn có xâm sang Âu-châu một chút. Đế-quốc Thổ trước thời mãi cho đến năm 1912 còn chia ra Tây-Thổ và Đông-Thổ, hay là Âu-Thổ và Á-Thổ. Phần Á-Thổ là gồm những đất *Anatolie*, *Arabie*, *Palestine*, *Syrie*, *Mésopotamie*, *Kurdistan*, những đảo trong bể *Egée* tiếp-cận với các đất đó, lại thêm hai đất *Tripolitaine* và *Cyrénaïque* ở Phi-châu nữa. Hai đất sau đó thời do điều-ước *Ouchy* ngày 18 tháng 10 năm 1912 nhượng hẳn hoàn-toàn chủ-quyền cho nước Ý-đại-lợi. Còn những thuộc-địa của Đế-quốc Thổ ở Âu-châu thì một phần sáp-nhập vào các lân-bang, như *Bulgarie*, *Serbie*, *Grèce*, còn đất *Albanie* thì dựng thành độc-lập. Sau cuộc Âu-chiến năm 1914 - 1918 thời địa-giới Đế-quốc Thổ lại do điều-ước *Lausanne* ngày 24 tháng bảy năm 1922 thay-đổi lại một lần nữa. Lại sau trận Hi-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ đánh nhau ở Tiểu-Á-tế-á, nước Thổ được thắng-trận vào hồi tháng 9 năm 1922, hai nước ký hiệp-ước ngày 30 tháng giêng năm 1923, hiệp ước này cũng là do điều-ước *Lausanne* mà ra, định rằng hai nước phải đổi trả dân cho nhau, những dân Thổ ở đất *Macédoine* cùng các đảo thuộc Hi-lạp thì trả lại cho nước Thổ, còn các dân Hi-lạp ở mấy tỉnh phía đông Tiểu-Á-tế-á thuộc Thổ thì trả lại cho nước Hi-lạp, chỉ trừ người Hi-lạp ở thành *Constantinople* và người Thổ-nhĩ-kỳ ở đông-bộ đất *Thrace* thì không kể vậy.

Trong điều-ước *Lausanne*, từ điều thứ hai đến điều thứ 22, đã định rõ quốc-giới nước Thổ như sau này :

Ở Âu-châu : đường địa-giới phần nhiều chạy theo dọc con sông *Maritza*, mấy cái cù-lao ở trong sông đó thời hai nước Thổ và Hi đều không được đặt quân-bị, mà chia phần mỗi nước như sau này : đảo *Imbros*, đảo *Ténédos*, cù-lao « Thỏ » (*Ile aux lapins*) thì về nước Thổ, còn các đảo khác về Hi-lạp, mà đất *Dodécanèse* thì thuộc Ý-đại-lợi.

Ở Á-châu : đường địa-giới về mặt *Caucase* thì do điều-ước *Kars* ngày 19 tháng 10 năm 1921 định, điều-ước này

của mấy nước Sô-viết Nga, *Géorgie*, *Arménie*, *Azerbaidjan*, và nước Thổ cùng nhau ký; lại một đường nữa phân nước Thổ với đất *Irak* (*Mésopotamie*), và một đường phân nước Thổ với đất *Syrie* theo hiệp-ước ngày 20 tháng mười năm 1921, nhưng đường sau này về phần nước Thổ còn có điều dị-nghị, chưa giải-quyết xong.

Đường phân-giới với nước Ba-tư (*Perse*), thì đã định xong ngày 31 tháng 10 năm 1925.

Trừ cái phần đất xen sang Âu-châu một chút, còn thời khu-vực nước Thổ ngày nay phần nhiều là ở Tiểu-Á-tế-á mà trung-tâm là đất cao-nguyên *Anatolie*.

Từ trận đánh nhau với Hi-lạp, thì phần dân Hi-lạp bị bài-trừ ra ngoài đất Thổ cả, hiện nay ở nước Thổ chỉ còn toàn dân Thổ thôi, trừ phần đất ở Âu-châu và thành *Constanstinople* còn có tạp cả người các nước và người Hi-lạp phần nhiều, thì không kể.

Chính người Thổ ước mười triệu, cũng chia ra người «Thổ gốc» thuộc về cựu-chủng *Oghouz* hay là *Yourack*, người *Zeibeks* và *Komènes*, tùy nơi cách sinh-hoạt có khác nhau, có chỗ là dân du-mục, có chỗ nửa du-mục nửa định-cư, có chỗ định-cư hẳn. Ngoại-giả còn có những thực-dân theo đạo Hồi mà nhập-tịch Thổ, gọi tên chung là *Mohadjirs*, như: người *Pomaks* và *Komiques* ở miền *Smyrne* và *Brousse*, người *Tatars* (Thát-đát) ở đất *Dobroudja* và đất *Crimée*, người *Lazes* ở miền Hắc-hải và người *Circassiens*. Thuộc về đạo Hồi, còn có người *Arabes* (Ả-rập), chừng 70 vạn, nguyên ở đất *Syrie* sang *Cilicie*, và phần nhiều là về giáo-phái *Nossairis*; lại còn hai triệu người *Kurdes* ở vào miền núi về mặt đông-giới, thành đoàn-thể đông-đúc có liên-tiếp với các đoàn-thể đồng-chủng ở *Perse* (Ba-tư), *Arménie*, *Irak* và *Syrie*.

Thuộc về tôn-giáo khác thì có người *Juifs* (Do-thái), 20 vạn, trong số đó thời một phần mười về phái *Deunmeh* đã cải theo đạo Hồi, ở nhiều nhất ở *Constantinople*; người *Tsiganes*, 6 vạn, ở mạn đất *Cilicie* và thành *Smyrne*; người *Arméniens* thời trước có đến ngót hai triệu, hồi năm 1915 bị sát-lục cũng nhiều; người *Assyro-Chaldéens*, phần nhiều đã di-cư sang đất *Mésopotamie*; sau hết đến các dân theo Cơ-đốc-giáo (*Chrétiens*), ước năm vạn người.

Ngày 28 tháng 10 năm 1927, nước Thổ mới có lệnh điều-tra nhân-khẩu theo phép thống-kế mới, chứ trước ngày ấy thì không biết đích dân-số là bao nhiêu. Năm 1914 thì ước được 15 triệu 70 vạn người, nhưng trong khoảng năm 1922-1924 đã mất một triệu rưởi người *Grecs* và *Arméniens* dời bỏ đi nơi khác (trong khi ấy thời được 40 vạn người Thổ ở *Macédoine* về nước bù lại), thành-thử còn lại có 13 triệu 66 vạn, chia ra số đàn-ông 6 triệu 58 vạn 4 nghìn người và số đàn-bà 7 triệu 7 vạn 5 nghìn người, tính quân-bình chiếu với diện-tích là mỗi cây-lô-mét vuông 17 người, và sánh với số trước khi chiến-tranh thì hiện giảm mất hai triệu vậy.

Nhất là thành *Constantinople*, tuy hòa-ước *Lausanne* vẫn đặc-biệt cho phép người *Grecs* và người *Arméniens* ở, mà dân-số bị giảm sút đi nhiều hơn cả: năm 1914 có 386.000 người, nay chỉ còn 261.000. Trái lại thời kinh-đô mới là *Angora* (chính tiếng Thổ đọc là *Ankara*) nay đã được ngót 6 vạn người.

Dân ở thành-thị vẫn còn ít hơn dân nhà quê; tính ra số dân các thành-phố tổng-cộng mới được có 2 triệu 90 vạn người; nhưng từ khi chiến-tranh đến giờ đã thấy nhóm lên cái phong-trào bỏ quê ra tỉnh.

. . .

Thổ-đế-quốc bắt đầu thành-lập từ cuối thế-kỷ thứ 13, do vua Orhman đệ-

nhất thừa cái cơ-nghiệp cũ đã bị tàn của họ *Seldjoukides* mà dựng ra năm 1299. Con là ORKHAN chiếm-cứ thành *Brousse*, định đô ở đấy. Sau khi đã dùng quân-đội riêng gọi là quân *Janissaires* chinh-phục được cả cõi Tiểu-Á-tế-á rồi, bấy giờ mới bắt đầu xâm sang đất Âu-châu. Vua kế-nghiệp là ACHMET đệ-nhất chiếm thành *Andrinople*, thiên đô ra đó, rồi tiến lên miền *Balkans*. BAJAZET đệ-nhất kiêm-tính thêm đất *Valachie*, đánh quan Thập-tự ở *Nicopolis*, rồi sau khi chinh-phục được đất *Grèce*, đến vây thành *Constantinople*; giữa lúc bấy giờ thì quân TIMOUR (nay là TAMERLAN, tướng Mông-cổ, tổ nhà Nguyên, sử Tàu dịch là Thiết-mộc-chân 鐵木眞) tràn qua bờ cõi, phải gấp chạy về Á-châu, bị thua và bị bắt ở *Angora* năm 1402. MAHOMET đệ-nhất và AMURAT đệ-nhị lại kế-tục cái sự-nghiệp khuếch-trương đó, chiếm đất *Albanie* và đất *Serbie*. Đến MAHOMET đệ-nhị khuynh-đảo được Đông-Đế-quốc La-mã và chiếm-cứ được thành *Constantinople* năm 1453, thế là hoàn-hành cái sự-nghiệp chinh-phục của người Thổ ở Âu-châu. SÉLIM đệ-nhất kiêm-tính thêm đất *Syrie*, đất *Palestine*, đất *Egypte* (Ai-cập), thành *La Mecque* (nơi thánh-địa đạo Hồi), thành *Alger* (năm 1520). SOLIMAN đệ-nhị, hiệu là SOLIMAN Đại-Đế, chiếm đảo *Rhodes*, năm 1529 đem quân đến đóng vây trước thành *Vienne*, rồi lại kiêm-tính thêm hai thành *Tunis* và *Tripoli* nữa (1534-1551). Từ đấy về sau là đến thời-kỳ đế-quốc suy-đồi, rồi cứ hết tỉnh nọ đến tỉnh kia lần lần bị phân-liệt hết.

Trận *Lépante*, thủy-quân Thổ bị phá-diệt, nước Thổ phải ký hòa-ước *Carlowitz* năm 1699, và cắt đất *Hongrie* và *Transylvanie* cho nước Áo (*Autriche*); sau lại ký ước *Kainardji* năm 1774 nhượng đất *Bukovine* và đất *Tiểu-Tartarie* cho nước Nga; đến năm 1783 lại cắt cho nước ấy đất *Crimée* và năm 1790-1792 một phần đất *Caucase*. Trận đánh với Nga năm 1809-1812 lại thua, phải ký hòa-ước *Bucarest*, lại nhượng cho nước Nga cả địa-hạt ở giữa khoảng hai sông *Dniéper* và *Danube*. Năm 1815, các đảo nhỏ ở bể *Ionie* qua thuộc quyền bảo-hộ của nước Anh. Năm 1820-1830, nước *Grèce* (Hi-lạp) khôi-phục quyền độc-lập. Cũng năm 1830 nước Pháp chiếm-lĩnh đất *Algérie* còn tổng-đốc Ai-cập là MÉHÉMET ALI thời nổi lên phản-đối triều-đình Thổ, chinh-phục đất *Syrie*, đã tiến quân đến *Constantinople*, sau triều-đình phải châm-chước nhường cho quyền phó-vương Ai-cập, được di-truyền thế-tập.

Nước Nga bấy giờ lại có ý lăm-le, sau nhờ có liên-quân Pháp, Anh và Ý đánh trận *Crimée*, Nga bị thua, phải ký hòa-ước *Paris* năm 1856. Nhưng rồi nhân hai châu *Bosnie* và *Herzégovine* nổi loạn năm 1875, nước Nga được ba xứ *Roumanie*, *Serbie* và *Monténégro* giúp, năm 1877 lại khai-chiến với Thổ. Người Thổ cũng hết sức đánh giữ về mặt Âu-châu, nhưng không thể địch được, phải ký dự-ước *San Stefano* (1878), rồi ký hòa-ước *Berlin* công-nhận cho ba nước *Roumanie*, *Serbie*, *Monténégro* được độc-lập, nhường *Kars* và *Batoum* ở Tiểu-Á-tế-á cho Nga, cho phép nước Áo chiếm hai châu *Bosnie* và *Herzégovine*, và Anh thời chiếm-lĩnh đảo *Chypre*. Còn đất *Bulgarie* và đất *Đông-Roumélie* thời đặt thành quân tự-trị, phải tuế-cống cho triều-đình, rồi đến năm 1885 thời hai xứ hợp-nhất.

Về đời ABD UL-HAMID có tiếng là tay chuyên-chế độc-ác, người Tây đã tặng cho cái tên là « Hồng-sắc Thổ-hoàng » (*le Sultan rouge*), trị-vì ba-mươi năm (1879-1906), nhân nước Thổ nợ nhiều quá không thể trả được, liệt-cường Âu-châu phải đứng lên quản-lý kho quốc-trái của Thổ, lấy mấy khoản thu-nhập trọng-yếu sung vào đó. Thổ-hoàng thời muốn lợi-dụng cái danh-hiệu là

giáo-chủ đạo Hồi, thi-hành cái chủ-nghĩa « Đại Hồi-hồi » (*panislamisme*) nghĩa là khuếch-trương cái thế-lực của các dân Hồi-giáo đối với các dân ngoại-đạo. Nhân cái chính-sách đó mà năm 1895 dân Hồi-giáo giết hại mất 25 vạn người *Arméniens*; còn dân *Slaves* (Ti-lạp-phu) ở đất *Macédoine* thời nổi loạn lên, triều-đình phải hạ lệnh cải-cách chính-trị, nhưng chẳng qua là cải-cách trên tờ giấy, chứ không có thực-hành gì. Trong khi ấy thời nước Đức cổ-động dữ để khuếch-trương thế-lực của mình ở miền Cận-Đông, và vận-động được lĩnh-trưng đường *Bagdabahn* là đường xe-lửa nối liền kinh-đô *Constantinople* với thành *Bagdad*.

Nhưng ngay ở thành *Salonique*, đất *Macédoine*, bọn quan-liêu cùng quân-quan Thổ bất-bình với Chính-phủ họp nhau lại để vận-động phản-đối, lập một hội-đồng bí-mật đặt tên là hội « Đồng-tâm Tiến-bộ » (*Union et Progrès*). Tháng bảy năm 1908, quân-đội đóng ở miền ấy nổi loạn, trong ba tuần-lễ được thắng-thế. Triều-đình mưu ngầm xui bọn quân-lính phản lại, nhưng đảng thiếu-niên Thổ (*Jeunes Turcs*) trong hội « Đồng-tâm » dẹp được yên ngay, rồi tiến lên lấy kinh-đô *Constantinople*, phế vua ABD-UL-HAMID, đặt em đã 64 tuổi lên thay, lấy hiệu là MOHOMET đệ-ngũ.

Hội « Đồng-tâm » đã được thắng-thế, bấy giờ mới tuyên-bố chương-trình, điều thứ nhất là định «thổ-hóa» (*turquisation*) cả toàn-hạt, nghĩa là bắt các dân giống khác ở trong địa-hạt nước Thổ phải hóa theo người Thổ cả. Nhân đó dân *Arabie* và *Albanie* nổi loạn. Hội phải chịu nhượng-bộ cho hai xứ ấy

Chính-sách của đảng Tân-Thổ cũng gây ra một cuộc phản-động ở *Macédoine* và ở *Crète*, năm 1912 lập ra một liên-đảng các xứ ở miền *Balkans* (*Ligue balkanique*) để phản-đối với chánh-phủ *Constantinople*; đến tháng 10 năm ấy thời nước *Monténégro* trước, rồi đến nước *Grèce*, nước *Bulgarie* và nước *Serbie* cùng khai-chiến với Thổ, trận này liên-quân được thắng, sau vì có nước Áo và nước Nga can-thiệp, nên phải đình-chiến. Đến khoảng tháng 6 tháng 8 năm 1913, lại khởi ra một cuộc chiến-tranh thứ nhì nữa, lần này là *Bulgarie* muốn giữ lấy đất *Macédoine* một mình gây sự đánh nhau với các bạn đồng-minh năm trước. *Bulgarie* bị thua, phải ký ba hòa-ước ở *Bucarest*, *Constantinople* và *Athènes* (trong khoảng tháng 8 năm 1913 đến tháng 3 năm 1914).

Nước Ý thời hồi tháng 9 năm 1911, đã từng khai-chiến với Thổ, lấy cớ vì quyền-lợi bị thiệt-hại ở *Tripolitaine*, rồi chiếm lấy hai cửa bể *Tripoli* và *Bengazi*, kiêm-tính đất *Lybie* và chiếm-cứ đất *Dodécanèse* cùng đảo *Rhodes*. Sau ký hòa-ước *Lausanne* ngày 15 tháng 10 năm 1912, thời bỏ đất *Dodécanèse* và công-nhiên giữ đất *Lybie*.

Nhưng nhân vì cuộc Âu-chiến sắp tới, tình-thế nước Thổ còn biến nhiều nữa. Trong cuộc này, đáng lẽ Thổ giữ trung-lập là phải; ngay từ ngày mồng 3 tháng 8 năm 1914 lại hạ lệnh động-binh, do bọn quân-quan Đức chủ-trương, rồi lại bội lời ước mà để cho hai chiếc tuần-dương-hạm của Đức *Gœben* và *Breslau* đi qua cửa *Dardanelles*, còn tầu các nước khác thì đóng cửa không cho vào; các luật biệt-đãi người ngoại-quốc thì ngay mồng 1 tháng 10 tuyên-bố bãi bỏ hết; kế đến đại-sứ các nước Nga, Anh, Pháp, lần lượt nhau dời bỏ kinh-thành *Constantinople*, rồi thời Thổ-hoàng khai-chiến với Tam-quốc Đồng-minh. Nhưng mà bấy giờ vua đã không còn có quyền-lực gì nữa rồi, thủ-tướng TALAAT, binh-bộ thượng-thư ENVER cùng với các lãnh-tụ đảng Tân-Thổ công-nhiên ra tay chủ-trương việc nước. Ở Tiểu-

Á-tế-á thì giết hại dân *Arméniens*, ở địa-giới *Syrie* thì tiến lên đánh sông Vận-hà *Suez*.

Ngày 18 tháng 3 năm 1915, hải-quân Anh và Pháp định vào phá cửa *Dardanelles*, đổ quân lên bộ, đánh vào các chiến-tuyến của Thổ trong chín tháng không ăn thua gì, mãi đến tháng giêng năm 1916, rồi phải dồn quân về *Salonique*, ở qua mùa đông mà đặt đồn-lũy phòng-bị. Trong năm 1916-1917, quân Đồng-minh đánh được nhiều trận, nhưng không biết khéo lợi-dụng thành kết-quả gì cả; kế đến mùa hạ năm 1918, các quân đồng minh khéo hiệp-lực nhau cùng tiến lên công-kích, quân Pháp bức đến tận đường sông *Danube*, và quân Anh cùng quân Hi-lạp thì gần tới *Constantinople*. Chính-phủ Thổ phải ký với người Anh một tờ ước đình-chiến ở *Moudros* ngày 30 tháng 10 năm 1918, quân Anh mới chịu dừng lại. Trong khi ấy thời quân Anh cùng quân Ả-rập, có một đội quân Pháp giúp, đánh ở *Palestine* và *Syrie*, hai xứ ấy tự thoát-li quyền thống-trị nước Thổ (thành *Jérusalem* thất-thủ ngày mồng 9 tháng 12 năm 1917, thành *Damas* ngày 30 tháng 9 năm ấy).

Theo hòa-ước ký ở *Sèvres* ngày mồng 10 tháng 8 năm 1920 thì nước Thổ chỉ còn có miền phụ-cận thành *Constantinople* cùng với đất *Anatolie* mà thôi, còn các xứ *Arménie*, *Syrie* và *Mésopotamie* thời công-nhiên được độc-lập. Nhưng kế đấy thời Thổ-hoàng bị phế, chính-thể quân-chủ bị khuynh-đảo, đặt chính-phủ lâm-thời, MUSTAPHA KEMAL chủ-trương, tuyên-bố không thừa-nhận hòa-ước; thừa lúc quân Hi-lạp tiến vào cửa *Smyrne* nhân-dân công-phẫn, MUSTAPHA-KEMAL liền triệu-tập Quốc-hội, quyết ra tay chống-cự. Trận mùa hạ năm 1921, quân Thổ đánh được quân Hi-lạp ở *Anatolie*; đến tháng 9 năm sau thì người Thổ toàn-thắng, thu-phục được thành *Smyrne*.

Nước Thổ cùng với các nước Đồng-minh hai lần họp hội-nghị ở *Lausanne*, kết-quả là điều-ước ngày 24 tháng 7 năm 1923, Âu-châu công-nhận cho nước Thổ là gồm cả các địa-hạt có dân Thổ ở, tuy diện-tích hẹp kém trước nhiều, nhưng có đủ các đường giao-thông ra bể, địa-giới các mặt định rõ như trên kia đã kể. Theo điều-ước thì các đặc-quyền của ngoại-quốc ở Thổ (tức tiếng tây gọi là *capitulations*, nghĩa là những quyền nước Thổ đành chịu phóng-khí để biệt-đãi người ngoại-quốc, tức như quyền lãnh-sự tài-phán ở Tàu vậy) bị bãi bỏ hết, lại định phương-pháp liễu-kết cái tình-hình tài-chính của Đế-quốc Thổ trước và định chế-độ kinh-tế của nước Thổ mới; nhưng còn nhiều vấn-đề thuộc về lợi-quyền của liệt-cường Anh, Nga, Pháp Ý trong phần di-sản của Thổ đế-quốc cũ, thời điều-ước cũng chưa giải-quyết được hết; song các khoản đó là đành quyền Hội Vạn-quốc xử-trí sau này.

Mùa xuân năm 1927 vua AMANULLAH nước *Afghanistan* sang thăm giám-quốc Thổ MUSTAPHA-KEMAL ở *Angora*, lại vừa đi thăm cả nước Nga và nước Ba-tư nữa. Hai nước Thổ và *Afghanistan* cùng theo đạo Hồi, cùng thuộc về giáo phái *Sunnite*, cho nên cuộc du-lịch đó cốt là để liên-lạc hai nước đồng-giáo với nhau. Vua AMANULLAH có nhờ nước Thổ cấp cho quân-quan và cố-vấn để huấn-luyện quân-đội nước mình. Nhưng sau nước *Afghanistan* có nội-loạn, vua phải chạy trốn, việc giao-hiếu hai nước chưa có kết-quả gì.

. .

Nói về chính-thể thì chính-phủ quốc-dân Thổ ngày nay là thay cho Chính-phủ Thổ-hoàng kiêm giáo-hoàng đạo Hồi (*Sultan-khalife*) khi trước. Quốc-hội họp ở *Angora* đặt ra chính-thể mới ngày 26 tháng giêng năm 1920; bãi bỏ ngôi hoàng-đế ngày 20 tháng

11 năm 1922 ngôi giáo-hoàng thì do luật ngày mồng 3 tháng 3 năm 1924 bãi bỏ sau), tuyên-bố Dân-quốc ngày 29 tháng 10 năm 1923, và bầu luôn thống-tướng MUSTAPHA KEMAL GHAZI làm giám-quốc, ngày mồng 1 tháng 11 năm 1927 lại được Quốc-hội tái-bầu một kỳ-hạn nữa. Định thể-thức chính-phủ mới thì do nơi đạo luật ngày 20 tháng giêng năm 1921, ngày mồng 1 tháng 11 năm 1922, ngày 29 tháng 10 năm 1923, rồi đến Hiến-pháp ngày 29 tháng 4 năm 1924. Theo hiến-pháp này thì chức Giám-quốc là do Quốc-hội bầu bốn năm, hết hạn có thể tái-bầu được. Quan Giám-quốc thay mặt nhà nước đối với các nước ngoài, chủ-trương quyền hành-chính, thống-lĩnh các hải-lục-quân và có quyền ân-xá cho kẻ có tội. Bổ-nhiệm chức Tổng-lý Nội-các và chuẩn-nhận các Tổng-trưởng các bộ do tổng-lý lựa chọn trong hàng nghị-viên; đề-xướng các luật-lệ và có quyền bác những luật của Nghị-viện quyết-nghị. Giúp việc cho quan Giám-quốc thì có đặt một «Quốc-gia Hội-nghị» *Conseil d'Etat*) để thẩm xét các luật-lệ cùng điều-ước và một «Quốc-gia Thượng-viện» (*Cour d'État suprême*) để lâm-thời xét-xử các quan Nội-các, các quan cố-vấn Quốc-gia hội-nghị, và các quan tòa án phúc-thẩm.

Quốc-hội có 265 nghị-viên (chiếu dân-số cứ 20.000 dân đàn-ông được bầu một người), kỳ-hạn bốn năm, bầu theo lối phổ-thông đầu-phiếu, toàn-quốc chia làm 63 khu bầu. Cứ lý-thuyết thì Chính-phủ phải có quốc hội tín-nhiệm mới làm việc được. Quốc-ngữ là tiếng Thổ, và quốc-văn là quốc-ngữ viết theo chữ la-tinh, định bắt đầu từ mồng 1 tháng giêng năm 1929 thông-dụng khắp trong nước.

Quốc-đô là thành *Angora*, còn cựu-đô là thành *Constantinople* thì từ nay thành một tỉnh-lỵ thường. Năm 1923 thay đổi lại các địa-hạt trong nước, chia ra làm 63 tỉnh (*vilayet*), mỗi tỉnh có quan tổng-đốc (*vali*) cai-trị, và gồm các châu-quận cũ (*sandjak*) bãi từ khi chiến-tranh, lại chia ra phủ huyện (*kaza*), do các phủ-huyện quan (*kaimakan*) cai-trị; cuối cùng là thôn-xã (*nahiyé*) có một hội-đồng hàng xã và một xã-trưởng (*mudir*) do hội-đồng bầu quản-trị công việc.

Quốc-kỳ (cờ cho quân-đội và cho cả các tầu buôn) sắc đỏ, giữa có cái lưỡi liềm và ngôi sao sắc trắng.

Quốc-giáo là đạo Hồi, về phái *Sunnite*, mà hình-thức lễ-bái thì thường theo phái *Hanéfite*; nhưng theo sắc-lệnh ngày mồng 2 tháng 9 năm 1925, thì phàm các đạo-viện, đạo-đoàn, tu-viện đều bãi-bỏ hết, và bọn tăng-lữ nhất-luật gọi là «giáo-sĩ» (*uléma*) cả. Tháng tư năm 1927, Quốc-hội đã quyết-nghị luật chính giáo phân-li và hiện nay chính-phủ đương thi-hành cái chương-trình «hóa-tục» (*laïcisation*) cả các chế-độ cũ trong nước.

. . .

Nói về đường kinh-tế, thì nước Thổ ngày nay tuy hầu hết thu cả về một đất Tiểu-Á-tế-á, nhưng đất này cũng là một đất tốt, trừ có một vài nơi hoang-tịch, còn thì sản lúa, sản bông, thuốc lá, các thức quả cũng nhiều, lại ở *Konya* sản nha-phiến, ở *Adana* sản cà-phê. Dân quê nuôi dê nuôi cừu nhiều lắm, lông dùng để dệt đệm. Thổ-nhĩ-kỳ đã có tiếng. Miền *Brousse* thời sản tơ và miền *Aïdin* sản dầu ô-li-va.

Đất vốn là đất son-lâm, nhiều các mỏ: có mỏ than ở miền *Héraclée* than cây (*lignite*), dầu hỏa ở miền giáp-giới nước Thổ với nước Ba-tư, vàng, bạc ở miền *Konya*, chì, kẽm, *manganèse*, *antimoine*, thủy-ngân, sắt ở miền *Adana*, đồng, «bọt bể» (*écume de mer*, nhất-danh là *magnésite*); lại có ruộng muối ở gần *Angora*, cùng suối ôn-tuyền, suối lưu-hoàng. Ở các tỉnh-thành lớn,

còn giữ lối cũ, các nghề-nghiệp họp thành phường. Công-nghệ còn có tính-cách thuộc về gia-đình, nhưng vì sự chiến-tranh mà bị ngăn-trở không phát-đạt được; các xưởng dệt bông phần nhiều ở miền duyên-hải, xưởng dệt lụa ở *Smyrne*, *Brousse* và *Van*. Nghề dệt thảm trứ-danh nhất là ở *Angora*, *Brousse*, *Konya* và *Smyrne*, nhưng từ khi người Hi-lạp đi cũng bị thiệt-hại. Việc thông-thương phần nhiều với nước Anh, nước Mĩ, nước Ý, nước Đức, nước Pháp, nước Nga, v. v., và do hai cửa bể lớn *Constantinople* và *Smyrne*; thông-thương với nước Nga và nước Ba-tư lại do đường bộ nhiều. Nhập-cảng thời các đồ dệt, thóc lúa; xuất-cảng thời các thức quả, thuốc lá, than, giấy, da, v. v.. Đường xe-lửa thì ở Âu-châu có đường *Constantinople-Andrinople* thuộc về đường đại-lục quốc-tế *Orient-express*, ở Á-châu có mươi đường (ước ba nghìn cây-lô-mét), đường lớn nhất là đường *Bagdadbahn* cũ, đi đến *Nissibin*, đoạn sau cùng làm đường phân-giới với đất *Syrie* thuộc Pháp thừa ủy-nhiệm Hội Vạn-quốc cai-trị. Các đường quan-lộ lớn thì có đường *Angora-Erzeroum* (865 cây-lô-mét) và đường *Diarbekir-Sivas* (935 cây-lô-mét). Tàu biển vãng-phản các cửa bể lớn và qua lại eo bể *Bosphore* phần nhiều là tàu Thổ, Anh Ý và Pháp.

∴

Nay nói về đường văn-chương, mĩ-thuật, tư-tưởng

Tiếng Thổ, cứ xét các chữ gốc và xét cái tinh-thần đặc-biệt, thì là thuộc về loại các tiếng Á-châu gọi tổng-danh là « tiếng miền núi *Ourals* và *Altai* » (*langues ouralo-altaïques*); nhưng thực thì là một thứ tiếng tạp lắm, cũng như tiếng Anh, vì vốn ít chữ dùng, phải mượn nhiều chữ ở tiếng Ả-rập, tiếng Ba-tư, vì lẽ văn-hóa, lẽ tôn-giáo; trước kia cũng viết như chữ Ả-rập, tự tay phải sang tay trái, cho đến ngày mồng 1 tháng giêng năm 1929 Chính-phủ mới ban-lệnh bắt phải nhất-luật viết bằng chữ la-tinh.

Người Thổ vốn vẫn có tính thượng-võ, nên các nhà làm sách bằng văn xuôi đầu tiên là nhà làm sử biên-chép các chiến-công. Trứ-danh nhất là SUD-ED-DIN, mất năm 1598, tác-giả sách « Đế-vương-ký » (*la Couronne des Couronnes*), chép mãi đến đời SÉLIM đệ-nhất (1512-1520). Lại còn mấy nhà nữa như NAMA chép sử giản-dị hơn, sinh-trưởng về thế-kỷ thứ 18, như HADJI KALIFA về thế-kỷ thứ 19 có làm một bộ sử về các hải-chiến của Thổ-nhĩ-kỳ. Nước Thổ lại còn nhiều nhà làm những sách tự-điển về các danh-nhân trong nước, như TACH KEUPREU ZADEH mất năm 1560, sách du-ký, sách sứ-trình, sách sử ngoại-giao, sử quân-sự, toàn là những sách thiết-thực cả, chứ những sách văn-chương du-hí không có mấy, đó có lẽ cũng là bởi cái tinh-thần thượng-võ nó ảnh-hưởng đến sự-nghiệp văn-chương vậy. Đời cổ-văn thịnh là thế-kỷ thứ 16. Tuy-nhiên, thi-ca cũng không phải không có người trọng; các nhà trứ-danh về lối cổ-thi thời có FOZOULI và BÀKI mất năm 1599; rồi đến NAMID và SHEIKH GHALIB về thế-kỷ thứ 18. Về cận-đại, nước Thổ cũng sản được nhiều thi-ca và tiểu-thuyết, tác-giả cũng có khi là đàn bà. Duy nghề diễn-kịch thì không mấy người tập, các phường tuồng gánh hát hầu hết là người *Arméniens*, vì đàn-bà Thổ không thể làm nghề hát được. Lại các khoa bác vật và khoa số-học, người Thổ cũng không từng chuyên-trị nghiên-cứu. Sự sinh-hoạt về tri-thức ở nước Thổ ngày nay phần nhiều là phát-biểu ra ở các báo-chí: đời vua ABD UL-HAMID hầu không có một tờ báo nào, từ hồi cách-mệnh trở đi các báo mới lập ra nhiều, đến năm 1923 thì trong nước có 76 tờ báo, trong số đó có 38 tờ bằng tiếng thổ, nhưng

từ khi người *Grecs* và người *Arméniens* dời bỏ nước Thổ đi thì báo-chí của họ cũng mất hết, và hiện các báo đều do chính-phủ kiểm-duyệt cả; mấy tờ báo có tiếng bây giờ là báo *Djum houriet* (nghĩa là Dân-quốc, báo *Ikdam* (nghĩa là Tiến-bộ), v. v. — Sự học thì trước kia trừ ở kinh-đô, còn suốt trong nước chỉ có trường đạo, và chỉ học một quyển kinh Cổ-lan (*Coran*) mà thôi. Luật ngày mồng 3 tháng 3 năm 1924 mới sửa lại phép giáo-dục cho được thống-nhất và phân-biệt với tôn-giáo: các trường đạo cùng cả các trường của chính-phủ đều thống-thuộc Bộ Học; còn trường tư thì Bộ Học có quyền kiểm-sát; lại tổ-chức cả nữ-học nữa.

Số trường học tổng-cộng được 4 vạn, và số học trò được ngót 1 triệu 25 vạn. Xem như thế thì chính-phủ hiện-thời thật đã ra công ban-bố sự học trong dân-gian vậy. Trường Đại-học *Constantinople* lập tự năm 1870, có năm ban; ngoại-giả lại còn nhiều các trường chuyên-môn của Nhà-nước nữa, những trường có tiếng nhất là các trường võ-bị, ở một nước thượng-võ thì đó cũng là một điều tự-nhiên vậy.

Người Thổ đi chinh-phục đến đâu đem đạo Hồi theo đến đấy, rất là trung-thành với các phép-tắc của Hồi-giáo. Đạo Hồi vốn nghiêm-cấm không được hình-dung mặt người, bởi thế nên về mĩ-thuật những nghề vẽ, nghề chạm không có gì, trừ vẽ chạm những kiểu trang-sức thường không kể; nhưng nghề kiến-trúc thì người Thổ sở-trường, vả cũng thích-hợp với tư-cách một dân hiếu-chinh phạt vậy. Giống Thổ là giống Đột-quyết (突厥 *T'ou-kiue*), nguyên ở trung-bộ Á-châu lại, đem theo những thợ khéo Ba-tư, nên phàm công-trình kiến-trúc, như nhà thờ (*mosquées*), trường học (*medressés*), lâu-thành, lăng-mộ, đều chịu ảnh-hưởng và theo qui-thức của Ba-tư cả. Đồng-thời lại lợi-dụng cả các di-tích kiến-trúc cũ về đời Tỉ-tăng-ti (*époque byzantine*), ở các nơi chinh-phục được của người Hi-lạp còn nhiều lắm. Bởi thế nên ở cựu-đô *Constantinople* có thấy có 500 cái nhà thờ đạo Hồi, thì 90 cái là các nhà thờ Thiên-chúa của Hi-lạp cũ, sửa-đổi lại để thờ đạo Hồi, bỏ các nơi chính-điện và các cửa đá khảm (*mosaïque*), và đặt thêm tháp vào những nhà thờ nào có Hoàng-đế đến ngự lễ thì có bốn tháp, như nhà thờ *Sainte-Sophie* đã có tiếng là một nơi danh-thắng.

Những cung-điện ở *Constantinople* xây sau hồi chinh-phục năm 1453, thì thường có chịu ảnh-hưởng mĩ-thuật nước Ý, vì các Thổ-hoàng thường dùng thợ Ý để xây-dựng, coi không được mĩ-lệ rực-rỡ như các cung-điện kiểu Ba-tư. Theo kiểu sau này thời đẹp nhất là nhà thờ xanh ở thành *Brousse*, về phía đông eo bể *Bosphore*, xây vào năm 1420, vừa có cái vẻ mĩ-thuật Ả-rập, lại vừa có cái vẻ mĩ-thuật Ba-tư, cũng như nhà thờ lớn ở *Konya*, trường học đạo ở *Sivas* của nhà vua *Seldioukides* lập ra.

Tự khi Giám-quốc MUSTAPHA KÉMAL chủ-trương việc nước, thời đem những tư-tưởng duy-tân truyền-bá trong nước, phá đổ những thiên-kiến hủ-lậu, nên không có kiêng-kỵ gì về sự hình-dung mặt người ra tranh ra tượng. Nhân đó những tranh những tượng của Giám-quốc xuất-hiện ra vô-số. Tuy-nhiên lối mĩ-thuật cũ vẫn còn thịnh trong nghề dệt thảm, có tiếng nhất là ở *Smyrne*, *Angora*, *Oushak*, v. v. — Nghề âm-nhạc cũng như nghề kiến-trúc, xem ra chịu ảnh-hưởng của Ả-rập và Ba-tư nhiều; phần nhiều là lối âm-nhạc của bình-dân, đồ nhạc-khí ít lắm: cái sáo, cái trống tiểu-cổ, cái nhị kéo, cái đàn cầm, v.v.. Có một bài quốc-ca, đặt theo tên Giám-quốc, là « Kê-man hành ».

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

TUỒNG-HÁT LỐI MỚI

LÃO AN THIẾU HOÀI

Chương-trình

Một ông cụ đồ đêm đêm ra sông câu, gặp một nhà văn-sĩ cũng hay ra đó ngâm thơ ngoạn cảnh, hai người lấy làm tương-đắc, đêm đêm ngâm vịnh, làm cho bọn thuyền chài bọn mò cua ở bến sông cũng phải thích, đều đến cầu xin học lối ngâm thơ.

Nhà văn-sĩ một hôm theo lệ thường ra chờ mãi không thấy ông cụ đồ, ngồi một mình buồn rầu kể truyện, câu truyện thú-vị, lọt tai một mĩ-nhân, vì mĩ-nhân vừa dắt một đứa bé, toan ra sông hóng mát, nhân khi chồng đi vắng, nghe thấy câu truyện tình véo-von mà mê nhau, vì thằng bé nó khóc, mà phải hẹn-hò đến tối sau tự-tình.

Tối mai nhà văn-sĩ nóng lòng sốt ruột, ra trước chờ mĩ-nhân, xa xa thấy bóng người, vội lên tiếng kể truyện, nào ngờ bà cụ đồ ra tìm chồng có việc cần, bỗng nghe thấy tiếng hát, tưởng là ông cụ đồ mắc tình với cô nào, liền nổi máu ghen, tảng lờ giọng người con gái kể truyện đáp lại, xem tình-ý ông cụ đồ ra sao. Đến khi đôi bên gặp nhau thì ra lầm cả, mới bẽn lẽn.

Đến khi mĩ-nhân ra thấy bóng ông cụ đồ ngồi câu, ngỡ là văn-sĩ đợi mình, lên tiếng kể truyện, cụ đồ đương ngồi câu lóng nghe liền vất cả cần câu lẫn bầu rượu túi thơ, ra kể truyện phong-tình đáp lại, khi hai bên gặp nhau, mới biết là lầm, rồi cùng bẽn-lẽn mắng cãi nhau.

∴

BÀI-TRÍ

Cảnh sơn-thủy đêm trăng

LỚP THỨ I

Cụ-đồ đeo bầu rượu túi thơ, vác cần câu đi câu, nói lối :

Tôi vốn là nhà lão-học; ngán vì nước đục đi câu. Nhuốm tuyết sương chốc đã bạc đầu; ngán non nước tỏ mầu xanh mắt. À như lão trót sinh lên trái đất; thú vui riêng chiếm bầu trời. Buông cần câu trúc gieo mồi, dàng sợi giây tơ bắt cá. Thế mà lão vẫn ăn chơi ra phá, luống hãy còn thanh-thả ngồi câu. Từng trải bao gió mát trăng thâu; vẫn đủng-đỉnh rượu bầu thơ túi. Nào lão đi ra sông câu chơi đã nào.

Ra ngồi câu nói :

— Vậy lão có câu thơ rằng (*ngâm thơ bát-cú*) :

Ầm-ầm trận nước rộn non sông,
Một lão ngồi câu đợi nước trong;
Bừng mắt chưa đen lòe chỉ thắm,
Phơ đầu đã trắng sóa hoa bông;
Dầy sương như dận đàn con đỏ,
Tựa nguyệt còn mơ gái má hồng;
Cần trúc gieo mồi ông sống mãi.
Tha-hồ cá nước vũng trời đông.

Ngâm thồng :

Lông-bông,
Thạch-bàn sóng vỗ lông-bông,
Một ông Lã Vọng mom sông gieo mồi.
Lơ-phơ tóc bạc da mồi,
Tay buông cần trúc còn ngồi câu trăng.
Một đàn cá nước thung-thăng,
Bắt con cá vược cá lăng mang về.
Gió trăng lưng túi đề-huề,
Tuyết ngăn cửa động hoa kề đỉnh non.
Thân già chút phận con con,
Sợi tơ ràng buộc nước non một gồng.
May nay gặp hội cá rồng,
Khuyên người tuổi trẻ nhẹ bồng giang-sau.

Vợ chồng thuyền chài ra hát giọng đò đưa :

(Y ý y) con sông hồ ngọn nước (y ý y) ngọn nước cuốn quanh, (y ý y) con thuyền như chiếc lá (y ý y) trên

mặt ghềnh (y ý y) trên mặt ghềnh nhấp-nhô ; (y ý y) vợ chồng ta (y ý y) ngang dọc (y ý y) ngang dọc con đò. (*Láy*, y ý y) khi buông tay lưới (y ý y mấy) khi đua tay chài ; (y ý y) long-lanh kia ngấn nước (y ý y) ngấn nước in trời. (*Láy*, y ý y) trăng trong (có bên) gió mát (y ý y mấy) tuyệt vời thanh-tao ; (y ý y) anh đứng mũi (y ý y dề) cho em (bên) chịu sào. (*Láy*, y ý y, mấy) khi ra bến nước (y ý y, mấy) khi vào mom sông ; (y ý y) lúc đêm thanh (y ý y) vui vợ (y ý y) vui vợ (bên) vui chồng.

Bắt sang giọng hát giậm đó, (nghĩa là phải mở hò « giô khoan », giọng hát rất mau và vui-vẻ nôn-nao, không thư-từ như giọng trên đây) :

Vui vợ vui chồng (khoan giô khoan), loan ôm lấy phượng (giô khoan), mấy phượng bồng lấy loan, (khoan giô khoan). Xông-pha ngọn suối (khoan giô khoan), ngọn suối chân ngàn (giô khoan), thuyền đà đậu bến (khoan giô khoan), mấy mặt làn trăng gieo (giô khoan). Khoan khoan tay bắt (khoan giô khoan), tay bắt mái chèo (giô khoan), tay bẻ mái chèo (khoan giô khoan), tay gác mái chèo (giô khoan), tay bỏ mái chèo (khoan giô khoan, giô khoan, giô khoan, khoan khoan khoan.)

Nói :

—Hừ, đêm hôm thanh vắng, có tiếng người ngâm thơ ở mom sông hay lạ, vợ chồng mình thử chèo thuyền lại qua đó xem nào.

« *Hạ cả* »

Hai chị em cô bắt cua ra kể truyện :

Chị em xuống bể mò cua,
Lên rừng hái quả mơ chua mang về.
Tay giầm tay rỏ đề-huề,
Bắt con cua gạch đem ghè nấu canh.
Canh cua vừa ngọt vừa lành,
Giỏi tay tra mắm tra hành thời ngon.
Chị em đương tuổi còn son,
Mò cua thất đáy đã tròn lưng ong.
Lấy ai cho đáng tấm chồng,
Cậy ông nguyệt-lão xe vòng giây tơ.
Kẻo còn nay đợi mai chờ,
Kén canh chọn cá bao giờ cho xong.

Nói :

—A chị em ta hãy đi lại đàng bến sông này ta mò cua đi.

(*Hạ*)

Nhà văn-sĩ ra nói lối :

— Tôi vốn nhà văn-sĩ ; miền sơn-thủy dạo chơi. Trăng thanh gió mát tuyệt vời, ngấn nước bầu trời như vẽ ; đêm một mình vắng-vẻ, thơ lưng túi đề-huề, dưới bóng trăng thấp-thoáng ngồi kề, sẵn vách đá ngâm đề mấy chữ.

Ngâm thơ tứ-tuyệt :

Đua đuổi phong-trào lúc trẻ măng,
Nghiêng bầu non nước lửng-lơ trăng;
Đêm thanh cảnh vắng ai cùng bạn,
Sẵn bước thang mây hỏi chị Hằng.

Cụ đồ ngồi lóng nghe nói :

—Hừ lạ thật ! đêm hôm khuya-khoắt, có tiếng nhà văn-sĩ nào ngâm thơ hay tuyệt, âu mình lão thử ngâm họa lại một bài xem sao.

Ngâm họa thơ tứ-tuyệt liên-chi :

Sẵn bước thang mây hỏi chị Hằng,
Dễ bằng ông Cuội gốc đa chăng ;
Cuội già già sọc lì gan đá,
Tuổi trẻ thi thơ kém chẳng bằng.

Văn-sĩ nghe nói lối :

—A lạ thật lạ thật, mà may sao may sao ; đêm khuya trăng đã lửng cao, nghe tiếng cụ nào già cả, giọng văn-thơ kỳ-lạ, lời đanh đá sỏi-sành. Âu cụ này nghe cũng đành-hanh, chắc người ấy chơi đã lũa-lạc. Ừ ta thử đến nơi xem nào.

Đến chào :

— Thưa chào cụ.

Cụ đồ bừng mắt nom hỏi :

— Chớ bác nào bác này ? Liệu đọ thơ được với lão chăng, mà đến đây ngâm thơ ngâm thần làm vậy.

Văn-sĩ nói

— Dạ thưa cụ, kẻ hậu-sinh này, có dám đâu thi thơ được với cụ, song cũng có theo đòi nghiên bút, giờ thấy cảnh trăng trong gió mát, nước rộng non cao như thế này, cũng có thể họa được một vài vần, dạ thưa cụ.

Ngồi ngâm tiếp thơ liên-chi :

Tuổi trẻ thì thơ kém chẳng bằng,
Để thơ gợi nguyệt chỉ còn hăng ;
Hỏi thăm ông cụ chừng bao tuổi,
Thơ-thần ngồi chờ cá đớp trăng.

Cụ đồ ngâm tiếp thơ liên-chi :

Thơ-thần ngồi chờ cá đớp trăng,
Kìa đàn cá nước chạy thung-thăng ;
Khuyên ai tuổi trẻ đừng hăng-hái,
Hãy ngẫm cần tre sợi chỉ chẳng.

Văn-sĩ nói lối :

—Dạ thưa cụ,tuổi trẻ vẫn từng hăng-hái, cụ già tỏ ý khuyên-răn ; nhác nghe như gợi tinh-thần, khiến-hứng càng vui phong-cảnh. Dạ thưa cụ.

Ngâm :

Tình-cờ gặp cụ Thiếu-lăng,
Câu thơ ngợi tuyết ngâm trăng cũng kỳ.

Cụ đồ ngâm :

Tình-cờ gặp bạn tương-tri,
Giọng thơ Lý Bạch li-kỳ thanh-tao.

Văn-sĩ ngâm :

Nước non một dải thanh cao,
Khách đà gặp khách hoa chào gió đông.

Cụ đồ ngâm :

Thiên-thai nước cuốn non chồng,
Bạnvừa gặp bạn trăng lồng bóng gương.

Khi cụ đồ và nhà văn-sĩ đang ngồi ở tảng đá ngâm vịnh thì vợ chồng thuyền-chài và chị em cô bắt cua cùng ra nghe rồi bảo nhau :

Anh Thuyền-chài nói :

— Ô hay lạ thiệt, giờ đang lúc đêm khuya thanh-vắng, mà không biết có tiếng ai ngâm-ngợi ở quãng trên sông này, giọng ngâm thơ nghe hay tuyệt, nghe như hai người xướng-họa với nhau ấy, a mợ chài.

Chị thuyền-chài nói :

—Vợ chồng mình có cái phong-cảnh sơn-thủy này, mà ngoài giọng hát đò-đưa dậm-đò ra chẳng biết điệu thơ gì cả, giờ nghe thấy giọng ngâm thơ hay tuyệt, sao cậu chài không cùng tôi, ta lại học lấy điệu ấy, để về lúc đêm thanh vợ chồng ngâm với nhau có thú không, a cậu chài ?

Chị em cô mò cua nói :

—A vợ chồng bác chài, chị em tôi vẫn bắt cua ở bến sông này, mà chưa được nghe thấy giọng ngâm thơ hay thế bao giờ, giờ vợ chồng bác lên học, cho chị em tôi cũng theo lên học với, để về khi bắt cua ngâm ngợi chơi, a bác chài.

Bốn người cùng rủ nhau lên chào.

Cụ đồ hỏi :

— Anh chài và các chị đi đâu ? hỏi gì lão đấy ?

Vợ chồng thuyền-chài nói :

—Dạ thưa cụ-đồ và bác khóa, chúng con là vợ chồng thuyền chài, nghe tiếng cụ và bác khóa ngâm thơ haylắm, vợ chồng con muốn học lấy cái điệu đó, để về khi đêm thanh-vắng, gió mát trăng trong, vợ chồng ngâm-ngợi với nhau cho nó hả dạ, thưa cụ.

Cụ đồ nói :

— À vợ chồng bác chài, mà cũng muốn học làm thơ, ư thì lão dạy cho một bài, tả về cái cảnh thú thuyền chài, để về mà ngâm-ngợi nhé.

Cụ đồ ngâm thơ tứ-tuyệt :

Một vũng trăng in nước lộn trời,
Một thuyền một lái dạo chèo bơi ;
Vợ chồng vui-vẻ đêm thanh-vắng,
Cá nước duyên ưa sướng nhất đời.

Vợ chồng thuyền chài ngâm theo sai mất mấy chữ :

Một vũng trăng in đánh đồ trời,
Một thuyền một lái lộn tùng bơi ;
Vợ chồng vui-vẻ đêm ăn mắm,
Cá nước duyên ưa sướng nhất đời.

Sau vợ chồng cùng ngâm lại được đúng điệu mỗi người một lượt rồi nói :

— Dạ thưa cụ, vợ chồng con học thuộc rồi xin cám ơn cụ.

Hai chị em cô bắt cua nói :

— Dạ thưa cụ, chị em con đi bắt cua,cũng muốn xin cụ một bài thơ, để khi chị em bắt cua,mà nghêu-ngao cho đỡ buồn, thưa cụ.

Cụ đồ nói :

— À chị em cô bắt cua, mà cũng muốn học ngâm thơ, ừ thì lão cũng dạy cho một bài,tả cảnh đi bắt cua nhé.

Cụ đồ ngâm thơ tứ-tuyệt :

Chị em xuống bể dạo mò cua,
Bắt cái cua kềnh nộp cửa vua ;
Vua bếp ban cho thanh kiếm trúc,
Ra tay vùng-vẫy khắp giang-hồ.

Chị em cô bắt cua ngâm theo sai mất vài chữ:

Chị em xuống bể dạo vồ cua,
Bắt cái cua kềnh xốp-xộp vua ;
Vua bếp ban cho canh trứng cáy,
Ra tay vùng-vẫy khắp hàng bồ.

Sau chị em ngâm lại mỗi người một lượt cùng đúng điệu, nói :

Dạ thưa cụ chị em con cũng học thuộc rồi, xin cám ơn cụ.

Khi đó nhà văn-sĩ thấy hai chị em cô bắt cua xinh đẹp và sáng-láng muốn buông lời trêu cợt, ra nói ngoài :

— Hừ, nghĩ như cái cảnh giang-hồ sông nước cũng thú thật, đến cả vợ chồng anh thuyền-chài, chị em cô bắt cua, cũng thích học ngâm thơ, thì cái cảnh thú đó biết thế nào.

Gọi :

— Này hai cô bắt cua, thơ cụ đồ thì hay thật, nhưng cụ già mất rồi, nếu hai cô có học thơ của tôi mới đúng điệu như tôi với hai cô chớ.

Ngâm :

Cụ già hay giọng chơi chua,
Trẻ chơi bạn trẻ đừng đua với già.

Cô bắt cua chị ngâm :

Thôi đừng ghẹo nguyệt trêu hoa,
Văn thơ phải có giọng già mới đanh.

Cô bắt cua em ngâm :

Cần chi tuổi trẻ đầu xanh,
Văn già càng lũa giọng tình càng hay.

Anh thuyền chài nói :

—Thôi thầy khóa ạ,thầy là người văn-sĩ, thầy chớ có trêu cợt hai cô bắt cua làm gì, kẻo cua nó sắc càng lắm đấy.

Ngâm :

Tình không ăn ớt mà cay,
Chòng cua cua cắp lỡ tay mắc càng,

Văn-sĩ có ý thẹn rồi,vợ-chồng thuyền-chài và hai cô bắt cua cùng chào hạ.

Văn-sĩ nói :

—Dạ thưa cụ đồ, giờ đêm đã khuya rồi, xin cụ về nghỉ, con cũng xin chào cụ con về.

Cụ đồ nói :

—Phải phải, giờ xin hãy về nghỉ, từ nay trở đi, tối nào ta cũng lại ra chơi đây, mà ngâm-vịnh với nhau kẻo hoài mất cái phong-cảnh sơn-thủy tốt đẹp này, ạ văn-sĩ. (*Các hạ*)

LỚP THỨ II

Tối hôm sau văn-sĩ theo lệ thường ra bờ sông, thấy vắng cụ đồ, đứng ngơ-ngẩn nói ngoài :

— Hừ, từ hôm mình ra đây ngoạn cảnh, bỗng gặp ông cụ đồ ngồi câu,

hai người ngâm-vịnh với nhau, một già một trẻ, vẫn lấy làm tương-đắc, mà nay mình ra tới đây, lại vắng ông cụ đồ, làm cho mình thơ-thần thẩn-thơ, rõ là buồn-bực quá ; vậy mình hãy thử ngâm một câu thơ đối-cảnh hoài-nhân cho đỡ buồn vậy nào.

Ngâm thơ tứ-tuyệt :

Non nước khen ai khéo vẽ-vời,
Trăng in ngấn nước nước in trời ;
Bạn chơi trăng trước nay đâu vắng,
Mái tóc hoa dâm nửa nhớ người.

Ngâm thông :

Mặt ghềnh lác-đác sương rơi,
Ngâm thơ trong tuyết nhớ người dưới trăng.
Nỗi mình trăng biết hay chăng ?
Trăng còn lững-thững một vầng trên không.

Đương khi nhà văn-sĩ ngâm thơ, thì có một mĩ-nhân dắt đứa trẻ con ra đứng lóng nghe rồi nói ngoài :

— Ô lạ thật, đêm thanh cảnh vắng, nước mát trăng trong, mình vừa toan ra sông hóng mát, mà bỗng nghe tiếng ai ngâm thơ, đối-cảnh hoài - nhân, nghe ra tao-nhã lắm, tiếng vàng sang-sảng, như rót vào lỗ tai, làm cho mình khó chịu cả người ; và bây giờ cậu nó lại đi vắng, âu là mình thử ra tận nơi, xem người thế nào, mà giọng tình véo-von như vậy.

Tay dắt đứa trẻ lững-thững, ngâm bỗng-mạc sa-mạc :

Trăng đứng trên không, trăng sững trên không, đêm đêm lững-thững bóng trăng lồng ; nay trăng đứng sững, mai trăng lững-thững, nay trăng lửng-lơ, mai trăng lơ-lửng, lơ-lơ lửng-lửng, hỏi nào chồng tôi đâu ?

Sa-mạc :

Hoa dâm nhuốm nửa mái đầu,
Đố ai gỡ mối tơ sầu cho khuây !

Văn-sĩ nghe nói :

— A lạ thiệt, khi trước mình thăm hỏi chị Hằng-Nga, bỗng gặp ông cụ già; nay mình nhớ ông cụ già, lại nghe tiếng người mĩ-nhân ngâm câu bỗng-mạc sa-mạc hay quá, có dễ gặp-gỡ duyên tình-cờ đó chăng ? Thì ta hãy thử ngâm tiếp câu sa-mạc xem thế nào.

Ngâm :

Có trăng mà lại vắng mây,
Đi trăng có biết ra đây anh tự-tình !

Mĩ-nhân ngâm tiếp :

Người xinh nghe tiếng cũng xinh,
Trăng trong thì mảnh gương tình cũng trong.

Mĩ-nhân vừa đi vừa dắt con trẻ ra chào :

— Xin chào nhà văn-sĩ.

Văn-sĩ :

— Không dám, tôi xin chào mĩ-nhân.

Mĩ-nhân :

— À này văn-sĩ, sao mà tiếng văn-sĩ ngâm thơ hay thế, làm cho tôi nghe thấy mà trong mình khó chịu, đã nhủn cả ruột, mềm cả gan, a văn-sĩ.

Văn sĩ :

— Ối chao, sao mà mĩ-nhân tiếng đã hay, mà người mĩ-nhân coi lại hay nữa, mĩ-nhân làm cho tôi ngồi không được, đứng không được, mà phải ra đây, đó mĩ-nhân.

Ngâm :

Người đâu được vẻ má hồng,
Trách sao phận bạc vắng chồng buồn tênh.

Mĩ-nhân ngâm :

Một mình vắng-vẻ đêm thanh,
Xa chồng biết ngỏ mối tình với ai !

Văn-sĩ :

Vắng thông thì đã có mai,
Trăng trong gió mát nỡ hoài đêm xuân

Mĩ-nhân :

Ngàn vàng một khắc đêm xuân,
Đã chơi dạn mặt phong-trần mà chơi.

Văn-sĩ :

Nhác coi phong-cảnh tuyệt vời,
Xem hoa thưởng nguyệt sánh người mĩ-nhân.

Mĩ nhân :

Quản chi trong giá trắng ngần,
Xoay chiều gió Sở mưa Tần mới ngoan.

Hai người dắt tay nhau đứng sát lại gần. Mĩ-nhân toan bỏ rời thằng bé con ra, thì nó khóc om lên, dỗ ngọt nó cũng không nghe, hễ văn-sĩ động đến tay mĩ-nhân nó lại thét gầm lên, thành ra sự ngăn-trở không làm thế nào được.

Mĩ-nhân nói :

—Thôi văn-sĩ ạ, giờ tôi hãy xin khất với văn-sĩ. Tôi cho thằng bé này nó về, kẻo về nhà nó bép-sép một vài câu, thì khó cho tôi lắm ; để đến mai tối trời tôi sẽ lừa nó ngủ, tôi lẻn ra một mình, tôi sẽ tiếp chuyện với văn-sĩ.

Văn-sĩ nói :

—Ừ thế mĩ-nhân hãy cho em nó về, giờ nó đã làm trở lỡ cái sự mình ra thế này, thì nhất-định đến tối mai, trăng lặn sao thưa, chừng độ một giờ đêm, tôi đợi ở đây, thì mĩ-nhân lại ra đây nhe, đừng sai hẹn, kẻo tôi mong nhé.

Cùng dắt ra về, mà hai người cùng trông lại ngần tiếc rồi mới đi. (*Hạ màn*)

LỚP THỨ III

Đúng hẹn tối hôm sau trời tối sầm, văn-sĩ ra trước chờ đợi.

Văn-sĩ nói ngoài :

—Hừ, đêm qua mình gặp được mĩ-nhân, rõ may quá, chỉ cay vì thằng bé con nó khóc, nó làm ngăn-trở việc mình, đêm nay mình đã hẹn một giờ đêm, trăng lặn sao thưa, thì mĩ-nhân ra tự-tình với mình, mà giờ còn sớm, chừng mới gần nửa đêm, ruột mình đã nóng ngay như lửa đốt, chắc mĩ-nhân đã mong đợi mình rồi đây, mình phải ra đón mới được. Kia rõ-ràng bóng mĩ-nhân đã thấp-thoáng kia rồi, mình hãy vờ kể câu truyện chơi đã.

Kể truyện :

Bóng trăng lấp-lố bên ngàn,
Hẹn người còn đợi trăng tàn sao thưa.
Nghĩ người một nét một ưa,
Càng mong càng đợi càng chờ càng lâu.
Xiết bao gan nóng ruột rầu,
Để ai gỡ bối tơ sầu cho xong.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Nỗi lòng ai ngỏ trong lòng cho chăng?

Bà cụ đồ đi tìm ông cụ đồ có việc cần ra đến nơi lóng tai nghe nói ngoài :

—Quái lạ cái ông cụ đồ nhà tôi, mấy đêm nay cứ tối tối là đi mất, bảo rằng đi ra sông câu cá, mà thường suốt đêm không thấy về, giờ nghe giọng ngâm đây, thì ra lão mắc tình với cô nào rồi ấy, rõ đã già còn thích chơi trống bỏi, làm cho mình già cũng phải nổi máu ghen. Tức thế này thì chịu làm sao được! À như mình phải xử ngọt mới lọt đến xương, mình hãy giả-tảng làm ra giọng người con gái, kể mấy câu truyện đáp lại, bắt tình với lão, xem lão làm ra tỉnh-thức thế nào, thế mẹo mình mới cao, mà lão mới mắc bẫy chứ.

Kể truyện :

Mặt ghềnh thấp-thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung-thăng chốn này.
Đêm khuya một khắc một chầy,
Nét buồn như cúc mình gầy như mai.
Những là chờ đợi một hai,

Mầu sương nhuốm đã như phơi bạc
dầu.
Sông Ngân mượn thước bắc cầu,
Vì ai gỡ mối tơ sầu cho ai !

Văn-sĩ lóng nghe nói :

Thôi đích mĩ-nhân đã ra đó rồi.

Ngâm su-mạc :

Vì nhau thương nhớ nhau hoài,
May nay được tối trăng cái đỉnh non.

Bà cụ đồ :

Xương mai tính đã héo mòn,
Trời đà tối sẩm trăng luồn bóng mây.

Hai người cùng lại gần dắt tay nhau.
Văn-sĩ :

May sao may khéo là may,
Vì sao hoa héo hoa gầy hỡi hoa ?

Nói :

— Quái sao đêm qua tôi sờ tay mĩ-nhân thì trơn-tru mát lạnh đi, mà sao đêm nay tay mĩ-nhân lại giăn-gieo thế này hử mĩ-nhân ?

Bà cụ đồ :

Nhớ ai sầu ẻo seo da,
Sả rằng em đã tuổi già bao nhiêu.

Văn-sĩ nghe nói lấy làm lạ, nghi-ngại bật diêm soi, thì ra bà cụ già :

Văn-sĩ nói :

— Ô hay cái bà cụ nào cụ này ? bà đi đâu đêm hôm lầm-cầm lần mò thế ? Làm tí nữa tôi lầm có chết không.

Bà cụ đồ nói :

— Cái anh phải gió nào thế này, làm mình cứ nghĩ ông cụ đồ nhà mình, chẳng là thằng phải gió, trẻ không tha già không thương, là sự thế đó.

Văn-sĩ nói :

— Này bà cụ kia, người ta con gái trẻ, người ta mới hay chơi bời trăng gió đi đêm, chớ bà già đã có hoa-tai, đêm tăm còn đi đâu mò-mẫm, làm cho tôi lầm, tôi vớ phải bà già, xuýt nữa thì có chết không ?

Bà cụ đồ nói :

— Cái nhà anh chết băm anh chết vằm, anh đã đáng làm học-trò ông cụ đồ nhà tôi chưa ?

(Hạ màn)

LỚP THỨ IV

Mĩ-nhân ra tìm văn-sĩ nói ngoài :

— Hừ đêm qua mình gặp được một người văn-sĩ, thiệt là tình quá, chỉ ngặt vì thằng bé con nó làm ngang trở việc mình, mình phải hẹn đến đêm nay, lừa mãi thằng bé nó mới ngủ, có lẽ bây giờ đã quá một giờ đêm rồi, chắc là văn-sĩ mong đợi mình sốt ruột lắm đó, rõ tội-nghiệp. Âu là mình hãy lên tiếng kể câu chuyện tình, xem văn-sĩ có đợi mình, thì nghe tiếng mà lại đó.

Ngâm giọng tình :

Đêm khuya sương lạnh trăng tàn,
Nhớ người thề hẹn vượt ngàn tìm hoa.
Mơ-màng giấc mộng đêm qua,
Con chim gọi sáng tiếng gà gáy canh.
Đêm nay tình nhớ chăng tình,
Để mình thơ-thẩn một mình đêm khuya.
Chập-chờn cơn tỉnh cơn mê,
Nửa tình nửa cảnh như chia mối sầu.

Ông cụ đồ đang ngồi câu lóng tai nghe, liền vứt cả cần câu lẫn bầu rượu túi thơ, đứng ra nghe rồi nói :

— Ô lạ thật, đêm hôm khuya-khoắt, trăng lặn sao mờ, mà có tiếng người con gái nào kể giọng tình véo-von hay quá, làm cho lão già này cũng phải động-tình khởi-hứng, muốn xoay lại kiếp già, mà sống lấy một vài mươi năm nữa, để thưởng xuân cho thỏa

đời. Âu là lão thử buông giọng phong-tình một đôi câu mà đáp lại xem sao !

Ngâm giọng tình :

Chờ trăng sương nhuốm bạc đầu,
Hỡi người đợi nguyệt có sầu chăng ai ?
Thờ-ơ gió trúc mưa mai,
Một chờ hai đợi một hai với tình.
Chỉ thề nước biếc non xanh,
Quyết ra tay thử vịu cành đào tơ.
Nhân-duyên ai hẹn bao giờ,
Trách ai sao khéo hững-hờ với ai.

Mĩ-nhân lóng tai nghe nói :

— Thôi đích văn-sĩ đợi mình rồi.

Ngâm sa-mạc :

Đêm xuân e hãy còn dài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

Cụ đồ nói :

— Hừ nghe thế là chị em bắt mồi câu của lão rồi đó, lão tiếng già thì già, nhưng cũng còn có thể giở ngón bán cá bắt chim được, tội gì !

Ngâm sa-mạc :

Xa xa coi nhác bóng hồng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng ?

Hai người cùng đi gần lại với nhau.

Mĩ-nhân :

Đêm qua trót hẹn thề trăng,
Đêm nay lần bóng sao bằng tìm chàng.

Cụ đồ :

Đêm qua dặn ngọc thề vàng,
Đêm nay anh phải đợi nàng dặm khuya.

Mĩ-nhân cầm lấy tay cụ đồ rồi ngâm :

Gặp nhau xót nỗi phân lìa,
Cầm tay sao vội gầy chìa cả xương,

Nói :

— Quái lạ văn-sĩ mới cách tôi có một đêm, mà sao cổ tay đã vội gầy vỏ, chìa cả xương ra như ông lão già thế này ?

Cụ đồ ngâm :

Xa nhau những nhớ cùng thương,
Hoa mai luống vị hạt sương hao gầy,

Nói :

— Cái đó là tại tôi nhớ mình quá, mà xương mai hao mòn đó chi.

Mĩ-nhân nghi-ngại nói :

Quái sao văn-sĩ nhớ thì nhớ, chứ sao xương vội gầy mà da cũng giãn-gieo như ông cụ già thế này ?

Giơ tay sờ mặt chạm phải râu, liền bật điểm soi.

Mĩ-nhân nói :

— Ô hay ông cụ nào ông cụ này ? mà mạo-nhân là văn-sĩ, để mình lầm vớ phải !

Cụ đồ nói :

— Chớ cô nào cô này ? Con gái con đứa, đi đêm đi tăm, sờ-soạng vớ phải ông cụ già lại còn kêu,

Mĩ-nhân nói :

— Thế đêm khuya ông cụ còn lầm-cầm đi đâu thế ? Rõ đĩ già, đĩ già !

Cụ đồ nói :

— Thế nhà cô đi lần mò gì thế ? Rõ bợm non, bợm non !

Hết

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

DANH - NHO NƯỚC TÀU

Trương Tái.

Trương Tái 張載 cũng là một kẻ đại-nho nhà Tống, cùng với ông Chu Liêm-Khê, hai họ Trình và ông Chu Khảo-Đình tề-danh, đời thường gọi là Liêm, Lạc, Quan, Mân. Liêm là học-phái ông Chu Đôn-Di, Lạc là học-phái anh em ông Trình Hiệu, Mân là học-phái ông Chu Hi, bốn học-phái ấy rất có ảnh-hưởng về sau. Tiên-sinh tên tự là Tử-hậu 子厚, đời đời ở đất Đại-lương. Vì cha là Trương Địch làm chức tri Bồi-châu, chết ở chỗ làm quan, tiên-sinh thủa ấy còn bé không về nhà được, mới ngụ ở huyện Phương-tường, thuộc đất Quan - trung, phía nam trấn Hoành-cừ, nhân đời nhà sang ở nơi ấy. Tiên-sinh thủa nhỏ ưa thích bàn nói việc binh, thậm-chí giao-kết với những khách hào-hiệp, mưu cướp lại đất Thao-tây của rợ Hồ. Tuổi hai mươi mốt, đem binh-thư vào yết-kiến vị tiền-bối là Phạm Trọng-Yêm. Phạm biết tiên-sinh là người có chí-khí viễn-đại, bảo cho rằng : « Nhà nho tự mình có chốn danh-giáo khá vui, cần gì đến sự binh ». Phạm nhân khuyên tiên-sinh đọc sách *Trung-dong*. Tiên-sinh đọc hết sách *Trung-dong*, còn lấy làm chưa đủ, lại cầu sang sách Phật, sách Lão, nghiên-cứu mấy năm, cuối cùng biết rằng sách Phật sách Lão là viển-vông vô-sở-đắc, mới trở lại cầu về sách Lục-kinh. Tiên - sinh thường ngồi trên tấm da hổ giảng kinh *Dịch*, kẻ tòng-học nghe giảng rất nhiều. Một hôm hai họ Trình đến thăm, cùng tiên - sinh bàn kinh *Dịch*. Tiên-sinh liền triệt - bỏ tấm da hổ thôi không giảng kinh *Dịch* nữa, có bảo với người rằng : «Hai họ Trình thâm-minh Dịch-đạo, ta còn kém xa ». Là ý kính-phục hai họ Trình, mà dũng - mãnh về đường tiến-học. Nhân cùng với hai họ Trình luận về cái cốt-yếu trong đạo-học, mới khoát-nhiên tự tin rằng : « Đạo ta tự đủ, lọ tìm đâu xa ». Rồi thì bỏ hết những sự học tạp-nhạp của mình ngày trước đi, thuần-túy là một kẻ nho-học.

Năm Gia-hựa thứ hai, tiên-sinh đỗ tiến - sĩ, thụ chức Ký - châu tư - pháp tham-quân, đời chức Vân-nham-lệnh. Tiên-sinh làm chính-trị, lấy thiện-mĩ cho phong - tục làm gốc ; mỗi tháng ngày mồng một, đặt tiệc rượu, mời những người tuổi già đức tốt lại dự tiệc, tiên - sinh thân - hành vì khuyên mời, khiến người biết cái nghĩa nuôi người già kính người trưởng, nhân hỏi mọi sự đau-đớn trong nhân gian, và bảo cho các phụ-lão lấy cái ý răn dạy kẻ con em. Tiên - sinh thường bảo những kẻ tòng- học rằng : « Có người nào chút để cái sự khoa-cử ra ngoài ý, mà cùng nhau theo về cái cõi vua Nghiêu vua Thuấn đấy chăng ? » Là ý cho rằng lối học thế-tục với lối học đạo-lý thường trái ngược nhau, không thể cùng nhau cùng tiến được. Kẻ tòng-học nghe tiên-sinh nói, có nhiều kẻ tin theo. Cho nên học-trò đất Quan-Trung khi ấy, có nhiều kẻ sĩ chí-tâm tu-thân, chẳng kém gì đất Lạc-dương là đất của hai họ Trình. Viên đại-sứ ở Vị-chung là Thái Tử-chính, đặc-biệt tôn-kính tiên-sinh, chính-sự trong quân-phủ, điều lớn điều nhỏ, đều đem tư-vấn. Tiên-sinh tán - trợ được phần nhiều. Vua Thần-tôn lên ngôi, các chế-độ đương mới-mẻ, mong được kẻ sĩ tài-triết để dùng. Lã Công-Trứ tiến tiên-sinh. Thần-tôn triệu vào yết-kiến, hỏi cái đạo trị nước. Tiên-

sinh thưa rằng : « Làm chính mà chẳng bắt-chước đấng tiên-vương đời Tam-đại, rút cục là cái đạo cẩu-thả đấy thôi. » Thần-tôn đẹp lòng, cho tiên-sinh làm chức Sùng-văn-viện hiệu-thư. Vương An-Thạch đem tân-chính hỏi tiên-sinh. Tiên-sinh đáp rằng : « Ông vui cùng người ta làm điều thiện, để cho người ta được hành-kỳ sở-học, thì người ta tự-nhiên đem cái tiếng hay lại cho ông. Nếu ông cứ dạy người thợ ngọc mài rũa hòn ngọc, thì chắc người thợ khéo chẳng chịu mệnh-lệnh ông. » An-Thạch nín lặng, dần dần chẳng bằng lòng. Gặp đất Minh-châu có cái ngục Miêu-loạn khởi lên, An-Thạch cử tiên-sinh đi trị ngục. Thầy Trình Minh-Đạo có nói Trương Tái là người lấy kinh-thuật đúc-nghĩa tiến-thân, không nên khiến đi trị ngục. An-Thạch thì nói thành như ông Cao Dao còn làm hình-quan trị ngục, việc ấy có hại gì. Là ý An-Thạch không muốn cho tiên-sinh ở trong triều đấy thôi.

Tiên-sinh khi xét cái ngục Miêu-loạn trở về, thì bọn thầy Trình Minh-Đạo vì bất-hợp với An-Thạch đã phải ra làm quan ngoài. Tiên-sinh liền cáo bệnh bỏ chức đi, ẩn-cư dưới núi Chung-nam, mặc áo vải, ăn cơm rau, suốt ngày ngồi nghiêm-chỉnh ở trong một cái thư-thất, cúi xuống thì đọc sách, ngửa lên thì tư-tưởng, có sở-đắc về nghĩa-lý gì, thì biên chép lại cho thành sách ; hoặc nửa đêm trở dậy, đốt đuốc để viết. Tiên-sinh chỉ ở cầu đạo, tinh về nghĩ-ngợi, chưa từng có phút chốc nào trễ biếng. Tiên-sinh từng đem lối học định-tính hỏi thầy Trình Minh-Đạo. Thầy Trình đáp lại có nói rằng : « Cái tính thường của trời đất, là đem cái tâm phổ-tế cho muôn vật, mà vô-tâm ; cái tính thường của thánh-nhân là đem cái tình thuận-đạt ra muôn sự, mà vô-tình ; cho nên cái học định-tính của quân-tử, chẳng gì bằng cứ rộng-rãi mà chi-công, sự-vật nó đến, thì thuận lẽ mà tiếp-ứng. » Tiên-sinh cả đẹp lòng. Về sau tiên-sinh học đã thành, đức đã tôn, thường lo cho kẻ học-giả về cái bệnh cầu kiến-văn cho nhiều mà chẳng chuộng súc-dưỡng lấy đạo-đức, thì ra chỉ đẹp ở ngoài miệng, vui ở ngoài tai, đấy mà thôi.

Tiên-sinh thường dạy kẻ học-giả bắt đầu phải hiểu biết lễ-nghi, rồi thứ chi luyện-thành đức-tính mà biến-hóa cái khí-chất đi, như là biến-hóa cái khí-chất nhu-nhược ra cái khí-chất cương-nghị, vân-vân. Tiên-sinh cho rằng biết đạo người mà chẳng biết đạo trời, cầu làm người hiền mà chẳng cầu làm người thánh, ấy là cái tệ lớn về bệnh cẩu-thả của kẻ học-giả từ nhà Tần nhà Hán cho đến bây giờ vậy. Tiên-sinh khí-chất cường-nghị, đạo-đức thịnh-mĩ, dung-mạo tôn-nghiêm ; cùng người cư-xử, càng lâu ngày càng thân-ái ; trị nhà tiếp người, thường chính mình để cảm người ; nghe người ta có điều thiện, thì mừng rỡ hiện ra sắc mặt. Nhà tiên-sinh việc quán (1), việc hôn, việc tang, việc tế, đại-khái hay dùng cái ý đấng tiên-vương, mà châm-chước với lễ-tục đời nay ; lúc trước kẻ mới nghe hoặc có kẻ ngờ mà cười, về sau mới biết là phải mà tin theo. Phong-tục nhất-biến mà theo về cổ-lễ rất nhiều, đều là tự tiên-sinh một mình xướng-khởi. Cách mười năm, tể-tướng là Lã Đại-Phòng lại tiến tiên-sinh, được chiếu-dụ cho làm chức Tri-thái-thường lễ-viện, nghị-luận lại bất-hợp, tiên-sinh lại cáo bệnh về nhà. Đường đi qua đất Lạc-dương vào tiếp-kiến thầy Trình Minh-Đạo, và nói rằng : « Bệnh Tái này đã nặng lắm, chắc không trở dậy nữa, nhưng may ra còn kịp về được đất Trường-an. » Mùa đông năm ấy tháng

(1) Quán = Con trai hai mươi tuổi làm lễ đội mũ gọi là lễ quán.

mười một, tiên-sinh về đến đất Lâm-đồng, tắm gội thay mũ áo vào đi nằm. kịp đến sáng kẻ môn-sinh lại coi, thì đã mất rồi. Nhà nghèo, không lấy gì đủ lễ tống-táng, kẻ môn-sinh vì mua đồ quan-quách, rước tang về Trường-an, nhất-thiết đều dùng cổ-lễ, để trọn vẹn cái chí của tiên-sinh. Kẻ học-giả gọi là Hoành-cừ tiên-sinh 橫渠先生.

Học-thuật của tiên-sinh, lấy kinh *Dịch* làm tôn, lấy sách *Trung-dong* làm thể, truất bỏ những điều quái-vọng, biện-biệt ra lẽ quỉ-thần. Tiên-sinh trước, tác ra, có sách *Chính-mông* mười bảy thiên, vài vạn lời nói, lưu-hành ở đời. Cuối cùng lại có hai thiên, tức là hai bài minh ở hai bên cửa sổ ; một là bài Biêm-ngu, hai là bài Đính-ngoan ; bài Biêm-ngu tức là bài Đông-minh, bài Đính-ngoan tức là bài Tây-minh vậy. Thầy Trình Y-Xuyên thường nói rằng : « Ý bài Tây-minh ta cũng hiểu được ít nhiều, song ta không có bút-lực được như thầy Tử-hậu. Bài Tây-minh phát-minh ra cái thuyết lý có một mà phận khác nhau, tiền-thánh chưa từng nói ra, cùng với lời luận tính-thiện với dưỡng-khí của thầy Mạnh-Kha cùng ngang nhau ; tự thầy Mạnh về sau, thực chưa thấy ai vậy. »

Lời cách-ngôn trong sách *Chính-mông* tóm-tắt có những lời rằng : « Do thể thái-hư (1) mới có tên là Trời, do thể khí-hóa mới có tên là Đạo, hợp thể thái-hư cùng thể khí-hóa mới có tên là tính, hợp cái tính cùng cái tri-giác mới có tên là tâm. Quỉ-thần là gì ? Tức là cái năng-lực tự-nhiên của hai khí âm dương trong vòng tạo-hóa, hoặc khuất, hoặc thân, hoặc lai, hoặc vãng đấy thôi. Mặt trăng đối với loài người là rất gần, mặt trời thì cực xa cách ở bên ngoài, cho nên mặt trăng chịu cái ánh sáng của mặt trời, cái ánh sáng mặt trời thường ở bên ngoài chiếu vào ; người ta xem mặt trăng, bắt đầu như cái lưỡi câu cong, kịp dần dần thì như nửa hòn ngọc bích vậy. Ấy là chứng-nghiệm về cái thể khuy-doanh của tạo-hóa. Nước nào nhiều kẻ hiền-tài xuất-hiện, ấy là nước ấy sắp-sửa thịnh ; họ nào có con cháu khá, ấy là họ ấy sắp-sửa lớn. Cái tính là một cái nguồn gốc của muôn vật, chẳng phải là riêng được của một mình ta ; duy bậc hiền-nhân là hết được cái đạo làm người đứng trong trời đất, cho nên đứng tất đứng vững, biết tất biết rộng, yêu tất yêu gồm cả các loài, hay chẳng hay riêng lấy một mình. Người ta có cái hình rồi sau mới có cái tính khí-chất, khéo tu thì cái tính của trời đất phú cho còn ; cho nên cái tính khí-chất kia, quân-tử không nhận là tính vậy. Kẻ có đức, nói ra tất có lời đáng dạy người, cử-động tất có pháp-độ. Ban ngày tất có sự-nghiệp khả làm, ban đêm tất có lý-thú khả tưởng, thở một cái tất có hàm-dưỡng, chớp mắt một cái tất có giữ-gìn. Sự khốn-nhục không phải là lo, tự mình làm ra khốn-nhục mới là lo ; sự vinh-lợi không phải là vui, tự mình quên vinh-lợi đi mới là vui. Cái cung uốn mãi rồi sau mới mạnh, con ngựa tập mãi rồi sau mới hay, kẻ sĩ tất học mãi cho tinh-thâm rồi sau mới cầu có tri có tài. »

Cách-ngôn trong bài Tây-minh tóm-tắt có những lời rằng : « Trời gọi là đạo cha, đất gọi là đạo mẹ, ta là đứa con bé nhỏ hỗn-hợp mà ở giữa. Cho nên cái khí âm-dương sung-mãn trong trời đất tức là cái thể của ta, cái đức kiện-thuận chủ-tể trong trời đất tức là cái tính của ta, dân tức là kẻ đồng-bào với ta, muôn vật tức là bạn ta vậy. Trời đất cho ta được giàu sang hạnh-phúc, là toan phong-hậu cho ta về

(1) Thái-hư = Cũng như thái-thanh.

đường nuôi cái hình xác vậy ; trời đất bắt ta phải nghèo khổ lo nghĩ, là dùng mài rũa cho ta để thành-lập lấy tinh-thần vậy. »

Tạ Lương-Tá

Tạ Lương-Tá 謝良佐 là học trò hai họ Trình, tên tự là Hiền-đạo 顯道, hiệu là Thượng-thái 上蔡, người đất Thọ-xuân. Kỳ-thủy học về lối kỳ-tụng rất là quảng-bác. Kịp khi vào yết-kiến thầy Trình Minh-Đạo, thầy Trình đem mười bảy bộ sử và sách khác nữa ra thử hỏi, thì nhớ cả chẳng sót một chữ nào. Thầy Trình răn bảo cho rằng : « Hiền-đệ ghi nhớ được nhiều thay ! Nhưng khá gọi là một kẻ ngoạn-vật mà táng-chí(1) ! » Tiên-sinh nghe thầy Trình nói, mồ-hôi toát ra ướt đầm cả lưng, và mặt phát đỏ. Thầy Trình mới nói rằng : « Đó là cái lương-tâm trắc-ẩn của nhà ngươi phát-hiện ». Một hôm thầy Trình lại bảo cho rằng : « Lũ nhà ngươi theo ta học-tập, chỉ là học về bề ngôn-ngữ của ta, cho nên ngoài miệng với con tâm chẳng tất đã phù-hợp nhau, sao chẳng đi về mà thực-hành đấy chăng ! » Tiên-sinh hỏi thực-hành về điều gì trước. Thầy Trình bảo rằng : « Nhà ngươi hẵng bắt đầu thực-hành về sự tĩnh-tọa. » Tiên-sinh về nhà quả-nhiên cả có sở-đắc về đường bồi-dưỡng đức-tính.

Tiên-sinh khi đã đỗ tiến-sĩ, lại về thờ thầy Trình Y-xuyên làm thầy. Sau thầy trò từng cách-biệt nhau một năm, khi lại đến yết-kiến thầy Y-xuyên, thầy Y-xuyên hỏi rằng : « Bấy lâu nhà ngươi học-vấn sở-tiến thế nào ? » Tiên-sinh thưa rằng : « Tôi bấy lâu chỉ bỏ được một chữ căng đấy thôi. » Thầy Y-xuyên lấy làm mừng lắm. Chợt có người môn-sinh là Chu Quang-Đình lại yết-kiến. Thầy Y-xuyên trỏ bảo Quang-Đình rằng : « Người ấy thật là người có học-vấn tư-tưởng thiết-cận ». Kịp tiên-sinh đi về nhà, người bạn học là Doãn Đôn đi tống-tiễn, có hỏi tiên-sinh rằng : « Bác lấy điều gì để dạy tôi ? » Tiên-sinh đáp rằng : « Lũ ta sớm chiều theo thầy, thấy thầy làm việc gì thì học, nghe thầy nói điều gì thì ghi ; ví như người uống vị thuốc Ô-đầu, đương lúc uống thì sắc mặt tươi đẹp, sức gân mạnh-mẽ ; nhất-đán cái sức của vị Ô-đầu ấy hết đi, lúc ấy thì làm thế nào ? » Là ý cho rằng công-hiệu học-vấn thường ở về lúc cách xa thầy. Doãn Đôn trở về đem lời ấy bảo với thầy Y-xuyên. Thầy Y-xuyên nói rằng : « Người ấy đáng gọi là người ích-hữu vậy. »

Tiên-sinh ngày trước thường khổ về cái bệnh hay khiếp-sợ, tức-khắc hàng ngày luyện-tập ở những chốn nguy-hiểm, rồi cái bệnh khiếp-sợ dần dần tự-nhiên mất đi. Lại hàng ngày làm ra quyển sổ nhật-khóa, ghi chép những điều ngôn-ngữ hành-động của mình, để tự xét mình. Cùng thầy Du-Tạc, thầy Lã Đại-Lâm, Thầy Dương Thời, cùng ở cửa họ Trình, đời gọi là « Trình-môn tứ tiên sinh. »

Tiên-sinh bắt đầu ra nhận chức Tấn-châu giáo-thụ, viên đại-súy đất ấy là Lã Đại-Trung, thường thân-hành xe ngựa đến thăm. Tiên-sinh vì họ Lã giảng sách *Luận-ngữ*. Họ Lã tất chỉnh tay áo ngồi nghiêm-kính, và nói rằng : « Ngôn-ngữ của thánh-nhân ở đó, ta chẳng dám chẳng kính. » Sau dời chức Ứng-thành-lệnh. Năm Kiến-trung, thăng chức Thư-cục trưởng-quan, chẳng đến yết-kiến kẻ chấp-chính. Hoặc có người khuyên nên đi yết-kiến để lấy lòng kẻ chấp-chính. Tiên-sinh nói

(1) Ngoạn-vật táng-chí = Ngoạn-thưởng cái vật ngoài, làm hoại mất tâm-chí

rằng : « Kẻ kia sao có thể đào-trú được ta, tự có mệnh trời. » Tiên-sinh lúc chửa thi đỗ, có nằm mộng thấy mình vào trong nội-đình, mà chẳng thấy vua, chỉ thấy thái-tử khóc-lóc. Kịp khi đỗ tiến-sĩ, thì vua Thần-tôn vừa mất, vua Triết-tôn vừa nối ngôi. Tiên-sinh thường nhắc lại cái mộng ấy để bảo học trò, và nói rằng : « Phàm sự đều có mệnh trời, sức người ta không so kể nổi, người ta tất phải có điều tin cho chính-đáng, biết tin mệnh trời, mới nuôi được cái khí cứng-mạnh, gặp khi hoạn-nạn mới không tỏa-chiết. »Sau ra nhận chức giám Tây-kinh trúc-mộc-tràng, vì đảng tiểu-nhân ghen-ghét, bị tội, phế-truất làm kẻ bình-dân. Tiên-sinh khi cách chức về nhà, thường bảo kẻ học-giả rằng : «Kẻ học-giả nên thấu-phá được cái cửa lợi-danh,mà cùng-lý tận-tính,mới có thể mong vào cõi thánh-hiền được ; không thế thì trông ra tiền-đồ thấy những hiểm-trở, mà đối với mùi đời vẫn bằng dường như mất như còn. » Tiên-sinh làm người cao-minh trác-tuyệt, ngôn-luận rộng lớn, khéo khải-phát cho người. Sở trước-thuật sách *Luận-ngữ thuyết*, và sách *Ngữ-lục* là sách của môn-sinh ghi chép ngữ-ngôn của tiên-sinh thuở bình-nhật.

Tiên-nho có lời luận tiên-sinh rằng: « Ôi ! Căng là gì ? Căng là cái khí kiêu và đầy. Khí âm khí dương, khí nào quá đầy thì thời-tiết vì ngang trái, trời đất còn như vậy, nữa là người đấy ư ! Cho nên kẻ căng về tài-sản là phường thị-tỉnh, kẻ căng về tước-lộc là phường bỉ-phu, kẻ căng về công-danh là đồ bá-thuật, kẻ căng về học-thức là đồ hủ-nho. Đến như thầy Nhan Hồi tự coi mình có cũng như không, vua Nghiêu vua Thuấn coi cái ngôi mình như một đám phù-vân ở trên cõi thái-hư thì có căng gì đó dư ! Thầy Y-Xuyên khen tiên-sinh là có học-vấn thiết-cận, thầy Minh-Đạo bảo tiên-sinh là đủ đảm-nhiệm sự đời, chừng là vì rằng tiên-sinh đã bỏ được một chữ căng vậy. »

Hồ An-Quốc

Hồ An-Quốc 胡安國 là một người nho-giả tiến-thoái rất hợp-nghi về hồi vua Cao-tôn tránh giặc Kim chạy sang sông, triều Nam-tống. Tiên-sinh tên tự là Khang-hầu 康侯, người đất Sùng-an. Kỳ-thủy du-học ở nhà Thái-học, người học-sinh đồng-nghiệp là Ngân Tài-Chi học được môn học họ Trình, tiên-sinh theo Tài-Chi giảng-luận, rồi lại cùng với lũ học trò họ Trình là Dương Thời, Du Tạc, Tạ Lương-Tá, chư-hiền giao-du, vì cớ ấy học được chính-truyền của phái đất Y đất Lạc. Năm Thiệu-hưng thứ tư thi tiến-sĩ, bài sách thi đã đặt vào hạng đệ-nhất, tể-tướng là Trương Đôn lại đem truất-lạc không lấy đỗ nữa, vì ý đầu bài ra thì muốn tôn-sùng đảng Vương An-Thạch, mà lời đối của tiên-sinh không có lời gì chê đến đảng Tư-Mã Quang, cho nên bị truất. Kịp vua Triết-tôn khen là phải mới thân bút phê đỗ thứ ba, bổ chức Thường-châu phán-quan, cải chức Kinh-môn giáo-thụ, thăng chức đề-cử Hồ-bắc học-sự, liền cải sang Hồ-nam. Tiên-sinh đến đâu, tất tìm-tòi kẻ nhân-tài, hỏi xét sự lợi hại của dân, sự tuyển-cử tất theo công-luận. Tể-tướng là Thái-Kinh vốn ghét tiên-sinh không chịu a-đảng với mình, cải làm chức Nam-bắc đề-hình, khiến đi trị ngục khó-nhọc, rồi lại vu tội, tước sổ sĩ-hoạn. Ít lâu kẻ đài-thần vì tiên-sinh thân-oan cho sự trước, lại được phục quan-chức. Năm Chính-hòa nguyên-niên triều vua Huy-tôn, cử làm Thành-đô học-sự, tiên-sinh vì cớ nuôi cha già từ chức. Năm Tuyên-hòa nguyên-niên, cử làm chức Đề-cử Giang-đông học-sự, chửa nhận chức mà người cha mất, lại cáo bệnh từ chức ở nhà chung-tang, bảo với học trò rằng :, « Nay dẫu có bổng-lộc muôn chung

toan để làm gì. » Liền làm nhà ở ven mà người cha, ra ở đấy thân-hành cầy ruộng lấy ăn, đối với mùi đời, tỏ ra ý đạm-bạc. Năm Tĩnh-khang nguyên-niên, cử làm chức Thái-thường thiếu-khanh, và chức Khởi-cư-lang, thủy-chung đều chẳng tựu-chức. Vua Huy-tôn có chỉ-dụ bắt phải đến kinh, một hôm triệu vào yết-kiến. Tiên-sinh tâu rằng : « Phàm đấng minh-quân nên lấy sự hiếu-học làm kíp, mà sự thánh-học phải lấy điều chính-tâm làm cốt, xin cử những kẻ danh-nho hiểu về cái gốc trị-quốc bình thiên-hạ, để làm cố-vấn. » Tiên-sinh thấy thời-sự ngày càng hư nát, lại tiến-ngôn rằng : « Hiện nay kỷ-cương rối-loạn, phong-tục suy-đồi ; kẻ đại-thần vì tranh-cạnh nhau mà sinh ra bè-đảng, bách-quan vì xu-phụ về thế-lợi, mà sinh ra gièm-pha ; dùng người không chính-đáng mà danh-mệnh của triều-đình càng khinh rẻ ; chính-lệnh nay canh mai cải, mà dân chẳng tin, nếu chẳng quét trừ những tệ cũ, sửa đổi ra phép hay, sợ rằng đại-thế của quốc-gia nhất-đán nghiêng đổ, thì không thể cải-chính được nữa. » Vua Huy-tôn lấy làm khen, gặp viên trung-thứa là Hứa-Hàn lên đối-sự, vua hỏi : « Nhà người có biết Hồ An-Quốc không ? » Hứa Hàn thưa rằng : « Tự khi ngươi Thái Kinh đắc-chính, sĩ-đại-phu trong triều phần nhiều người vô-sĩ, cái người cao gót lánh xa, chẳng bị đảng Thái Kinh làm ô-uế, thì chỉ có một người là Hồ An-Quốc đấy thôi. » Huy-tôn than-thở hồi lâu, liền cử tiên-sinh làm chức Trung-thư xá-nhân, đặc-tứ tam-phẩm-phục. Khi ấy Cảnh Nam-Trọng là người đương dụng-sự, nghe lời nghị-luận của tiên-sinh rất lấy làm ghét. Viên Trung-thư thị-lang là Hà-Lật a-phụ với Nam-Trọng cùng tiên-sinh nghị-luận chính-sự, có nhiều chốn bất-hợp, làm điều kinh-hãi mà nói rằng : « Người ta thường nói kẻ sĩ sơn-lâm chẳng thể dùng được, quả thế ! » Là ý phỉ-báng tiên-sinh. Gặp kh Phùng Giải hặc Lý Cương, Lý phải bãi-chức. Lý là người quân-tử có tài-năng, Phùng vốn là kẻ tiểu-nhân, tôn-sùng lối học Vương An-Thạch. Tiên-sinh bênh-vực cho Lý mà chỉ-trích Phùng. Cảnh Nam-Trọng cả phát-nộ, liền tìm kế đuổi tiên-sinh. Tiên-sinh mới phải đi ra làm chức tri Thông-châu.

Tiên-sinh ở trong triều, nghị-luận phát-biểu ra có nhiều điều. Hoặc có kẻ khuyên tiên-sinh rằng : « Sự đời đương bời-rối, đối với sự nhỏ hằng nên bỏ đấy. » Tiên-sinh nói rằng : « Phàm-sự, sự gì là chẳng khởi ở chốn tế-vi ; nay cho sự nhỏ là bất-tất nói, gặp đến sự lớn lại chẳng dám nói, thế là không có lúc nào khả nói vậy. » Tiên-sinh đã tự trong triều đi ra ngoài, mới được hơn mười ngày, người rợ Kim tiến quân đến vây Biện-kinh. Lúc ấy con tiên-sinh là Hồ Dần, bị vây ở trong thành. Hoặc có kẻ vì tiên-sinh lấy làm phân-nàn. Tiên-sinh thở dài nói rằng : « Quốc-gia đến lúc này, kẻ sĩ-phu muốn phân lòng trung-ái, mà còn lo không có đường, dám nghĩ đâu đến con. » Từ đấy Biện-kinh bị giặc Kim chiếm-cứ, nhà Bắc-Tống mất. Vua Cao-tôn lên ngôi ở Nam-kinh gọi là nhà Nam-Tống. Hồi ấy sĩ-phu ở chốn trung-nguyên đều tránh nạn sang sông, tiên-sinh cũng tất-tả sang sông, được triệu làm chức Cấp-sự-trung, bị kẻ tiểu-nhân là Hoàng Tiềm-Thiện ngăn-trở, lại phải bãi chức mà đi. Năm Kiến-viêm thứ ba, người hiền-tướng là Trương Tuấn tiến tiên-sinh khả đại-dụng, lại cử làm chức Cấp-sự-trung. Tiên-sinh sắp-sửa đi, bắt đầu đưa thư cho kẻ chấp-chính rằng : « Triều-đình muốn trị binh để mạnh nước, mà địa-phương quan-lại chẳng biết thương dân để nuôi binh, ấy khác nào muốn lúa xanh mà tát cạn mất nước, muốn cây tốt mà đào bỏ mất rễ. » Tiên-sinh đi đến Trì-châu, nghe triều-đình

chẳng kiến-đô ở Nam-kinh, để trở ngày khắc-phục lấy Biện-kinh, mà lại chạy về đất Mân đất Việt. Tiên-sinh tỏ ý buồn-bã, cáo bệnh trở về. Năm Thiệu-hưng nguyên-niên, cử làm chức Trung-thư xá-nhân, kiêm chức thị-giảng. Tiên-sinh hai lần từ chối, vua Cao-tôn chẳng cho. Tiên-sinh vào yết-kiến hiến bài luận về thời-chính đắc-thất hai mươi mốt thiên, ngõ-hầu thành một tập sách, lại được cử làm chức Cấp-sự-trung. Vua vốn biết tiên-sinh tinh-thâm về sách *Xuân-thu Tả-truyện*, sai tiên-sinh chấm câu và chính-âm sách *Tả-truyện*. Tiên-sinh nói : « Kinh *Xuân-thu* là phép lớn để trị đời, bệ-hạ tất muốn giẹp yên rối loạn, khiến kẻ loạn-thần tặc-tử chẳng được dấy lên, thì chẳng gì bằng để lòng về thánh-kinh là bút ông Khổng-tử chép ra mà thôi, chứ truyện họ Tả thì phiền-toái lắm, chẳng nên hư-phí ngày giờ. » Cao-tôn khen là phải, cho tiên-sinh kiêm chức Thị-độc, chuyên đem kinh *Xuân-thu* ra tiến giảng. Chưa bao lâu, triều-đình dùng Chu Thắng-Phi làm chức Thị-độc, Thắng-Phi là kẻ thất-tiết với giặc Miêu-lưu. Tiên-sinh cho rằng Thắng-Phi là một giống loạn-thần tặc-tử, nay cùng Thắng-Phi cùng làm giảng-quan, có trái với nghĩa kinh *Xuân-thu*, liền cáo bệnh nằm nhà, không ra tiến giảng, tiên-sinh liền bãi chức.

Tiên-sinh tư trời kiệt-xuất, điềm-tĩnh ít nói, thấy điều thiện tất làm, làm tất đến thành mới thôi. Thường bảo học trò rằng : « Kẻ sĩ lập nên chí làm đấng thánh-hiền, chớ lội sâu mà tưởng lầm rằng cao ; chớ hoặc trễ biếng, cái bóng sáng trong hàng ngày nên tiếc từng phân, chớ cam chịu làm kẻ tiểu-nhân. » Tiên-sinh đã dời bỏ quốc-đô, mới đi sang miền tây-nam, nghỉ-ngơi ở núi Hành-nhạc, mua một phiến đất, kết một tòa thảo-lư ở trên núi, để làm cái kế chung-thân. Bữa thường chẳng ăn hai thức đồ ăn, khi tế-tự tân-khách thì tất phong-hậu. Nhà dầu nghèo, nhưng đối với người chẳng nói đến sự nghèo. Thường răn kẻ tử-đệ rằng : « Đối với người mà nói sự nghèo, ý toan cầu gì ? Bất-nghĩa mà được phú-quí, cũng làm đó chăng ? » Năm Kiến-viêm thứ tư, sách *Xuân-thu truyện* làm thành, đời gọi là *Hồ-truyện*.

Kinh *Xuân-thu* tự khi Vương An-Thạch chê là một tập triều-báo vụn-vặt, từ đấy việc thi-cử chẳng hỏi đến kinh *Xuân-thu*, tòa kinh-diên chẳng giảng đến kinh *Xuân-thu*, sĩ-phu trong đời chẳng ai học tập đến kinh *Xuân-thu*. Khoảng năm Sùng-ninh, đảng tiểu-nhân đắc-chí, lại có lệ cấm học kinh *Xuân-thu*. Tiên-sinh một cho rằng trong sáu kinh, duy kinh *Xuân-thu* là tự Khổng-phu-tử thủ-bút ra, há vì với lời nói không ; mới một mình nghiên-cứu kinh *Xuân-thu*, chuẩn-chỉ về sách *Ngữ* sách *Mạnh*, so-sánh với năm kinh, chứng-thực với các sử ở lịch-đại, tiềm-tâm trước-thuật ba-mươi năm. Đến khi ấy sách thành, tiên-sinh có than rằng : « Sách này là cái yếu-điển truyền-tâm đây ! Nội-dung sách này, từ cái phương-pháp tu-thân tiến-đức, cho đến cái học-thuật tôn đấng quân-phụ, thảo kẻ loạn-tặc, tồn lấy thiên-lý, chính lại nhân-tâm, hết-thảy rõ-ràng. » Sách ấy tâu lên ngự-lãm. Vua Cao-tôn ngợi khen, cử làm chức tri Vĩnh-châu, liền cử kiêm chức Thị-độc, tiên-sinh đều cố từ. Ít lâu, Cao-tôn nghĩ đến tiên-sinh có cái công phán-đoán nghĩa kinh, và cái phẩm trung-trực lập-triều, thăng tiến làm chức Bảo-văn-các trực-học-sĩ. Năm Kiến-viêm thứ tám tiên-sinh mất, tuổi tám-mươi-lăm, tứ thụy là Văn-định, đời gọi là Hồ Văn-Định tiên-sinh 胡文定先生.

Tiên-sinh đức-tính cương-nghị, kịp đến lúc tuổi già phong-độ lại càng ngưng-viễn, khí-mạo lại càng trang-nghiêm ; thường mộ cái sự-nghiệp

ông Chư Cát-Lượng và ông Hàn Kỳ. Gặp buổi đất trung-nguyên luân-táng, kẻ lê-thứ lầm-than, thường như đau-đớn thiết-thân. Liệt vào sổ sĩ-hoạn ngõ-hầu bốn-mươi năm, nhưng kỳ-thực chẳng đầy sáu năm; tuy liền liền bị kẻ tiểu-nhân vu-hãm, phải tội đi xa, nhưng cái lòng yêu vua lo nước, chửa lúc nào quên, thường như lúc nào cũng nghĩ-ngợi những điều trung-cáo cho triều-đình vậy. Người hiền-sĩ đời ấy là Hầu Trọng-Lương chỉ khen hai họ Trình, còn người khác không khen ai là khá; kịp tiếp-kiến tiên-sinh, mới than rằng: « Lúc trước ta cho rằng cái người coi cái phú-quí bấ nghĩa thực như phù-vân, chỉ có h thầy Trình mà thôi, chẳng ngờ lại c người ấy nữa vậy. » Thầy Tạ Lương Tá cũng nói với người rằng: « Thầ Hồ Khang-Hầu ví như mùa đại-đôn tuyết lạnh dữ-dội, trăm giống c khô chết, mà cây tùng cây bách vẫ xanh biếc một mình tốt tươi. » Tiên sinh sở trước-thuật lại còn có sác *Thông-giám - cử-yếu bổ-di* thuộc v sử - học và *Hồ tiên - sinh văn - tập* truyền ở đời.

TÙNG-VÂN *biên-dịch*

MẠC-GIA TIỂU-SỬ
莫家小史

Mạc Đăng Dong 莫登庸 người đất Cổ-trai 古齋, huyện Nghi-dương, là cháu bảy đời ông Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之, đỗ Trạng-nguyên đời Trần, nguyên trước quán ở Đông-cao Bình-hà (nay xã Lũng-động, huyện Chí-linh). Đĩnh-Chi sinh ra Mạc Dao; Mạc Dao sinh ra Mạc Thúy, Mạc Thúy sinh ra Mạc Trọng; Mạc Trọng dời ở xã Lan-khê, huyện Thanh-hà, tỉnh Hải-dương, sinh ra Mạc Bình, lại dời ở xã Cổ-trai; Mạc Bình sinh ra Mạc Hịch; Mạc Hịch lấy con gái Đặng Thông, sinh được ba người con trai, con trưởng là Mạc Đăng-Dong. Đăng-Dong còn nhỏ đã có sức khoẻ, nhà nghèo làm nghề đánh cá để sinh-nhai. Đương khoảng thế-kỷ thứ 16, vua Lê Uy-mục, tuyển khoa dũng-sĩ để dùng làm bầy-tôi trảo-nha, nhân vậy Đăng-Dong ứng-tuyển đỗ đô-lực-sĩ, chiếu cho sung chức Cấm-vệ-chỉ-huy-sứ, nhà Mạc đắc-dụng tự đấy trước.

Đời vua Tương-Dực niên-hiệu Hồng-thuận năm thứ tám. Trần Cao 陳高 người Thủy-đường trá-xưng là cháu huyền-tôn vua Thái-tôn nhà Trần, chiêu-tập đảng-chúng, dấy binh ở chùa Quỳnh-lâm 瓊林, xã Hà-lôi, huyện Đông-triều. Cao tự xưng là Đế-Thích giáng-sinh, quân-sĩ đều cạo đầu như ông sư vậy, người ta qui-phụ cũng nhiều. Kế đời vua Tương-Dực, Thân Duy-Nhạc 申惟岳 nổi loạn ở Kinh-bắc, Trần Tuân 陳珣 nổi loạn ở Sơn-tây, Lê Hi nổi loạn ở Nghệ-an; bốn phương giặc cướp, gian-hùng thừa-thế mới có ý dòm vạc nhà Lê, xem vân-khí đều nói phương đông có thiên-tử-khí. Vua Tương-Dực sai Nguyễn Văn-Lang 阮文郎 qua Đồ-sơn (thuộc huyện Nghi-dương), yểm đất để trấn-áp vượng-khí; ngờ đâu Mạc Đăng-Dong là một tay đại-gian-hùng thường ở bên mà không biết, lại phong cho Đăng-Dong tước Vũ-xuyên-bá 武川伯.

Triều vua Chiêu-tôn niên-hiệu Quang-thiệu năm đầu (tây-lịch năm 1516), Trần Cao hãm kinh-thành, phàm cung-điện và châu-báu đốt phá hết cả; vua chạy ra Thanh-hóa cùng với bầy tôi là Trịnh Duy-Sản 鄭惟僭 Nguyễn Hoằng-Dụ 阮弘裕, Nguyễn Văn-Lự 阮文慮, Trịnh Tuy 鄭綏, Trần Chân 陳填, chia binh ba đạo đuổi đánh Trần Cao, thu-phục được thành Thăng-long. Không bao lâu Duy-Sản chết trận, Trần Chân độc-lực đem binh đi đánh, Cao chạy ra Lãng-nguyên 朗源 (thuộc Lạng-sơn), tự dấy không dám tiến đến thành Thăng-long nữa. Giặc lùi, chu-tướng kéo quân về Kinh; Nguyễn Hoằng-Dụ 阮弘裕 đóng ở Đông-hà (thuộc huyện Thọ-xương), Trịnh Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại-la, hai người nhân có xâm-gián, bèn sinh hiềm-khích, thậm-chí giữ binh kình địch với nhau, vua chiếu cho hai người phải hòa-giải, nhưng không tuân mệnh. Trần Chân bèn đem binh giúp Trịnh Tuy đuổi Hoằng-Dụ vào Thanh-hóa. Sau Trần Chân bị lũ Chử Khải 楮凱, Trịnh Hưu 鄭休, Ngô Bính 吳丙 sàm-báng bị giết. Tướng Trần Chân là Hoàng Duy-Nhạc 黃維岳 căm tức, bèn nổi binh làm loạn; vua đôi không đến, vua bèn với Mạc Đăng-Dong ở Hải-dương ủy cho binh-quyền, nhà Lê về tay họ Mạc tự đấy trước.

Đăng-Dong đã giữ được binh-quyền hễ đi đâu thì đưa vua đi đấy, khi thì đưa ra Bồ-đề, khi đưa ra Bảo-châu,

chẳng qua tạ cái uy-quyền thiên-tử để hiếp thần-dân, giết lũ trung-thần là Chử Khải, Ngô Bình; dùng lũ hoạn-thần Nguyễn Kính, Hoàng Duy-Nhạc, Tự đấy chuyên quyền tiếm-loạn, ra vào cung cấm, nghi-vệ nghiễm-nhiên như vị hoàng-đế vậy. Vua biết Dong có ý thoán-nghịch, ám cùng với nội-thần là Phạm Hiến, Phạm Thứ, đem binh đánh Đăng-Dong, rồi mật-dụ cho Trịnh Tuy đem quân ứng-viện, nhưng quân Trịnh Tuy không đến. Đêm hôm ấy ước canh hai, vua cùng Phạm Hiến Phạm Thứ chạy ra Mông-sơn, sáng mai Đăng-Dong biết tin, đem binh tiệt đóng các đường lối, không cho vua trở về cung nữa; rồi cùng Lê Phụ và Phạm Gia-Mô mưu lập em vua là Lê Thung 黎椿 lên ngôi ở Gia-phúc, đổi niên-hiệu là Thống-nguyên. Vua Chiêu-tôn nghe tin chiếu lũ Hà Phi-Chuẩn, Đàm Thuận-Huy đánh Mạc Đăng-Dong, trận ấy thua phải chạy ra Nhân-mục (thuộc huyện Thanh-trì), chưa kịp ăn cơm, dân chỗ ấy dâng cháo vua xơi; kế chạy ra huyện Từ-liêm, Đăng-Dong bèn làm điện ở bên tây thành để thị-triều, và lập nhà Thái-miếu ở bên tây thành, rồi bỏ vua Chiêu-tôn làm Đà-dương-vương 陀陽王 (Đà-dương thuộc châu Lục-an, tỉnh Tuyên-quang). Sau giết vua ở Đông-hà; tự-lập làm An-hưng-vương.

Khi vua Chiêu-tôn mất, vua Cung-hoàng (tức là Lê Thông) chế bài thơ Chu-công phụ Thành-vương, ban cho Đăng-Dong, có ý kỳ-vọng Đăng-Dong làm như ông Chu-công nhà Chu giúp vua Thành-vương; không ngờ Đăng-Dong lại nhẫn-tâm thoán-nghịch, bắt-chước như Tào Tháo Vương Mãng nhà Hán vậy, bức vua Cung-hoàng phải nhường ngôi cho mình, lúc ấy bách-quan chưa có thảo tờ thiên-chiếu; Đăng-Dong sai Lại-bộ Thượng-thư Trương Phu-Thuyết 章孚說 (người xã Kim-đâu, huyện Thanh-liêm) khởi-thảo, Phu-Thuyết trừng mắt không chịu thảo; bèn sai Nguyễn Văn-Thái thảo tờ thiên-chiếu, tự-xưng Hoàng-đế, cải-nguyên là Minh-đức, bỏ vua Cung-hoàng làm Cung-vương; kế bức vua tự-tử.

Bấy giờ những trung-thần nhà Lê tử-tiết cũng nhiều, là Lê Tấn-Mậu huyện An-phong đỗ Hoàng-giáp chức Thượng-thư bộ Lễ, giả-cách vào chầu, để đá ở trong tay áo, định ném chết Đăng-Dong, nhưng không trúng, bị Đăng-Dong giết; Nguyễn Thái-Bạt người Bình-lãng huyện Cẩm-giàng, đỗ Hoàng-giáp chức Hàn-lâm hiệu-lý, giả làm mù đến trước Đăng-Dong nhổ bọt vào mặt, mắng rất tàn-nhẫn, rồi chịu chết. Lại Kim-Bảng chức Đô-ngự-sử lánh về làng ở, Đăng-Dong bức đòi phải ra, nhân qua sông Nhị-hà, mặc mũ áo hướng mặt về núi Lam-sơn bái-vọng, mắng Đăng-Dong, rồi đâm đầu xuống sông chết; Ngô Tuấn-Kiệt người Hoằng-hóa, chức Thị-lang, khi theo vua Chiêu-tôn ra Thanh-hóa, bị quân giặc bắt đưa về nộp Đăng-Dong, không ăn mà chết. Lê Tuấn-Kiệt người Hằng-hóa, chức Thượng-tướng, chiêu-tập binh-mã, chống đánh Đăng-Dong, Dong khiến sứ dụ ra hàng, Tuấn-Kiệt chém sứ-giả, sau thua trận tự-tử. Thiều Quí-Linh người Đông-sơn, đỗ Hoàng-giáp, đi sứ nhà Minh về, nghe nhà Mạc cướp ngôi, chửi thậm-tử, rồi ra cầu Long-mỹ đâm xuống sông mà chết. Nguyễn Thiệu-Trí người Xuân-lôi huyện Lập-thạch, đỗ Tiến-sĩ, chức Thượng-thư, đã về hưu nghe thấy con là Nguyễn Tôn ra làm quan nhà Mạc, bèn từ con, gọi con thứ hai đến di-chúc các việc về sau, đến đêm chỉnh-bị khăn áo bái-vọng núi Lam sơn, rồi đâm cổ chết. Trần Bảo-Tín người Khải-mông huyện Nghi-xuân, đỗ Bảng-nhãn, không chịu làm quan nhà Mạc, về ẩn chỗ điền-lý. Nguyễn Hữu-Nghiêm, Lê Vô-Cương,

Nguyễn Tử - Kiến, Đào Sùng - Nhạc, không chịu khuất nhà Mạc, đều bị giết. duy có tên Nguyễn Văn - Thái (người Vĩnh-lại đỗ Thám-hoa) là người khoa-giáp mà lại cam - tâm thần - phục với quân bạn - nghịch, thực là đắc - tội ở trong danh-giáo vậy.

Đăng-Dong vào ở thành Thăng-long, lấy Hải-dương làm Dương-kinh, lập miếu-điện ở xã Cổ-trai, truy-tôn thủy-tổ Mạc Đĩnh-Chi đến cha là Mạc Hịch gồm bảy đời làm đế-hậu, dựng con là Đăng-Doanh 登瀛 làm thái-tử. Dong đã cướp được ngôi vua, nhưng trong lòng vẫn sợ quốc - dân không phục, cho nên việc gì cũng phải theo hiến-pháp của nhà Lê lập ra, thi đình ba năm một khoa, khảo định binh-chế, điền-chế, quan-danh và quan-số, binh-số, đại-khái phỏng theo điển-lệ đời Hồng-đức; lại đặt thêm bốn vệ, lấy binh Hải-dương sung vào vệ Hưng-quốc, binh Sơn-nam sung vào vệ Chiêu-vũ, binh Sơn - tây sung vào vệ Cẩm-y, binh Kinh - bắc sung vào vệ Kim-ngô, đồ phiên túc-trực ở trong cấm-vệ.

Dong lại giả tiếng nhân-nghĩa, lục-dụng những con cháu nhà thế-gia công-thần, cố ý cho quan-chức, song lòng người vẫn còn ái-dới nhà Lê, người thời trốn ẩn sơn-lâm, người thời biến đổi danh-tính, người thời tìm đi ngoại-quốc, không có mấy người chịu tiếng nô-lệ nhà Mạc. Cựu - thần nhà Lê là Trịnh Ngung, Trịnh Ngang sang nhà Minh, ý muốn cầu binh cứu-viện. Đăng-Dong thám-thính được ẩn-tình, liền sai người đem của sang đút quan nhà Minh bắt giữ lại, hai người đều bị chết ở Tàu.

Lê Ý người Thanh-hóa nổi binh ở Gia-châu (nay châu Quan-hóa), truyền hịch cho quốc-dân đâu đấy đều biết tội nhà Mạc không thể dung được ở trong trời đất, nay đấy binh dẹp loạn, chính là vì công-nghĩa chứ không phải vì tư-lợi, người có tâm-huyết nên phải vì giúp mưu giúp sức để bảo thủ cho nhà Lê. Xa gần nghe tiếng qui-phục được hơn hai vạn người, bèn tiến đánh Đăng-Dong ở sông Mã, rồi thừa - thắng tiến đến thành Tây-đô. Đăng - Dong thua kéo quân về, sai Đăng - Doanh cử đại - binh, hội ở sông Hoằng-hóa và sai Mạc Quốc-Trinh đem 200 chiến-thuyền cùng hội ở sông Đa-lộc. Lê Ý nghe tin lập nghi-binh ở xã Đa-lộc, rồi mình đem những quân tinh-nhuệ, đêm đi lối đường gian-đạo sáng sớm mai đã đến xã An - sơn (thuộc huyện An-định), thốt-nhiên gặp thuyền Quốc-Trinh kéo đi qua đó. Lê Ý phát hiệu súng, đốc quân đánh tiệt đàng hậu, quân Quốc-Trinh kinh sợ bỏ thuyền chạy, Lê Ý ruổi ngựa đốc tướng-sĩ đuổi chém được hơn bảy mươi người. Nửa ngày mai Đăng-Doanh chưa biết Quốc-Trinh thua quân, tiến binh đến xã Đồng-bàng (thuộc huyện An-định). Lê Ý gọi chư-tướng bảo rằng: « Quân ta xung-đột ở chỗ chiến-trường, lâu cũng mỏi mệt, nay Đăng-Doanh đã đem đại-binh đến, nếu không liều mình gắng sức, thủ-tử phen này, lỡ ra thất-bại thì biết ngày nào mà hưng-phục được. » Chư-tướng nghe lời có lòng cảm-khích, ai cũng tranh đi tiền-phong. Trận ấy Đăng-Doanh thua, kéo quân lùi, lưu Mạc Quốc-Trinh ở Tống-giang đóng đồn để cố-thủ. Lê Ý về đóng quân ở Gia-châu, lâu ngày binh mỏi lương hết, sai quân vào núi vận lương. Quốc-Trinh sai người thám được tình-hình, bèn chọn tinh-binh và chiến-thuyền 50 chiếc ngày đêm bội-đạo đi đến Gia-châu vây bắt được Lê Ý đưa về Kinh-sư giết. Lê Ý vốn người can-tráng khảng-khái, có chí mà công chưa thành, phải chịu cắm tức ở dưới hoàng-tuyền, thực cũng đáng thương đáng tiếc. May mà giang-sơn a hộ, lòng trời còn tựa nhà Lê, Lê Ý chết lại có

Nguyễn Kim xuất-hiện để đồ khôi-phục sau này.

Năm Mạc Đại-chính nguyên-niên đương khoảng tây-lịch 1530, có An-tĩnh-hầu Nguyễn Kim rước Hoàng-tử là Lê Ninh (con vua Chiêu-tôn) lên ngôi ở Sầm-la. Trước vua Chiêu-tôn tuẫn-nạn, Lê Duy-Tuấn sai Lê Quan đưa Lê Ninh trốn chạy sang Ai-lao, Nguyễn-Kim tìm được, mưu với Duy-Tuấn cùng Duy-Liêu mưu-đồ khôi-phục. Bấy giờ rước lên ngôi, rồi đưa về hành-cung Thanh-hóa, khiến Trịnh Duy-Liêu hơn mười người chạy ra bể do thuyền buôn ở Quảng-đông tìm đến Yên-kinh, trần-tố tội Mạc Đăng-Dong thí-nghịch, xin đem quân vấn-tội. Bộ-thần nhà Minh tâu rằng: «Lời thỉnh-cầu của Duy-Liêu chưa làm xác-cứ, xin lưu ở sứ-quán, phải khiến người khám thực.» Bèn sai lũ Dã-Phương cùng với Tuần-phủ Vân-nam là Uông Văn-Thịnh hội-khám tên người có tội có thật phải là Mạc Đăng-Dong không, và Duy-Liêu tung-tích như thế nào. Đăng-Dong biết tin kinh sợ, dâng biểu sang nhà Minh xin lỗi, và đưa vàng bạc châu báu sang cống và hiến đất hai châu để cầu-phong. Vua Minh sai tỉnh-thần hội-khám. Vua Trang-tôn khiến Trịnh Hoàn sang Vân-nam để ứng-tiếp quan Tàu và kể tội Đăng-Dong cùng là lai-lịch vua Trang-tôn phải bôn-bá ở Ai-lao, xin vua Tàu đem binh để hỏi tội họ Mạc. Khám-quan về, đem sự-trạng tâu với vua Minh, vua Minh sắc cho đình-thần nghĩ nên thế nào, đều nói Đăng-Dong có mười tội, lưới trời không thể dung được; bèn sai Mao Bá-Ôn đem hai vạn quân, truyền hịch cho Mạc phải ra hàng. Đăng-Dong nghe tin thất-đởm, khiến lũ Nguyễn Văn-Thái sang nhà Minh dâng tờ biểu nói: «Trước Trương-đực-đế bị Trần Cao giết, Đăng-Dong và người đồng-quốc suy dựng Lê-Ý làm Chiêu-tôn, sau lại bị gian-thần là lũ Trịnh Duy bức dời ra Thanh-hóa; Đăng-Dong lại suy-lập Lê Thông làm Cung-đế, rồi lại rước Lê Ý ở Thanh-hóa về, không may Lê Ý cùng Lê Thông bị bệnh chết, thần-dân nhân vì cha con Đăng-Dong có công to, giao-phó ấn-chương để chủ-trương quốc-sự. Còn như Lê Ninh là mạo-xưng con cháu nhà Lê, thực con người khác, xin thánh-triều lượng xét cho.» Vua Minh cho rằng nói dối, không nghe, sai lũ Cừu-Loan đem binh Lưỡng-Quảng và binh ở Phúc-kiến cùng Vân-nam sang đánh nhà Mạc và truyền hịch rằng ai bắt được cha con nhà Mạc thưởng cho hai vạn lạng vàng. Lúc ấy Đăng-Doanh chết, Đăng-Dong kinh sợ, bèn cùng với cháu là Mạc Văn Thinh với đảng-thuộc là Vũ Như-Qui hơn bốn-mươi người, do cửa Nam-quan, đến phủ-mạc tướng Minh, cúi đầu tạ tội xin ra hàng, dâng tờ biểu và đem bạ-tịch thổ-địa nhân-dân đến nộp, và xin hiến đất Tê phủ (thuộc đô Thiếp-lãng), Kim-lặc, Cổ-lâm, Liễu-cát, La-phủ (bốn động ấy đều thuộc đô Như-tích) sáp về Khâm-châu. Mao Bá-Ôn nhận được tờ biểu của họ Mạc, bèn cùng với Cừu-Loan lượng khoan cho họ Mạc về nước, để đợi mệnh Triều-đình. Không bao lâu Đăng-Dong chết, cháu là Mạc Phúc-Hải (con Đăng-Doanh) tiếm hiệu Quảng-hòa.

Mao Bá-Ôn tâu vua Minh rằng: «Đăng-Dong đã qui đầu phục tội, lại hiến đất và tuân chính-sóc, nghĩ nên lượng tha, gia cho phẩm-trật, hoặc biệt-danh Đô-hộ, hoặc Tổng-quản, theo như nhà Hán nhà Đường khi trước, khiến cho quản-trị An-Nam, hằng năm ban lịch khiến đến của Nam-quan mà hậu-lĩnh; còn như Lê Ninh xưng là con cháu nhà Lê, nhưng thống-hệ chưa tường, không đủ làm bằng-chứng; Lê Duy-Liêu nghĩ nên an-trí ở Quảng-châu, lương cấp cho ruộng đất để giải tỏ ơn-đức của triều-đình.» Vua Minh nghe lời, bèn đổi An-Nam-quốc là An-Nam-đô-thống-

sứ-ti, cho Đăng-Dong làm Đô-thống-sứ, khiến đời đời kế-tập, chuẩn cho ba năm một lần vào cống; Lê-Ninh xét quả là con cháu nhà Lê trao cho bốn phủ Hà-trung, Tĩnh-gia, Thiệu-hóa, Thiên-quan, để phụng thủ tôn-thống nhà Lê.

Đoạn rồi Mạc Phúc-Hải 莫福海 kế-tập chức Đô-thống-sứ, khiến Nguyễn Kính-Điển đem phương-vật sang cống nhà Minh, cống-vật: lô hương vàng, hoa-bình bốn chiếc, nặng một nghìn bốn-mươi-chín lạng; lô hương bạc, hoa-bình hai chiếc, nặng một trăm năm-mươi lạng, mâm bằng bạc mười-hai chiếc, nặng sáu trăm bốn-mươi-mốt lạng, con rùa bằng vàng nặng chín-mươi lạng, con hạc bằng bạc và chiếc dài bằng bạc nặng năm-mươi-mốt lạng, trầm-hương sáu mươi cân, hương-hồi mười-tám cân, giáng-chân-hương ba-mươi bó, tê-giác hai-mươi tòa, ngà voi ba-mươi chi. Tự đấy cống-vật làm thường-lệ. Phúc-Hải đã được tập-tước, ủy cho Dương Chấp-Nhất là hoạn-quan giả-cách hàng vua Lê, để thám-thính tình-hình, vua Lê tưởng là tình thật, khiến đem binh đi theo đánh Mạc. Nhân một bữa mời Nguyễn Kim đến bàn việc quân, gặp trời nắng bức đem dưa ăn để giải-khát, Nguyễn Kim ngộ phải thuốc độc chết, rồi Chấp-Nhất lại trốn về với nhà Mạc.

Phúc-Hải chết, con là Phúc-Nguyên 福源 kế-tập, tiếm hiệu Vĩnh-định, cử Kính-Điển để coi giữ quốc-chính, rồi đem binh vào cướp Thanh-hóa, sau thua trận ở núi Kim-âu, rồi mà bị bệnh chết.

Con Phúc-Nguyên là Mạc Mậu-Hợp 莫茂洽 kế-tập, tiếm hiệu Thuần-phúc, cử Mạc Đôn-Nhượng thay Kính-Điển thống-lĩnh chư-quân, chống đánh quan-quân ở núi Tam-điệp. Đôn-Nhượng thua, kéo quân lùi, Mạc Mậu-Hợp sai Mạc Ngọc-Liễn và lũ Nguyễn-Quyện chia các đạo quân cùng với quan-quân đánh ở bên sông Hát-giang, thua chạy qua sông, đắng-tốt tranh thuyền lăn xuống sông chết quá nửa; bấy giờ Mậu-Hợp tuy thua quân, cậy có tràng giang để thủ-hiểm, sai lũ Ngọc-Liễn cố giữ thành Đại-la, sau bị quan-quân tiến đánh Thăng-long, Mậu-Hợp thua chạy ra huyện Kim-thành, cử con là Mạc Toàn giám-quốc, nhân sai người đến hỏi trạng Trịnh Quốc-công mưu-kế nên làm thế nào. Trạng Trình bảo: « Một mai nước có biến-cố, đất Cao-bằng tuy nhỏ cũng khả di-duyên được và đời. » Sau quả-nhiên Mậu-Hợp bị quan-quân bắt được ở chùa Phượng-nhãn, đem giết ở bên sông Bồ-đề, cùng tộc-đảng cũng bị giết, nhà Mạc mất. Mạc Kính-Cung 莫敬恭 và Mạc Kính-Khoan 莫敬寬 lùi giữ Cao-bằng. Bấy giờ thì quan nhà Minh nhận của dứt nhà Mạc, tâu vua Minh an-sáp họ Mạc ở Cao-bằng. Đến Mạc Kính-Vũ 莫敬宇 thì nhà Mạc diệt.

Nhà Mạc kể từ Đăng-Dong đến Mậu-Hợp gồm năm đời, cộng được sáu-mươi-sáu năm.

. . .

Duyệt tiểu-sử nhà Mạc đến đoạn Đăng-Dong thoán-thí nhà Lê, ai cũng phải căm gan tức ruột, không ngờ thiên-hạ nhà Lê lại về tay đô-lực-sĩ, đáng tiếc mà lại đáng giận thay! Vua Thái-tổ đem nghĩa-binh mà xướng độc-lập; vua Thánh-tôn đem văn-minh mà hóa bán-khai, khiến cho quốc-dân còn có hi-vọng đến ngày nay, thời cái công-đức ấy cũng đáng hình-hương sùng-bái. Giận thay cho nhà Mạc, mà lại tiếc thay cho con cháu nhà Lê, không biết giữ cái công-nghiệp của tiền-nhân, lại phóng khí cái chức-trách của mình. Vua Uy-Mục, vua Tương-Dực thời hoang-dâm quá-độ;

vua Cung-hoàng, vua Chiêu-tôn thời nhu-nhược tự-cam, đến nỗi mình bị giết, nước bị mất, chả đáng phàn-nàn lắm ư!

Ông Mạnh tử nói : « *Bất nhân vị chi tàn, bất nghĩa vị chi tặc*, người tàn-tặc gọi là thất-phu, nghe thấy giết người thất-phu chứ chưa nghe thấy giết vua.» Suy cái nghĩa ấy thời đem cái lòng chí-nhân mà đối chí-bạo, chính là việc vua Thang vua Vũ giết chúa Kiệt chúa Trụ vậy.

Kia Đăng-Dong chẳng qua đem cái lòng tham tàn mà nhẫn làm những việc thoán-thí, thời không khác gì Kiệt Trụ lại đánh Kiệt Trụ vậy. Không bao lâu họ Mạc mất mà nhà Lê lại trung-hưng, thế thời đủ biết thâm-nhân hậu-trạch của nhà Lê cố-kết lòng người ta đã lâu, nên người ta vẫn thường ái-dời mà không thể quên được; thử xem lúc Tiền-Lê mất nước, mà trung-thần nghĩa-sĩ, đem mình hi-sinh vì nhà Lê, kể bao nhiêu người, phàm những người có tâm-huyết không ai chịu thần-phục nhà Mạc; vì là Đăng-Dong xuất-thân Đô-lực-sĩ, bảy đến thế cực là vinh-hạnh, quân-ơn quốc-lộc mà lại vong-bội ơn-nghĩa như vậy, tự hỏi cái lương-tâm có đáng không? Tội họ Mạc không những vậy, lại đem hiến đất cho nhà Minh, thực là đắc-tội với nhà Lê mà lại đắc-tội cả với dân Nam-Việt vậy. Ta muốn mượn cái thanh gươm cổ của chúa Lam-sơn mà tặng cha con họ Mạc để tạ nhà Lê.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

NGHI-LỄ PHỔ-THÔNG

Có nước thời có phong-tục, phong-tục xa-xỉ thời nước nghèo, nghèo tất suy, phong-tục cần-kiệm thời nước giàu, giàu tất thịnh, thịnh suy bởi tự phong-tục. Muốn cho phong-tục hay cốt phải lấy lễ-độ làm trước. Nước ta lâu nay lễ-độ vẫn theo nước Tàu, các nhà đại-gia, việc quan, hôn, tang, tế, phần nhiều dùng gia lễ của Chu Văn-Công (đời nhà Tống), nhưng lễ ấy là lễ riêng của một nhà, chứ không phải là lễ phổ thông cả trong nước.

Đời nhà Trần ông Hồ Sĩ-Dương (người làng Hải-thượng, thuộc tỉnh Hải-dương, ngụ ở xã Hồng-mai, huyện Thọ-xương, mới hiệu là Thọ-mai cư-sĩ), chế ra bộ Thọ-mai gia-lễ, *thôn quê vẫn thường dùng, nhưng nghi-tiết phân-phiền, chưa hẳn đã được chính-đáng.*

Ông Lê Quí-Đôn (người Diên-hà, đỗ Bảng-nhỡn triều nhà Lê), chế ra bộ Thanh-thận gia-lễ, *toàn nói về việc tang tế, còn quan hôn và lễ thường chưa nói tường.*

Bản-triều ông Đỗ Huy-Uyển (người làng La-ngạn, đỗ Phó-bảng), cũng soạn bộ Gia-lễ tồn-chân, *sách ấy chưa có thi-hành ở trong nước.*

Xem ra xưa nay các nhà đại-gia cũng nhiều nhà chế ra lễ riêng để trong nhà dùng, nhưng điều thì theo cổ-lễ, điều thì theo thường-tục, cũng chưa có bộ nào được hoàn-toàn.

Gần đây chính-phủ định cải-lương hương-tục muốn cho dân thôn tỉnh-giảm các lệ-ngạch xa-phí để tiền ra làm việc ích-lợi chung, thực là tiện-lợi cho dân lắm; nhưng việc hiếu việc hỉ và nghi-tiết thường dùng trong một năm chưa có chuẩn-định như thế nào, để dân-gian hết thảy mọi người đều tuân-hành cho được giản-dị, nên dân-thôn chỉ có hư-danh cải-lương mà thực chưa cải chút nào cả.

Sách Lễ-kỳ *có câu:* « Tiên-vương tri lễ chi bất-đắc-dĩ, cố nhân nhân-tình nhi chế lễ. 先王知禮之不得已，故因人情而制禮. » *Nghĩa là đấng tiên-vương biết lễ không thể thôi được, bèn nhân tình người mà chế ra lễ. Lại có câu:* « Lễ bất phân đa quả, duy kỳ xứng nhi dĩ hĩ. 禮不分多寡，惟其稱而已矣. » *Nghĩa là lễ không kể nhiều ít, cốt phải xứng tình thì thôi.*

Trước đức thánh Khổng dùng lễ có điều theo bậc tiên-tiến, có điều theo nhà Chu, điều nào phải thì theo, chứ không nhất-định; như thế thời việc lễ ngày nay phải theo trình-độ của quốc-dân mà châm-chước cho hợp với thời-nghi, cũng đừng theo cả lối văn-minh mà bỏ cổ-lễ, mà cũng đừng nên câu-chấp cổ-lễ mà không theo lối văn-minh.

Vậy xin đem lễ của các bậc tiền-bối mà sửa đổi lại cho được thích-trung. Giản-hoặc có điều gì chưa được ổn-đáng, mong các bậc cao-minh phủ-chính lại, khiến cho người giàu, người nghèo, người sang, người hèn, khắp thôn-quê thành-thị xem đó làm gương, thế thời cũng có bổ-ích về đường phong-hóa một hai phần vậy.

*

I. — Hôn-lễ 婚禮

Phụ Quan-lễ 附冠禮

Hôn nghĩa là tối, cưới về chiều tối cho nên gọi là hôn.

Sách *Lễ ký* chương hôn-lễ có câu : « *Hôn lễ giả tương-hợp nhị tính chi hiếu, thượng dĩ sự tôn-miếu, hạ dĩ kế hậu-thế dã.* 禮記婚禮篇曰。婚禮者將合二姓之好。上以事宗廟。下以繼後世也。» Nghĩa là lễ hôn là hợp vui hai họ, và lấy vợ để sinh con, trước là thờ tiên tổ, sau là nối dõi muôn đời vậy. Thế thì người ta ở trên đời không lễ gì vui-vẻ bằng lễ hôn, cũng không lễ gì quan-trọng bằng lễ hôn, nào lễ nạp-thái 納采, nào lễ vấn-danh 問名, nào lễ nạp-cát 納吉, nào lễ nạp-tệ 納幣, nào lễ thỉnh-kỳ 請期, nào lễ thân-nghinh 親迎. Lễ như vậy cốt để trọng sự-thể, chứ không phải là phiền-văn, vì trước kia chưa có sổ giá-thú, nên phải thận-trọng để phòng những sự ngăn trở về sau.

Mới đây thành-phố nhiều nhà theo cách văn-minh, hai bên trai gái bằng lòng lấy nhau thì dẫn đến tòa Đốc-lý làm chứng, rồi ghi vào sổ giá-thú, thế là thành-hôn, đến sau nhân sự chê-bôi hoặc vì duyên-cớ khác mà muốn bỏ nhau, dù có sinh năm đẻ bảy cũng mặc lòng, cứ đem vào tòa án làm giấy li-dị cũng được. Sự hôn-nhân như thế tưởng cũng là giản-dị quá.

Vậy muốn trọng nhân-đạo, thì trước phải thận-trọng lễ hôn. Lễ hôn thành thì gia-đạo mới thành, gia-đạo thành thì phong hóa mới có thể hưng-thịnh được.

Chú. — *Nạp-thái* là đưa lễ đến giạm vợ. *Vấn-danh* là đưa lễ đến hỏi tên tuổi người con gái. *Nạp-cát* là đưa lễ đến nói xem đôi tuổi đã tốt. *Nạp-tệ* là đem lễ-vật đến họ nhà gái để nhà gái chứng-nhận là đã bằng lòng gả người con gái cho rồi. *Thỉnh-kỳ* là đem lễ đến nhà gái xin định ngày cưới. *Thân-nghinh* là người con trai phải thân-hành đi rước vợ.

Lễ hỏi vợ

Con trai con gái mười-lăm, mười-sáu tuổi trở lên mới đi hỏi vợ gả chồng, mười - tám mười - chín tuổi trở lên mới làm lễ cưới, vì dựng đặt sớm thì sợ nhân sự xấu, đẹp, hoặc nhân giàu, nghèo, sang, hèn, mà bỏ nhau ; lại một sự vợ chồng cưới sớm thì khí-huyết chưa được sung-túc, dù có sinh con cũng hèn yếu, cho nên việc hôn-nhân không nên định sớm, định sớm thì nhiều sự thiệt-hại, nhiều sự hối-hận về sau.

Lời bàn

Tình cha mẹ sinh con ai cũng muốn con trai sớm có vợ, con gái sớm có chồng, và ai cũng muốn dựng đặt cho con được chỗ tử-tế, nhưng không biết dựng đặt cho con phải tìm chỗ môn-đương hộ-đối. Nếu nhà mình nghèo mà chọn chỗ giàu, nhà mình hèn mà chọn chỗ sang, con mình xấu mà lại chọn chỗ đẹp, tất có sự bất-hài, dù có cưỡng-hợp, nhưng chưa hẳn đã được đoàn-tụ với nhau.

Ông Hồ Gia-Định có câu : « Giá nữ tất tu thắng ngô-gia giả, thú phụ tất tu bất nhược ngô-gia giả. 胡嘉定云嫁女必須勝吾家者。娶婦必須不若吾家者。» *Nghĩa là gả con gái nên tìm chỗ hơn nhà mình, lấy vợ phải tìm chỗ kém nhà mình, thời người con dâu ấy mới biết qui trọng bố mẹ chồng và kính chồng. Lời nói ấy tuy có lẽ, nhưng cũng chưa phải là công-luận, vì là có con gái mà muốn gả cho nhà phú-quí hơn mình, người ta không hỏi đến thì đợi đến bao giờ ? Vậy nên biết vợ chồng là duyên trời, không kể giàu nghèo hơn kém, chỉ đến tuổi là dựng đặt cho con thành gia-thất thì hơn, vì đến tuổi thì con trai con gái mới có trí khôn, mới đủ tư-cách sắp làm cha mẹ người, mới có nghề-nghiệp để mà kinh-lý gia-sự.*

Nước Tàu gần đây có lệnh cấm tảo-hôn cũng bởi lẽ ấy.

Đôi tuổi

Khi đã chọn được con gái nào có nết-na, thì phải tìm người mối, đến nhà gái nói trước, nhà gái nhận lời thời người mẹ cùng người thân-nhân đem buồng cau đến hỏi tuổi người con gái ấy để đối tuổi với người con trai có hợp không.

Đôi tuổi đã hợp nhau thời cậy người mối đến nhà gái nói lại cho chắc bằng.

Chú. — Thiên Khúc-lễ nói «*Thú thê bất thú đồng tính* 娶妻不娶同姓», nghĩa là lấy vợ không lấy người cùng họ, cốt là để trọng nhân-luân và phòng sự dâm-dục, không như loài cầm-thú lấy lẫn nhau. Lại câu : con gái có 5 điều không nên lấy : 1o con nhà ngỗ-nghịch ; 2o con nhà hỗn-loạn, 3o con nhà đời có người tù-hình; 4o nhà có chứng phong,lao, cổ,lại, 5o nhà không có cha anh dạy-dỗ. Năm điều ấy không những dạy nhà con trai chọn vợ, mà nhà con gái kén chồng cũng phải như thế, vì lấy phải con nhà bạc-ác thời con cháu mình phải chịu lấy cái tội ấy, nhà có chứng phong,lao,cổ,lại, thời sợ truyền-nhiễm đến con cháu sau này. Đến như nhà mất cha mẹ sớm,không có anh trưởng dạy bảo mà không lấy, điều ấy tưởng cũng có người mình tự-lập lấy thân, không có cha mẹ anh em mà cũng ra người tử-tế. Cho nên dựng đặt cho con cũng tìm nơi phúc-đức mà không phạm vào bốn chứng ấy thời thôi, chứ không nên kén chọn cho lắm.

Lễ tết nhà vợ

Khi nhà gái đã nhận lời rồi, đến ngày tết đem cau chè đến nhà gái và dẫn chàng rể đến mừng tuổi cha mẹ vợ, nghĩa là bắt đầu đi làm rể để bố mẹ vợ và người con gái xem mặt cho sau này khỏi sự chê-bôi, tự sau lễ tết nhiều ít gọi là có tình vãng-lai mà thôi, chứ không phải bày giờ lễ-nghi gì cả.

Lễ hỏi cả

Khi định năm cưới thời tết nguyên-đán năm ấy nhà trai đem chè cam cau rượu hoặc là bánh chưng bánh gai cho chàng rể đến lễ tổ nhà vợ, gọi là « lễ hỏi cả», lễ-vật tùy nhà vợ định lấy thức gì thì nhà trai biện thức ấy, chứ không nhất định, nhưng cốt nhà gái phải tùy lực nhà trai lo liệu được thế nào thì hay thế vậy. Vì nhà mình có con gái gả chồng mà cũng có con trai hỏi vợ, dễ người thì dễ ta. Tục có câu «thương con ngon quà», lời nói ấy cũng đáng làm gương cho nhà có con gái.

Lễ định ngày cưới

Khi chọn được ngày cưới thì đem cau nói cho nhà gái biết đến ngày ấy tháng ấy xin làm lễ cưới để nhà gái biết trước mà sắm-sửa nữ-trang cho con gái cũng là nhà gái có đòi lễ-vật gì hay là tiền-bạc để sắm-sửa nữ-trang,kịp ngày lo liệu, nhưng nhà gái cũng phải tùy lực nhà trai mà chước-định, đừng nên sách-thủ tiền-bạc cho nhiều.

Chú. — Ông Văn Trang-tử có câu : « *Hôn giá nhi luận tài, di lỗ chi đạo dã* 婚嫁而論財夷虜之道也», nghĩa là sự hôn-nhân mà lại nói đến tiền bạc là thói mường mọi vậy. Lại câu cổ-giải « *Nam nữ chi tộc, các trạch đức yên, bất dĩ tài vi lễ* 男女之族各擇德焉不以財爲禮», nghĩa là đời cổ họ trai họ gái lấy nhau đều phải chọn nhà có đức, chứ không nên dùng tiền-bạc làm sinh-lễ. Xem ra thế-tình ngày nay nhiều nhà chuộng của không chuộng người, bên trai thấy bên gái nghèo thì sinh lòng yếm-bạc, bên gái thấy bên trai nghèo, khi cưới lại thách nặng lễ, để nhà trai không thể lo được. Cũng có người vì việc hôn-nhân phải vay công lĩnh nợ, đợ ruộng bán nương để lo cưới cho xong, khi cưới xong thời cơ-nghiệp đã bán hết. Vả nhân-tình ai có con gái cũng muốn cho con mình có giá-trị. Khi cưới con sắm sửa hoa hột vành xuyến cùng là quần áo vóc nhiều rất sang, nhưng không biết đám cưới sang tuy được tiếng khen lúc bấy giờ, sau này nhà trai đã khánh-kiệt về sự hôn-lễ, nhân đó một ngày một sa-sút, không bao lâu đồ nữ-trang và gia-sản đã vào tay nhà khác, thế chẳ phải tự mình làm hại con gái mình đấy dư ?»

Lễ cáo-tổ nghinh-hôn

Khi đến ngày nghinh-hôn, phải mời một người tôn-trưởng thanh-cát làm chủ-hôn, rồi sáng sớm ngày cưới sắm sửa lễ-vật hoặc cỗ bàn đem đến cáo tổ để biết rằng ngày hôm nay làm lễ hôn và lễ gia-quan một thể.

Văn khấn

Ngày . . . . . Tháng . . . . . Năm . . ., (tên người bố . . , bố mất thì tên mẹ, bố mẹ đều mất thì người anh trưởng, không có bố mẹ và anh thì chú bác thay mặt), kính dâng lễ-vật trên cáo tổ-tiên cùng hiền-khảo hiền-tỉ chứng-giám, hôm nay tên (mỗ . . .), con thứ (mấy), lấy con gáinhà (mỗ) con thứ (mấy) tên là Thị (mỗ . . . , gặp ngày nghinh-hôn, hợp vui hai họ, làm lễ gia-quan; tuân theo tục cổ, xin tổ chứng-minh ; tác thành dãi tỏ.

Văn khấn chữ nho

(Mỗ) niên . . . nguyệt . . . nhật, (mỗ) chi tử (mỗ), tương dĩ kim nhật thân-nghinh (mỗ thị nữ), cẩn dĩ phủ tửu cụ soạn thứ tu chi nghi, cảm chi cáo vu Tiên-tổ hiền-khảo hiền-tỉ liệt vị tôn-linh vị tiền, viết : cát-thời thân-nghinh, lưỡng tính hợp hoan, cử-hành gia-quan, thức tuân cổ-lễ, tương thành trí tế, thứ biểu vi kiền. Cẩn-cáo.

某年月日。某之子某。將以今日親迎某氏女。謹以芙酒具饌庶羞之儀敢祗告于先祖顯考顯妣列位尊靈位前曰。吉辰親迎。兩姓合歡。舉行加冠。式遵古禮。將祼致祭。庶表微虔。謹告。

Nghi-tiết

Tựu vị, hưng, bái, hưng, bái, quỵ, phần-hương, châm-tửu, mật - khấn, hưng, bái, bốn lễ.

PHỤ LỄ GIA-QUAN

Cáo tổ xong, mời ông chủ-hôn và họ-hàng đến bảy giờ sáng hôm ấy làm lễ gia-quan, người con trai ấy đội khăn và mặc quần áo mới chỉnh-tề, rồi bà mẹ hoặc người anh trưởng dẫn người trai ấy ramừng ông chủ-hôn và tôn-thân trong họ, có lời nói ngày hôm nay con chúng tôi (hoặc em chúng tôi) có việc vui mừng, nhân tiện làm lễ gia quan xin nhờ đặt cho tên tự và nhờ các cụ cùng tôn-trưởng dạy bảo cho con chúng tôi biết đường ăn lễ ở, nên bậc thành - nhân, chúng tôi cảm-tạ vô-cùng.

Người chủ-hôn ưng lời, bèn làm lễ gia-quan.

Nghi-tiết

Xướng : tựu vị, (người con trai ấy đứng trước ông chủ-tọa) ; gia-quan, (ông chủ tọa đứng dậy cầm lấy cái khăn mà đội lại cho người con trai ấy cho được nghiêm-chỉnh) ; tuyên huấn-từ, (cử một người tiếng tốt đọc bài châm, người con trai đáp lại xin vâng lời) ; tạ lễ cúc-cung bái, hưng, bái, hưng ; lễ tất.

Huấn-từ 訓辭

(Chữ nho)

Phàm ngã thiếu-niên, nghi độc nội-tắc,
Kim phủ gia quan, kỳ nghi bất thắc.
Vật tác hoang du, vật đam thanh-sắc.
Dục vi thê cương, tu chính kỷ đức.
Dục vi nhân phụ, tu tận tử chức.
Thân kỷ tu hĩ, cập gia nhi quốc.
Miễn nhĩ thiếu-niên, vô vong giới sắc.

凡我少年，宜讀內則。
今甫加冠。其儀不忒。
勿作荒遊。勿耽聲色
欲爲妻綱。須正己德。
欲爲人父。須盡子職。
身既修矣。及家而國。
勉爾少年。無忘戒色。

Lời diễn-thuyết

Ngày nay thiếu-niên đã đứng vào địa vị thành-nhân, thì trách nhiệm của thiếu-niên rất là quan-trọng, trên đối

với cha mẹ, dưới đối với vợ con, trong đối với anh em tộc-đảng, ngoài đối với xã-hội quốc-dân, sao cho hết bổn-phận thì mới được là thành-nhân. Vậy muốn lên bậc thành nhân thời trước phải có học. Học thời trước phải biết luân-lý; nếu ngộ-nhận chữ tự-do bình-đẳng mà không theo lễ-độ, không giữ pháp-luật, thời dẫu sau này có phú-qui quan sang chẳng qua vinh-hạnh riêng một mình, chứ không có bổ-ích gì cho gia-đình mà cũng không có giá-trị gì với xã-hội, vì là cái giá-trị không ở chỗ phú-qui mà ở cái tư-cách của người ta. Tư-cách là gì? Chính là đường ăn lẽ ở hợp với luân-lý, có hợp với luân-lý rồi sau mới đủ tư-cách tu được thân, tề được nhà. Như thế thời thiếu-niên ta đã lấy hai chữ thành-nhân làm trách-nhiệm của mình thời không những lấy một sự học tấn-tới là hết bổn-phận mà những công việc ở trong gia-đình và xã-hội đều là bổn-phận của thiếu-niên cả. Thiếu-niên thiếu-niên, phải nghĩ sao cho khỏi hư phụ cái tiếng thiếu-niên.

Lời bàn

Sách Lễ-ký *thiên Quan-lễ có câu:* « Quan giả lễ chi thủy dã, thị cố cổ-giả thánh-vương trọng quan-lễ. 冠者禮之始也. 是故古者聖王重冠禮 » *Nghĩa là trong ngũ-lễ thì lễ quan là trước, cho nên đời cổ thánh-hiền cũng trọng lễ quan. Lại có câu:* « Dĩ quan nhi tự chi, thành nhân chi đạo dã, 必冠而字之成人之道也. » *Nghĩa là nhân lễ quan mà đặt tên tự đấy, mới nên đạo người vậy. Cho nên làm lễ gia-quan cốt lấy hai chữ thành-nhân » kỳ-vọng. Cổ-lễ gia-quan thời chế cái mũ, mời người trưởng-giả cầm cái mũ ấy mà đội lên đầu cho người quan-giả, nay không dùng mũ, dùng khăn cũng được. Nước ta xưa nay lễ quan không dùng, thành ra nhiều người không có hạnh-kiểm, trong một nhà đối với vợ con cũng không được chỉnh-đính, còn mong gì đến xã-hội quốc-dân. Cổ-hiền có câu:* « Quan lễ phế nhi thiên-hạ thiểu thành-nhân 冠禮廢而天下少成人 » *Nghĩa là lễ quan bỏ, trong thiên-hạ ít người thành nhân. Suy lời nói ấy thời lễ quan cũng nên theo cổ.*

Có người nói rằng thời-đại cải-lương, cổ-lễ chước đi chửa được, lại còn bày ra quan-lễ thêm phiền; nhưng thiết-tưởng tục-lễ xa-phí đáng nên cải-lương, còn như lễ-nghi có quan-thiết về đường luân-lý thời không nên cải.

Thử xem thiếu-niên ngày nay từ lúc ít tuổi vào học nhà trường cho đến lúc đỗ được tốt-nghiệp, đỗ được cao-đẳng trở lên, chỉ biết theo chương-trình lớp học và qui-thức trong nhà trường mà thôi, còn lễ-độ ở trong gia-đình coi là lãnh-đạm. Thậm-chí ngộ-nhận chữ bình-đẳng tự-do, thành ra đối với cha mẹ tôn-thân không có trật-tự gì cả.

Vậy nhân việc nghinh-hôn làm lễ gia-quan để răn bảo đường ăn lẽ ở cho khỏi sai lầm, tuy là phiền-văn, nhưng hợp với lễ hôn cùng một tiệc thời cũng giản-tiện.

Lễ nghinh-hôn

Khi làm lễ gia-quan xong, bày tiệc rượu luôn, người con trai ấy đứng rót rượu mời ông chủ-hôn và các bậc tôn-trưởng, rồi lui vào trong nhà, cử người khác đi thay mặt mời họ xơi rượu.

Tiệc rượu xong mời năm mười người lưu lại, để đợi giờ đi rước dâu.

Lúc nghinh-hôn về chiều tối thời cử hai người ít tuổi cầm hai cây đèn nến đi trước ông chủ-hôn, chứ không phải dùng bó đuốc bó hương như trước nữa; nếu cưới ban ngày thời hai cây đèn nến cũng nên chước. Chàng rể đi sau ông chủ-hôn, cử hai người cầm chai rượu và hộp trầu đem đến mừng

họ nhà gái, (tục gọi là trầu khem), bố mẹ và người trong họ thanh-cát cùng đi đến nhà gái đón dâu. Chàng rể đến nơi mừng bố mẹ vợ, xong rồi đi lễ nhà thờ bên vợ. Họ nhà trai đến đấy chỉ ăn trầu uống nước, đến giờ thì rước dâu về. Nếu tổ xa thời đi lễ hôm trước hay là ngày hôm sau cũng được.

Lễ tơ-hồng và hợp-cẩn

Khi dâu về đặt bàn trước sân bày trầu rượu để lễ tơ-hồng, ông chủ-hôn vào khấn trước, chàng rể cô dâu vào sau lễ bốn lễ.

Văn khấn

Ngày . . . tháng . . . năm . . , con trai thứ (mấy) tên (mổ) . . . lấy con gái thứ (mấy) tên (mổ) . . . , nhân được ngày lành tháng tốt, làm lễ nghinh-hôn, gọi chút lễ thường, kính dâng Nguyệt-lão thiên-tiên chứng-giám.

Mong được : Sắt cầm hòa-hợp, loan phượng hòa duyên. Trăm năm kết tóc, một nhà đoàn-viên. Nhờ đức thiên tiên, tác thành cảm-tạ.

Văn chữ nho

Phu thê lưỡng tính, kim dĩ thành hôn.
Thiên tiên tác hợp, ngưỡng tạ hồng ân

夫 妻 兩 姓。今 已 成 婚。
天 仙 作 合。仰 謝 鴻 恩

Cẩn cáo

Lễ tơ-hồng xong, ông chủ hôn dẫn vợ chồng người ấy vào buồng làm lễ hợp-cẩn, đặt cơi trầu nậm rượu và hai cái chén để trên khay, chồng đứng bên tả, vợ đứng bên hữu, vợ bái chồng bốn bái, chồng cũng bái lại bốn bái, rồi ngồi xuống giường rót rượu cho nhau uống, đưa trầu cho nhau ăn.

Lễ hợp-cẩn xong, ông chủ-hôn ra ngoài, đặt tiệc rượu để mời hai họ cùng những người đi đón dâu uống rượu, nếu họ nhà trai đã đem cỗ đến nhà gái, để họ nhà gái xơi rượu, thời lúc cưới họ nhà gái chỉ ăn trầu uống nước cũng tiện.

Lễ yết-tổ

Nghỉ một lúc, sắm trầu rượu để cô dâu và chàng rể đi lễ tổ nhà, nếu trời tối thì để ngày hôm sau cũng được.

Lời bàn

Đức thánh Khổng bảo ông Tăng-tử rằng : « Nhà có con gái cho cưới, ba đêm không tắt đuốc, » ý nói nhớ con gái ba đêm không ngủ. Tục ta nhà gái nhiều nơi bày cỗ bàn để khoản-đãi trong họ, lấy làm vui mừng, như thế tưởng không hợp lễ, vì là họ trai đã làm cỗ mời họ gái đến ăn thì họ gái cũng nên chước cỗ bàn. Ngài lại nói : « Nhà trai cưới vợ không có cử nhạc. » Tục ta nhà con trai ngày hôm cưới chèo hát vui mừng. Như thế đối với lễ không hợp.

Nhà gái hoặc nhân có tang-trở gì đến họ nhà trai ăn cỗ không tiện, thì đã có cỗ nhà trai đưa đến để khoản-đãi những người đến mừng cưới, đó là tùy tục, trong lễ thì không có. Còn như cỗ-lễ lúc nghênh-hôn chỉ dùng một con nhạn để làm lễ sinh, chứ không đem lễ-vật gì cả. Tục ta có nơi lúc cưới đem mâm xôi, lợn quay, hoặc cỗ mới, như thế phiền-phí tưởng cũng nên giảm.

Lễ tơ-hồng tự ngươi Vi Cố đời nhà Đường đi kén vợ, nhân gặp ông lão cầm cái túi ngồi hướng mặt trăng giở sách xem. Ngươi Cố hỏi sách gì. Ông lão nói : « Sổ để biên hai vợ chồng lấy nhau ». Lại hỏi : —Trong túi có vật gì? —Có giây tơ-hồng để buộc hai người lấy nhau. — Cố lại hỏi : — Tôi lấy con gái nhà ai, ông có biết không?—Anh lấy con gái họ Trần mới lên ba tuổi, mẹ nó đi bán rau.—Sau anh ta quả lấy con gái họ

Trần. Mới biết việc hôn-nhân thực có thiên-định, từ đấy bày ra lễ tơ-hồng, chứ cổ-lễ không có.

Lễ hợp-cẩn cổ-lễ có đặt cỗ, vợ chồng cùng ăn với nhau. Nhưng tục ta con gái mới về nhà chồng, tính còn bẽn-lẽn, nên không dùng cỗ, chỉ dùng nậm rượu rót cho nhau uống, cơi trầu đưa cho nhau ăn mà thôi.

Còn như dân quê có nơi cô dâu mới về thì mẹ chồng xách bình vôi chạy; có nơi cô dâu cầm dao và cái mồi thuốc trừ cùng là cái kim gài ở tràng áo. Lại có nơi cô dâu mới hồi-môn nhà trai để cái cối đá và đốt đống rơm ở trước ngõ để cô dâu bước qua. Đó cũng là nhân khi xưa có người về nhà chồng tưởng là bị tà-ma nó làm ốm đau, nên phải phù-chú yểm-đảo như vậy, một người làm rồi người khác cũng theo, thành ra tuần-tập mãi không thể đổi đi được. Đối với cách văn-minh bây giờ, thế chả phải hủ-lậu lắm dư?

Tục thành-phố, nhà cưới con trai, thân-thích tân-bằng thường hay mừng câu-đối, không có câu-đối thì đám cưới không được sang, nhưng xem câu-đối vóc nhiều ngoài gián bằng giấy, giữa gián chữ nhung, coi như đồ mã vậy, không được mấy ngày giấy mã rơi ra mà câu-đối phí ít ra cũng đến ba bốn đồng bạc, thực là vô-ích. Vậy câu-đối nên bỏ, thà đem mừng một hai đồng bạc có lẽ phải hơn.

Có người bảo mừng bằng bạc là hủ, nhưng không biết đám cưới này mừng chữ « Loan phượng hòa minh 鸞鳳和鳴 », *đám cưới khác mừng chữ* « Sắt-cầm hảo-hợp 瑟琴好合 », *quanh đi quẩn lại cũng chỉ có bằng ấy chữ, thậm-chí có một đám cưới mà hai ba câu đối cũng dùng bằng ấy chữ như nhau; dù bằng vóc nhiều cũng chẳng khác gì cái đồ gián mã, thế chẳng hủ lắm dư? Tiền bạc là cái đồ hữu-dụng đem đến mừng thời cũng là giúp vốn cho nhau, thực cũng là một sự ích-lợi, không phải là hủ.*

Tục ta từ ngày cưới đến bảy ngày gọi là một cữ, nhà trai làm cỗ mời bố mẹ vợ cùng thân-thích đến uống rượu, họ nhà gái mừng được bao nhiêu tiền, mẹ vợ hôm ấy đem đến mừng cho chàng rể. Cũng có nơi làm cỗ luôn ngày hôm sau cho tiện, đó là tục riêng của từng xứ. Xem trong lễ không có, thì cái tục ấy như nghèo cũng nên thôi.

Trong lễ con gái về nhà chồng mẹ dặn « Túc dạ vô khiên, kinh thính cữu-mệnh 夙夜無愆敬聽舅命 », *nghĩa là sớm khuya đừng làm điều gì trái lẽ, kính nghe lời bố mẹ chồng. Lại dặn câu:* « Tất kinh tất giới, vô vi phu-tử, 必敬必戒無違夫子 », *nghĩa là hẳn kính hẳn răn, đừng trái lời chồng. Nhà có con gái cốt dạy đi làm dâu phải hết đạo làm dâu, chứ không nên bắt-chước người đời, mẹ hay nuông con gái, đến nỗi con mình hư mà mình vẫn cho là phải, nhân thế nó lại nay chức-thuyết điều này, mai chức-thuyết điều khác, thành ra hai nhà thông-gia mất lòng nhau, cái lỗi ấy tự mẹ nuông con, nhưng cũng lỗi tự người chồng không biết dạy vợ. Tục có câu:* « *Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ-vơ mới về* ». *Vợ là người họ khác, ý-tứ của bố mẹ chồng, hẳn chưa được quen, gia-pháp nhà mình, hẳn chưa được hiểu, nếu mình không tìm điều răn bảo, thời hẳn biết đâu mà theo; cho nên người chồng cần phải dạy vợ, đừng nên nghe vợ bênh vợ, để sinh chuyện lôi-thôi.*

PHỤ LỄ CƯỚI BÔN-TANG

Gặp đại-tang, quan còn để trong nhà, làm lễ cưới ban đêm gọi là « bôn-tang. »

Lời bàn

Thiên tạp-ký kinh Lễ nói: « *Tang tiểu công* 小功 (*nghĩa là tang năm*

tháng) thời làm lễ hôn lễ quan cũng được, còn tang tư-thôi 齊衰 và tang một năm trở lên thời không được làm lễ hôn.»

Tục ta cưới bôn-tang như thế là không hợp cổ-lễ, tuy vậy lễ tùng nghi, cũng đừng nên câu lễ quá, phỏng như gia-tình người ấy bố mất mà mẹ đã già, hoặc mẹ mất mà bố đã già, cùng là con trưởng hoặc con nhà hiếm phải đợi xong tang mới được cưới, bất-hạnh xong tang ấy lại kế tang khác, thời đến bao giờ được thành-hôn Sách Mạnh-tử *có câu:* Vô hậu bất hiếu vi đại 無後不孝爲大, *nghĩa là không có con nối sau, tội bất - hiếu là lớn. Như vậy thời giữ được chữ lễ thời mất chữ hiếu, thời việc bôn-tang cũng là tùng-quyền. Tuy không hợp cổ - lễ, nhưng cũng hợp với nhân-tình vậy.*

Còn nữa)

THIỆN-ĐÌNH

MỘT NHÀ ĐẠI TRIẾT-HỌC ĐỜI MINH

Vương Dương-Minh 王陽明 (1)

II

Dương-Minh khi còn niên-thiếu thích bàn việc binh, lớn lên theo về việc học, chửa từng đã trải qua nơi hàng-trận. Thế mà nhất-đán ra trị - nhậm ngoài biên-cương, chỉ đem theo mấy kẻ ti-lại văn-hàn, dẹp yên được bọn giặc lớn đã hàng bao nhiêu năm, dẫu kẻ lão-luyện việc binh cũng không giỏi được như thế, xa gần đều kinh-sợ coi như thần. Xem thế thì văn võ có phân-đồ khác nhau đâu, duy đã hay lập-đức lập-ngôn thì tất là hay lập-công vậy. Nhưng sự họa-hoạn trong thiên-hạ đã khi nào yên, mới dẹp yên được bọn thảo-khấu nhỏ mọn ấy, cũng chưa hết được cái tài dùng về việc đi-đại đầu-gian, nên mới lại có cái việc trong bốn mươi hai ngày dẹp yên nạn Ninh-vương.

Thần Hào nguyên là hàng châu vua Thái-tổ nhà Minh, thừa được phong-tập-tước của ông cha, ở đất Nam-xương, tước xưng là Ninh-vương. Nhân khi ấy Võ-tôn vô-tự, lại hay đi ngự chơi luôn, nhân - tình lấy làm nguy - sợ. Ninh-vương mới nổi lên làm phản, đó là ngày tháng sáu năm thứ 14 niên-hiệu Chính-đức. Khi ấy quân ở Phúc-kiến làm phản, Dương-Minh phụng-mệnh đi khám xét, mới đi đến huyện Phong-thành (2), chợt nghe tin Ninh-vương

---

(1) Xem *Nam-Phong* kỳ trước số 145.

(2) Thuộc Giang-tây ở về phía nam thành Nam-xương.

nổi loạn. Ninh-vương ở thành Nam-xương cách Phong-thành chẳng qua và mươi dặm. Quan Tuần-phủ Giang-tây là Tôn Toại và quan án-sát-ti phó-sứ là Hứa Qui đều tự-tử, còn các người khác đều theo về đảng nghịch cả. Nếu khi ấy Dương-Minh cũng xông vào hang hổ, thì không có người chủ-trì, việc thành ra hỏng mất. Dương-Minh bèn trở lại đảo về Cát-an, họp-tập binh-mã để từ-đồ bồ-cứu về sau. Ninh-vương sai quân đuổi theo không kịp.

Khi Dương-Minh ở Phong-thành nghe tin biến, thì bà phu-nhân và công-tử ở dưới thuyền. Dương-Minh cho gọi một cái thuyền đánh cá nhỏ để sắp trở về Cát-an, sai quan tham-mưu là Lôi Tế, Tiêu Vũ, đem đưa hai đấu gạo và mấy miếng cá mắm để cúng phu-nhân tương-biệt. Khi thuyền sắp ra đi Dương-Minh hỏi Tế rằng: « Đã sắp đủ mọi đồ-vật chưa? » Tế thưa rằng: « Đã đủ. » Dương-Minh cười mà rằng: « Còn thiếu một vật nữa. » Tế và Vũ nghĩ không ra. Dương-Minh sai lấy một cái lọng vàng bảo rằng: « Đến các địa-phương mà không có cái vật này, thì sao tỏ cho người ta tin được (2). » Ngày hôm sau đi đến dưới thành Cát-an, cửa thành canh-giờ nghiêm-nhặt, thuyền không được ghé vào. Vũ, Tế mới giương lọng lên để bảo cho trong thành biết, bấy giờ ở trong mới mở cửa ra đón vào. Đó tuy là một việc nhỏ, nhưng xem đó đủ biết là người lo việc tinh-tường.

Dương-Minh mà hay dẹp yên Thần Hào, thuần là dùng mẹo quyền-biến cả. Song « binh bất yếm trá », không nên lấy thế mà chê nhà nho vậy. Khi Dương-Minh trở lại Cát-an, cùng với quan tri-phủ là Ngũ Văn-Định điều-bát binh-mã lương-thực, sửa-sang khí-giới thuyền-bè, lại truyền hịch bốn phương, kể rõ tội Thần Hào, để khiến cho các quan thú-lệnh đều đem binh-sĩ giúp việc cần-vương, nhân họp chúng bàn rằng: « Quân giặc kia nếu đi về mặt Trường-giang, thuận dòng sông xuôi xuống mé đông, thì Nam-kinh không thể giữ được nữa. Ta muốn dùng mẹo quấy-rối để cho nó chậm-trễ lại độ tuần-nhật thì không lo gì nữa. » Bèn giả-cách làm ra tờ công-văn hỏa-bài để phản-gián, sức đi các nơi hư-trương thanh-thế, để cho Thần Hào nghe biết. Có người nói rằng: « Ninh-vương thấy thế chửa chắc đã tin ngay là thực. » Dương-Minh hỏi lại rằng: « Nếu không tin thì có sinh nghi không? » Thưa rằng: « Cũng không khỏi nghi. » Dương-Minh nói: « Nếu được hắn sinh bụng nghi một cái thì việc ta xong! »

Lý Sĩ-Thực, Lưu Dưỡng-Chính là hai kẻ mưu-sĩ của Thần Hào, Dương-Minh muốn làm cho ly-gián, giả-cách đưa thư cho hai người, trong thư bày tỏ cái bụng thành muốn về hàng, khiến làm lung-tung thúc-giục Ninh-vương sớm kéo binh xuống mé đông, mà lại cố làm cho tiết-lộ cái mưu ấy ra. Quả-nhiên Thần Hào lấy làm ngờ, đến khi cùng với Sĩ-Thực, Dưỡng-Chính bàn định, thì hai người lại đều khuyên nên mau mau kéo xuống Nam-kinh, để lên ngôi vua. Thần Hào lại càng nghi lắm. Dương-Minh lại sai niêm-yết tờ cáo-thị ra các nơi rất nhiều, và dựng hiệu cờ chiêu-hàng, hiểu-dụ lấy lẽ thuận-nghịch họa-phúc. Lúc mới đầu thì Thần Hào vẫn định mưu rằng lấy ngày mười-bảy tháng sáu xuất-binh kéo thẳng đến Nam-kinh, vào yết lăng vua Thái-tổ nhà Minh, rồi làm lễ lên ngôi, xong rồi kéo đi đánh Bắc-kinh. Sau vì được

(1) Đời nhà Minh các quan lớn đi đâu thì thường che lọng vàng.

những tin trên này việc gì cũng hoài-nghi cả, không dám xuất-binh đi vội, trước sai quân đi đánh đất Cửu-giang gần Nam-kinh, mà mình thì vẫn lưu ở tỉnh-thành để phòng-bị quân của Dương-Minh. Quân-lính đợi mãi Thần Hào chẳng thấy đem quân ra, phải lưu-trụ mãi chốn giang-hồ, quân-khí chán-nản suy-yếu, lại thấy những tờ cáo-thị niêm-yết ra bốn mặt, và mộc-bài cờ-hiệu chiêu-hàng, ai cũng đều trễ-nải, mỗi ngày ly-tán dần. Mãi đến sau Thần Hào cho đi do-thám mới biết bốn mặt không có quân-lính gì cả, mới dám đem quân ra ngoài thành, phía đông xuôi xuống Trường-giang, đánh thành Yên-khánh, vây Yên-khánh mười tám ngày không hạ được thành. Thần Hào nói rằng : « Thành Yên-khánh còn không hạ được, nữa là thành Kim-lăng. » Trong những khi ấy thì Dương-Minh sắp quân đã chỉnh-bị cả rồi.

Dương-Minh nghe Thần Hào đã dời khỏi Nam-xương, mới họp bàn tiến quân, mọi người đều bảo thành Yên-khánh bị vây, nên đem quân thẳng đến giải vây thành Yên-khánh. Dương-Minh nói rằng : « Không nên, nay Cửu-giang Nam-khang đều đã bị thất-hãm cả rồi, mà trong thành Nam-xương còn có vài vạn quân, quân tinh-nhuệ cũng còn đến hơn một vạn, lương-thực chứa-chất sung-túc ; quân ta nếu đến đánh Yên-khánh, thì giặc nó tất quay binh lại liều chết mà đánh quân ta, binh trong thành Yên-khánh chỉ đủ giữ thành, không thể cứu-viện được cho ta ở trong hồ ; binh Nam-xương nó lại kéo ra chặn đường lương-thực của mình, mà bao nhiêu quân giặc ở Cửu-giang Nam-khang nó đều họp lại quấy rối mình, viện-binh ở bốn phương không thể mong được, thì lỡ mất việc. Không gì bằng nên mau mau đánh thành Nam-xương phá nơi côn-bản, Thần Hào thế tất phải trở về cứu, như thế thì thành Yên-khánh tự-khắc giải vây, mà Ninh-vương rồi tất là bắt được ! » Xem như mấy câu nói ấy thì biết ông liệu việc tỏ như xem văn bàn tay, tuy rằng Tô Tần, Trương Nghi là kẻ sách-sĩ tài-giỏi sủy-ma thời-thế cũng không kịp bằng vậy.

Trước kia Ninh-vương phục-binh hơn nghìn ở ngoài thành Nam-xương. Dương-Minh dò biết đánh tan đám phục-binh. Những quân bại-trận chạy vào trong thành. Trong thành xôn-xao kinh-sợ. Dương-Minh thúc quân tiến vào đánh, quân giặc lại càng kinh-khiếp đoạt-khí. Quan-quân nhân lúc náo-động, hò reo tiến vào, bắc thang trèo lên thành. Quân trong thành đều đảo-qua chạy trốn, thành tan vỡ. Quan-quân kéo vào thành, tha cho những kẻ hiếp-tùng, niêm-phong phủ-khố, cẩn-mật quan-phòng, chiêu-an quân-dân đều được yên-nghiệp cả.

Đã hạ được thành Nam-xương rồi, đóng quân lại hai ngày, rồi sai Ngũ Văn-Định, Từ-Liễn, Đới Đức-Nho đều đem quân tinh-binh chia ra các đường đều tiến quân, lại sai quan Thông-phán Thụy-châu là Hồ Nghiêu-Nguyên đem quân phục sẵn ở các nơi để đón đánh quân giặc. Khi ấy Thần Hào nghe tin quân thành Nam-xương thất-bại, quả-nhiên giải vây thành Yên-khánh, đem quân trở lại cứu-viện, vừa đi đến Hoàng-gia-độ (ở phía đông Nam-xương) thì gặp quan-quân. Văn-Định đi tiền-phong đánh xông vào mặt trước, quân giặc xông lên đánh, Hình Tuân vòng quanh đánh về mặt sau quân giặc, Văn-Định thừa-thế đánh lên, Nghiêu-Nguyên lại nổi quân phục lên đánh, quân giặc tan vỡ lui về giữ đất Bát-tự-não, lại hết đem quân Nam-kinh ra đánh một trận nữa, quân giặc cả thua lui về giữ trấn Bảo-tiêu-xá, ken liền thuyền lại với nhau bày thành phương-trận, rồi hết đem đồ kim-bảo để khao quân;

ngày hôm sau, Thần Hào đương buổi sớm, triều-hội kẻ quần-thần thì quan-quân chợt kéo đến, đem những chiếc thuyền nhỏ chở củi đuốc lại, theo ngọn gió tung lửa lên đốt cháy các thuyền giặc, vợ Thần-Hào là Lâu-thị cùng mọi người hầu đều nhảy xuống nước chết. Khi Thần-Hào sắp lâm phản Lâu-thị đã từng can mãi không nghe, đến đây Thần-Hào than rằng: «Xưa kia chúa Trụ nghe lời vợ mà đến mất nước, ta đây lại vì không nghe lời vợ mà đến thua trận, hối lại sao kịp được nữa.» Thuyền của Thần Hào bị mắc cạn, vội-vàng nhảy sang thuyền khác chạy trốn thì bị phải quan tri-huyện Vạn-an là Vương-Giác bắt được. Quan-quân lại đánh lấy cả được thành Nam-khang, Cửu-giang, đầu đuôi tất cả có bốn mươi mốt ngày là dẹp yên giặc.

Khi Thần Hào mới khởi loạn, binh-thế rất thịnh, coi khinh Dương-Minh như không. Thế mà rồi phải chịu khốn ở một xó, nhảy-nhót trong vài tháng trời chẳng kịp giở được trò gì, đến phải chịu diệt-vong, xem thế đủ biết Dương-Minh ứng-biến như thần không thể lường biết được. Đương khi mới hạ được thành Nam-xương, Dương-Minh chợt truyền lệnh chế và mươi vạn cái thẻ mộc-bài «miễn-tử», kẻ tả hữu không ai biết là để dùng làm gì, đến khi giao-chiến ở trên hồ Phiên-dương thì thấy ông sai lấy những thẻ mộc-bài ấy vứt lên mặt hồ để cho nó thuận dòng nước chảy xuống; quân giặc khi ấy mới nghe tin tỉnh-thành đã vỡ, những quân hiếp-tùng đều muốn bỏ trốn đi, nhưng lại sợ không thể khỏi chết được, chợt thấy trên mặt hồ trôi nổi lên những mộc-bài «miễn-tử», đều đua nhau tranh vớt lấy, vì thế quân của Thần Hào không ai còn có chí chiến-đấu nữa.

Trận đánh ở trên mặt hồ khi mới giáp trận thì quan-quân đã hơi núng bỏ lui, Dương-Minh liền sai chém những tên bỏ lui trước, quan tri-phủ là Ngũ Văn-Định liền xông vào trong đám tên đạn, cố sức đốc các quân-sĩ liều chết mà đánh vào, quân giặc chợt trông thấy giơ lên một cái thẻ bài lớn, viết mấy chữ rằng: «Ninh-vương đã bị bắt rồi, quân ta không được giết bậy!» Quân giặc thấy thế kinh-sợ bối-rối, bèn tan vỡ. Thần Hào toan muốn lẩn trốn đi, chợt trông thấy có một chiếc thuyền đánh cá ẩn ở trong đám cỏ lau, Thần Hào liền gọi lại để sang đò, người đánh cá bơi chèo đi đến đón bắt ngay Thần Hào đưa đến trung-quân, các tướng không ai biết cả.

Khi Dương-Minh đánh nhau với Thần Hào mà ông vẫn ở trung-quân họp đệ-tử lại giảng học, chợt thấy linh về báo rằng tiền-quân thắt-lợi, mọi người đương ngồi đều có sắc sợ, Dương-Minh thong-thả bước ra tiếp-kiến tên lĩnh, rồi lại trở về chỗ ngồi, lại vẫn tiếp-tục giảng học, thần-sắc yên-nhiên. Vụt chốc kẻ điệp-giả lại vào báo rằng quân giặc đã tan vỡ, mọi người đương ngồi đều có sắc mừng, Dương-Minh lại thong-thả bước ra tiếp kiến kẻ điệp-giả, rồi lại lui về chỗ ngồi, lại vẫn tiếp-tục giảng học, thần-sắc cũng vẫn yên-nhiên như trước. Ấy là ông hay không động-tâm như thế đó.

PHÊ-BÌNH. — *Trên lịch-sử ít thấy có bậc nho-tướng, mà dụng-binh giỏi như Dương-Minh cũng lại càng ít có người như thế vậy. Sau Dương-Minh có một nhà lý-học danh-nho, mà thân ra chốn hàng-trận làm cho quân giặc bách chiến phải đến khốn-quẫn, thì có ông Tăng Quốc-Phiên* 曾國藩, *(tên tự là Địch-sinh, thụy là Văn-chính). Song còn được nhiều người chiến-tướng giúp đỡ, chứ như Dương-Minh những người tham-dự mưu cơ-mật trong tướng-mạc, chẳng qua một vài kẻ nhà nho tùng-học, những người chỉ-huy ra tiền-địch, chẳng qua mấy kẻ tả-nhị ở*

bản-tỉnh và phủ huyện, thế mà Dương-Minh hay lấy nhất-tâm vận-dụng được cả, hay khiến những bác đồ khăn vuông đều thành kẻ danh-sĩ, những kẻ ti-thuộc giữ sổ sách đều thành bậc lương-tướng, thực là có cái thủ-đoạn hay hóa những kẻ sú-hủ ra làm bậc thần-kỳ, khiến người ai cũng phải kính phải yêu.

Khi Ninh-vương làm phản, triều-đình được sớ Dương-Minh tâu về, họp quần thần lại hội-nghị. Quan Binh-bộ là Vương Quỳnh nói rằng : « Kẻ thu-tử ấy vốn làm bất-nghĩa, nay thảng-thốt nổi lên làm loạn, cũng chẳng sợ gì. Đã có Vương Thủ-Nhân giữ ở thượng-du, đuổi theo là tất bắt được. » Xem thế thì biết cái tài của Dương-Minh là Vương Quỳnh, mà biết cái học của Dương-Minh là Vương Tư-Dư vậy.

Hoặc hỏi Dương-Minh rằng : « Dụng binh có thuật gì không ? » Dương-Minh nói : « Dụng-binh có thuật gì đâu, chỉ cốt học-vấn thuần-đốc, nuôi được cái tâm mình bất-động, ấy là thuật đấy. Phàm người ta tài-trí cách nhau không xa mấy, thế mà cái cuộc được thua không phải đợi đến lúc lâm-trận mới biết, chỉ cốt coi ở cái tâm động hay là bất-động mà thôi. » Đời Minh chiến-tranh những đồ võ-khí hãy còn đơn-giản, còn có thể nói là dụng-binh có thuật gì, chứ như đời nay thì không thể nói thế được nữa. Song khi hai nước đối lũy, đồ kiên-giáp lợi-binh bằng nhau, địa-thế nhân-số cũng bằng nhau, thế mà một đàng được một đàng thua khác nhau, há chẳng là một đàng thì học-vấn chửa được thành-đốc, lúc lâm-sự đến thì tâm động, một đàng thì học-vấn rất là thành-đốc, lâm-sự đến mà tâm vẫn bất-động đấy ư ? Chiến-thuật tuy có cổ có kim, có trung có ngoại, nhưng cái tâm không có cổ-kim trung-ngoại gì cả.

Cứ như Dương-Minh Niên-phổ, thì năm Chính-đức thứ 14, ngày rằm tháng sáu, nghe tin Thần Hào khởi biến, ngày 19 thì Dương-Minh trở về Cát-an dâng sớ về triều cáo-biến ; ngày 13 tháng 7 mới khởi binh tự Cát-an tiến-phát ; ngày 15 sai quan tri-huyện Phung-tân là Lưu Thủ-Tự đánh phá quân phục-binh của Thần Hào ; ngày 19 lại tự Thị xơ tiến binh ; ngày 20 hạ được thành Nam-xương ; ngày 24 đánh nhau ở Hoàng-gia-độ ; ngày 25 đánh nhau ở Bát-tự-não ; ngày 26 đánh bắt được Thần Hào ở Tiêu-xá, đất Giang-tây yên. Xem thế thì đầu đuôi chiến-sự có 42 ngày. Sách Tục-tư-trị-thông-giám *nói là 35 ngày thì không phải. Nay theo như* Niên-phổ.

. . .

Tướng Ô Châu nước Kim bị phải Nhạc Vũ-mục đánh thua, sắp lui quân về. Có kẻ thư-sinh dẫng ngựa lại can rằng : « Từ xưa chửa khi nào có kẻ quyền-thần ở trong, mà quan đại-tướng hay lập được công ở ngoài. Cứ như tôi xem ra, thì Nhạc Thiếu-bảo không khỏi tai-vạ được, lẽ nào lại lập được công. » Quyền-thần tức là trỏ Tần Cối. Đương khi Dương-Minh đi binh nạn, thì trên có vua Võ-tôn hoang-dâm, dưới có người Giang Bân chuyên-hoạnh, giềm bàng tứ-tung, tả hữu gây nạn, nếu không phải trung như Dương-Minh, mà lại giúp thêm lấy quyền-biến, thì quân ra chưa kịp báo-tiệp mà thân đã bị chết, lại chẳng theo cái lối bánh xe đổ như Nhạc Võ-mục dử ? Tuy rằng may mà thành công, mà phần trong phải lo sợ về kẻ sàm-bàng, cái lòng duy-trì điều-hộ cũng rất là khổ. Xem những đoạn ấy thì biết rằng xử-thế rất khó-khăn.

Đương lúc Võ-tôn mới nghe Thần Hào sinh biến, hạ chiếu đi thân-chinh, ý là muốn mượn chuyện ấy để thỏa cái chí nam-du. Lại lạ nữa là Võ-tôn không lấy cái danh-nghĩa là hoàng-đế để hiệu-triệu bốn phương, mà lại thác

cái danh là Uy-võ đại - tướng - quân Trấn-quốc-công Chu Thọ. Khi xa-giá mới đi đến Bảo-định (tỉnh Trực-lệ), thì thư báo-tiệp đã dâng về. Võ-tôn đem giấu bặt đi, không đem tuyên-bố ra hình như không muốn chóng dẹp được yên loạn làm thích, mà lại lấy làm tức rằng như thế thì mình ra thân-chinh vô-danh không được thỏa cái chí nam-du vậy.

Khi Dương - Minh dâng thư cáo Thần Hào làm phản, ý muốn nhân việc này để răn vua đừng có sủng - hạnh kẻ hoạn-quan. Trong thư có câu : « Xin truất kẻ bế-hạnh, để hồi-tâm kẻ hào - kiệt trong thiên - hạ. » Mọi kẻ hoạn-quan nghe biết đều không bằng lòng. Đến khi dẹp yên được Thần Hào rồi, chúng lại khởi cái lòng ghen công, và lại sợ Dương-Minh phát-lộ chuyện kín ra, thì lại cả lấy làm sợ, thường ở trước mặt vua, nói gièm-pha không thiếu một điều gì. Quan Thái-giám là Trương Trung và An-biên-bá là Hứa Thái đem cấm-quân kéo đến Giang-tây, lại muốn sai thả Thần Hào ra ở trong hồ Phiên-dương, để cho vua ra đấy thân tự bắt lấy, cho thỏa-thích ý vua.

Dương-Minh nhân khi Trung, Thái hai người chửa kéo quân đến nơi, trước bắt ngay được Thần Hào, điệu đến Nam-xương. Trung, Thái hai người cậy có tờ hịch của Uy-võ-đại-tướng-quân đón ở huyện Quảng-tín để đòi lấy Thần Hào, Dương - Minh không giao cho. Trong bọn quan Thái-giám có Trương Vĩnh là người vốn hiền-lành, khi bấy giờ đóng ở Hàng-châu, Dương - Minh đi đến yết-kiến bảo rằng : « Dân tỉnh Giang-tây đã chịu phải cái độc của Thần Hào đã lâu, trải qua đại-loạn lại liền bị thiên-tai hạn - hán, gia-dĩ có các quân-quan ở các tỉnh và ở Kinh kéo đến cung-ứng không đủ, thế-tất nó phải trốn tránh họp ở trong hang núi để làm loạn, như thế thì thiên-hạ sắp thành ra cái thế như đất vỡ-lở, ông vốn là người ái-quốc, há lại chẳng nghĩ đến thế ư ? » Vĩnh rằng : « Phải, tôi ra chuyến này cũng muốn điều-hộ bên tả bên hữu để giúp đỡ thánh-cung, chứ không phải vì tranh-công mà lại đây đâu. » Dương-Minh tin là người trung-trực, mới đem Thần Hào giao cho Vĩnh, mà mình thì cáo ốm ra tĩnh-dưỡng ở chùa Tĩnh-từ bên Tây-hồ, miệng không khoe gì công-cán cả, cái ý cũng giống như ông Hàn Kỳ cưỡi lừa chơi ở trên hồ vậy.

Khi Dương-Minh ở Tây-hồ lại được mệnh cho làm tuần-phủ Giang-tây, bèn trở về Nam - xương. Bấy giờ Trương Trung, Hứa Thái hai người đều ở Giang-tây chỉ dòm-dỏ xét-nét trăm đường, muốn bắt lấy điều lầm-lỗi, rồi theo gió mà phụ-hội, bịa đặt ra lời gièm pha. Lại làm cho quân Kinh và quân Nam hai đàng bất-hòa nhau. Dương - Minh lại càng ủy-lạo hậu-đãi, truyền-dụ trong quân bảo rằng Bắc - quân đến đây là khách, nên hậu cái lễ chủ đãi khách mới phải, mỗi khi gặp đám tang quân Bắc, thì tất dừng xe lại thăm hỏi ân-cần. Ít lâu quân Bắc đều cảm-phục. Trung, Thái muốn cùng Dương-Minh thi bắn, ý-tưởng rằng Dương-Minh là kẻ văn-thần không biết bắn, muốn lấy nghề bắn để khuất-phục Dương-Minh. Dương-Minh phải miễn-cưỡng ứng theo, bắn ba phát tin cả ba. Bắc-quân đứng vòng xung-quanh đều reo lên giơ tay chúc mừng. Trung, Thái cả sợ mà rằng : « Quân ta đều phụ theo cả rồi chăng ? » Liền thu quân kéo đến Nam-kinh, vì khi ấy Võ-tôn đương ngự ở Nam-kinh.

Mọi kẻ bế-hạnh vẫn căm-giận Dương-Minh mãi không thôi, gièm-pha ở trước mặt vua bảo là có chí làm phản. Vua hỏi lấy gì làm chứng-nghiệm. Chúng thưa rằng : « Thử triệu lại mà không chịu lại thì biết ngay. » Vua cho triệu

lại. Trương Vĩnh ngầm sai kẻ mạc-tân là Tiền Bình-Trung đi đến mật bảo Dương-Minh, và dặn bảo hễ nghe mệnh triệu thì phải lại ngay. Khi nghe mệnh vua triệu liền đi đến, thì Trung, Thái lại làm ngăn-trở ở Vu-hồ đến nửa tháng, Dương-Minh bất-đắc-dĩ phải vào ở núi Cửu-hoa, mỗi ngày chỉ ngồi yên trong am cỏ. Vua ngầm sai người đến dò xem, nói rằng : « Vương Thủ-Nhân là người học-đạo không có lẽ làm phản. » Vua lại hạ lệnh cho về Giang-tây. Lúc ấy gặp phải Võ-tôn là vua bất-minh, lại gia-dĩ Trương Trung, Hứa Thái ngày đêm môi-nghiệt gièm-pha, thế mà không hay làm tổn được Dương-Minh một tí gì, cái trí khôn ấy hồ dễ ai đã kịp được. Đến đây thì Dương-Minh mới tan hết sự nghi-ngờ.

Khi Võ tôn kéo quân xuống miền nam, bọn tiểu-nhân chưa được sinh-chi hại Dương-Minh, thì bụng họ vẫn chưa thỏa. Dương-Minh cũng không muốn kết-oán với bọn tiểu-nhân, để sinh ra kinh-địch về sau này, mới lại dâng thư báo-tiệp Giang-tây một lần nữa mà qui-công cho vua và những người tả hữu hầu vua, để chiều ý cho thích, vua lấy làm đẹp lòng bèn thu quân trở về. Sau khi phương Nam đã định yên rồi, Hoắc Thao có lời bàn rằng : « Xem như việc này, khi đã bắt được kẻ tội-nhân rồi, mà còn đông-chủng ra quân ; địa phương đã yên rồi mà còn giết dân để tấu-tiệp, làm lầm tiên-triều (trỏ Võ-tôn) để mắc về sự lỗi, động lay nền nước cho đến sắp nguy ; thế thì Trung, Thái muốn cướp công làm hại nghĩa, cái tội ấy tầy trời ! » Từ khi lời luận này phát ra, thì Dương-Minh có tội hay có công lại càng rõ vậy.

Năm Chính-đức thứ 16 tháng 12, vua Thế-tôn lên ngôi (niên-hiệu Gia-tĩnh), luận cái công bình Giang-tây, phong Dương-Minh làm Tân-kiến-bá, tờ chiếu nhà vua vừa ban xuống, lại vừa gặp ngày sinh-nhật ông thân-sinh ra Dương-Minh là Long-Sơn, Dương-Minh nâng chén dâng tiệc thọ. Long-Sơn nhún-nhường mà nói rằng : « Khi gặp Thần Hào khởi-biến, ai cũng tưởng mày là phải chết mà không chết, ai cũng nghĩ là việc khó yên được mà lại yên, nào là kẻ sàm-bàng bày chuyện, gây ra tai-vạ, nguy-ngập tưởng không thể nào khỏi chết được. Thế mà nhờ trời bóng nhật-nguyệt sáng soi, người trung-lương rõ-rệt, cha con lại được lạm-mông phong-thưởng, tước cao quan lớn, hội-họp một nhà, thế chả là may lắm dư ! Song cái lẽ thịnh lắm thì phải suy, phúc quá lại hay gây ra họa, dẫu đáng mừng nhưng cũng đáng sợ vậy ! » Dương-Minh qui mà dâng chén thưa rằng : « Lời cha dạy, con xin ngày đêm ghi lòng ! » Ấy đấy, lấy cái công nửa đời người học-hành hàm-dưỡng, trong mấy tháng sợ-hãi nguy-nghi, mà mới được ngày nay cha con vui-vẻ, thỏa chí bình-sinh, thế mới biết kiến-công lập-nghiệp không phải là dễ đâu vậy.

Phê-bình. — *Tờ sớ tấu-tiệp lần thứ nhất của Dương-Minh thì vốn chép ở trong tập ; còn tờ sớ tấu-tiệp lần thứ hai, thì không phải là thực-lục, nên không chép. Kẻ môn-sinh là Long-Quang có để ở sau tờ sớ rằng : « Tờ sớ tấu-tiệp của tiên-sinh, sợ rằng phiền-văn nhiều quá, nên phàm những mưu-kế làm phản-gián, đều không nói đến. Và cũng nghĩ rằng những việc thiết-mưu dụng-kế, không phải là việc người quân-tử nên làm, vậy không muốn nói rõ ra để khoe với người. Song nếu đương lúc ấy mà không làm kế phản-gián, để cho Ninh-vương phải chậm-trễ mà lưu lại, thì Ninh-vương lập-tức đem quân tiến lên, khác nào như sét đánh, phòng-bị sao cho kịp được, lưỡng-kinh và các tỉnh không khéo nguy mất. Sở-dĩ hay khiến Ninh-vương lỡ mất sự-cơ mà đến thua, là cốt chỉ tại làm cho Ninh-*

vương chậm-trễ, mà hay làm cho Ninh-vương chậm-trễ, là tại dùng mưu phản-gián. Nay ta đọc những tờ tấu-sách báo-tiệp, thì thấy đều là cái công đáng ghi chép cả, nhưng không biết trong tờ tấu-sách không thể kể hết ra được, còn đến gấp mười phần nữa kia. Khi đã dẹp yên giặc rồi, quân ở Bắc-kinh mới kéo ra, bọn tiểu-nhân lỡ mất gian-mưu, nên mới căm giận tiên-sinh, trăm đường bịa đặt gièm-pha mà không thì độc-thủ được với tiên-sinh, nên mới tức giận những kẻ môn-nhân là Kỳ Nguyên-Hanh và lũ Tế, Vũ, Quang, đều muốn vu-hãm cho vào tội chết. Nguyên-Hanh bị bắt, còn lũ người Quang thì đi trốn tránh lần lút, nhà tan người chết, vợ con xao-xuyến, phải đợi khi quân kinh bỏ tỉnh-thành kéo về, mới lại dám xuất-diện về nhà. Hương lúc lũ Quang đi dán tờ niêm-yết, cầm cờ hiệu thả mộc-bài để làm phản-gián, đều là đêm hôm mờ tối, tầm mưa xông gió, vượt sóng qua đèo, ra vào trong trận giặc vạn-tử nhất-sinh, những người sai đi làm mưu phản-gián bị Thần Hào giết chết, đều là người nhà thân-tín cả. Đến sau khi việc đã yên rồi, kẻ luận công không xét trước sau, đem những công-trạng kê trong danh-sách đều tước bỏ đi hết, thưởng phạt như thế thì từ nay về sau thiên-hạ nếu gặp phải sự biến, người ta ai cũng trông gương lũ người Quang mà đều lấy làm răn. » Xem thế thì biết đương lúc ấy xử sự rất là khó-khăn

Các vị đế-vương nước Tàu thiên-kỳ bách-quái bày ra lắm trò hay, như là vua Chính-đức mà tự xưng là Uy-vũ-đại-tướng-quân, phong Trấn-quốc-công, những trò trẻ con ấy giống như những chuyện trong những bộ tiểu-thuyết diễn-nghĩa, chỉ vì chỗ vua tôi quan-hệ về đại-nghĩa, nên không dám trực-xích điều trái của vua, phải dịu lời mà can, can mà không nghe, thực là phí-tổn tâm-cơ lắm, rồi việc ấy cũng qua đi, lại phải trước mặt dua-nịnh rằng đức Thiên-vương ta thần-thánh! Nay bọn công hòa quốc-dân mà xem đến cựu-sử, thì thực là lắm chuyện buồn cười!

Khi lũ Trung, Thái ra đến Giang-tây, cố ý muốn khiêu-hấn với Dương Minh, nên Dương-Minh phải chịu nhẫn-nại, phải xử một cách rất là trung-hậu lão-thực ; cùng với khi đi đánh Ninh-vương dùng kế phản-gián giả-trá cơ-mưu trăm đường, thực khác hẳn như hai người. Phỏng như đương lúc kiêu-binh hãn-tướng nó ở gần bên cạnh nách, nếu không cẩn-thận một tí thì tai-vạ bất-trắc ngay, trừ nhẫn-nại ra thì không có thủ-đoạn gì xử được lúc ấy. Về sau cái gian-mưu của Trung, Thái không thành, mà Dương-Minh lại được bảo-toàn công-danh, địa-phương nhờ được yên-ổn, đó đều nhờ về cái sức nhẫn-nại. Tóm lại trung-hậu lão-thực vẫn hơn cơ-mưu biến-trá, cơ-mưu biến-trá ví như thuốc độc, bất-đắc-dĩ mới phải tạm dùng, còn như trung-hậu lão-thực là thứ cơm bữa của nhà, không một ngày nào thiếu được.

Dương-Minh hai lần dâng sớ báo-tiệp, phải uốn ngọn bút để dua-nịnh bọn tiểu-nhân, người nho-giả tưởng không nên làm như thế. Nhưng nếu không làm như thế thì bọn tiểu-nhân tất xui giục vua bảo thả Thần Hào ra trong hồ, để vua lại động binh đến bắt, bọn họ làm như thế, chẳng qua trò trẻ con, nhưng ở địa-phương ấy thì phải chịu giầy-vò khổ-sở, đó thực là cái bụng khổ-trung bất-đắc-dĩ của Dương-Minh, chứ không phải chỉ vì tránh tai-vạ cho một mình vậy.

*

Dương-Minh lịch-duyệt đường hoạn-du, đã được hành cái sở-học của mình, đến khi việc Giang-tây đã định yên xong rồi, tháng ngày thấm-thoắt, chợt

đã hơn năm mươi tuổi. Ông thân-sinh lại vừa tuổi già tóc bạc, bóng tang-du đã ngả về tây. Dương-Minh đương tính ở nhà đọc sách nuôi cha già, không cầu tiếng-tăm gì cả, lại vâng theo chí cha trì-doanh giới-mãn, dâng sớ lên xin từ phong-tước, không ngờ rằng mùa xuân năm Gia-tĩnh nguyên-niên, lại gặp tang cha, cách cái ngày thượng-thọ vừa độ ba tháng.

Năm Gia-tĩnh thứ tư, Dương-Minh mãn tang cha, quan Lễ-bộ Thượng-thư là Tịch Thư dâng sớ lên tiến-cử Dương-Minh. Trong bài sớ có câu rằng: « Sinh trước thần, thần thấy có một người là Dương Nhất-Thanh 楊一清 (1), sinh sau thần, thần thấy có một người là Vương Thủ-Nhân 王守仁. » Xem như câu ấy thì thực là suy-tôn lắm. Khi ấy có quân man ở Điền-châu thuộc tỉnh Quảng-tây nổi khởi-loạn, năm thứ sáu, vua xuống chiếu khởi-phục Dương-Minh cho ra Lưỡng-Quảng, tổng-chế quân-vụ.

Dương-Minh đương khi đã dẹp yên Thần-Hào rồi không dùng đến việc binh nữa, mà vẫn còn lục-dụng kẻ vũ-sĩ; hoặc kẻ hỏi đã dẹp yên Thần-Hào rồi, còn dụng võ làm gì nữa, Dương-Minh cười mà rằng: « Bên Giao-chỉ đương có nội-nạn, nhân khi bất-ý mà sang đánh úp cũng là một cơ-hội hay. » Xem thế thì biết Dương-Minh vẫn có cái chí dẹp yên ngoài bờ cõi. Nay mới phụng-mệnh lập-tức từ nhà ra đi, qua đường Giang-tây rồi sang Lưỡng-Quảng. Trước kia Dương-Minh có lập một học-hội ở đồng Bạch-lộc là chỗ ông Chu-tử giảng học khi trước, nay qua đất Nam-xương, các học-trò đều lại hội-họp, mở ra cuộc giảng sách *Đại-học* ở Minh-luân-đường, các học-sinh xô nhau đến thích-giảng đông quá, nhiều người không được nghe. Khi ấy có Đường Nghiêu-Thần giả làm anh phòng chè mới lẻn vào được trên thềm để nghe giảng, thất-kinh mà rằng: «Sau đời Khổng-Mạnh sao lại còn có cái khí-tượng thế này! » Thực là đáng kính-phục vậy.

Điền-châu nguyên là đất Bách-Việt đời Tần Hán khi xưa, vốn là cõi đất quản-hạt thuộc về các thổ-ti, sau mới đặt ra quan cai-trị, các rợ Man không phục, kẻ đầu mục là lũ Lư Tô, Vương Thụ họp dân-chúng lại làm loạn, vây hãm châu-thành. Quan Đề-đốc là Diêu Mô không thể dẹp yên được, lại mất cả đất Tư-ân. Khi Dương-Minh ra đến Nam-ninh, các rợ Man nghe thấy tiếng đều đã tâm-khiếp. Dương-Minh thấy binh-thế giặc man rất thịnh, cũng nghĩ rằng dụng-binh mà đánh thì không phải, mới dâng sớ lên nói rằng: « Điền-châu giáp-giới với đất Giao-chỉ, là nơi quân man-mọi thường xuất-một, nên cứ những-cựu đặt chức Thổ-quan, để làm phên-rào. » Mới cùng quan Tuần-án ngự-sử là Thạch-Toàn định kế chiêu-phủ, giải-tán cả chư-quân. Lư Tô, Vương Thụ trước còn chưa chịu về hàng, đến đây tự trói mình đến quân-môn xin hàng. Dương-Minh xá tội cho hai người ấy, chỉ phạt trượng mà cho về, rồi vào các dinh-trại vỗ yên quân-chúng, xong rồi hạn-sư trở về.

Dương-Minh trước lập đại-công ở Giang-tây, thì bị phải cái ách bọn bế-hạnh nó gièm-pha; nay lập-công ở Lưỡng-Quảng thì lại mắc phải cái ách bọn triều-thần họ ghen-ghét: việc đời gai góc khôn xiết thở-than! Khi Dương-Minh lại được khởi-dụng là bởi lại

---

(1) Tên tự là Ứng-Minh người Ba-lăng, thụy là Văn-tương, là người học rộng khéo quyền-biến, ví như ông Diêu Sùng đời Đường.

Trương Thông 張璁, Quế-Ngạc 桂萼 đề-đạt lên. Ngạc nguyên không quen biết Dương-Minh, vì Thông cưỡng-ép mới cùng hòa-hiếu làm quen. Sau Ngạc được vào làm trưởng Lại-bộ, Thông thì được vào làm Nội-các, hai người vẫn không chịu nhường nhau. Ngạc là người mới được bạo-quí, lại hi công-danh, có xui Dương-Minh sang đánh Giao-chỉ rồi hãy về. Dương-Minh biết cái thế không thể đánh được, chối-từ không đi. Các-thần là Dương Nhất-Thanh vốn biết Dương-Minh, nhân vì Hoàng-Quán có dâng sớ lên muốn tiến Dương-Minh vào các, mà lại bài-bác Nhất-Thanh; Quán nguyên là học-trò Vương Dương-Minh, vì thế Nhất-Thanh cũng không khỏi giận lây đến Dương-Minh; mà Ngạc thì công-nhiên bài-bác Dương-Minh về việc chinh-phủ đều thất-nghi cả, vì thế không có ban thưởng cho Dương-Minh. Song kỳ-thực thì sự biên-hoạn ngoài Quảng-tây khởi lên đã ngoại trăm năm, nay nhất-đán mà hay dẹp yên đi như bẻ cành khô, cái công ấy thực là rất to, thế mà kẻ đình-thần xử thiên-tư, triều-đình lại quá nghe, không biện-biệt kẻ hiền người gian, kẻ có công có tội đều lội-đảo cả, đó thực là cái thông-bệnh của nước chuyên-chế đã nghìn đời nay vậy.

Năm Gia-tĩnh thứ bảy, tháng mười, Dương-Minh bị bệnh, ban sư về đến núi Đại-dữu, bệnh lại càng kịch lắm. Đến đất Nam-an, kẻ môn-nhân là Châu Tích vào yết-kiến, Dương-Minh còn ngồi dậy hỏi cận-lai sự học tấn-tới thế nào — Châu Tích hỏi thăm bệnh, thì Dương-Minh nói: « Bệnh thế nguy-cấp, chỉ còn nguyên-khí chửa chết mà thôi. » Ngày 28 tháng 11, Dương-Minh mất ở phố Thanh-long. Khi gần mất, bừng mắt trông học-trò bảo rằng: « Ta đi thôi, tâm ta quang-minh, chẳng phải dặn lại câu gì cả. » Một lát, thì mất.

Lấy cái người có học-vấn, có huân-du như Dương-Minh, nên được hưởng thượng-thọ mới phải, thế mà chỉ thọ được 57 tuổi mà thôi, thế thì tuổi thọ dài hay ngắn, dẫu bậc thánh-hiền hào-kiệt cũng phó mặc tự-nhiên, chớ không thể nài sao được. Song-le nguyên-khí mà không chết, thì người vẫn không chết, học-giả nếu hay hiểu ý ấy, thì đương lúc những bậc thánh-hiền hào-kiệt mắc bệnh mà vụt chốc từ trần, dẫu gạt nước mắt đi mà cười cũng phải.

Dương-Minh mất rồi, lũ Quế Ngạc vẫn còn căm-giận mãi chưa thôi, phàm những ân-điển, phong-tước, tặng-ấm, tứ-thụy đều không ban cho cả. Lại chỉ-trích cái học của ông cho là ngụy-học, ban tờ chiếu xuống cấm-chỉ. Hoàng Quán dâng sớ lên biện-luận, kể ông đại-công có bốn điều-học, thuyết lớn có ba điều, đại-lược rằng:

« Thủ-Nhân có bốn điều đại-công: 1º) Khi Thần Hào nổi loạn, âm-mưu đã lâu, kẻ nội-thần như lũ Ngụy-Bân, kẻ bế-bạnh như lũ Tiền-Ninh, Giang Bân, kẻ văn-thần như lũ Lục Hoàn đều làm nội-ứng. Các quan Trấn-thủ như Tất Chân, Lưu Lãng đều làm ngoại-ứng. Vậy nên đương lúc ấy trung ngoại chư-thần đều đem lòng quan-vọng, nếu không có Thủ Nhân trung nghĩa tự-thệ, chẳng nghĩ gì cái vạ tru-di, thân ra đương việc thảo-tặc, thì thiên-hạ an ngày cũng chưa biết ra thế nào. Nay lại đều cho là cái công của Ngũ Văn-Định cả, thế có khác gì coi khinh người xuýt chó mà lại trọng-thưởng cho con sâu không? 2º) Những bọn giặc ở các trại Đại-mạo, Trà-liêu, Lợi-lầu, Dũng-cương, thế giáp bốn tỉnh, binh-hỏa luôn mấy mươi năm. Từ khi Thủ-Nhân ra trấn-thủ Lưỡng-Quảng, thứ đệ dẹp yên. 3º Điền-chân và Tư-ân quân mán khởi-hấn đã lâu, năm nào phương-dân cũng không được yên-ổn. Nên lại phải

khởi-phục Thủ-Nhân dề ra kinh-lý, khiến cho lũ Lư, Vương phải lạy xin hàng, cảm-khấp mà chịu phạt trượng, cái nạn ở địa-phương ấy mới yên. 4o) Xưa nay tám trại man-dân (1) vẫn làm cái tật tâm-phúc cho đất Lưỡng-Quảng. Những quan-quân đồn-thú ở đó lại thường dảng với giặc, không thể làm sao được. Thủ-Nhân mộ quân mường Vĩnh-thuận vào đánh úp mà giết đi, họ Vương họ Lư phải đầu-hàng, mới trừ được cái hại lớn vô-cùng cho đất Lưỡng-Quảng.

Học-thuyết lớn có ba điều: 1o) Tri lương-tri, nghĩa tri-tri 致知 là tự ông Khổng nói ra, mà nghĩa lương-tri 良知 là tự thầy Mạnh, cũng không khác gì nhau vậy. 2o) Nghĩa thân-dân 親民 (2), nguyên bản cũ sách *Đại-học* nói nghĩa thân-dân, là lấy chữ «*thân* 親» bởi cái câu «*Bách tính bất thân* 百姓不親» trong kinh *Thư* mà ra, phàm những việc thân gần người hiền, vui giúp sự lợi cho dân, yêu ghét đều cùng hợp ý với dân, mà làm cái đạo hiệt-củ, là hay đo-dẫn suy bụng ta ra bụng người, đều là nghĩa thân-dân cả, chớ không phải là cái thuyết mới bịa đặt ra vậy. 3o) Cái thuyết tri-hành hợp-nhất, cũng tức như nghĩa kinh *Dịch* bảo rằng tri đã đến nơi thì phải làm cho đến nơi, tri cho cùng thì làm cho cùng, cũng là một việc cả. Thủ-Nhân phát ra cái nghĩa «tri-hành hợp-nhất» ấy, muốn cho người ta phải ngôn-hành tương-cố, chớ không chuộng không-ngôn; thế thì cái học của Thủ-Nhân, không có khác với thánh, không có trái với đạo, thực là cái học chính-truyền của cửa Khổng. Nay Thủ-Nhân đã chết nơi đất khách, vợ con thì hèn yếu, kẻ gia-đồng phải chở xương đem cảo-táng ở chỗ không-sơn, thần thực không nỡ trông thấy đương đời thánh-minh mà lại có việc như thế! Giả-sử Thủ-Nhân sinh ở đời khác, Bệ-hạ cũng còn nên truy-sùng, phương-chi lại ở về ngày nay.»

Sớ dâng vào, không thấy báo lại. Đến đời vua Mục-tôn (Niên-hiệu Long-khánh) lên ngôi, mới truy-tặng cho Thủ-Nhân làm Tân-kiến-hầu, thụy là Văn-thành. Năm Vạn-lịch thứ 12, cho vào tù g-tự Khổng-miếu.

PHÊ-BÌNH. — *Khi Dương-Minh để tang cha, khóc-lóc rất là thương đau, lại răn bảo người nhà phải ăn chay trăm ngày, chửa được bao lâu lại cho các con cháu được ăn thịt, mà nói rằng: «Các con đã quen thói ăn ngon mà nay bắt ép phải làm cái sự không làm được, thế thì ra cho chúng nó làm giả cách, thôi hãy rộng cho để cho mọi người đều được tự hết sức mình.» Được ít lâu đã gần thôi khóc, chợt có người khách đến thăm, kẻ hầu bẩm rằng xin ra khóc. Dương-Minh bảo rằng: «Khóc là phát tự trong tâm, nếu vì khách đến thăm mà mới khóc, đến lúc khách ra về lại thôi khóc, người đời chỉ quen thói sức-tình làm giả-dối, đối với cha mẹ cũng thế thì không nên.» Xem như Dương-Minh đủ làm phép cho người khi cư-tang vậy.*

Từ khi Dương-Minh phát-minh ra cái học-thuyết lương-tri, kẻ học-giả đều tin theo cả, các đệ-tử theo học họ Vương khắp cả thiên-hạ, khi nào họp-tập, đến hội có đến và trăm người, xem như khi

(1) Những dân man mọi ở cõi đất Tư-âu, Điền-Châu kết thành tám trại để chống-cự với nhà Minh, Dương-Minh dâng năm bài sách thiện-hậu, từ đấy đất Lưỡng-Quảng mới yên.

(2) Sách *Đại-học*: Tại thân dân 在親民. Thầy Chu-tử giải nghĩa cho chữ *thân* 親 đọc như chữ *tân* 新.

Dương-Minh đến đất Nam-vương giảng học ở Minh-luân-đường mà nhiều người văn-phong đến họp đầy cả một trường, Đường Nghiêu-Thần lại không tiếc gì mình xin cung vào việc hầu trà để cầu lấy được nghe giảng làm thích. Than ôi! Sao mà thịnh lắm thay! Trong một xã-hội ai cũng có lòng quan-cảm về các bậc sư-nho, dẫu đến các người làm việc bách-công cũng có cái lòng tôn sư mộ đạo, tôi khi nhỏ ở chốn hương-thôn cũng còn thấy cái phong ấy, nay thì mất hẳn đi rồi.

Sách Đại-học *nguyên là một thiên trong sách* Lễ-ký, *từ bậc tiền-nho nhà Tống mới đem phân-biệt ra làm một sách để cùng với sách* Trung-dung, Luận-ngữ, Mạnh-tử gọi là tứ-thư. *Sách* Đại-học *bản cổ từ chương « Đại học chi đạo* 大學之道 *» đến câu « thử vị tri bản* 此謂知本 *», thì vẫn là nguyên-bản chửa qua thầy Chu chia ra từng truyện. Từ khi thầy Chu mới đem sách* Đại-học *ra chia từng chương-cú bổ truyện chu vào; đến mãi đời Minh, suốt mấy đời không ai có dị-thuyết gì cả. Đến Dương-Minh mới xướng lên theo bản cổ không theo Chu-chú, đó là chỗ lập-dị với thầy Chu vậy.*

Từ đời Tống trở lại, kẻ học-giả vẫn tôn-sùng thầy Chu á với Khổng Mạnh, phục theo lời nói mà vẫn đọc sách của thầy Chu, dẫu ai có nghĩa tân-tri cũng không dám nói ra miệng để lập-dị với thầy Chu. Ôi, thầy Chu thực là bậc đại-hiền, nhưng mà cứ chiếm lấy cái học-thuyết riêng của mình để đến mãi nghìn năm sau không cho ai lập-dị với mình, thì quyết không phải là bản-tâm thầy Chu như thế. Thế mà đương lúc ấy những kẻ ghét Dương-Minh lại mượn lấy cái cớ ấy để mà công-kích (1), *đến người làm sử nhà Minh cũng phụ-họa theo* (2), *không biết là ý thế nào. Học-vấn như Dương-Minh, sự-nghiệp như Dương-Minh, thế mà đến sau trăm đời, cũng còn chửa có định-luận, thực đáng tiếc thay!*

∴

Dương-Minh nhất-sinh ngôn-hành, chép đủ cả ở các di-thư (3). Những câu thường nói như bảo rằng: « Chi-thiện là bản-thể của tâm. » Lại nói rằng: « Điều chi-thiện chỉ là làm hết lẽ trời cho rất phải, mà không có một tí nhân-dục nào thiên-tư cả. » Lại rằng: « Lương-tri tức là thiên-lý. » Những câu nói ấy đều là minh-bạch thiển-cận dễ biết dễ làm, không khác gì vải lụa đậu thóc nhiều ít đều có ích cho người cả Song các sách nguyên-thư rất nhiều, sợ không thể học tóm hết được những điều yếu-lĩnh, nay kể qua đại-khái ở đây, lại trích-lục những lời nói cốt-yếu chép như sau, để được thường thường xem xét có thể lấy đó làm gương được.

— Hoặc kẻ hỏi cái công chủ nhất như là đọc sách thì nhất-tâm ở về đọc sách, tiếp khách thì nhất-tâm ở về tiếp khách, có phải là chủ-nhất không? Nói rằng: Nếu như thế thì hiếu-sắc

---

(1) Quế Ngạc công-kích Dương-Minh bảo rằng việc làm không bắt chước cổ, nói ra chẳng theo lời sư-truyền, chỉ lập-dị để làm cao, trái hẳn với cái lời bàn cách-vật tri-tri của Chu Hi.

(2) Kẻ làm sử phụ-họa bảo rằng Dương-Minh chỉ khoe những ý sáng-kiến để lập-dị.

(3) *Vương Dương-Minh toàn-tập* 20 quyển. Khoảng năm Sùng-trinh Thi Diệu lại khắc ra bộ tập-yếu phân ra lý-học, kinh-tế, văn-chương ba tập, tất cả là 15 quyển. Các học trò lại ghi chép những điều sở-văn, gọi là *Truyền-tập-lục*.

mà nhất-tâm ở về hiếu-sắc, ham của mà nhất-tâm ở về ham của, cũng gọi là chủ-nhất đấy ư? Như thế gọi là trục-vật (1) chứ không phải là chủ-nhất; chủ-nhất là chỉ chuyên-chủ một bề thiên-lý.

— Khoảng ban ngày dụng-công thấy phân-nhiễu, thì nên ngồi yên cho tĩnh; thấy nản xem sách thì hãy cứ xem sách, đó cũng là cái phép chân cái tật mà chữa.

— Hoặc kẻ hỏi đấng thánh-nhân ứng-biến bất-cùng, thế có phải giảng-cầu sẵn cả trước không? Đáp rằng: Sao lại hay giảng-cầu sẵn trước được nhiều như thế, chỉ cốt tại cái tâm ông thánh-nhân như mặt gương sáng, các việc cứ tùy-cảm mà ứng-phó, không vật gì là chẳng soi tỏ.

— Nghĩa-lý vốn không có định-tại, không có cùng-tận, ta cùng người nói, không nên thấy sở-đắc mới một ít như thế mà đã vội cho là hết rồi; giả mà nói nữa thì đến mười năm, hai mươi năm, năm mươi năm, cũng còn mãi chưa hết.

— Hỏi: khi tĩnh thì thấy ý-tứ khác, chợt gặp việc một cái thì lại thấy khác, là sao? Đáp rằng: Thế là tại chỉ biết tĩnh-dưỡng, chứ chưa có cái công-phu khắc-kỷ. Nếu như thế thì lâm-sự có khi điên-đảo. Người ta phải tập ma-luyện lúc có việc mới đứng vững được, mới hay khi tĩnh cũng định, mà khi động cũng định.

— Hỏi: Người ta ai cũng có cái tâm ấy, tâm tức là lý, sao lại có kẻ làm thiện có kẻ làm bất-thiện? Đáp rằng: Cái tâm người ác là tại nó làm mất cái bản-thể của tâm.

— Các người học-giả gần đây đến yết-kiến ít hỏi, là cớ sao? Đáp rằng: Người nào mà không dụng-công, thì thường cho là tự mình đã biết học, chỉ cứ noi theo mà làm mà thôi. Nhưng không biết rằng cái bụng tư-dục ngày nào nó cũng sinh ra, như là bụi ở trên mặt đất, nếu một ngày mà không quét, thì nó lại sinh ra một tầng nữa. Nên cốt phải thiết-thực dụng-công, thì mới biết đạo-lý vô-cùng, càng xét càng thâm, tất phải xét biết cho tinh không một tí gì là chẳng thông-suốt, mới được.

— Các bè bạn xem sách nhiều người cứ hay chỉ-nghị ông Chu Hối-am. Dương-Minh bảo rằng: Thế là có ý cầu-dị không nên; cái thuyết của ta tuy có chỗ khác với ông Hối-am, đó là vì lúc học bắt đầu, mỗi đàng một khác, sai một li đi một dặm, nên phải biện-bạch cho rõ. Nhưng đến như cái tâm của ta với tâm ông Hối-am thì chưa từng khác bao giờ. Còn như văn-nghĩa trong sách mà giải cho được rõ-ràng đích-đáng thì tài nào đổi được một chữ.

— Trồng cây tất phải bồi đắp cái gốc nó, trồng cây đức thì cũng phải dưỡng lấy cái tâm, muốn cho cây mọc lớn thì lúc mới mọc phải cắt bớt những cành rườm đi; muốn đức mình thêm thịnh thì dương lúc mới học phải bỏ hết cả những sự ngoại-hiếu.

— Phàm bè-bạn chơi với nhau phải nên châm-qui, không nên chỉ-trích nhau lắm, phải nên thường dẫn-dụ tưởng-khuyến nhau là hơn.

— Hoặc kẻ hỏi cái nghĩa *tri hành hợp-nhất*. Đáp rằng: Nên phải biết cái tôn-chỉ ta lập-ngôn mới được, nay những kẻ học-giả chỉ vì phân *tri* với *hành* ra làm hai, vậy trong tâm hễ có nghĩ một điều gì mới phát-động ra có ý bất-thiện, tuy chưa làm nhưng cũng không biết cấm-chỉ ngay đi. Nên ta phát-minh ra cái nghĩa *tri hành hợp-nhất*, là cốt bảo cho người ta biết rằng hễ trong bụng mới phát-động ra tưởng nghĩ một điều

(1) Theo mọi vật mà thiên đi.

gì, thì tức là đã thi-hành rồi đấy, giả thử cái điều nghĩ ấy là bất-thiện, thì phải nên tuyệt ngay cái bụng nghĩ bất-thiện ấy đi, đừng để cho cái bụng nghĩ bất-thiện ấy nó tiềm-phục ở trong tâm, ấy là cái tôn-chỉ ta lập-ngôn như thế.

— Hoặc kẻ hỏi tiên-sinh thường nói thiện ác chỉ là một vật, song thiện ác hai mối như là băng với thán trái nhau, sao lại là một vật được? Đáp rằng: Chí-thiện vốn là bản-thể của con tâm, nếu cái bản-thể ấy mà quá đáng sai đi một tí, thì tức là ác, chứ không phải có một cái thiện, lại có một cái ác đối nhau đâu, vậy ta cho thiện ác chỉ là một vật.

Người ta nếu hay hiếu-thiện như yêu sắc đẹp, ghét ác như ghét mùi hôi, thì tức là bậc thánh-nhân. Lúc mới nghe nói tưởng như thế rất dễ, sau thể-nghiệm mãi biết cái công-phu ấy trước-thực rất khó, như là tâm-niệm dẫu biết hiếu-thiện ghét ác, song bất-giác yêu ghét lại hay phân-tạp, nếu hơi có bụng phân-tạp, thì không phải là có cái tâm yêu thiện thực như yêu sắp đẹp, ghét ác thực như ghét mùi hôi. Bao giờ hiếu-thiện, rất là yêu thực, không một niệm nào là bất thiện, ghét ác rất là ghét thực, không một niệm nào là nghĩ đến ác, như thế chẳng phải bậc thánh là gì, vậy cái học của thánh-nhân, chỉ là một bụng thành mà thôi.

— Tiên-sinh thường bảo rằng nhà Phật không hệ-lụy, mà kỷ thực có hệ-lụy; nhà Nho hệ-lụy, mà kỷ-thực không hệ-lụy; như là nhà Phật sợ lụy về cha con thì trốn hẳn đạo cha con, sợ lụy về vua tôi, thì trốn hẳn đạo vua tôi, sợ lụy về vợ chồng thì trốn hẳn đạo vợ chồng; đó là đều vì vương lụy về vua tôi cha con vợ chồng, mới phải lánh đi. Nhà Nho thì có cha con lại lấy điều nhân mà xử cho xong, có vua tôi lại lấy điều nghĩa mà xử cho xong, có vợ chồng lại xử lấy lễ, thế thì hà-tằng có vướng lụy về cha con vua tôi vợ chồng?

—Hoặc kẻ hỏi khi tâm mình đã không có ác-niệm, cái tâm không-hư rộng-rãi, thì không biết có còn phải giữ-gìn cái thiện-niệm không? Đáp rằng: Khi ác-niệm đã bỏ đi rồi, thì tức là thiện-niệm đó, tức là bản-thể của con tâm, vì như mặt trời sáng bị phải đám mây che, khi mây đã tàn đi rồi thì nó lại sáng ra. Nếu đã hay trừ ác-niệm đi rồi, mà lại còn phải giữ-gìn cái thiện-niệm, thì khác gì bóng mặt trời đã sáng lại còn thắp thêm một cái đèn.

—Có một người bạn hễ tức-khí lên thì hay trách người, tiên-sinh răn bảo rằng: Học-giả phải nên xét lại mình, nếu chỉ trách người, thế là chỉ biết cái không phải của người, mà không biết cái trái của mình. Nếu hay xét lại mình thì mới biết mình còn nhiều điều chửa hết, còn rồi đâu mà trách người.

— Kẻ môn-nhân nói rằng ông Thiệu Đoan-Phong có bảo rằng trẻ con chưa biết cách-vật, nên chỉ dạy cho nó cái lễ sái-tảo ứng-đối, thuyết ấy thế nào? Đáp rằng: Sái-tảo ứng-đối cũng là một vật, cái lương-tri của trẻ-con mới biết đến đấy, thì hãy dạy cho nó sái-tảo ứng-đối, tức là khiến cho nó tri lương-tri về một vật ấy. Lại như trẻ con biết sợ đấng tiên-sinh trưởng-giả, ấy cũng là cái chỗ lương-tri của nó đấy, tuy rằng nó còn chơi đùa, nhưng nó trông thấy đấng tiên-sinh trưởng-giả, thì nó cũng biết cung-kính vái chào, thế là nó hay cách-vật để tri lương-tri về sự kính đấng sư-trưởng. Xem thế thì trẻ con cũng có cái việc cách-vật tri-tri của trẻ con.

—Cái đại-bệnh của con người ta chỉ vì một chữ « ngạo », làm con mà ngạo thì tất là con bất-hiếu, làm tôi mà ngạo thì tất là tôi bất-trung, làm cha mà ngạo thì tất là cha bất-từ, làm bạn mà ngạo thì tất là bạn bất-tín, các thầy học-trò phải nên thể-nhận điều

ấy, phải biết rằng nhân-tâm vốn là lẽ thiên-nhiên, tinh - minh trong - sạch, không tiêm-nhiễm một tí gì, chỉ là một cái « vô-ngã » mà thôi, nghĩa là không tư - túi riêng mình, trong tâm thiết không nên chỉ coi có mình ta, nếu có cái tâm ấy thì tức là sinh ngạo. Đức khiêm-tốn là cái nền mọi điều thiện, thói kiêu-ngạo là đầu mọi điều ác.

—Một hôm, người trong chợ xô-xát cãi nhau, Giáp bảo rằng mày vô-thiên-lý, Ất cãi rằng mày vô thiên-lý. Giáp bảo rằng mày khi-tâm, Ất cãi rằng mày khi-tâm. Tiên-sinh nghe thấy gọi học trò bảo rằng : « Các anh nghe đấy, cãi-cọ lao-xao là giảng học cả đấy ». Học trò thưa rằng : « Đó là cãi nhau, sao gọi là học được ». Đáp rằng : « Các anh không nghe đấy ư, nào là thiên-lý, nào là tâm, chẳng phải giảng-học là gì ?» Thưa rằng : « Đã đi học sao lại còn cãi nhau ? » Đáp rằng : « Vì những người ấy chỉ biết trách người, chứ không biết xét lại mình, cớ thế vậy. »

PHÊ-BÌNH.—*Chương trên này là sao-lục những lời nói của Dương-Minh. đều nhặt những câu nói thiết về việc nhân-sinh nhật-dụng, không có thiệp đến những học-lý cao sâu, để khiến cho người ta dễ biết dễ làm mà thôi. Xét nước Tàu nay là cộng-hòa quốc-dân, thì cần phải cho mọi người đều có cái phổ-thông tri-thức, khi con em bảy tám tuổi, cha anh đưa cho vào trường tiểu-học. để học-tập các sách giáo-khoa, cho được biết những điều phổ - thông tri-thức. Nhưng mà có kẻ học thì tri-thức ngày càng tấn-tới, chí-thú ngày càng cao xa, có kẻ học thì tri-thức chẳng thấy tấn-tới, mà chí-thú ngày càng kém, lại không bằng đứa nhà quê dốt không biết một chữ gì, là tại cớ sao? Phải biết rằng người ta ai chẳng ăn uống, có kẻ ăn uống nhiều mà thân-thể ngày càng mạnh, thầy thuốc bảo rằng đó là tại huyết-dịch đủ tiêu-hóa được thức ăn; có kẻ ăn uống nhiều mà thân-thể vẫn yếu, thầy thuốc bảo rằng đó là tại huyết-dịch không đủ tiêu - hóa thức ăn. Những người đi học mà tấn-tới, cũng có kẻ không tấn-tới, cái lẽ cũng giống như thế ; vì rằng tiêu hóa thức ăn là nhờ về huyết-dịch, tiêu-hóa sự học-vấn là nhờ về lương-tâm. Chương trên này trích-lục những câu tùy-ngôn đều là cái vị thuốc cốt-tử để tiêu-hóa học-vấn, kẻ học-giả không nên một ngày bỏ thiếu vậy.*

Muốn xét tìm cái học của Diêu-giang thì nên đọc các bộ di-tập ; muốn xét cho cùng cái nguyên-ủy về sự học của Diêu-giang, thì đã có sách Minh-nho học-án *của ông di-lão của đời Minh là Hoàng Tôn Hy* 黃宗羲 *làm ra; sách ấy làm nối theo sách* Tống Nguyên học-án, *hợp cả hai sách ấy lại mà xem trong khoảng trên dưới và trăm năm lưu-phái các nhà triết-học, đều kể hết cả ở đó. Tôn-Hy tên tự là Thái-sung, biệt hiệu là Lê-châu, cũng theo về học phái Diêu-giang.*

Hoàng-thị bàn cái học của họ Chu 朱 *họ Lục* 陸, *có nói rằng : « Học của thầy Chu Tử-dương thì cốt chủ giảng bàn học-vấn, bảo rằng học phải cách-vật cùng-lý, là cái bậc thang người ta học lên cõi thánh ; nếu chỉ tự-tin là mình phải, chỉ một mình suy nghĩ ở trong tâm, như thế là sư-tâm tự-dụng. Học của Lục Ngải-hiên thì chuộng về sự tôn-trọng đức-tính, bảo rằng trước phải lập-định về điều lớn, điều lớn đã hay đứng vững rồi, thì không bị phải điều nhỏ nó đoạt đi mất. Nếu bản-thể đã không rõ, mà chỉ chăm-chút dụng-công về việc ngoài, như thế là nước không nguồn vậy. »*

Đời Minh ông Thi Bang-Diệu bàn về cái học của Chu-Hi, và Vương Dương-Minh, có nói rằng : « Chu Hối - am đương khi sau đời Ngũ-qui, Phật-giáo hư-vô tịch-diệt đầy khắp thiên-hạ, chỉ sợ người ta không biết xét cho cùng-lý, vậy phải tôn theo cái học của Trình-thị, dạy người ta học trước phải chủ kính cùng lý, để cho mọi người biết

đường mà theo. Vương Văn-thành ở về sau đời Chu Hối-am, cái học về từ-chương huấn-hỗ nó làm chìm - đắm lòng người, lo rằng người ta chỉ biết chăm-chú về những sự kiến-văn, vậy nên phải phát-minh cái học của Lục-thị, yết ra nghĩa « Tri hành hợp nhất », khiến cho người ta biết trở lại xét về căn-bản.

Chu, Lục, Vương ba người đều là bậc đại-nho đời Tống đời Minh, học-phái tuy khác nhau mà thực là giúp đỡ cho nhau, xem như lời bàn của Thi, Hoàng hai tiên-sinh, thì khá biết vậy.

Nguyên bài Hán-văn của
Tôn Dục-Tu 孫 毓 修

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XVIII

1. — K. — Tấn Triệu-Ưởng đem quân đánh nhau với quân Trịnh Hãn-Đạt ở đất Thiết, quân Trịnh thua.

T. — Mùa thu năm Ai-công thứ hai, người Tề chở thóc đến giúp cho họ Phạm. Họ ấy làm phản Tấn trốn ra ở Triều-ca. Trịnh Tử-Diêu, Tử-Ban đi hộ tống bọn chở thóc. Sĩ-cát-dịch họ Phạm ra đón lấy thóc.

Tấn Triệu-Ưởng ra chống cự quân Trịnh. Triệu-Ưởng tuyên-thệ với trong quân rằng: « *Họ Phạm và họ Trung-Hàng ở lỗi đạo trời, làm hại trăm họ, khinh-miệt cả vua, định chuyên quyền ở nước Tấn. Vì vậy quả-quân ta phải nhờ Trịnh giúp đỡ để mà giữ lấy nước nhà. Nay Trịnh giở giáo, bỏ vua ta mà giúp cho kẻ bạn-nghịch. Vậy các ông phải thuận đạo trời, theo mệnh vua để tỏ rõ điều đức-nghĩa mà trừ bỏ sự sỉ-nhục đi, là ở chuyến này đây.*

« *Chuyến này đánh được giặc rồi, thưởng cho quan Thượng Đại-phu thì được một huyện, quan Hạ Đại-phu thì được một quận, bậc sĩ thì được ruộng mười vạn mẫu, kẻ thứ-nhân cùng các hạng công-thương thì được bổ quan cả, những kẻ nô-lệ thì đều được miễn dao-dịch. Còn như Chí-phủ này, xét ra trận này là vô-tội thì vua tự nghĩ lại cho. Nếu xét ra mà có tội thì xin cứ đem hành-hình. Chỉ chôn cho một cái ván mỏng gỗ xấu mà không có gì bọc ngoài nữa. Đưa đi chôn thì dùng cái xe không sơn, ngựa không đóng đồ và không được đem chôn vào trong chỗ phúc-trang của tiên-nhân. Đó là dùng cái hình-phạt của quan hạ-khanh vậy.* »

Đến ngày giáp-tuất, sắp giao-chiến, Bưu-Vô-Tuất đánh xe cho Triệu-Ưởng, Khoái-Ngoại là Thái-tử Vệ bị xuất-bôn sang Tấn thì làm chức xa-hữu, cùng trèo lên đồi Thiết-thượng.

Người Trịnh vào đâm tin vai Triệu Ưởng, Triệu Ưởng ngã gục xuống trong xe, người Trịnh cướp lấy cái cờ « *con ong* » của Triệu Ưởng. Thái-tử Khoái-Ngoại cầm cái giáo cứu Triệu-Ưởng. Quân Trịnh chạy, Vệ thái-tử đuổi, quân Trịnh đại-bại.

2. — K. — Người Tấn bắt Nhung-nam-tử là Xích nộp cho nước Sở.

T. — Năm Ai-công thứ tư, Sở đánh được rợ Di-hồ rồi bèn mưu đánh các rợ phương bắc. Cho Tả-tư-mã là Phiến, Thân-công Thọ-dư, Diệp-công Chư-lương hội người Sái ở Phụ-hàm, hội những dân ngoài núi Phương-thành ở Tang-quan mà tuyên-cáo rằng : « *Quân Ngô định theo sông Giang vào thành Sính ; ta sẽ phải ra ứng-tiếp với họ* ». Nói thế rồi hẹn nhau một đêm sau thì tập-công ấp Lương ấp Hoắc là hai ấp của rợ Man. Man Phù-dư là Sở đại-phu thì vây rợ Man. Rợ Man thua, Man-tử là Xích xuất-bôn sang đất Âm-địa nước Tấn.

Sở sai sứ sang bảo quan đại-phu ở Âm-địa là Sĩ-Miệt rằng : « *Tấn với Sở đồng-minh với nhau, có sự gì yêu ghét thì cùng với nhau. Nếu Tấn không quên điều đó thì quả-quân tôi rất lấy làm bằng lòng. Bằng không thì Sở sẽ mở cửa ải Vũ-quan mà sang tùng-mệnh Tấn.* »

Sĩ-Miệt hỏi Triệu Ưởng, Triệu Ưởng nói : « *Tấn ta chưa được yên thì không nên để ác-cảm với Sở. Vậy phải bắt vua Nhung nộp cho Sở ngay đi* ».

Sĩ-Miệt bèn hội chín quận dân man-di lại, nói dối là để đắp thành và cấp ruộng cho vua Nhung và xem bói để biết việc đắp thành thế nào. Vua Man tin lời đến hội, bị người Tấn trói lại rồi giao cho năm quan Đại-phu đem nộp cho quân Sở ở Tam-thi.

3. — K. — Sở-tử là Trần mất.

T. — Năm Ai-công thứ sáu, Ngô đánh Trần. Sở-tử là Chiêu-vương đóng quân ở Thành-phủ định đến cứu Trần. Sở-tử bói xem chiến thì không tốt, bèn bói xem thoái cũng không tốt. Sở-tử nói : « *Ta để cho quân Sở trận này lại thua thì không bằng ta chết. Ta bỏ Trần là nước đồng-minh, chịu lui Sở là nước cừu-thù, thì không bằng ta chết. Đàng nào cũng là một cái chết thì thà ta chết với kẻ thù còn hơn.* » Nói rồi bèn truyền mệnh-lệnh cho Công-tử Thân là anh lên làm vua. Công-tử Thân không nhận, lại truyền cho Công-tử Kết là anh. Công-tử Kết cũng không nhận. Lại truyền cho Công-tử Khải cũng là anh. Công-tử Khải từ chối đến năm lần rồi mới nhận.

Đến lúc sắp giao-chiến thì Sở-tử bị bệnh, nhưng cũng cứ đến đánh quân Ngô ở Đại-minh là đất Trần. Sở-tử mất ở Thành-phủ. Công-tử-Lư là anh nửa của Sở-tử nói rằng : « *Bức quân-vương ngài bỏ con ngài đi mà nhường nước cho bọn chúng ta. Chúng ta đâu dám quên bụng ngài. Theo mệnh-lệnh ngài là thuận mà lập con ngài lên cũng là thuận. Vậy chúng ta không nên ở sai trong hai điều đó.* » Công-tử-Lư bèn bàn với Tử-Tây, Tử-Kỳ cũng là anh vua Sở, mật sai quân đi đón Tử-Chương là con vua Sở bởi bà vợ là con gái nước Việt sinh ra. Lập lên làm vua rồi mới kéo quân về nước.

Khi Sở-tử mới bị bệnh, xem bói thì thầy bói đoán rằng : « *Bị thần sông Hà(1) trêu quở* ». Sở-tử không cúng. Các quan Đại-phu xin tế vọng ở ngoài cảnh đồng Sở. Vua Sở nói rằng : « *Từ đời Tam-đại đặt ra phép tự-điển, phàm các nước Chư-hầu không được tế những thần sơn-xuyên tinh-tú ở ngoài giới-hạn nước mình. Sở chỉ có sông Giang, sông Hán, sông Truy và sông Chương là thuộc về tự-điển mà thôi. Vậy bất-cốc này dù có điều bất-*

(1) Sông Hoàng-hà ở về phận Tấn, mé bắc Trung-quốc, Sở thì ở về mé nam Trung quốc cách nhau xa.

đức đi nữa thì cũng không có phạm tội lỗi gì với thần sông Hà mà bị thần hành đến quá giới-hạn như thế.» Sở Chiêu-vương không cho tế.

Khổng phu-tử nghe tin nói: « Sở Chiêu-vương biết điều đại-đạo nên không đến nỗi bị mất nước cũng là phải lắm. »

4.—K.—Công đến hội với vua Ngô ở nước Tăng.

T.—Năm Ai-công thứ bảy, Công đến hội với vua Ngô ở nước Tăng. Ngô cho đến đòi Lỗ phải nộp trăm con thái-lao. Lỗ Tử-Phục Cảnh-Bá trả lời rằng: « *Về đời tiên-vương chưa có lễ nào như thế* » Người Ngô nói: « *Tống mới lễ nước tôi một trăm con thái-lao đấy. Vậy Lỗ không nên chịu thua Tống. Vả Lỗ mới lễ quan đại-phu Tấn đến ngoại mười con thái-lao. Thế thì lễ vua Ngô một trăm con thái-lao cũng là phải chớ gì.* »

Cảnh-Bá nói: « *Phạm Ưởng Tấn hẳn là kẻ tham mà vô-lễ. Lấy cái uy nước lớn mà dọa nước tôi, nên nước tôi phải lễ hắn 11 con thái-lao. Nếu nhà vua bên ngài mà lấy lễ-pháp để hiệu-lệnh chư-hầu thì dùng đủ số thì thôi. Nếu ngài cũng bỏ cả lễ-pháp thì là lạm. Khi vua nhà Châu còn thịnh, đặt ra lễ dùng phẩm-vật cho Thiên-tử bất-quá đến cái số 12 là một số lớn của trời đất đó. Nay ngài bỏ phép Châu-lễ đi mà cứ đòi một trăm con thái-lao thì tùy ý ngài đấy.* »

Người Ngô không nghe Cảnh-Bá tự nghĩ rằng: « *Ngô sẽ mất nước mất thôi, bỏ gốc và trái đạo trời. Nếu ta không nghe họ thì họ tất sử tệ với ta.* » Lỗ bèn lễ Ngô một trăm con thái-lao.

Ngô Thái-tề Bĩ cho triệu Qui-Khang-tử sang Ngô. Thang-tử sai Tử-Cống đến từ chối. Thái-tề Bĩ nói rằng: « *Vua nước ông thì phải đi lắm mà lớn khôn lên ở đọc đường, thế mà quan đại-phu nước ông thì không thò ra khỏi cửa ải. Vậy thì lễ-nghĩa ở đâu?* » Tử-Cống thưa: « *Đó là chúng tôi sợ đại-quốc đấy, chứ có phải là vị lễ-pháp gì mà không đi ra ngoài đâu. Vì rằng đại-quốc không lấy lễ-pháp để mệnh-lệnh cho chư-hầu; nếu đã không có lễ-pháp thì chúng tôi biết đâu mà dám tin. Quả-quân tôi đã phải đi chầu vua Ngô rồi, còn ông già tôi dám đâu lại bỏ nước mà đi nữa. Xem như đức Thái-bá là tổ mở ra nước Ngô, ngài theo phép Châu-lễ dùng y-quan Trung-quốc. Đến ông Trọng-Ung là em nối ngôi bèn theo cách trang-sức cắt tóc vẽ mình và cởi trần là lối của thổ-tục Ngô. Thế thì có phải là vì lễ-pháp gì đâu, là có cái cớ khiến nên như thế đấy mà thôi.* »

Tử-Cống ở Tăng về, biết Ngô không có thể làm bá-chủ được.

5 – K. – Công đi đánh nước Tiểu-Châu, bắt Châu-tử là Ích đem về.

T. — Năm Ai-công thứ bảy, Qui-Khang-tử muốn đánh nước Tiểu-Châu bèn làm tiệc đãi các quan đại-phu để bàn việc. Tử-Phục Cảnh-Bá nói rằng: « *Nước nhỏ thờ nước lớn là tín, nước lớn giúp nước nhỏ là nhân. Nay bội nước lớn là bất-tín, đánh nước nhỏ là bất-nhân. Giữ được dân là nhờ ở thành, giữ được thành là nhờ ở đức. Nếu ta mà bỏ hai điều đức tốt ấy thì ngay mà còn giữ gì được nước nữa.* »

Mạnh-Tôn không bằng lòng việc đánh Tiểu-Châu và thấy các quan đại-phu của đảng Qui-Tôn không ai nói gì bèn hỏi: « *Các ông cho lời Cảnh-Bá nói là thế nào? Có lẽ nào các ông lại không nghe cái lời của một người hiền-đức như ông Cảnh-Bá dư?* »

Các quan đại-phu thưa: « *Vua Vũ hội các vua Chư-hầu ở núi Đồ-sơn, các vua Chư-hầu đem ngọc lụa đến dâng tới một vạn nước. Thế mà nay chỉ còn độ vài mươi nước là chỉ vì nước lớn không giúp nước nhỏ, nước nhỏ không*

thờ nước lớn đó mà thôi. Cho nên nếu biết việc này là nguy thì can gì mà chúng tôi không nói. »

Mạnh-Tôn nói : « *Đức-chính Lỗ cũng như đức - chính Tiểu-châu, thế mà Lỗ chực cậy nhiều người ăn hiếp người ta thì sao phải.* » Cử tọa không vui đều lui ra.

Mùa thu, Lỗ đánh Tiểu-Châu, bắt vua Tiểu-Châu là Ích đem về Mao. Di-Hồng là đại-phu Tiểu-Châu tự đem lụa và da thuộc sang dâng vua Ngô xin cầu cứu rằng : « *Lo khinh Tấn yếu mà Ngô xa, bội lời thề của đức vua và bỉ các quan bên này, cậy nhiều người mà đè nén nước tôi. Nước tôi có xá chi cái phận bé nhỏ, chỉ sợ Lỗ làm như thế thì cái uy-lệnh của đức vua bên ta không thi-hành được. Uy-lệnh của đức vua bên ta không thi-hành được thì nguy cho nước tôi lắm. Nếu mùa hè mới ăn thề với nhau, mà mùa thu đã bội-bạn ngay được thì các nước Chư-hầu còn trông mong gì được ở Ngô nữa.* » Ngô-tử nhận giúp.

6. — K. — Ngô đánh nước ta

T.— Vua Ngô định sang đánh Lỗ để cứu Tiểu-Châu, nhân hỏi Thúc-Tôn Chiếp là người Lỗ chạy sang ở Ngô. Thúc-Tôn Chiếp thưa rằng : « *Lỗ tiếng là một nước lớn đấy, nhưng thực thì không ra gì, đánh là tất được.* »

Thúc-Tôn Chiếp lui về nói chuyện ấy với Công-Sơn Bất-Nữu cũng là người Lỗ chạy sang ở Ngô. Công-Sơn Bất-Nữu nói rằng : « *Anh thực là kẻ vô-đạo ! Cứ đạo thường ra thì quân-tử khi xuất-bôn không có đến cái nước là thù-quốc của nước mình. Đối với cái nước mà mình xuất-bôn đến đó nếu mình chửa chịu tước-lộc gì mà thấy nước ấy sắp đánh nước mình thì mình phải chạy về báo-cáo cho nước mình, vì nước mình mà chết cũng được, chứ cái điều quan-hệ của nước mình thì phải giấu. Vả không ai vì một điều giận riêng mà bỏ cả tình làng xóm. Nay anh vì một điều giận riêng mà phá-diệt tổ-quốc đi thì tệ quá. Nếu vua Ngô sai anh đưa đường thì anh phải xin từ. Anh từ thì tất vua Ngô sai tôi.* » Thúc-Tôn Chiếp lấy làm thẹn-thò.

Vua Ngô hỏi Tử-Tiết (tức Bất-Nữu). Tử-Tiết thưa rằng : « *Lỗ tuy binh-thời thì ít người giúp mà làm-sự thì có nhiều người chết theo được ; lại Chư-hầu sẽ đến cứu nữa, thì không đánh được đâu. Tấn với Tề, Sở giúp vào thành ra bốn nước cứu-thù. Vả ngài còn lạ gì Lỗ là cái nơi che ngoài của Tề, Tấn đó. Môi hở thì răng lạnh, thế nào mà họ không cứu nhau.* » Vua Ngô không nghe.

Tháng ba năm Ai-công, Ngô đánh ta. Tử-Tiết đưa đường, cố ý đưa đi lối hiểm trở về phía Vũ-thành. Ở Vũ-thành độ trước có người cấy nhờ ruộng của Ngô ở ngoài biên - cảnh. Người Vũ-thành bắt giam một người nước Tăng cũng đến cấy nhờ ruộng ở đấy mà giật cói làm đục nước. Bây giờ quân Ngô tới, đứa bị giam ấy bèn đưa quân Ngô vào đánh Vũ-thành, hạ được.

Vương Phạm là Đại-phu Ngô được bổ làm quan Tề nơi thuộc-địa Vũ-thành, bèn chơi bời với người cha của Đam-Đài Tử-Vũ. Vì vậy người Lỗ lấy làm lo sợ sẽ bị người cha của Đam-Đài Tử-Vũ làm nội-ứng cho giặc.

Ý-tử hỏi Cảnh-Bá rằng : « *Làm thế nào bây giờ?* » Cảnh-Bá thưa rằng : « *Vì ta gây việc để quân Ngô đến. Vậy kẻ nó đến thì ta đánh chứ sợ gì.* »

Vua Ngô đóng quân-thứ lại ở trên sông Tứ. Vi Hồ là Đại-phu Lỗ tự đem 700 người ra tập nhẩy ở sân, mỗi người nhẩy ba cái. Sau chọn được 300 người, có Hữu-Nhược dự vào số ấy. Định đêm hôm ấy đến cướp trại vua Ngô, 300 người mới đi ra đến cửa Bắc-môn thì có người nói với Qui-Tôn rằng : « *Làm thế chỉ tổ giết mất nhiều những tay quốc-sĩ đi thôi, chứ cũng không*

làm gì được Ngô đâu, bất-nhược thôi đi. » Vì thế việc cướp trại vua Ngô lại đình-chỉ.

Vua Ngô nghe biết tin ấy, một đêm phải nhổ trại đi chỗ khác đến ba lần.

Người Ngô cầu hòa, lúc sắp làm lễ minh-thệ, Cảnh-Bá nói : « *Ngày nọ Tống bị Sở vây, đến nỗi đổi con cho nhau mà ăn thịt, lấy những xương khô người chết làm củi đun. Thế mà người ta cũng không chịu mình lại xin ăn thề ở dưới thành của mình. Nữa là nay ta tuy bị quân Ngô đến nhưng chưa tổn-hại gì mà chịu ra xin thề ở dưới thành của mình, thế là ta tự bỏ nước đi đó. Tôi xem quân Ngô khinh-suất mà đi xa thì họ không ở đây lâu được đâu, tất sắp phải về đấy. Vậy xin các quan hãng đợi xem sao đã.* »

Người Lỗ không nghe lời Cảnh-Bá. Cảnh-bá lĩnh tờ quốc-thư ra cửa Lai-môn để xin ở lại bên quân Ngô làm con tin mà Ngô thì cho Vương-tử là Cô-Tào sang làm con tin Lỗ. Người Ngô bãi việc đổi con tin mà cùng người Lỗ đồng-minh rồi đem quân về

7.— K. — Sở Công-tử Kết đem quân đánh Trần, Ngô đến cứu Trần.

T. — Năm Ai-công thứ 10, Sở Tử-Kỳ (Công-tử Kết) đánh Trần. Ngô Qui-Trát đến cứu Trần. Qui-Trát bảo Tử-Kỳ rằng : « *Hai ông vua đều không chăm tu đức mà chỉ hết sức tranh cướp nhau lấy nước chư-hầu. Thế thì dân-sự người ta tội gì! Vậy tôi xin lui quân về để cho ông được tiếng. Nhưng ông phải chăm tu đức để yên dân.* »

Qui-trát đem quân về.

8 — K. — Tề Quốc-Thư đem quân đánh ta

T. — Năm Ai-công thứ 11, Tề Quốc-Thư đem quân sang đánh ta mới đi đến đất Thanh của Tề. Qui Khang-tử bảo quan Tề ấp mình là Nhiễm-Cầu rằng : « *Quân Tề ra đóng ở Thanh, chắc là định sang đánh Lỗ đấy, làm thế nào bây giờ ?* » Cầu thưa : « *Để một mình họ Qui-Tôn ta ở trong giữ nước, còn hai họ Mạnh-Tôn và Thúc-Tôn thì theo quốc-quân ra ải chống cự.* »

Qui Khang-tử nói : « *Thế không được.* » Cầu nói : « *Vậy thì họ Qui-Tôn ta ra đóng ở chỗ nội-địa gần biên-thùy.* »

Qui-Khang-tử báo-cáo mưu ấy với hai nhà kia. Hai nhà kia không bằng lòng như thế. Nhiễm-Cầu nói : « *Nếu hai nhà không bằng lòng thì quốc-quân đừng xuất-chinh nữa mà chỉ một ngài đem quân ra đánh thù-tử với quân Tề. Kẻ nào không phải là người Lỗ thì mới không theo ra trận. Cái số binh tư-gia ở các hạt trong nước Lỗ còn nhiều hơn số binh-xa của Tề. Vậy một số binh tư-gia ấy cũng thừa chống với số binh-xa giặc. Ngài có lo gì. Quốc-chính thuộc cả về nhà Qui-thị ta thì hai nhà kia người ta không bằng lòng chiến là phải.*

« *Chính giữa đời ngài, người Tề sang đánh nước ta mà ngài không cự địch được thì ngài xấu hổ lắm, còn sánh vai với Chư-hầu được sao.* »

Qui Khang-tử bèn cho Nhiễm-Cầu đi theo mình vào trong triều. Nhiễm-Cầu đứng ở bờ cử Đảng-thị là cái ngòi ở trong triều. Thúc-Tôn Vũ-Thúc hỏi Nhiễm-Cầu về việc chiến thế nào. Nhiễm-Cầu thưa : « *Có bậc quân-tử mới biết những mưu-lự xa, còn tôi là kẻ tiểu-nhân thì biết đâu đến.* »

Mạnh-Tôn Ý-tử lại hỏi dồn. Nhiễm-Cầu thưa : « *Tiểu-nhân tôi lượng cái tài-lực của mình, việc gì có làm được mới dám nói.* » Vũ-Thúc nói : « *Thế ra hẳn bảo chúng ta không phải là trượng-phu ấ ?* » Hai nhà bèn về duyệt quân cho Mạnh Nhụ-tử làm tướng gọi là đạo Hữu-quân.

Về bên Qui-Tôn thì cho Nhiễm-Cầu làm tướng gọi là đạo Tả-quân, Phàn

Trị làm chức Xa-hữu. Quân Lỗ với quân Tề đánh nhau ở ngoài cánh đồng, Lỗ Công Vi với tên giá-đồng đều chiến-tử.

Khổng-tử nói: *« Cậu hề-đồng kia lúy bé mà cầm nổi được cái giáo cái mác để ra bênh vực lấy nước nhà, thì cái chết ấy không gọi là chết non được! »*

9. — K. — Trần Viên-Phả xuất-bôn ra Tịnh

T. — Xưa Viên-Phả làm Tư-đồ nước Trần, đánh thuế những ruộng trong hạt nội-địa lấy của để chi việc xuất-giá cho Công-nữ là con gái vua. Còn thừa thì để đúc những đồ bảo-khí của nhà mình. Vì thế năm Ai-công thứ 11 người trong nước đuổi đi, cho nên y phải xuất-bôn.

Lúc Viên-Phả xuất-bôn, đi đến giữa đường bị đói khát lắm. May gặp một người trong họ là Viên-Huyền đem rượu hếp cải, cơm gạo thơm và nem chả ra cho. Viên-Phả nói: *« Ở đâu mà có sẵn-sàng cả thế? »* Viên-Huyền nói: *« Tôi vẫn sắp sẵn để chờ khi bác đúc bảo-khí xong thì đón mà cho bác ăn. »* Viên-Phả nói: *« Thế sao bấy giờ không cản tôi đi? »* Viên-Huyền thưa: *« Sợ rằng nói bác chủ nghe nào nên tôi phải đi trước. »*

10. — K. — Công hội với Ngô đánh Tề

T. — Vì trận Tề Lỗ đánh nhau ở ngoài biên-cương, nên công hội với vua Ngô đánh Tề.

Về bên Tề, Trần Hi-tử bảo em rằng: *« Hễ em ra trận mà chết thì ta nhờ cái danh-giá ấy của em mà làm nên. »* Tôn Tử-Đương với Lư Thâu-Minh thì cũng khuyên nhau ra chiến tử. Tăng Yểm-Tử đánh xe cho Quốc-Thư với Công-Tôn Hạ bèn khuyên hai người ấy rằng: *« Hai ông phải chết trận này mới được. »* Đến khi sắp ra trận, Công-Tôn Hạ sai tả-án quân của mình đều hát khúc *« Ngu thần »* là khúc hát đưa ma. Trần Tử-Hà thì sai bộ-hạ mình phải mang sẵn đồ *« hàm ngọc »* là đồ quí để lúc chết bỏ vào mồm. Công-tôn Huy hạ-lệnh cho bộ-hạ mình rằng: *« Quân Ngô nó trọc đầu cả, mỗi người phải mang đi một cái thùng dài độ một tấm (8 thước) để mà xây những cái quách của chúng nó. »*

Đông Quách Thư nói: *« Người ta đánh đến ba trận thì nên chết. Vậy tôi đánh trận này là ba đấy. »* Nói rồi sai đem cái dàn của mình cho Huyền-Đa mà dặn rằng: *« Tôi không trông thấy ông nữa đâu. »* Lại Trần-Thư thì nói: *« Trận này tôi chỉ nghe tiếng trống là hiệu thúc vào, chứ không nghe tiếng kiểng là hiệu lui ra đâu. »*

Ngày giáp-tuất, năm Ai-công thứ 11, đánh nhau ở Ngải-lăng. Đạo quân của Triển-Như nước Ngô thì đánh được đạo quân của Cao-tử nước Tề. Đạo quân của Quốc-tử nước Tề thì đánh được đạo quân của Tư-Môn-Sào nước Ngô.

— Lúc Ngô sắp đi đánh Tề, vua Việt đưa quân-thần vào chầu. Từ vua Ngô trở xuống đến hàng quan-sĩ có lễ biếu cả. Người Ngô đều lấy làm mừng, chỉ có Ngũ-Tử-Tư lấy làm sợ mà nói rằng: *« Nước Việt còn là nó làm cái bệnh cho tâm-phúc của ta đó. Việt nó với ta, bờ cõi liền nhau; nó vẫn muốn lấy nước ta, thế mà bấy giờ nó chịu luồn phục ta là để thành cái chí-nguyện của nó đó. Bất-nhược ta phải tính ngay nó đi, chứ lấy được Tề thì cũng như lấy được cái ruộng thạch-điền mà thôi, có dùng làm gì được. Hễ Việt không diệt thì Ngô cũng không còn được. Có ai mới thấy chữa bệnh mà lại bảo để dành bệnh lại bao giờ. Lời cáo mệnh của Bàn-Canh nói rằng: « Có kẻ vào ương-ngược không tuân mệnh thì trừ bỏ cho tiệt không để sót một mống nào. Và đừng có để cho nó đem*

cái giống của nó mà thay vào cái cỗi đất này. » *Ấy nhà Thương sở-dĩ lại nổi lên được là vì thế. Thế mà nay nhà vua đình làm nên sự-nghiệp lớn mà lại sử trái cả đi, thì thực là khó quá.* » Vua Ngô không nghe. Tử-Tư đi sứ Tề, đem người con trai ký-thác cho họ Pháo mà đổi ra làm họ Vương-Tôn. Đến khi Tử-Tư đi sứ về, vua Ngô nghe biết chuyện ký-thác con như thế, sai người đem thanh gươm Trúc-lâu cho Tử-Tư phải tự-sát mà chết đi.

Tử-tư khi sắp tự-sát, dặn rằng: « *Lấy giống cây gỗ « giá » vào nhà ta, hễ cây gỗ ấy dùng làm đồ được là Ngô mất nước đó.* »

Năm Ai-công thứ 11, Khổng Văn-tử nước Vệ khi sắp đi đánh Thái-Thúc Tật, nhân hỏi ông Trọng-Ni, bấy giờ ông ở Vệ. Ông nói rằng: « *Những việc về cái hồ cái qui là đồ tế-khí thì tôi có tập học, chứ việc giáp-binh thì tôi chưa nghe đến bao giờ.* » Nói rồi về sai học-trò đóng xe để đi nước khác mà rằng: « *Chim phải chọn cây chứ cây có chọn chim đâu!* »

Văn-tử vội giữ ông Trọng-Ni lại mà rằng: « *Ngài tôi là vì trù hoạn-nạn đi cho nước Vệ, chứ có dám mưu việc riêng đâu.* »

Ông Trọng-Ni toan ở lại thì người Lỗ đưa lễ-vật đến mời về, ông bèn về Lỗ.

11. K. — Công hội Vệ-hầu, Tống Hoàng-Viên ở đất Vân

T. — Mùa thu năm Ai-công thứ 12, Vệ-hầu đến hội với Ngô ở đất Vân. Công với Vệ-hầu, Tống Hoàng-Viên cùng ăn thề với nhau. Người Ngô cắm rào vào chung-quanh đình Vệ-hầu đóng mà giữ lại. Tử-Phục Cảnh-Bá bảo Tử-Cống rằng: « *Phàm lễ hội-minh đã xong thì các đấng hầu bá với người chủ-nhân sở-tại nơi hội-sở đều đưa những con súc-sinh biếu lẫn nhau để tạ-biệt. Nay Ngô không lấy lễ-nghĩa đãi Vệ mà cắm rào bao đình vua Vệ để làm cho khốn-đốn. Vậy sao ông không đến yết Thái-tể Ngô mà nói cho Vệ?* » Tử-Cống bèn xin một bó gấm đem đi, khi nói chuyện nhân nói đến việc nước Vệ. Thái-tể Bĩ nói rằng: « *Quả-quân tôi xin phục sự vua Vệ, nhưng vì vua Vệ đến hội muộn quá, nên quả-quân tôi sự mà lưu lại.* »

Tử-Cống nói: « *Vua Vệ đến dự hội là phải bàn với chúng-nhân. Trong bọn chúng-nhân có người thì thuận cho đi, có người thì không. Vì thế cho nên đến muộn. Người thuận cho đi hội ấy là kẻ về bè với ông. Người không thuận ấy là kẻ thù của ông. Nếu giữ vua Vệ lại thế là ruồng bỏ bè đảng ra mà giúp cho kẻ thù đó. Thật là ông để cho những đứa gièm ông nó lại càng đắc-chí lắm. Vả việc hội hợp Chư-hầu mà bắt giữ vua Vệ thì ai mà không lo. Ruồng bè đảng, giúp kẻ thù và để lo cho chư-hầu. Thế mà chực làm bá-chủ thì có lẽ cũng khó.* » Thái-tể Bĩ bằng lòng, bèn thả cho Vệ-hầu về.

12. K. — Quân Ô-Việt vào nước Ngô

T. — Mùa hạ, Ai-công thứ 13, Công với Thiên Bình-công nhà Châu, Định-công nước Tấn cùng đến hội với Phù-Sai nước Ngô ở Hoàng-trì. Tháng sáu, vua Việt đến đánh Ngô. Quân Việt làm hai con đường toái-đạo. Trù Vô-Dư với Âu-dương là hai Đại-phu Việt đi từ nam-phương vào. Khi quân Việt mới thoát vào đến cánh đồng Ngô, Ngô Thái-tử Hữu, Vương-tử-Địa, Vương-tôn Di-Dong, Thọ-Ư-Điêu đứng ở trên bờ sông Hoàng trông xem. Di-Dong trông thấy là cờ của đạo quân người xứ Cô-Miệt nước Việt, bèn nói: « *Kia cái cờ của cha tôi mà quân Việt bắt được từ trước kia kia. Thấy kẻ thù mà không giết đi thì sao phải!* »

Thái-tử nói : « *Nếu chiến mà không thắng được thì mất nước ngay, vậy hãng đợi xem sao đã.* » Di-Dong không nghe, hội 5000 quân lại. Vương-tử Địa giúp sức cho, bèn ra đánh. Di-Dong bắt được Trù-Vô-Dư, Vương-tử Địa bắt được Âu-Dương.

Việt-tử tiếp đến đánh được quân Ngô, bắt được Thái-tử Hữu, Vương-tử Di-Dong và Thọ-Ư-Diêu. Ngày đinh-hợi tháng ấy, quân Việt vào nước Ngô, người Ngô đến cáo tin bại cho vua Ngô ở chỗ đang minh-hội. Vua Ngô ghét cái tin bại-báo ấy, ra tay chém chết đến bảy người đến báo tin ở dưới mạc-phủ.

—Tháng bảy. Chư-hầu làm lễ đồng-minh. Ngô với Tấn tranh nhau sáp huyết trước. Sau rồi Tấn nhường cho Ngô. Người Ngô bắt giam Cảnh-Bá. Cảnh-Bá nói : « *Hà tôi đây đã lập hậu ở Lỗ rồi. Chết sớm hay muộn tùy mệnh-lệnh các ngài* ». Tái-tể Bĩ nói với vua Ngô rằng : « *Giết một Cảnh-Bá cũng không tổn gì cho Lỗ, lại chỉ thêm mang tiếng ác mà thôi, bất-nhược tha cho y về.* » Ngô-vương bèn tha cho Cảnh-Bá về.

Ngô-vương muốn đánh Tống nên giết một quan Đại-phu và bắt giam một người đàn-bà Tống. Thái-tể Bĩ nói : « *Đánh thì được đấy mà không giữ được.* » Quân Ngô bèn kéo về

13 — K. — Nhà nước đi săn ở miền tây bắt được một con lân

T. — Mùa xuân, năm Ai-công thứ 14, Nhà nước đi săn ở xứ Đại-dã về miền tây nước Lỗ Tên phu xe của nhà Thúc-Tôn là Thư-Thương bắt được một con thú lạ, người ta xem rồi cho là một con thú bất-tường, bèn cho quan Ngu-nhân (là chức coi rừng.)

Ông Trọng-Ni đến xem bèn nói: « *Con thú này nó là con lân đấy* » Vì vậy các quan lại đòi lại mà đem về.

Đỗ-nam-tử cần-án. — Xét trong sách Bác-vật-chí ngày nay thì chỉ thấy có con sư-tử là hùng-cường nhất trong loài thú. Người Thái-Tây gọi nó là vua trong loài thú. Chứ không thấy có con lân. Nay đem cái hình-tượng với cái đức-tính của con lân ngày xưa so với con sư-tử ngày nay : cũng đuôi như đuôi trâu ; râu tóc xồm-xoàm, tính dữ mạnh mà nhân-từ, đi không dẫm lên loài sinh-vật nhỏ. Vậy thì con lân với con sư-tử chính là một, duy con lân thuộc về lối tả-mạc của nhà mĩ-thuật cổ hay bịa-tạc thêm ra, nên có chỗ không đúng với sự-thực mà thôi.

Sư tử sản ở Phi-châu, mà miền tây-nam Á-châu cũng thường có. Đến như Âu-châu với Á-đông thì hiếm lắm.

Sư-tử là một con vật hình-dáng đẹp, sức-vóc mạnh và đức-tính tốt như thế mà ở hai cái đất văn-minh sớm phát-đạt là Á-đông với Âu-châu thì lại hiếm, nên các nhà mĩ-thuật ở hai đất này xưa nay đều lấy làm quí, như thợ vẽ, thợ xây đắp, thợ đúc nặn, thợ thêu và thợ chạm, đều dùng cái tượng của nó để hình-dung một cái khí-tượng anh-hùng. Coi đó thì biết loài người sở-dĩ quí con lân hay là con sư-tử, không phải là vô-cố vậy.

Lỗ vốn không có lân mà nay thấy thì ai còn biết là con gì Đến khi có người biết mà bảo cho thì ai mà không lấy làm sự lạ. Đó là lẽ cố-nhiên vậy. Cho nên truyện-văn trên kia, Tả-thị chép rằng : « *Người ta xem rồi cho là một con thú bất-tường, bèn cho quan Ngu-nhân. Ông Trọng-Ni đến xem bèn nói : « Con thú này nó là con lân đấy. » Vì vậy các quan lại đòi lại mà đem về.* » Vậy thì ý của Tả-thị đối với việc bắt được con lân này cũng cho là thuộc về một vấn-đề bác-vật như những việc « đá rơi, chim lạc » trên kia mà

thôi. Chứ không có cái cảm-xúc đặc-biệt viển-vông gì cả. Cũng vì thế mà từ sau việc bắt được con lân này, kinh-văn truyện-văn vẫn chép như thường, mãi đến tháng tư năm Ai-công thứ 16, Khổng Phu-tử mất thì kinh-văn mới hết, còn truyện-văn thì lại cứ tiếp-tục cho đến năm Ai-công thứ 27, Ai-công xuất-bôn mới thôi. Về kinh-văn trừ một câu cuối cùng chép rằng : «*Ông Trọng-Ni mất* », là cái lời của môn-đồ tôn-sùng thầy mà phụ-lục vào không kể, còn những câu kinh-văn khác từ trước câu « *Ông Trọng-Ni mất* » trở lên đều là thủ-bút của Phu-tử cả. Nghĩa là Phu-tử làm việc nghĩa-vụ cho đến khi tắt nghỉ mới chịu thôi.

Thế mà *Xuân-thu* của hai nhà Công Cốc thì lại khác. Kinh-văn với truyện-văn của hai nhà đều đến câu : « *Nhà-nước đi săn ở miền tây, bắt được một con lân* », là chung-tất.

Công-dương lại có lời kết-luận hết sách rằng : « *Vì sao Xuân-thu bắt đầu từ Ân-công, là vì những việc mới vài ba đời người còn có thể biết được. Lại vì sao Xuân-thu đến năm Ai-công thứ 14 thì chung-tất, là vì đến đấy là vừa đủ...* » Lời kết-luận như thế thì rõ là tác-giả định viết sử đến đấy thì thôi vậy.

Không những thế, Công-dương lại cho rằng lân là con vật ứng với vận-hội văn-minh thái-hòa, đời có đấng thánh-vương thì nó mới sinh ra, đời không có đấng thánh-vương thì nó không sinh ra. Nay đời không có thánh-vương mà con lân ra, thì không phải là việc tình cờ, mà chính là đềm rủi-ro của thiên-hạ đó. Vậy tác-giả chép đến đấy thì thôi, không phải là muốn thôi thì thôi, mà chính là vì một cái cảm-xúc rất sâu-sắc nước đời đó. Cho nên Công-dương chép rằng : *Khi có người mới đến báo rằng : bắt được con hươu có một cái sừng ở giữa đầu,* » *thì Khổng-tử nói : « Ôi, nó vì ai mà ra, vì ai mà ra!* » *Nói rồi Khổng-tử vắt tay áo che lên mặt mà sa nước mắt xuống ướt cả vạt cả áo. Khi Nhan-Uyên mất, Phu-tử nói : « Ôi, trời tuyệt ta!* » *Khi Tử Lộ mất, Phu-tử nói : « Ôi trời tuyệt ta!* » *Nay nhà nước đi săn ở miền tây bắt được một con lân thì Phu-tử nói : « Thôi-thế là đạo ta cùng-tận mất rồi!* » Công-dương chép thế nghĩa là Phu-tử tự hứa mình có quan-hệ với cuộc thịnh-suy của thiên-hạ. Thấy con lân ra lỗi thời, đang lúc không có thánh-vương, mà tự biết và tự thương đạo của mình cùng-tận mất rồi. Vì một cái cảm-súc kích-thích như thế, nên Phu-tử đình-chỉ việc viết sự ngay mà lấy việc con lân làm câu tuyệt-bút.

Nay ta lấy chân-lý mà xét thì con lân là con lân, Phu-tử là Phu-tử. Con lân có can-hệ gì đến Phu-tử mà Phu-tử khóc. Cho rằng vì thấy cái đềm hay ra lỗi thời thì tức cũng là đềm dở, mà dở là dở cho mình nên phải khóc. Thế thì ra Phu-tử là một nhà khởi-xướng ra cái học cách-vật trí-tri mà tự mình cũng mê-tín như những kẻ ngu thế dư? Tất không có lẽ như vậy. Coi đó thì biết chỉ do tự cái tư-tưởng bông-lông cuồng-vọng không đúng sự thực của Công-dương mà vu cho Phu-tử đó thôi.

Đời sau không xét, thấy cái thuyết của Công-dương có ý tôn-sùng thầy như bọn giáo-đồ tôn-sùng vị giáo-chủ thì tin ngay, gọi Xuân-thu là « *Lân-kinh* », là bộ kinh viết xong thì có cái đềm con lân ra. Ấy Khổng-học đáng lẽ là một cái học thuần-lý, mà lưu-tệ thành ra một cái giáo mê-tín, cũng chỉ vì những phái học sai ấy làm sai đi vậy.

14.—K.—Tiểu-Châu Dịch đem đất Câu-dịch mà xuất-bôn sang nộp cho ta

T.—Năm Ai-công thứ 14, Dịch là Đại-phu Tiểu-Châu đem đất Câu-dịch mà xuất bôn sang nộp ta. Y nói rằng : « *Xin*

cho ông Qui-Lộ ra nói chuyện với tôi thì tôi không cần phải minh-thệ nữa.»

Nhà-nước sai Tử-Lộ. Tử-Lộ cáo từ. Qui-Khang-tử sai Nhiễm-Cầu bảo Tử-Lộ rằng: *« Người ta không tin cái lời minh-thệ của một nước nghìn cỗ xe, mà tin một lời nói của ông, thì có xấu gì cho ông mà ông không tiếp người ta.»* Tử-Lộ nói: *« Nếu Lỗ có việc đánh nhau với Tiểu-Châu thì Do tôi không dám hỏi tại cớ gì mà xin chết ở dưới thành nước nó được ngay. Chứ như Địch là một thằng phản-quốc, thế mà Do tôi tán-thành cái lời của nó, thì ra Do tôi lấy nó là phải nghĩa đó. Vậy Do tôi không dám làm.»*

15. — K. — Người Tề giết vua là Nhâm ở Thư-châu

T. — Ngày giáp-ngọ, năm Ai-công thứ 14, Trần-Hằng là Đại-phu Tề giết vua là Nhâm ở Thư-châu. Khổng-Khâu ăn chay ba ngày mà vào triều xin đánh Tề đến ba lần. Công nói rằng: *« Lỗ yếu hơn Tề đã lâu nay rồi. Nhà thầy muốn đánh Tề thì dùng cách gì?»* Khổng Khâu thưa: *« Trần Hằng giết vua, một nửa số dân trong nước không phục nó. Nay đem toàn-số dân Lỗ mà áp một nửa số dân Tề theo về Trần Hằng thì tất thắng được.»*

Công nói: *« Thế thì nhà thầy ra cáo với Qui-Tôn về việc này xem.»* Khổng Khâu xin thôi. Về nhà nói chuyện với người ta rằng: *« Vì tôi cũng đã có dự vào hàng Đại-phu, cho nên không nói không được đó thôi.»*

— Năm Ai-công thứ 15, Sở Tử-Tây, Tử-Kỳ đánh Ngô vào đến bến Đồng-nhuế. Trần-hầu sai Công-tôn Trịnh-tử sang hỏi thăm Ngô. Trịnh-tử mới vào đến Lương là đất của Ngô thì chết. Bọn sứ-bộ định rước cữu vào chầu vua Ngô. Vua Ngô bèn sai Thái-tể Bĩ ra yên-ủi và từ chối đi mà rằng: *« Sợ chợt cái nước lụt kéo đến, không khỏi lay động đến linh-cữu của quan Thượng sứ, mà thêm cái nghĩ ra cho quả-quân tôi. Vậy quả-quân tôi xin từ tạ việc rước linh-cữu ấy.»*

Vũ-Doãn Cáp là Đại-phu Trần thưa: « Quả-quân tôi nghe nói Sở kia vô-đạo, vào đánh Ngô rộn-rạp mà giết hại nhân-dân. Quả-quân sai chúng tôi phụng sứ-mệnh sang hỏi thăm các quan hầu của nhà vua. Trời không thương quan Chánh-sứ tôi hết lộc mệnh cùng số tận ở đất Lương. Khiến cho chúng tôi bận việc tang liệm, nhưng ngày nào cũng phải chuyển cữu đi một độ đường, chứ không dám để chậm trễ việc sứ-sự. Nay nhà vua sai người ra đón bảo sứ-bộ chúng tôi rằng: « Đừng khênh cữu vào quốc-môn nữa. Thế thì ra cái mệnh của quả-quân bị vất bỏ cả ra nơi cỏ nội kia thôi. Vả tôi nghe có câu rằng: « Thờ người chết cũng như thờ người sống mới phải lễ.» Bởi thế cho nên về việc đi triều-sinh có cái lễ phải rước tử-thi đến cho xong việc. Lại có cái lễ đến triều-sinh nước nào mà gặp nước ấy có tang. Chứ nếu một bên không cho đem tử-thi quan sứ-thần vào chầu, một bên thấy nước chủ quốc có tang thì trở về, thì chẳng hóa ra không hay với nhau dư? Phàm trị nước phải lấy lễ-pháp ngăn-ngừa dân, thế mà còn có kẻ vượt qua nữa là. Nay quan lớn nói rằng: « Quan sứ-thần nước ngoài đến mà chết thì bỏ việc sứ-sự ấy đi », thế là bỏ lễ-pháp đó, còn làm minh-chủ cho chư-hầu được sao.

« Đấng tiên-dân có dạy rằng: « Đừng có cho xác người chết là bần-thủ ». Vậy sứ-bộ chúng tôi xin rước áo quan quan chánh-sứ vào chầu cho chọn việc sứ-sự. Nếu cái mệnh của quả-quân chúng tôi mà đạt được đến tai đức vua bên ta, thì dù áo quan quan chánh-sứ chúng tôi

có bị lắng xuống vực sâu, cũng là lòng trời xui khiến, chứ có tại gì đức vua bên ta với bọn chở đò đâu ». Người Ngô bèn nhận cho rước cữu quan chánh-sứ vào chầu.

16. — K. — Ta hòa với Tề

T.— Mùa thu năm Ai-công thứ 15, Tề Trần Quán sang sứ Sở, đi qua Vệ. Trọng-Do bấy giờ làm quan ở Vệ, đến yết-kiến Trần-Quán mà rằng : « *Hoặc là trời mượn họ Trần nhà ông làm cái búa để phá-tan nhà vua Tề đi rồi trao cho người khác cũng chưa biết chừng. Hoặc là trời để cho họ Trần nhà ông được hưởng-thụ mãi cũng chưa biết chừng. Vậy giá-thử họ Trần cứ kết-hiếu với Lỗ để mà đợi thời, chả càng hay dư. Hà-tất phải ác-cảm với Lỗ làm gì.* »

Tử-Ngọc (Trần-Quán) nói : « *Phải, nhưng tôi đã phụng mệnh đi Sở rồi, ông thử nói với em tôi (Trần Hằng) xem. Vì thế Tề hòa với Lỗ.* »

Mùa đông năm ấy Tử-Phục Cảnh-Bá sang Tề. Phó-sứ là Tử-Chương gặp Công - Tôn - Túc người công - tộc Lỗ, mùa xuân năm ấy làm phản Lỗ, đem ấp Thành sang ở Tề. Tử-Chương bảo Công - Tôn Túc rằng : « *Ai cũng là bầy tôi của nước, thế mà bác còn ở ra lòng giáo-giở tông - quốc của bác, nữa là người Tề người ta tuy sai khiến bác, nhưng người ta không ngờ bác dư. Bác ơi, bác là dòng - dõi đức Châu-công, ăn hưởng biết bao nhiêu lợi-lộc của nước, thế mà bác còn làm điều bất-nghĩa như thế. Làm điều bất-nghĩa như thế, đã mất cả lợi-lộc mà lại thiệt-hại cho tông-quốc thì bác làm làm gì.* » Công - tôn Túc nói : « *Ông nói phải lắm, tiếc rằng tôi không được sớm nghe lời dạy bảo ấy của ông . . .* ».

Trần Thành-tử (Hằng) mời sứ-giả Lỗ vào nhà khách-quán mà rằng : « *Quả-quân cho Hằng tôi cáo với các ngài rằng : « Quả-nhân này xin thờ nhà vua Lỗ cũng như thờ vua Vệ.* »

Cảnh-Bá vái Tử-Chương mà nhường Tử-Chương đứng ra đáp lại. Tử-Chương biết ý Hằng nói là Vệ đã hòa-hiếu với Tề rồi mà Lỗ thì chưa, bèn thưa rằng : « *Quả-quân vẫn muốn thế, ngày xưa Vệ bị Tấn đánh, Tề bênh Vệ đánh ấp Quán-thì của Tấn mà bị mất 500 cỗ binh-xa. Tề lại biên 500 xã từ sông Tế trở về mé tây, ba ấp Cáo, Mị, Hạnh trở về nam để cho Vệ. Còn như tệ-ấp chúng tôi lúc bị Ngô đánh thì Tề thừa-cơ nguy-cấp mà lấy mất ấp Hoan ấp Triền của tệ-ấp chúng tôi. Quả-quân lấy việc ấy làm lo sợ lắm. Nếu nay quả-quân được thờ nhà vua Tề cũng như Vệ thờ ngài thì quả-quân vui lòng còn gì bằng.* »

Thành-tử nghe nói thẹn lắm bèn trả lại ấp Thành cho Lỗ. Công-Tôn Túc đem cả giáp-binh trốn vào ấp Doanh của Tề.

(*Hết*)

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXXII

IX

也。不王或曰。孟
智之乎無子

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : « Vô hoặc hồ vương chi bất trí dã.*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng : « Không quái lạ gì về vua Tề chẳng hay sáng khôn vậy.

Chú-giải. — *Hoặc* 或 = Đồng-âm với chữ *hoặc* 惑 là ngờ, lấy làm quái lạ mà ngờ. *Trí* = Trở về cái đức sáng suốt.

∴

焉矣。而亦生寒日生雖
何吾寒罕者之。暴之有
哉。如之矣。也。未之。物天
有者吾吾有十也。下
萌至退見能日一易

Dịch-âm,— « *Tuy hữu thiên-hạ dị sinh chi vật dã, nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi, vị hữu năng sinh giả dã. Ngô kiến diệc hãn hĩ, ngô thoái nhi hàn chi giả chi hĩ, ngô như hữu manh yên hà tai.*

Dịch-nghĩa. — « Dẫu có cái vật dễ phát-sinh nhất trong thiên-hạ, mà một ngày đem phơi ấm, mười ngày để rét cóng, chửa có phát-sinh được bao giờ vậy. Cái thì giờ ta tiếp-kiến vua cũng ít, khác nào một ngày phơi ấm ; ta lui về mà những kẻ gièm nịnh kéo đến nó làm rét cóng lòng vua đi ấy nhiều ngày lắm ; vua dẫu còn chút thiện-tâm mầm mống ra, ta biết làm thế nào cho vua thông sáng được vậy thay.

Chú-giải. — Tiết này là nói vua ít kẻ tiếp-kiến người hiền, nên không hay dưỡng được con tâm cho sáng suốt.

∴

曰學。至。人人奕致今
非弗思雖專者志。夫。
然若援聰心也。則奕
也。之弓之。致使不之
奕。繳一志。奕得爲
爲而心惟秋也。鵠。
是射以奕誨奕小
其之。爲秋二秋數
智雖有之人通也。
弗與鴻爲奕。國今
若之鵠聽。其之專
函。俱將一一善心

Dịch-âm,— « *Kim phù, dịch chi vi số, tiểu số dã ; bất chuyên tâm trí chi, tắc bất đắc dã. Dịch Thu thông quốc chi thiện dịch giả dã ; sử Dịch Thu hối nhị nhân dịch, kỳ nhất nhân chuyên tâm trí chi, duy Dịch Thu chi vi thính ; nhất nhân tuy thính chi, nhất tâm dĩ vi hữu hồng hộc tương chi, tư viên cung chước nhi xạ chi ; tuy dữ chi câu*

(1) Xem Nam-Phong 144.

học, phất nhược chi hĩ; vị thị kỳ trí phất nhược dư? viết phi nhiên dã. »

DỊCH-NGHĨA.— « Nay như nghề đánh cờ vậy, là nghề nhỏ vậy; chẳng chuyên tâm cố chí, thì chẳng được thành nghề giỏi. Kẻ giỏi cờ là ngươi Thu, cờ cao nhất nước đó vậy. Nay thử khiến kẻ cao cờ là ngươi Thu dạy hai người đánh cờ. Trong khi ấy, một người chuyên tâm cố chí, chỉ nghe lời kẻ cao cờ là ngươi Thu dạy. Một người thì dẫu nghe lời, nhưng một lòng riêng vẫn tưởng-tượng có con chim hồng-hộc sắp bay đến, nghĩ muốn cầm cung buộc tên mà đi bắn; tuy cùng với người kia cùng học cờ, mà nghề cờ chẳng bằng người kia vậy. Vì là cái trí người ấy bẩm-sinh ra chẳng bằng người kia đấy dư? Ta bảo rằng chẳng phải thế vậy. »

Chú-giải. — *Dịch* = Nghề đánh cờ vậy. *Số* = Nghề. *Tiểu số* = Nghề nhỏ. *Chước* = Lấy dây buộc tên để bắn.

Tiết này là nói vua không chuyên tâm nghe người hiền, nên không hay mở được trí khôn.

X

生 者 亦 亦 取 可 所 欲 孟
而 不 我 我 熊 得 欲 也。子
取 可 所 所 掌 兼。也。熊 曰。
義 得 欲 欲 者 舍 二 掌 魚
者 兼。也。也。也 魚 者 亦 我
也。舍 二 義 生 而 不 我 所

Dịch âm,— *Mạnh-tử viết: « Ngư ngã sở dục dã, hùng chưởng diệc ngã sở dục dã, nhị giả bất khả đắc kiêm, xả ngư nhi thủ hùng chưởng giả dã. Sinh diệc ngã sở dục dã, nghĩa diệc ngã sở dục dã, nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh nhi thủ nghĩa giả dã.*

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng: « Cá ngon là của ta thèm muốn, bàn tay con gấu lại càng ngon cũng là của ta thèm muốn, hai vị ấy vì cái thế nó hạn-chế, chẳng có thể được kiêm cả hai, thì bỏ vị cá mà lấy vị bàn tay gấu vậy. Sự sống là trọng ta cũng thèm muốn, điều nghĩa lại càng trọng ta cũng thèm muốn, hai đường ấy vì cái thế nó bách-súc, chẳng có thể được kiêm cả hai, thì bỏ sự sống mà lấy điều nghĩa vậy.

. .

辟 故 有 我 苟 生 所 生
也。患 甚 所 得 者。欲 亦
有 於 惡。也。故 有 我
所 死 所 死 不 甚 所
不 者。惡 亦 爲 於 欲。

Dịch-âm,— *« Sinh diệc ngã sở dục, sở dục hữu thậm ư sinh giả, cố bất vi cầu đắc dã; tử diệc ngã sở ố, sở ố hữu thậm ư tử giả, cố hoạn hữu sở bất tị dã.*

DỊCH-NGHĨA.— « Sự sống vốn ta thửa muốn, nhưng thửa muốn lại có cái điều hơn sự sống kia, cho nên chẳng làm kế cầu-thả mà cầu được sống vậy. Sự chết vốn ta thửa ghét, nhưng thửa ghét lại có cái điều hơn sự chết kia, cho nên hoạn-nạn có khi chẳng tránh đi vậy.

. .

爲 辟 者。惡 也。生 則 欲。如
也。患 則 莫 使 者 凡 莫 使
者 凡 甚 人 何 可 甚 人
何 可 於 之 不 以 於 之
不 以 死 所 用 得 生。所

Dịch-âm.— *« Như sử nhân chi sở dục, mạc thậm ư sinh, tắc phàm khả dĩ đắc sinh giả hà bất dụng dã; sử nhân chi sở ố mạc thậm ư tử giả, tắc phàm khả dĩ tị hoạn giả hà bất vi dã.*

Dịch-nghĩa — « Vì khiến người ta thửa muốn chẳng gì hơn sự sống, chẳng cần gì điều nghĩa cả, thì phàm có cái kế khả-dĩ được sống, gì là chẳng dùng. Vì khiến người ta thửa ghét chẳng gì hơn sự chết, chẳng quản gì điều bất-nghĩa cả, thì phàm có cái mưu khả-dĩ tránh được nạn, gì mà chẳng làm.

∴

不患可由不生由
爲而以是用而是
也。有辟則也。有則

Dịch-âm. — « *Do thị tắc sinh nhi hữu bất dụng dã, do thị tắc khả dĩ tị hoạn nhi hữu bất vi dã.*

Dịch-nghĩa. — « Duy bởi có cái lương-tâm ấy, cho nên cái kế cầu-thả mà được sống có khi chẳng thèm dùng. Bởi có cái lương-tâm ấy, cho nên cái mưu khả-dĩ tránh được nạn, mà có khi chẳng thèm làm.

∴

爽賢人有非甚者。有是
耳。者皆是獨於所甚故
能有心賢死惡於所
勿之。也。者者。有生欲

Dịch-âm. — « *Thị cố sở dục hữu thậm ư sinh giả, sở ố hữu thậm ư tử giả, phi độc hiền-giả hữu thị-tâm dã, nhân giai hữu chi, hiền giả năng vật tảng nhĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Ấy cho nên thửa muốn có điều hơn sự sống, thửa ghét có điều hơn sự chết, chẳng phải một kẻ hiền-giả có cái lương-tâm ấy đâu, người ta đều có cả, duy kẻ hiền-giả giữ được cái lương-tâm mà hay không tự mình làm mất đi vậy.

∴

不嚮受。道而則則豆一
屑之。蹴之與死。生。羹。簞
也。乞爾人之。嘑弗得食。
人而弗行爾得之一

Dịch-âm. — « *Nhất đan tự, nhất đậu canh, đắc chi tắc sinh, phất đắc tắc tử; hô nhĩ nhi nhĩ dữ chi, hành đạo chi nhân phất thụ ; súc nhĩ nhi nhĩ dữ chi, khất nhân bất tiết dã.*

Dịch-nghĩa. — « Một rá cơm, một thùng canh, được đấy thì sống, chẳng được thì chết; song nếu gọi nhiếc mà cho, người đi đường chẳng chịu lấy ; dẫy séo mà đem cho, đứa ăn xin cũng chẳng thèm lấy vậy.

Chú-giải. — *Hô* = Hô gọi, nhiếc mắng. *Nhĩ* = Vậy, tiếng đệm. *Súc* = Dẫy séo, hắt-hủi, đều là tỏ ý khinh-bỉ.

∴

我窮之之爲。於受辯萬
鍾。乏奉。美。爲我之。禮鍾
者所妻宮何萬義則
得識妾室加鍾而不

Dịch-âm. — « *Vạn chung tắc bất biện lễ nghĩa nhi thụ chi, vạn chung ư ngã hà gia yên, vị cung thất chi mĩ, thê thiếp chi phụng, sở thức cùng phạp giả đắc ngã dư.*

Dịch-nghĩa. — « Muôn chung thì chẳng phân-biện lễ nghĩa nên lấy hay không mà cứ lấy, muôn chung đối với ta có ích thêm gì vậy, hay là vì cửa nhà muốn làm cho đẹp, thê thiếp muốn cung-phụng cho sang, muốn cho kẻ cùng nghèo quen mình ấy được ơn mình giúp đỡ đấy ư? Mà mình cứ nhận lấy muôn chung mà chẳng biết xấu ?

Chú-giải. — *Vạn-chung* = Chung là cái đồ ngày xưa chứa thóc, vạn-chung là số bổng lộc lớn

∴

此之。識身妻爲爲鄉
之是窮死妾身宮爲
謂亦乏而之死室身
失不者不奉而之死
其可得受。爲不美而
本以我今之。受。爲不
心。已而爲鄉今之。受。
乎。爲所爲爲窮今

Dịch-âm.— « *Hướng vị thân tử nhi bất thụ, kim vị cung thất chi mĩ vi chi; hướng vị thân tử nhi bất thụ, kim vị thê thiếp chi phụng vi chi; hướng vị thân tử nhi bất thụ, kim vị sở thức cùng pháp giả đắc ngã nhi vi chi, thị diệc bất khả dĩ dĩ hồ. thử chi vị thất kỳ bản tâm* »

Dịch-nghĩa.— « Trước kia vì cái thân gần chết mà còn chẳng chịu nhận lấy cơm canh người cho, nay lại vì nhà cửa muốn cho đẹp mà chịu nhận lấy muôn chung ; trước vì cái thân gần chết mà còn chẳng chịu nhận lấy cơm canh người cho, nay lại vì thê thiếp muốn cho sang mà chịu nhận lấy muôn chung ; trước vì cái thân gần chết mà còn chẳng chịu nhận lấy cơm canh, nay lại vì muốn được kẻ cùng tùng mình quen họ ơn mình mà chịu nhận lấy muôn chung. Đó đều không phải là cái việc cần thiết, chẳng cũng nên thôi mà không nhận lấy ư. Thế mà chẳng phân biện gì lẽ nghĩa, cứ nhận lấy cái số muôn chung ấy, chính là tại mất cái bản-tâm biết xấu hổ đi rồi. »

Chú-giải.— Hướng = Trước. *Cùng-pháp* = Tùng-thiếu.

Toàn chương này là nói người ta ai cũng có cái bụng nghĩa mà thẹn ghét những điều bất-nghĩa. Duy người thường hay bị phải vật-dục nó làm mờ tối mất lương-tâm đi, nên mới không hay biện biệt lẽ nghĩa mà chỉ tham vơ lấy bổng lộc.

X

也、人 也。人 曰。孟
路義心仁子

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết* : « *Nhân, nhân tâm dã, nghĩa, nhân lộ dã.*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng : « Điều nhân tức là cái tâm chúa-tể muôn việc của người ta vậy. Điều nghĩa tức là cái đường vãng-lai của người ta vậy.

∴

哉。求。不 心 放 弗 路 舍
哀 知 而 其 由。而 其

Dịch-âm.— « *Xả kỳ lộ nhi phất do, phóng kỳ tâm nhi bất tri cầu, ai tai* !

Dịch-nghĩa.— « Người đời thường bỏ cái đường chính của mình mà chẳng noi theo, phóng cái tâm mình đi mà chẳng biết tìm lại, thương thay !

∴

知 而 放 之。知 放 雞 人
求。不 心 有 求 則 犬 有

Dịch-âm.— « *Nhân hữu kê khuyển phóng, tắc tri cầu chi, hữu phóng tâm nhi bất tri cầu.*

Dịch-nghĩa.— « Người ta có con gà con chó là vật rất khinh, phóng đi mất thì biết tìm về ; có cái tâm là rất trọng, phóng đi mất mà chẳng biết tìm về, vì chẳng nghĩ đấy thôi.

∴

矣。而 放 求 無 之 學
已 心 其 他。道 問

Dịch-âm.— « *Học-vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng-tâm nhi dĩ hĩ* ».

Dịch-nghĩa.— «Cái điều thiết-yếu về đạo học-vấn, không có điều gì khác, chỉ cốt tìm lại cái tâm phóng-dật của mình đấy mà thôi. »

Chú-giải. — Toàn chương này bảo người ta muốn cầu học thì trước phải cầu lấy cái phòng-tâm, thì tự-nhiên chí-khí thanh-minh, nghĩa-lý rõ rệt, tự-khắc là học tiến lên đường cao-minh.

XII

不之則有痛而無孟
若路。不能害不名子
人爲遠信事信。之曰。
也。指秦之也。非指。今
之楚者。如疾屈有

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết :« Kim hữu vô danh chi chỉ, khuất nhi bất thân, phi tật thống hại sự dã ; như hữu năng thân tri giả, tắc bất viễn Tần Sở chi lộ, vị chỉ chi bất nhược nhân dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Nay có cái ngón tay vô-danh, cong mà chẳng ruỗi ra được, tật ấy chẳng phải là đau đớn hại việc vậy ; nếu có người hay ruỗi được ngón tay ấy, thì mình chẳng ngại đường xá nước Tần nước Sở xa xôi mà đi đến chữa, vì ngón tay mình chẳng bằng ngón tay người vậy.

Chú-giải. — *Vô-danh* = Ngón tay thứ tư giáp với ngón tay giữa và ngón út, mà không nên gọi.

.·.

類謂惡。則不惡人。指
也。不此不若之。則不
知之知人。心知若

Dịch-âm. — *«Chỉ bất nhược nhân, tắc tri ố chi, tâm bất nhược nhân, tắc bất tri ố, thử chi vị bất-tri loại dã.»*

Dịch-nghĩa. — « Ngón tay cong chẳng bằng người, thì biết lấy làm ghét; cái tâm cong chẳng bằng người, thì chẳng biết lấy làm ghét, ấy gọi là hạng người chẳng biết loài khinh loài trọng vậy. »

Chú-giải. — Toàn chương này là khuyên người ta nên kiểu-chỉnh cái tâm lại, đừng để khuất về vật-dục, nên trọng cái tâm là hơn.

XIII

思若者。知至所欲之孟
甚桐梓所於以生桐子
也。梓愛以身。養之。梓。曰。
哉。身養而之皆人拱
弗不之不者。知苟把

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : «Cùng bồi chi đồng tử, nhân cầu dục sinh chi, giai tri-sở dĩ dưỡng chi giả ; chí ư thân, nhi bất tri-sở dĩ dưỡng chi giả ; khởi ái thân bất nhược đồng tử tai, phất tư thậm dã.»*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cây đồng cây tử vừa một ôm vừa một nắm, người ta nếu muốn cho nó sống, đều biết cái đạo để mà vun trồng nó ; đến cái thân, mà lại chẳng biết cái đạo để mà sửa sang nuôi nấng nó ; há phải là yêu cái thân không bằng yêu cái cây đồng cây tử đâu, vì chẳng suy nghĩ lắm vậy. »

Chú-giải. — *Đồng* = Loài cây vông. *Tử* = Loài gỗ thị. *Củng* = Dấy vòng ôm tay. *Bồi* = Một vòng chét tay. *Dưỡng* = Vun trồng, nuôi nấng. Dưỡng thân thì phải xét nét giữ gìn.

Toàn chương này là khuyên người ta phải biết dưỡng lấy cái thân làm trọng.

XIV

於善廣不所兼孟
己不不愛養所子
取善養焉。也。愛。曰。
之者。也。尋無兼人
而豈所無尺所之
己有以尺寸愛。於
矣。他考寸之則身
哉。其之廣兼也。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Nhân chi ư thân dã, kiêm sở ái, kiêm sở ái, tắc kiêm sở dưỡng dã ; vô xích-thốn chi*

phu bất ái yên, tắc vô xích-thốn chi phu bất dưỡng dã ; sở-dĩ khảo kỳ thiện bất thiện giả, khởi hữu tha tai, ư kỷ thủ chi nhi dĩ hĩ.

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta đối với cái thân-thể gồm yêu cả, gồm yêu cả thì gồm nên nuôi cả ; không chỗ thước tấc da-thịt nào là chẳng yêu, thì không chỗ thước tấc da thịt nào là chẳng nên nuôi. Nhưng muốn xét về sự nuôi phải đạo mà thiện hay là trái đạo mà chẳng-thiện, há có thuật gì khác đâu, chỉ trở lại thân mình xét xem có hiểu đường khinh-trọng mà thôi vậy,

Chú-giải. — *Phu* = Da mỏng bọc ngoài thịt.

∴

爲養者貴。無以有體
大其爲養以小小有
人。大小其賤害大。貴
者人。小害大。無賤。

Dịch-âm.— « *Thể hữu quí tiện, hữu tiểu đại, vô dĩ tiểu hại đại, vô dĩ tiện hại quí ; dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu-nhân, dưỡng kỳ đại giả vi đại-nhân.*

DỊCH-NGHĨA. — « Trong thân-thể người ta có cái quí cái tiện, có cái nhỏ cái lớn, chớ lấy cái nhỏ làm hại cái lớn, chớ lấy cái tiện làm hại cái quí ; kẻ nuôi về cái nhỏ là hạng tiểu-nhân, kẻ nuôi về cái lớn là bậc đại-nhân.

Chú-giải. — *Tiện* = Khinh, *Tiểu* = Nhỏ. Khinh và nhỏ là trỏ về cái miệng cái bụng, *Quí* = Trọng. *Đại* = Lớn. Trọng và lớn là trỏ về cái tâm cái chí.

∴

飾賤則樹養梧舍鳥今
爲。場爲棘。其禎。其師。有

Dịch-âm.— « *Kim hữu trường-sư, sả kỳ ngô giả, dưỡng kỳ nhị cức, tắc vi tiện trang-sư yên.*

DỊCH-NGHĨA. — « Nay có người coi vườn được, bỏ cây ngô cây giả là gỗ tốt, nuôi lấy cây nhị cây cức là gỗ xấu, thì là người coi vườn kém vậy.

Chú giải. — *Trường* = Nơi vườn rộng. *Trường-sư* = Người cai vườn, *Ngô* = Loài cây vông, *Giả* = Loài cây thị, *Nhị cức* = Loài táo gai.

∴

也。狼也。而其指養
疾則不肩而其
人爲知背。失一

Dịch-âm,— « *Dưỡng kỳ nhất chỉ nhi thất kỳ kiên bối, nhi bất tri dã, tắc vi lang tật nhân dã.*

DỊCH-NGHĨA.— « Nuôi một cái ngón tay mà quên mất cái vai cái lưng, mà chẳng biết, thì là hạng người giống như con lang chạy nhanh chỉ trông về đàng trước mà chẳng biết đoái về đàng sau vậy.

也。失小其矣。賤則之飲
大以養爲之人人食

Dịch-âm.— « *Ẩm-thực chi nhân, tắc nhân tiện chi hĩ, vị kỳ dưỡng tiểu dĩ thất đại dã.*

DỊCH-NGHĨA. — « Cái người chăm về sự uống ăn, thì người ta khinh đấy vậy, vì người ấy chỉ biết nuôi cái miệng cái bụng là cái nhỏ, mà quên mất cái tâm cái chí là cái lớn vậy.

∴

哉。寸適口失人。飲
之爲腹也。無食
膚尺豈則有之

Dịch-âm,— « *Ẩm-thực chi nhân, vô hữu thất dã, tắc khẩu phúc khởi thích vi xích-thốn chi phu tai* ».

DỊCH-NGHĨA. — « Vì khiến cái người chăm sự ăn uống mà không quên mất

cái tâm-chí; thì sự ăn uống để nuôi cái miệng cái bụng, cũng có quan-hệ về thân-mệnh, há chỉ những bổ-ích cho thước tấc da thịt đâu. Duy những người nuôi cái nhỏ mà quên mất cái lớn, thì khả khinh vậy».

Chú-giải.—Toàn chương này là nói người ta đã biết yêu thân thì phải nên dưỡng lấy thân. Song nên nuôi lấy tâm-chí là đại-thể, chứ không nên chỉ nuôi lấy khẩu-phúc là tiểu-thể mà thôi.

XV

體人。大子人。人。也。曰。公
爲從體曰。何或或鈞都
小其爲從也。爲爲是子
人。小大其孟小大人問

Dịch-âm, — *Công-Đô-tử vấn viết*: « *Quân thị nhân dã, hoặc vi đại-nhân, hoặc vi tiểu-nhân, hà dã?*» *Mạnh-tử viết*: «*Tòng kỳ đại-thể vi đại-nhân, tòng kỳ tiểu-thể vi tiểu-nhân*».

Dịch-nghĩa. — Công-Đô-tử hỏi rằng: « Đều là người vậy, mà phẩm người hoặc gọi là bậc đại-nhân, hoặc gọi là kẻ tiểu-nhân, là cớ sao? » Thầy Mạnh nói rằng: « Kẻ theo về đại-thể làm chủ-trương, là phẩm người đại-nhân, theo về tiểu-thể nó sai-khiến là phẩm kẻ tiểu-nhân. »

Chú-giải.— *Đại thể* = Thể lớn, trỏ cái tâm. Tiểu-thể= Thể nhỏ, trỏ cái tai cái mắt v.v..

.·.

能立得則物。之或曰。
奪乎也。思。則官從鈞
也。其此思引不其是
此大天則之思。小人
爲者。之得而而體。也。
大則所之。己蔽何或
人其奪不矣。於也。從
而小我思心物。己。其
已者。者。則之物耳大
矣。不先不官交目體。

Dịch-âm — *Viết*: «*Quân thị nhân dã, hoặc tòng kỳ đại-thể, hoặc tòng kỳ tiểu-thể, hà dã?*» *Viết*: «*Nhĩ mục chi quan bất tư, nhi tế ư vật, vật giao vật, tắc dẫn chi nhi dĩ hĩ. Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã; thử thiên chi sở dữ ngã giả; tiên lập hồ kỳ đại giả, tắc kỳ tiểu giả bất năng đoạt dã, thử vi đại-nhân nhi dĩ hĩ.*»

Dịch-nghĩa. — Công-Đô-Tử nói rằng: «Đều là người vậy, đều đủ có thể lớn thể nhỏ, thế mà hoặc kẻ theo về thể lớn, hoặc kẻ theo về thể nhỏ, là cớ sao? » Thầy Mạnh nói rằng: «Tai mắt là một chức quan giữ về việc nghe trông, chẳng biết nghĩ, mà thường bị che-lấp về vật ngoài, thanh-sắc vật ngoài nó giao-cảm với vật tai mắt, thì bị nó dẫn-dụ đi mà thôi vậy. Tâm là một quan chức chủ về việc nghĩ, hết chức-trách nghĩ thì hiểu được lẽ, nếu bỏ mất chức-trách mà chẳng nghĩ thì chẳng hiểu được lẽ mà bị che về vật ngoài vậy. Tâm với tai mắt ấy đều là trời phú cho ta đó. Song cái tâm là thể lớn, trước khi vật ngoài nó chửa giao-cảm, mà hay lập-định lấy thể lớn làm chủ, thì cái nhỏ kia chẳng hay cướp được vậy. Bởi thế mới thành là phẩm đại-nhân, như thế mà thôi vậy.»

Chú-giải.— *Quan* = Nghĩa là một chức-trách, chuyên giữ một việc, thì gọi là quan, như tai giữ việc nghe, mắt giữ việc trông vân-vân.

Toàn-chương này là bảo người ta trước phải theo về đại-thể mà lập-định lấy cái tâm cho vững, thì mới thành phẩm-cách đại nhân.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Thiên-gia thi-thảo diễn-âm (1)

(*tiếp theo*)

CẢNH BA

客中初夏

四月清和雨乍晴。
南山當戶轉分明。
更無柳絮因風起。
惟有葵花向日傾。

Đầu hạ mưa tan rạng bốn phương,
Cửa trông ra núi núi mây quang ;
Không còn bông liễu bay chiều gió,
Chỉ có hoa qui hướng khí dương,

有約

黃梅時節家家雨。
青草池塘處處蛙。
有約不來過夜半。
閒拋棋子落燈花。

Mưa đầm quả mai dường rẽ đất,
Ếch kêu ao cỏ tiếng vang trời ;
Buồn thay chờ bạn đêm gần sáng,
Cờ bãi đèn tàn có một ai ?

初夏睡起

梅子流酸濺齒牙。
芭蕉分綠上窗紗。
日長睡起無情思。
閒看兒童捉柳花。

Thấy quả mai chua chửa nứt nanh,
Ba-tiêu bóng mát rợp trong mành ;
Ngày dài ngủ dậy thêm buồn tứ,
Một trẻ vin hoa với một mình.

三衢道中

梅子黃時日日晴。
小溪泛盡却山行。
綠陰不減來時路。
添得黃鸝四五聲。

Gặp tiết hoàng-mai lại tạnh trời,
Thuyền chơi thong-thả bước lên đồi ;
Khi về cũng được chiều êm-ả,
Thêm tiếng hoàng-li hót ghẹo người.

即景

竹搖清影罩幽窗。
兩兩時禽噪夕陽。
謝却海棠飛盡絮。
因人天氣日初長。

Bóng trúc long-lay ngoài cửa sổ,
Tiếng chim dồn-dã lúc tà-dương ;
Hải-đường đã tạ bông bay hết,
Ngày mới dài ra nghĩ chán-trường.

夏日

乳鴨池塘水淺深。
熟梅天氣半晴陰。
東園載酒西園醉。
摘盡枇杷一樹金。

Vịt để còn ao nước nhấp-nhô,
Khi trời âm-ám lúc mùa mơ ;
Vườn đông đem rượu sang tây uống,
Trầy hết tỳ-bà quả ngọt chua.

晚樓開望

四顧山光接水光。
凭欄十里芰荷香。
清風明月無人管。
併作南來一味涼。

Bốn bên núi thẳm giáp sông trường,
Lọt cửa hơi sen mát-mẻ nhường ;
Trăng gió không ai ngăn đón được,
Hướng nam đưa lại thoảng mùi hương.

山居夏日

綠柳濃陰夏日長。
樓臺倒影入池塘。
水晶簾動微風起。
滿架薔薇一枕香。

---

(1) Xem Nam-Phong số 144 - 145.

Cây cỏ đua tươi trong tiết hạ,
Lâu-đài lộn bóng dưới ao vuông ;
Hé rèm đi gió hiu-hiu thổi,
Nô-nức hoa tường mát-mẻ hương.

田家

晝出耘田夜績麻。
村庄男女各當家。
兒童未解供耕織。
也傍山陰學種瓜。

Ngày làm cỏ ruộng tối xe gai,
Công việc nhà quê cả gái trai ;
Bày lũ trẻ con chưa biết việc,
Học trồng tựa bóng mát bên đồi.

村庄即事

綠遍山原白滿川。
子規聲裡雨如煙。
鄉村四月閒人少。
纔了蠶桑又插田。

Bên non bóng mát nước sông đầy,
Tiếng quốc kêu mưa bóng ngọn cây.
Quê thôi tháng tư không kẻ rỗi,
Tằm tơ hết việc lại đi cày.

榴花

五月榴花照眼明。
枝間時見子初成。
可憐此地無車馬。
頻倒蒼苔落絳英。

Giữa hè hoa lựu sớm đầy hiên,
Hoa nở vừa xong quả kết liền ;
Thăm hỏi vắng người xe ngựa đến,
Nhị hồng đài tia đề rêu in.

村晚

草滿池塘水滿陂。
山含落日浸寒漪。
牧童歸去橫牛背。
短笛無腔信口吹。

Cỏ xanh nước biếc khắp trong hồ,
Núi ngậm chiều vàng nước nhấp-nhô ;
Trẻ cưỡi trâu về trong ngõ hẻm,
Vô-tình tiếng địch sế-sang-hồ.

茅簷

茅簷常掃淨無苔,
花木成溪手自栽。
一水護田將綠遶。
兩山排闥送青來。

Quét sạch rêu xanh mát-mẻ nhà,
Cây trồng ngày trước nở đầy hoa ;
Nước sông xanh biếc chảy trên ruộng(1),
Khi núi âm-xầm đưa đến nhà (2).

烏衣巷

朱雀橋邊野草花。
烏衣巷口夕陽斜。
舊時王謝堂前燕。
飛入尋常百姓家。

Bên cầu Chu-tước cỏ sinh hoa,
Đầu ngõ Ô-y bóng ác tà ;
Đàn yến của nhà Vương Tạ trước,
Thấy bay rải-rắc đến dân-gia.

題花榭碑

一驚遷客去長沙。
西望長安不見家。
黃鶴樓中吹玉笛。
江城五月落梅花。

Thiên-quan vâng mệnh đến Tràng-sa,
Ngảnh lại Tràng-an chẳng thấy nhà ;
Lầu Hạc qua chơi tìm địch thổi,
Tiết mai vàng dặng khúc mai-hoa.

送使安西

渭城朝雨浥輕塵。
客舍青青柳色新。
勸君更盡一杯酒。
西出陽關無故人。

Mưa phun như rửa hết phong-trần,
Trạm liễu bóng hoa đón sứ-thần ;
Tiễn-biệt chén này xin uống cạn,
Dương-quan ra khỏi mấy người thân.

(1-2) Thể nữa là : Một sông nước biếc quanh bên ruộng, hai quả non xanh đứng trước nhà.

題 淮 南 寺

南 去 北 來 休 便 休。
白 蘋 吹 盡 楚 江 秋。
道 人 不 是 悲 秋 客。
一 任 晚 山 相 對 愁。

Nam bắc đường xa nghỉ vó câu,
Bến tần gió thổi một mầu thâu ;
Đạo-nhân không phải người bi-thảm,
Phó mặc đôi bên núi ngất đầu.

西 湖

暑 覺 西 湖 六 月 中。
風 光 不 與 四 時 同。
接 天 蓮 葉 無 窮 碧。
映 日 荷 花 別 樣 紅。

Cuối hè bóng mát cảnh Tây-hồ,
Cảnh có hoa sen khác bốn mùa ;
Lá lần da trời mùi biếc nhuộm,
Hoa lồng bóng nhật thuốc son tô.

(*Còn nữa*)

Cử-nhân PHẠM SĨ-VĨ *dịch*

Nghe hát sông Hương

(Đêm hăm tám, tháng tám, năm bính-dần, đi chơi thuyền giữa sông Hương-giang, nghe mấy câu hát mái đẩy, sắp lại làm bài Thất-ngôn luật)

Đêm thu quạnh vắng giữa dòng khơi,
Ai hát oi nghe chạnh những lời ;
Để nhện giăng mùng thân thiếp chịu (1) ;
Bỏ đam vô thỏng tiếng chàng ơi (2) !
Không cho gáo nước giùm công với (3),
Toan bẻ ngành hoa kiếm chuyện chơi.
Lượn sóng luôn theo câu mái đẩy,
Mấy phen tan hợp nỗi đầy vơi.

Vịnh cảnh Tầm-dương thương-phụ

(Điệp theo vần chơi thuyền sông Hương-giang.)

Thuyền ai riu-rít ở ngoài khơi,
Chậm mái cho tôi ngỏ ít lời ;
Lạc lối Tầm-dương nên nỗi thế,
Đau lòng Tư-mã làm ai ôi !
Gõ sanh hát lại vài câu thử,
Mở miệng cười qua một tiếng chơi.
Dâu bể cuộc đời thôi chớ tủi,
Khi đầy sao cũng có khi vơi.

Bài thi của nữ-lưu họa vần

Lênh-đênh chiếc bá giữa gành khơi,
Than thở đôi câu dám ngại lời ;
Vì cuộc bể dâu nên thiếp phải,
Thương thân bồ-liễu với chàng ơi !
Đã không chấp cánh chim bay bổng,
Chỉ để quanh vành bướm lượn chơi ;
Thử lấy cây tình giăng mặt nước,
Tình dài đằng-đặc nước vơi vơi.

ƯNG BÌNH

Tu động Bích-đào (Từ-thức)

(Nghĩ giúp Trần Nhiên)

MIỄU

Tiêu-dao tìm chốn thanh-cao,
Ngàn mai tuyết sớm, nguồn đào hương trưa.
Ba-sinh đã quyết từ xưa,
Câu kinh tiếng phạn vẫn ưa tấc lòng.

---

(1) Chú mấy câu hát đẩy : Đi đâu *để nhện giăng mùng*, năm canh *thiếp chịu* lạnh-lùng cả năm. — (2) Buổi sớm mai tôi xách cái oi xuống dưới ao, *bắt con đam đem về bỏ vô thỏng*, hắn kêu cái rỏng, hắn kêu một *tiếng chàng ơi*, chàng đã an-phận thì thôi, để em chếch lứa lỡ đôi sao đành ! — (3) *Không ai cho gáo nước cho đỡ* thương, đến bây chừ, chừ cây xanh lá tốt, *lại lập lường bẻ bông.*

HÁT NÓI

Kiền-khôn cô lạp lý 乾坤孤粒裡.
Nhật-nguyệt nhất hồ trung 日月一壺中 *Gõ then máy vào tới cửa huyền-không, à trẻ Tạo đốc một lòng chờ đợi. Non nước hữu-tình Tử-công đây có phải, kiếp phù-sinh thêm rộng-rãi nước chân-tu. Nào cầu trăng, nào bến tuyết, chim kêu vượn hót, hang đá tuyệt chi mù, bầu cảnh-sắc vạch thanh-u từng nét. Một thể tâm hương xin chín lần soi xét, máy huyền-cơ ai dễ biết cho ngoan. Bể cảnh dương tưới khắp cõi trần hoàn, ấy tiên-cảnh với nhân-gian là thế hử? Bách niên hoa-sự không đan-sử* 百年花事空丹史, *Nhất tiếu thanh-sơn đáo bạch-đầu* 一笑青山到白頭. *Trời còn lâu, đất còn lâu, ta lại sẽ còn lâu, vẳng tín-niệm sở-cầu nguyện tự trước. Nam-vô phật* 南無佛, *nam-vô pháp* 南無法, *nam-vô tăng* 南無僧, *nam-vô Bồng-lai phương-trượng quốc* 南無蓬萊方丈國, *đường hồn mê soi tỏ đuốc từ-bi. Nên chăng thốn tấm tình xi.*

Nhàn-vân-đình tự-ngâm

閒雲亭自吟

Thênh-thênh trời đất một bầu,
Cái trò thiên-diễn năm châu thế nào?
Khi chầm-thạch khi bình-đạo,
Xoay quanh trong giấc chiêm-bao khác gì.
Cứ điều triết-lý mà suy,
Trầm-phù rồi mây, thịnh-suy nối vòng.
Nỗi riêng lòng lại bận lòng,
Dường ngao-ngán lẽ, dường nông-nổi tình.
Sa chân chi kiếp phù-sinh,
Biết là ai có như mình mà hay.
Trải xem lịch-sử xưa nay,
Dâu còn bể vực đổi thay lần-lần.
Khói lan trong cuộc hồng-trần,
Bốn phương mù-mịt trăm dân thiệt-thòi.
Nhớ xưa Trác-lộc khơi ngòi,
Chăn tên gối đạn dễ coi là thường.
Xiết bao kìa chốn sa-trường,
Xuân-thu Chiến-quốc tấm gương chưa mòn.
Não-nùng Hán Sở lại dồn,
Máu sông nước chảy, xương còn hoa phơi.
Nối sau Tam-quốc mấy đời,
Khi châu xẻ nửa, khi trời chia ba.
Lại hồi Âu-chiến mới qua,
Các vai thảm-kịch xảy ra đùng-đùng.
Nào đoàn phi-đội trên không,
Nào đường trái-phá, nào sông điện ngầm.
Hiu-hiu gió cuốn cát lầm,
Chiếc cân sinh-tử biết cầm tay ai.
Lại về cõi Việt mà coi,
Nào Đinh, Lê, Lý, đổi đời còn đâu.
Bồi-hồi tấc dạ bấy lâu,
Nghĩ nguồn-cơn thiết, mà đau-đớn thầm.
Ông xanh ác-cảm chi ngầm,
Để người nắng dãi sương dầm bơ-vơ.
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Tìm kho vô-tận thác nhờ nước non.
Kìa ai yêu chiếc trăng tròn,
Mai dâng cốc rượu tuyết dồn vần thơ.
Trăng sao trăng cũng hững-hờ,
Qua đêm mười sáu lại mờ gương trinh.
Kìa ai yêu gió cuốn ghềnh,
Phong-lưu nợ cũ, phong-tình duyên xưa.
Gió sao gió cũng thờ-ơ,
Qua cơn thế-cố lại sơ-sót già.
Kìa ai yêu đóa danh-hoa,
Sáng đưa hồ-điệp, tối khà Trang-sinh.
Hoa sao hoa cũng đa-tình,
Qua thì còn đoái tan-tành ra sao.
Kìa ai yêu giọt mưa dào,
Giọt rơi xuống giếng, giọt vào vườn xuân.
Mưa sao mưa cũng lữa lần,
Qua đình Hi-vũ ác vần về suy.
Than ôi! tạo-vật đa-kỳ,
Bày ra thế đó, buộc chi thế này.
Tiêu-dao còn chút mây bay,
Ấy người kim-cổ chửa tay nào rành.
Kể u-thanh cũng u-thanh,
Kể cao cao tận trời xanh chín lần.
Cho chăng trời để riêng phần,
Lửng-lơ mới hiệu « Nhàn-vân-đình » này.
Rằng hay thế mới là hay!

Chiếc bóng mình

Người đâu quê quán đâu ta,
Đã không quen thuộc chi mà tới đây.
Tối gầy sao chú cũng gầy,

Tôi lo trăm việc chú lấy một bền.
Hỏi ra tẻ tật không tên,
Vì tôi chú mới được nên giá người.
Còn non còn nước còn trời,
Còn tôi chú phải trọn đời theo tôi.
Có khi đứng có khi ngồi,
Nghỉ xong chú nghỉ đi rồi chú đi.
Cho hay chú cũng tinh-vi,
Tôi đây chú đấy kém gì vẻ xuân.
Đôi khi gương thỏ xế gần,
Non sông gánh nặng tần-ngần có nhau.
Trách ai vo quả địa-cầu,
Để cho đây bí đây bầu hóa-long.
Ước sao tôi được thỏa lòng,
Trăm năm chú vẹn chữ tòng cho phu.
Năm châu một mảnh họa-đồ,
Trong trường thiên-diễn cái trò nào hay.
Rủ nhau chắp cánh ta bay,
Khi cao khi thấp chỗ này chỗ kia.
Bỗ công phất giấy kẻn bìa,
Quyết đem trung-tín đánh lìa phong-ba.
Tình cờ nay ta gặp ta,
Cầm tay khuyên-nhủ một và bốn câu.
Nghe lời vừa ý gật đầu.

Câu đối chơi

— Trời đất là lớn, cái gì chả phải cần, như nước phải cần sâu, non phải cần cao, trăng phải cần thanh, gió phải cần mát. Nghĩa là nước không queo, non không lệch, trăng không vi, gió không thiên. Cảnh đó là tiên, bởi vậy phải cần nên phải biết

— Thần thánh đã đành, nhiều cách cũng không biết, tức rượu không biết nống, thuốc không biết hút, trầu không biết ăn, bài không biết đánh. Vì chưng rượu phải men, thuốc phải khói, trầu phải vôi, bài phải bốc. Vị này là tục, cho nên không biết cũng không cần.

Thơ bão lụt

巢中引潦感叙

I

保大四年歲己巳。
六月辛未日甘酉。
宵星怪雨天八方。
村落須臾轉鴻水。

Vua Bảo-đại thứ tư năm Tỵ,
Hăm-bốn tháng sáu tháng tân-vị;
Mưa dầm gió giật tám phương trời,
Nước ở đâu dâng ngập cả nhỉ.

II

管廬茅灶一蝸田。
樓閣危樓中見天。
處處吞聲相對哭。
恨無丹鼎煉飛仙。

Lều tranh bếp cỏ ếch nó vùng,
Nhà ngói nhà tây coi chống không;
Nơi nơi cùng nhau khóc kể-lể,
Trách mình không cánh mà vẫy vùng.

III

昔年未有如今害。
今年更有如今怪。
貧家無米富無薪。
話此人頗返暗解。

Năm xưa chửa bao giờ hại vậy,
Năm nay bây giờ mới có đấy;
Giàu cải thồi hiếm, nghèo gạo chuồn,
Truyện đến câu đó cười khảy-khẩy.

IV

天兮地兮奈若何。
風兮雨兮何其多。
一陣方平一陣起。
古今灰燼空消磨。

Trời ơi đất ơi nghĩ thế nào,
Gió ơi mưa ơi tính làm sao;
Hết trận này xong dồn trận khác,
Hồi-kiếp xưa nay đều tiêu-hao.

V

野禽卷羽混人處。
魚蝦戲謔相人侶。
草樹頹然縱復橫。
物淚落落莫之禦。

Chim muông co cánh tìm người nhờn,
Tôm cá cùng người kết làm bạn;
Cỏ cây xiêu-ghé dọc cùng ngang,
Giọt lệ của đời coi mà chán.

VI

莫云天上有天人。
莫云下土有土神。
土神閒寂天人遠。
吾民沉淪更沉淪。

Ai bảo trên trời có ông trời,
Ai bảo dưới đất có thần coi,
Thần coi ẳng-phắc ông trời ngươi,
Dân ta ngay rồi thôi ngay rồi.

VII

嗚呼離朋此封擴。
伊誰隻手洗魂隊。
仙龍的的我同胞
謹具香花憑供饗。

Than ôi! cõi Nam bờ mốc đó,
Có ai ra tay trị bão gió;
Con cháu tiên rồng chúng tớ đây,
Sống thì tư-tết, chết cúng giỗ.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Vấn-đề hiến-pháp ở Ấn-độ. — Vấn-đề hiến-pháp ở Ấn-độ hiện nay đương vào thời-kỳ nguy-cấp. Hội-nghị quốc-gia Ấn-độ họp ở *Lahore* vào cuối tháng 12 năm 1929 phải quyết-nghị về vấn-đề này, thì đại-đa-số nhất-định yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập. Còn cái thái-độ của nước Anh thì chính-phủ thuộc đảng lao-động hiện đương cầm-quyền bây giờ đối với vấn-đề Ấn-độ cũng có cái chính-kiến rộng-rãi, sẵn lòng muốn cho được tự-trị ở trong phạm-vi đế-quốc Anh, nhưng các chính-đảng Anh khác vẫn hết sức phản-đối cái chính-sách đó, mà nay người Ấn-độ lại yêu-cầu quá đến đòi độc-lập ngay, thì chính-phủ lao-động tất cũng lấy làm khó nghĩ, mà không biết xử-trí ra thế nào.

Cứ hiện-tình ngày nay, thì chính-thể Ấn-độ là lối « hiệp-trị chính-thể » (*dyarchie*), nghĩa là người Anh với người Ấn cùng nhau cai-trị, chính-thể này đã định rõ trong một đạo luật gọi là « Ấn-độ luật-án » (*India act*), quyền hành-chính thì do quan Toàn-quyền Anh cùng với một tòa nội-các chủ-trương, và trong nội-các thì có một phần người Ấn-độ; còn quyền lập-pháp thì do một Tham-chính-viện (*Conseil d'Etat*) và một nghị-viện dân bầu chủ-trương. Trong luật-án lại nói rõ rằng chính-thể hiệp-trị này là chỉ thi-hành trong một kỳ-hạn mười năm, từ 1919 đến 1929, rồi sau sẽ tùy tình-thế mà châm-chước thay đổi. Nguyên sau khi chiến-tranh người Ấn-độ lấy rằng trong khi nước Anh hữu-sự đã có công tham-chiến nên vận-động đòi được quyền chính-trị rộng hơn. Bấy giờ chính-phủ Anh chửa kịp trù-tính, mới tuyên-bố ra luật này để tạm-thời thi-hành trong một kỳ-hạn mười năm, rồi sau sẽ định một cái chính-thể rộng-rãi hơn. Vả ngay tự khi chiến-tranh, hồi năm 1917 nước Anh muốn được lòng người Ấn-độ đã hứa rồi sẽ cho tự-trị. Chính tổng-trưởng bộ Ấn-độ là LORD MONTAGU diễn-thuyết đã nói rằng: « Chính-phủ của Anh hoàng-đế muốn thi-hành một cái chính-sách cho người Ấn-độ càng ngày càng được rộng quyền hiệp-tác trong việc cai-trị bản-

xứ, thuộc về khắp các bộ-phận hành-chính, và lại mở-mang các chế-độ tự-trị, để cho Ấn-độ có ngày lập được thành một cái chính-thể có trách-nhiệm ở trong phạm-vi của Anh-đế-quốc.» Cứ theo như lời tuyên-bố đó thì là Ấn-độ sẽ có một ngày được hoàn-toàn tự-trị.

Vả cứ trong ý nhà làm luật hồi bấy giờ thì cái « Ấn-độ luật-án » chẳng qua là một đạo luật tạm-thời để dự-bị cho Ấn-độ được hoàn-toàn tự-trị vậy. Luật ấy tuyên-bố ngày 23 tháng 12 năm 1919, lại nói rằng đến khi hết cái kỳ-hạn 10 năm đó, thì chính-phủ sẽ cử một hội ủy-viên sang tận nơi để điều-tra xem kết-qủa thế nào, và cho biết ý-kiến các đảng thế nào nên đình thi-hành cái chính-thể hiệp-trị đó, nên thi-hành thêm một kỳ-hạn nữa, hay là nên cho Ấn-độ được tự-trị theo lối *dominion*. Bởi thế nên ngay tự năm 1928, chính-phủ Anh đã cử một hội ủy-viên, toàn chân nghị-viên cả, mà đứng đầu là SIR JOHN SIMON. Ngay mùa xuân năm ấy, các ủy-viên sang Ấn-độ, nhưng vừa tới nơi thì các chính-đảng Ấn-độ biểu-tình phản-đối, lấy cớ rằng trong hội-đồng không có người Ấn-độ nào. Đã có lần ông chánh ủy-viên suýt nữa bị ám-sát: ngày mồng 8 tháng 4 năm 1929 giữa khi SIR JOHN SIMON đến dự một kỳ nghị-viện họp ở *Delhi*, thì có kẻ ném trái phá vào giữa nơi nghị-trường, chính ông không việc gì, nhưng mấy người khác bị trọng-thương.

Tuy-nhiên, các ủy-viên cũng hết sức điều-tra, dò hỏi ý-kiến cả các đảng, một lần thứ nhất không xong, lại sang lần nữa, mãi đến cuối năm 1929 mới về nước để làm tờ phúc-trình cho chính-phủ.

Trong khi ấy thì bên Anh chính-phủ đã thay đổi, nội-các bảo-thủ đã chuyền tay cho nội-các lao-động, thủ-tướng MAC DONALD đã lên thay cho thủ-tướng BALDWIN. Nguyên chủ-nghĩa của đảng lao-động là muốn dần dần giải-phóng cho cả các thuộc-địa. Cho nên nội-các mới lên cầm quyền, đã tuyên-bố cho nước *Irak* được độc-lập (nước *Irak* là một thuộc-địa của Thổ-nhĩ-kỳ cũ, sau khi chiến-tranh hội Vạn-quốc ủy-nhiệm cho nước Anh được cai-trị). Lại đối với Ai-cập *Cygple)* cũng thừa-nhận cho được hoàn-toàn độc-lập, và giúp cho được xin vào hội Vạn-quốc. Vậy đối với Ấn-độ, chắc thủ-tướng MAC DONALD cũng có cái ý-kiến khai-phóng như thế và đảng lao-động tất cũng cũng chung ý-kiến đó. Nhưng ở nghị-viện Anh còn có hai đảng bảo-thủ và tự-do nữa, gần đây hết sức công-kích cái thái-độ của nội-các đối với vấn-đề Ấn-độ. Mà nội-các MAC DONALD sở-dĩ đứng vững được cũng là nhờ ở đảng tự-do phù-trợ cho. Nay nếu thuộc về vấn-đề Ấn-độ đảng tự-do lại phản-đối như thế, thì nội-các chưa dám thi-thố gì vội, sợ có cái nguy bị khuynh-đảo mất.

Trong khi ấy thì người Ấn-độ cứ ngong-ngóng đợi cho hết hạn năm 1929 là sẽ được tự-trị, mà đến hạn chưa thấy gì, dư-luận nổi lên nhao-nhao cả. Toàn-quyền là LORD IRWIN, là một người chính-kiến rộng-rãi lắm, thủy-chung vẫn đồng một ý-kiến với nội-các, vậy mà mới đây cũng suýt bị ám-sát. Xem như thế thì biết sự bạo-động đã quá vậy.

Ngày 29 tháng 12 quốc-gia hội-nghị họp hội-đồng ở *Lahore* công-nhiên yêu-cầu độc-lập, nếu không được thì sẽ đề-chế nước Anh mà thi-hành cái chính-sách bất-hiệp-tác.

Nguyên từ ngày 28 tháng 7 trước, hội-đồng trị-sự của quốc-gia hội-nghị họp ở *Allahabad* đã xét một cái dự-án của ông GANDHI bàn rằng nếu đến cuối năm 1929 mà Ấn-độ không được đổi theo chế-độ *dominion* tự-trị thì xin cổ-động suốt trong nước thi-hành cái chủ-nghĩa

bất-hiệp-tác với nước Anh, duy không dùng cách bạo-động. Ông lại xin các hội-viên quốc gia-hội-nghị có chân các nghị-hội của chính-phủ, hoặc là nghị-hội trung-ương, hoặc là nghị-hội các hàng tỉnh, nên từ-chức hết cả để biểu-tình phản-đối.

Hội-đồng trị-sự định đem lời bàn ấy ra đại-hội-nghị sẽ họp ở *Lahore* về cuối năm để quyết-nghị. Trong khi đợi đại-hội-nghị họp thì ông GANDHI đi *Bombay* để gặp mấy tay lĩnh-tụ phái Hồi-giáo là DJINNAH và hai anh em họ ALI cùng nhau thương-thuyết để hiệp-lực cộng-tác. Mấy người đó đồng lòng với các đại-biểu phái Ấn-độ-giáo mời ông GANDHI nhận chức nghị-trưởng kỳ đại-hội-nghị sau này; nhưng ông không nhận, hoặc vì khiêm-tốn, hoặc vì cớ đau-yếu, và bàn nên mời ông JAWAHARLAL NEHRU ra ứng-cử chức ấy. Ông NEHRU quả được hội-đồng dự-bị họp ở *Lucknow* ngày 29 tháng 8 bầu làm nghị-trưởng.

Song tuy ông NEHRU danh làm nghị-trưởng nghị-hội *Lahore*, mà thực là ông GANDHI làm chủ-động vậy. Cái thanh-thế của ông tuy có giảm đi một độ, mà nay lại rực-rỡ hơn xưa. Thủy-chung ông vẫn giữ cái chủ-nghĩa bất-bạo-động, và những việc xảy ra như ném trái-phá ở *Delhi* ông rất lấy làm bất-bình. Nhưng từ mùa hạ mới rồi, xem ra cái thái-độ của ông có kịch-liệt hơn: ở *Allahabad* thì yêu-cầu cho Ấn-độ được cái chế-độ thuộc-địa tự-trị (*dominion*); ra hội-nghị *Lahore* thì không đòi tự-trị nữa, mà đòi hoàn-toàn độc-lập kia. Lại chính-phủ Anh định năm 1930 họp một hội-nghị vừa người Anh vừa người Ấn để thương-thuyết về vấn-đề Ấn-độ, người Ấn-độ định không phái đại-biểu đi hội-nghị ấy. Lại định phạm các nghị-hội của chính-phủ sẽ để-chế hết, và nếu cần đến thì sẽ cổ-động cho dân không phục-tòng pháp-luật và không nộp thuế nhà-nước.

Vậy thì trung-gian có xảy ra việc gì làm cho người Ấn-độ đổi thái-độ như thế? Có xảy ra một việc như sau này, là ngày 31 tháng 10 Toàn-quyền là LORD IRWIN thay mặt nội-các MACDONALD có tuyên-bố thừa-nhận cho Ấn-độ sẽ được tự-trị, nói rằng: « Cái chế-độ *dominion* là cái kết-quả tự-nhiên của sự cải-cách hiến-pháp ở Ấn-độ. » Lời tuyên-bố đó xuất-hiện ra trước khi hội-đồng ủy-viên SIMON đệ tờ phúc-trình cho chính-phủ, bị các đảng phản-đối chính-phủ ở nghị-viện công-kích dữ lắm, không những các đảng phản-đối, mà trong đảng tán-trợ cũng có nhiều người công-kích nữa. Cuộc thảo-luận ở Nghị-viện đó có ảnh-hưởng sang Ấn-độ sâu-xa lắm. Các lãnh-tụ đảng quốc-gia, lúc đầu xem ra cũng bằng lòng lời tuyên-bố của quan Toàn-quyền, sau liền đổi ý-kiến mà cho cái chế-độ *dominion* là chưa đủ, và lại trở lại cái thuyết cực-đoan mấy năm trước, đòi hoàn-toàn độc-lập, cho sự độc-lập đó là một cái quyền tuyệt-đối của dân Ấn-độ, Nghị-viện Anh không thể không cho hay không cho được. Dân Ấn-độ phải tự mình chiếm-đoạt lấy, tự mình tuyên-bố lấy cái quyền độc-lập đó.

Nay cứ bình-tĩnh mà xét, quyền độc-lập ấy đã chiếm-đoạt được rồi, tuyên-bố lên rồi, thì dân Ấn-độ có đủ tư-cách mà thi-hành cho chánh-đáng không? Người Ấn-độ có thể tự-trị được không? Và tự mình có biết rõ mình sở-nguyện thế nào không? Cứ xem như một điều sau này thì biết nhất-ban dân Ấn-độ không phải cùng một ý-kiến như nhau. Khi hội-đồng ủy-viên SIMON sang điều-tra ở Ấn-độ, thì mỗi tỉnh có đặt một hội-đồng nhỏ để giúp việc. Những hội-đồng địa-phương đó đã làm tờ phúc-trình về cuộc điều-tra trong bản-hạt cho các hội-nghị lập-

pháp hàng tỉnh. Theo lời phúc-trình đó, thì mỗi tỉnh ý-kiến một khác. Có tỉnh thì cho sự cải-cách năm 1919 là đắc-thể lắm, có tỉnh thì lại cho là vô-hiệu. Lại như tỉnh *Bombay* thì xin cho rộng quyền đầu-phiếu xin bỏ các chân nghị-viên do chính-phủ cử, xin bãi cái chính-sách hiệp-trị, dùng cái chế-độ hợp-nhất. Hạt *Bengale* thì lại cho cái chế-độ liên-hiệp là hay hơn, xin cho quyền bầu-cử riêng từng tôn-giáo một. Các tỉnh hợp-nhất (*Provinces-Unies*), thì lại xin theo hiến-pháp như *Canada* có hai Nghị-viện và một tòa Nội-các có trách-nhiệm. Còn Diến-điện (*Birmanie*), thì vì lẽ tài-chính, xin biệt-lập với Ấn-độ, trực thuộc một bộ riêng, sẽ cử một hội-nghị riêng về việc Diến-điện. Ngoại-giả lại còn các « bang » độc-lập, tuy thuộc quyền bảo-hộ nước Anh, nhưng nước nào có quốc-vương nước ấy, vẫn có quyền tự-trị, và xem ra không muốn yêu-cầu cải-cách gì cả.

Xem tình-hình Ấn-độ còn bất-nhất như thế, thì chính-phủ Anh tuy có muốn cho quyền tự-trị, cũng khó lòng thỏa được mọi người. Huống đảng quốc-gia nay lại đòi quá đi mà xin độc-lập kia, thì tuy đảng ấy có thế-lực thật, lại càng làm cho cái tình-thế khó thêm ra. Xem ra chính-phủ Anh cũng lấy làm phân-vân lắm, có lẽ đến phải thi-hành cái điều trong luật-án năm 1919 đã định, là gia thêm một hạn nữa, nghĩa là cứ giữ cái chế-độ hiện-hành trong ít lâu nữa, rồi sau sẽ liệu. Thế là chính-thể Ấn-độ vẫn không thay đổi gì, và cái vấn-đề hiến-pháp vẫn chưa giải-quyết xong. Nếu nhờ được một tòa Nội-các có chính-kiến rộng-rãi như nội-các lao-động mà còn chưa giải-quyết xong, thì sau này gặp nội-các khác có lẽ lại khó hơn.

***

Việc Afghanistan. — Việc *Afghanistan*, từ khi vua AMAN OULLHA muốn cải-cách trong nước, bị bọ thủ-cựu phản-đối, nổi loạn lên, vua phải chạy trốn ra ngoại-quốc, bấy giờ có một tên tướng giặc là BETCHE SACCA thừa-thế nổi lên, chiếm ngôi vua, tự-xưng là HABIB OULLAH. Vua mới đặt ra chính-phủ mới, ngày 23 tháng 8, làm lễ quốc-khánh ở Kinh-đô *Kaboul* rực-rỡ lắm, để mừng chế-độ mới. Nhưng mà chẳng qua là huyễn-diệu cả, tình-thế còn bối-rối, chưa ra thể-thống gì. Cách đấy mấy tuần-lễ, vào trung-tuần tháng 10 thì một tay cừu-địch có thế-lực nhất của HABIB OULLAH là thống-tướng NADIR KHAN, tiến quân vào đánh lấy được Kinh-đô. HABIB OULLAH cố-thủ trong thành, chống lại được ít lâu rồi chạy trốn, sau bị bắt được và bị giam. Thống-tướng NADIR KHAN, chính là chú vua cũ AMAN OULLAH bản-tâm không phải là chiếm lấy ngôi vua, chỉ cốt trị tội kẻ tiếm-nghịch mà thôi ; nhưng bấy giờ đã thắng-trận, được các hào-trưởng cùng giáo-sĩ trong nước họp thành quốc-hội mời lên ngôi, nên cũng phải nhận. Thống-tướng là người có Âu-học, trước đã ở bên Pháp lâu, lại từng làm công-sứ ở *Paris* nữa. Về đường chính-trị thì vua mới cũng muốn cho nước *Afghanistan* cải-cách theo lối mới, và phàm những chế-độ duy-tân của cháu là vua AMAN OULLAH trước đã đặt ra, đều giữ cả, duy về phương-diện tôn-giáo thì muốn giữ-gìn cẩn-thận, không cải-cách gì bạo quá, sợ thất nhân-tâm và khiến cho phái thủ-cựu phản-kháng như đối với AMAN OULLAH vậy. NADIR KHAN là một người có tư-tưởng mới, đối với HABIB OULLAH đã bị bắt và bị giam rồi, cũng muốn dãi khoan-dung, nhưng tục nước bắt phải trị tội những kẻ tiếm-nghịch mà đem ra thất cổ ở trước công-chúng, vậy ngày mồng 2 tháng 11 đã hành-hình tại Kinh-đô. — Thế là

nước *Afghanistan* đã qua được một thời-kỳ rối loạn, có lẽ từ nay được hưởng thái-bình và làm trọn được cái sự-nghiệp duy-tân đã bắt đầu từ mấy năm trước vậy.

Thời-cục nước Tàu. — *Cuộc nội-biến nước Tàu từ khi phái cải-tổ hoạt-động, thì cái phong-trào « phản Tưởng » lại nổi lên ở mấy nơi, nào là phái Quảng-tây phản-kháng, quân Tây-bắc sinh biến, chưa dẹp được yên, thì kế luôn đến quân Trương Phát-Khuê phản-nghịch đánh lên mặt Quảng-đông. Lại tiếp luôn đến Đường Sinh-Trí thông-điện phản Tưởng, chủ-trương đón Uông Tinh-Vệ về, tổ-chức lại chính-phủ quốc-dân. Thấy cái tình-thế nguy-cấp như vậy ai chẳng nguy cho Tưởng, nhưng Tưởng vẫn quyết ra tay đối-phó cho đến cùng. Xem bài tuyên-cáo tướng-sĩ toàn-quốc của Tưởng sau này thì lại càng rõ cái thái-độ của Tưởng vẫn cương-quyết lắm.*

« Lần này tên nghịch Đường Sinh-Trí làm phản đảng-quốc, chống lại trung-ương, thực là một sự không ngờ. Đang lúc quân nghịch còn đợi dẹp yên, tướng sĩ ta đang lúc khổ-chiến, mà tên nghịch Đường dám câu-kết với bọn nghịch kia giở giáo làm loạn, nguy hại đảng-quốc. Nó không những muốn khiến bao nhiêu cái công phấn-đấu của tướng-sĩ ta, thành ra công uổng cả; thậm chí lại muốn cho tướng-sĩ ở mặt trận ta, hãm vào đường cùng, lên lui không được, sự làm cho chúng ta xót ruột đau lòng, còn gì hơn thế nữa. Xét ra tên nghịch Đường Sinh-Trí nó vẫn có lòng ngầm-ngấm muốn đánh đổ chính-phủ trung-ương, vậy những sự châm-chọc, ly-gián, đặt lời nói không, chẳng việc gì là nó không làm, nên ta phải nói để tướng-sĩ biết.

« Chính-phủ Quốc-dân ngày nay là do Tôn tổng-lý phấn-đấu trong 40 năm trời, và hi-sinh bao nhiêu tính-mệnh các tướng-sĩ đồng-chí mới gây nên được chứ không phải dễ-dàng làm nên được đâu. Phương-chi chính-phủ cách-mệnh ta, không như chính-phủ thời-đại quân-phiệt; chính-phủ thời-đại quân-phiệt có thể nhân một tờ thông-điện của bọn võ-nhân trong địa-phương mà giải-thể, chứ chính-phủ cách-mệnh quyết không đến nỗi vì sự làm phản của một hai kẻ võ-nhân mà động lay. Vả chính-phủ cách-mệnh đang lúc nguy-cấp tồn-vong, càng nên đem cái tinh-thần cách-mệnh, làm cuộc phấn-đấu cách-mệnh, dẹp yên quân nghịch, chỉnh-đốn kỷ-cương, mới có thể làm xong được sứ-mệnh. Còn đến như cá-nhân Trung-Chính này, chỉ biết vì đảng chịu trách-nhiệm, vì nước chịu khó nhọc, cho dù cái hoàn-cảnh khốn-nạn đến thế nào, đều không đủ làm động lay cái lòng quả-quyết phấn-đấu của ta, cho dù cái mưu-mô hiểm-ác của chúng nó thế nào, đều không đủ làm thay đổi cái ý-chí phấn-đấu của ta. Nhớ lại khi xưa tên nghịch Trần Quỳnh-Minh làm phản, chỉ còn một chiếc quân-hạm Trung-sơn, Trung-chính này cũng còn theo đòi Tổng-lý, trước sau không dời. Ngày nay cái hoàn-cảnh cách-mệnh đã thuận-lợi, cái thế-lực cách-mệnh đã hùng-hậu, so với trước kia, thực đã hơn nhiều. Trung-Chính này quyết không sợ khó, cầu-thả để lo tự yên lấy mình. Như lúc này mà bỏ cái trách-nhiệm cách-mệnh, để lo sự yên vui cá-nhân, thì còn mặt nào đối với Tổng-lý, mặt nào đối với đảng Quốc, mặt nào đối với những bạn đồng-chí bị thương-vong trong vài năm nay, và hơn ba-mươi vạn tướng-sĩ ở mặt trận. Vậy Trung-chính này đã quyết một lòng là đã đem thân hiến cho đảng Quốc, dù đến khi chỉ còn một hơi thở cũng phấn-đấu cho đến cùng. Còn như việc tên nghịch Đường Sinh-Trí làm phản, thì ta đây đã định sẵn kế-hoạch rồi, chẳng bao lâu sẽ dẹp tan được.»

Quả-nhiên về sau quân Đường Sinh-

Trí tan vỡ, đã biết hối quá quyết xin tuân mệnh bỏ lui. Còn quân Trương Phát-Khuê từ khi bị thua thì lui đến giữ Bình-lạc. Chính-phủ đối với quân Trương thì dùng cả hai cách : tiễu-trừ và yên-vỗ, để nhân-dân Quảng-tây khỏi phải lầm-than.

Hiện Lã Hoán-Viêm ở Quảng-tây lại theo về chính phủ Trung-ương. Mấy vị yếu-nhân trong chính-phủ Trung-ương đều có điện cho ba vị lãnh-tụ quân Quảng-tây là Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy, Hoàng Thiệu-Hùng lập-tức đời Quảng-tây xuất-dương khảo-sát, quân bộ-hạ do Lã Hoán-Viêm chịu trách-nhiệm thu-biên.

Thạch Hữu-Tam thì đã gửi điện xin đầu hàng. Chính-phủ định như sau này :

1º Thạch phải từ chức chủ-tịch A-huy ;

2º Thông điện hối tội ;

3º Ủng-hộ chính-phủ Trung-ương ;

4º Trung-ương cấp cho quân-phí trăm vạn.

Cứ xem như tình-thế hiện-thời thì cái phong-trào nội-biến nước Tàu đã hồ yên-tĩnh, ai nấy cũng đều tin rằng thế-lực Tưởng lại vững-vàng.

Ngày Nguyên-đán Tưởng Giới-Thạch có phát-biểu một bài nói về việc lấy khí-tiết liêm-sỉ làm cái gốc dựng đảng dựng nước. Đại-ý nói lòng người trụy-lạc, thói đời đơn-bạc, cái đức-tính còn sót lại của dân-tộc và cái tinh-thần của Tổng-lý để-xướng, đến bây giờ mỗi ngày mỗi thấy mất đi, khiến phúc hòa-bình không có ngày thực-hiện, họa mất nước không đợi ở kẻ khác xâm-lược và đảng cộng-sản quấy rối. Nếu khí-tiết và liêm-sỉ của nhân-dân ta mà vẫn còn, thì tất có ngày lại nổi lên được vậy.

Diêm Tích-Sơn đã làm lễ tuyên-thệ nhận chức hải lục không quân phó-tổng-tư-lệnh tại tổng-bộ Thái-nguyên, văn-quan từ chức tiến-nhiệm, võ-quan từ chức thiếu-hiệu trở lên đều dự lễ. Ngô Thiết-Thành giám thệ, Thương-Chấn đọc di-chúc, Diêm đọc lời tuyên-thệ, Ngô Thiết-Thành đại-biểu Trung-ương đọc lời huấn-thị. Diêm đọc lời đáp, đại-ý nói Tích-Sơn xin hết sức về hai việc chỉnh-lý việc đảng, thống-nhất toàn-quốc, để báo-đáp đảng Quốc. Lễ xong, các nhân-viên dự lễ đều đứng trước mặt Diêm cúi mình tỏ ý mừng, và mừng việc đến Trịnh-châu đánh quân nghịch được thành-công. Diêm định đến đầu tháng hai này đến Bắc-bình tọa trấn.

Các báo ở Bắc-bình có đăng tin rằng chính-phủ Nam-kinh có điện cho Diêm Tích-Sơn vì muốn cho công việc làm được tiện lợi, phàm việc bổ-dụng hay miễn chức các quan văn võ ở trong cái phạm-vi quân-sự, Diêm có thể hoàn-toàn thay mặt chính-phủ Trung-ương chấp-hành chức-quyền không cần phải trình báo, hết thảy đều có thể lấy quân-lệnh mà phát-biểu vậy.

Trung Nga giao-thiệp. — Thái Vận-Thăng là đại-biểu Trung-quốc sau khi đến Bá-lực cùng đại-biểu Nga ký định bản thảo-ước, vừa rồi cứ tuyên-bố rằng bản thảo-ước chỉ có mười hạng, bên ngoài đồn những điều của nước Nga phát-biểu đều không phải sự thực ; bản thảo-ước chính hiện lưu ở hội chính-vụ Đông-bắc, còn bản phụ đưa đến bộ ngoại-giao, nội-dung như sau này :

1º Đường sắt Trung-đông khôi-phục cái tình-trạng từ tháng bảy năm 1929 trở về trước ;

2º Hai bên đều tha những kiều-dân bị bắt ;

3º Hai bên đều tôn-trọng sự độc-lập về chủ-quyền của nhau ;

4º Hai bên đều khôi-phục một bộ-phận tòa lãnh-sự ;

5º Hai bên khôi-phục những cơ-quan doanh-nghiệp ;

6º Những mệnh-lệnh của tổng-cục đường Trung-đông phát ra từ ngày 11

tháng bảy năm 1929 trở về sau do ban trị-sự mới phân-biệt lấy ;

7° Ngày 25 tháng 1 năm 1930 sẽ mở cuộc hội-nghị chính-thức ở Moscou ;

8° Hai bên dùng người đều nhau, triệt bỏ người Bạch-Nga, bổ dụng thợ Trung-hoa ;

9° Hai bên lập-tức bắt đầu rút quân ;

10° Bản thảo-ước này bắt đầu từ ngày ký chữ sẽ có hiệu-lực.

Sau lại có tin việc hội-nghị Trung Nga vừa rồi không có hiệu-quả gì, và trưng-trị Thái Vận-Thăng về lỗi tàng-quyền, lại xin giục Mạc Đức-Huệ đến kinh để bàn cách bổ-cứu. Nhưng Mạc vì thấy giao-thiệp có nhiều nỗi khó khăn, nên đã điện đến Nam-kinh xin từ chức.

Lãnh-sự-đoàn ở Cáp-nhĩ-tân được tin báo rằng cái dã-tâm của nước Nga vẫn hăng, một mặt thu-phục cái trạng-thái việc chiến-tranh đường Trung-đông, một mặt đem máy bay và súng lớn để dự-bị, lại hạ lệnh cho một phần quân lính hãy hoãn giải-tán. Các nước đều chú-ý lắm, điện cho các lãnh-sự ở Cap-nhĩ-tân phải tùy-thời báo-cáo cách hành-động của nước Nga.

Lời tuyên-ngôn bỏ quyền lãnh-sự tài-phán.—*Vương Chính-Đình có phát-biểu lời tuyên-ngôn, nhắc lại bắt-đầu ngày nguyên-đán triệt-bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, khôi-phục chủ-quyền của trung-quốc, lời tuyên-ngôn đại-ý nói rằng : Cái vấn-đề người ngoài được hưởng quyền lãnh-sự tài-phán ở Trung-hoa, không phải là cái vấn-đề ngoại-giao lâm-thường. Vì vấn-đề ấy đối với sự sinh-hoạt của nhân-dân Trung-quốc, có quan-hệ một cách rất mật-thiết, cho nên chính-phủ Trung-quốc nhận vấn-đề ấy là vấn-đề nội-chính tất cần phải giải-quyết. Chính-phủ Trung-quốc vì muốn lập vững cái chủ-quyền hoàn-toàn của Trung-quốc, nên không được đừng mà phải tuyên-bố triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán của người ngoài ở Trung-hoa vào ngày mồng một tháng giêng năm Dân-quốc thứ 19 này. Chính-phủ Trung quốc sớm đã được chính-phủ các nước có quan-hệ biểu đồng-tình và bằng lòng bỏ đi rồi, cho nên tin chắc rằng Trung-quốc cùng các nước có quan-hệ đối với việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, về nguyên-tắc không còn có cái ý-kiến gì trái nhau. Vậy các nước bạn đối với cái kế-hoạch của Trung-quốc dự-bị để triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, có ý-kiến gì, Trung-quốc xin ở trong một cái thời-kỳ tương-đương cùng nhau xem xét kỹ-càng. Đạo mệnh-lệnh triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán của chính-phủ Trung-quốc phát-biểu ra, thực là cái bước thứ nhất trừ bỏ những sự rắc-rối của người Trung-hoa và người ngoại-quốc bấy lâu, cùng thời lại có thể tăng-tiến cái tình quan-hệ bạn-bè của hai bên vậy.*

Sau khi đã tuyên-ngôn triệt bỏ rồi, nước Nhật nước Pháp còn hết sức ngăn trở, và dự-bị kháng-nghị. Nước Mĩ cũng hơi ra ý như thế, sẽ phúc đáp Trung-hoa là chỉ bằng lòng chia kỳ triệt bỏ. Chính-phủ nước Ý có điện cho công-sứ ở Bắc-bình, sai gửi điện đến Nam-kinh, nói rõ cái quyền lãnh-sự tài-phán của người Ý được hưởng ở Trung-hoa vẫn cứ theo điều-ước Trung-Ý năm ngoái mà thi-hành. Nếu như vậy thì việc bỏ quyền lãnh-sự tài-phán cũng còn có trở-lực.

Việc thu-hồi tô-giới Bỉ ở Thiên-tân.—*Tô-giới nước Bỉ ở Thiên-tân định đến hạ-tuần tháng hai sẽ thực-hành giao trả. Công-sứ Bỉ đã điện cho chính-phủ Trung-hoa xin phái-viên tiếp-nhận.*

Việc tô-giới Uy-hải-vệ. — *Nước Anh tuyên-bố rằng kể từ ngày mồng 1 tháng 4 sẽ trả tô-giới Uy-hải-vệ.*

Việc trong nước

Vấn-đề định giá bạc Đông-dương. — *Giá bạc Đông-dương đối với tiền phật-lăng Pháp gần đây lên xuống bất-thường, có khi lên đến 14, 15 quan, có khi xuống đến dưới 10 quan. Sự bấp-bông đó rất là bất-tiện cho các nhà công-thương Pháp, và gián-tiếp bất-tiện cho sự buôn-bán sinh-hoạt của người bản-xứ nữa. Bởi thế mới khởi ra cái vấn-đề định cho đồng bạc Đông-dương một cái quan-giá nhất-định* (stabilisation de la piastre).

Giá đồng bạc Đông-dương sở-dĩ lên xuống bất-thường là bởi giá bạc nén trong thế-giới mỗi lúc một khác. Mỗi đồng bạc nặng là 27 « gam », và có 9 trăm phần nghìn (900/1000) bạc lõi, nghĩa là 24 « gam » 3. Giá đồng bạc tính ra phật-lăng, tức là giá 24 « gam » 3 bạc lõi theo thị-giá bạc nén ở Londres *và thị-giá tiền* sterling *ở* Paris, *tính thêm tiền công đúc nữa. Giá bạc nén thay đổi luôn ; thành ra giá đồng bạc cũng thay đổi luôn. Đồng tiền bản-vị trong một xứ mà không có giá nhất-định như thế thì bất-tiện quá. Nên cần phải định một giá nhất-định cho khỏi bấp-bông. Duy khó là định giá nào ? Nếu định cao quá thì công-khố Nhà-nước phải bù vào chỗ thừa ; nếu định thấp quá thì thiệt cho các nhà công-thương, tức là hại cho sự giao-dịch buôn-bán. Thành ra Chính-phủ phân-vân cứ do-dự mãi đến mười năm nay rồi chưa quyết-định. Nay giá bạc nén xuống quá, và rồi mỗi ngày còn một xuống nữa, không thể trì-hoãn được nữa. Chính-phủ phải định giá nhất-định mỗi đồng bạc là 10 phật-lăng, lấy số chẵn cho tiện. Hiện chưa có luật công-nhiên định giá ấy là công-giá nhất-định, nhưng cứ thực-tế thì đã công-nhận giá 10 quan là giá nhất-định rồi, còn luật thì sau này mới tuyên-bố, là có ý muốn châm-chước cho thời-giá không chênh nhau quá mới dám quyết vậy.*

Hoặc có người nói giá 10 quan này là hạ quá, giá bạc nhất-thời có xuống dưới 10 quan, nhưng rồi còn lên, chứ không phải xuống mãi, giá định vào số 12 quan, 12 quan 50 thì phải. Song đó toán là sự ước-lượng về tương-lai cả, không lấy đâu làm bằng-cứ. Hiện nay thì thời-giá sâm-si trên dưới 10 quan, định vào 10 quan là vừa phải, và lại là số chẵn, tiện cho việc tính-toán.

Giá gạo ở Bắc-kỳ. — *Gạo ở Bắc-kỳ độ rày kém lắm. Mùa tháng 10 không được tốt ; trước ước có lẽ thừa được 75 000 tấn để xuất-cảng, mà sau tính ra kém mất 100.000 tấn. Bởi thế nên giá gạo tăng lên nhiều : gạo tốt một tạ (100 cân tây) là 18 đồng ; gạo thường là 13, 14 đồng. Có lẽ còn lên nữa, vì trời ít mưa, đồng cạn-hán, không có nước mà làm, mùa tháng năm này cũng đáng lo. Bọn Khách cán gạo xem chừng biết trước, buôn trữ nhiều lắm, để sau này bán lấy giá đắt.*

Một tờ báo tây ở Hà-nội bàn rằng muốn bổ-cứu cho cái tình-cảnh eo-hẹp trong dân-gian đó, thời có hai phương-pháp : một là nghị-định cấm xuất-cảng gạo Bắc-kỳ (1) ; *hai là mở một cái « Mễ-cốc-cục »* (Office du Riz), *không phải để nghiên-cứu cách cải lương nghề cấy-cấy như « Mễ-cốc tổng-cục » của phủ Toàn-quyền định lập ở Sài-gòn đâu, nhưng để mua trữ thóc gạo, phòng năm đói kém bán lại cho dân, để giữ những kẻ đầu-cơ trục-lợi không tự-ý tăng giá lên được.*

(1) Mới có nghị-định cấm gạo Bắc-kỳ không được xuất-cảng ra ngoài và cũng không được chở đi các xứ khác trong cõi Đông-dương.

Mong rằng hai điều đó Chính-phủ sẽ chú-ý xét, nếu có thể thi-hành được thì dân được nhờ lắm.

Bằng tú-tài bản-xứ. — *Mới đây có sắc-lệnh quan Giám-quốc chuẩn-nhận cho những người có bằng tú-tài bản-xứ được vào học các trường Đại-học và các trường chuyên-môn Pháp; duy về y-học thì khi tốt-nghiệp đỗ y-sĩ không được làm nghề thầy thuốc ở Pháp. Tuy còn có điều hạn-chế đặc-biệt đó, nhưng thế cũng là công-nhận cho bằng tú-tài bản-xứ được gần ngang với bằng tú-tài Pháp vậy.*

Việc khởi-loạn ở Yên-bái. — *Đêm ngày mồng 9 rạng mồng 10 tháng 2 tây ở Yên-bái có xảy ra một việc khởi-loạn, do một bọn cách-mệnh thuộc về đảng cộng-sản thông-đồng với một ít số lính tập vào cướp đồn trại, giết và đánh bị thương mất 10 vị quân-quan và cai-đội Pháp; đến sáng thì quân Nhà-nước đánh lấy lại được ngay. Đồng-thời lại một bọn cách-mệnh nữa đến đốt phá phủ Lâm-thao thuộc Phú-thọ, và định cướp đồn khố-xanh Hưng-hóa; nhưng quân Nhà-nước đánh được tan ngay. Ở Hà-nội thì giữa ngày mồng 10 có kẻ bắn súng lục vào người cảnh sát Tây bị thương, và tối hôm ấy lại ném mấy quả trái-phá vào một vài nơi, nhưng không có tổn-hại gì cả. — Cách đấy mấy hôm, bọn nghịch lại khởi-loạn ở miền Vĩnh-bảo (Hải-dương) và Phụ-dực (Thái-bình), ông huyện Vĩnh-bảo Hoàng Gia-Mô bị giết.*

Việc quan-hệ đến cuộc trị-an, quan Toàn-quyền và quan Thông-sứ nhất-diện cùng với quan Đại-tướng Thống-đốc quân-vụ đặt cách nghiêm-phòng mọi nơi và phái quân đi càn, nhất-diện lập hội-đồng Đề-hình do quan thanh-tra Poullet-Osier *chủ-trương để xét-xử những kẻ bắt được.*

Trong dân-gian vẫn yên-ổn như thường. Duy ai nấy đều lấy làm ngao-ngán về sự bạo-động vô-ý-thức của một bọn phiến-nghịch, khiến cho cuộc trị-an bị nhiễu loạn, chính-phủ phải ra tay đàn-áp trừng-trị, và công-nghiệp khai-hóa sau này không khỏi có phần trở-ngại. Dân An-nam từ kẻ thượng-lưu đến người bình-dân, chỉ ước-ao được yên-ổn làm ăn, tuần-tự tiến-hóa, biết rằng phàm bạo-động chỉ có tai-hại, gây ra những thảm-kịch lưu-huyết, cho nên đối với những việc xảy ra vừa rồi, hết thảy đều lấy làm ngậm-ngùi đau đớn vô-cùng.

Sách mới

Bản-chí tiếp được những sách mới sau này, xin vui lòng giới-thiệu:

1) Pháp-tự khúc-ca. (*Sách học tiếng một chữ Pháp, có dịch nghĩa quốc-ngữ đặt có vần nhịp cho dễ đọc dễ nhớ, cả thảy hơn hai ngàn tiếng thông-dụng.*) — *Xuất-bản tại nhà in Qui-nhơn (Trung-kỳ), giá 0p17 (tính cả tiền cước).*

2) Tìm của báu. *Tiểu-thuyết.* Jacque Lê Văn-Đức *soạn.* — *Xuất-bản tại nhà in Qui-nhơn (Trung-kỳ). Sách dày 188 trang. Giá 0p.41 (cả tiền cước).*

3) La Légende de Ba-Đế (*Sự-tích Bà-Đế, có đền thờ ở Đồ-sơn.* Do Paul Munier *soạn bằng pháp-văn theo lối đoản-thiên tiểu-thuyết. Đã có làm ra « phim » ảnh chớp ở Hà-nội).* — *Sách hiệu I. D. E. O. (Viễn đông ấn-quán) in kiểu mĩ-thuật, chỉ có 175 quyển, giá mỗi quyển 2 đồng.*

Nam-Phong tùng-thư

Mới xuất-bản: Lịch-sử vạn-quốc, *của Phạm Quỳnh soạn. Tóm-tắt cả các việc lớn trong lịch-sử cổ-kim Đông-Tây. Sách cần dùng cho các nhà tri-thức muốn thiệp-liệp về lịch-sử vạn-quốc. — Đông-kinh-ấn-quán xuất-bản, giá 4 hào. (Tiền cước ngoài).*

Xuất-bản trước: 1, Văn-minh luận; — 2, Ba tháng ở Paris; — 3, Văn-học nước Pháp; — 4, L'idéal du sage; — 5, Chính-trị nước Pháp, 2 quyển; — 6, Khảo về tiểu-thuyết.